VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Nguyễn Trọng Khôi

số 83 . tháng 3 năm 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

VĂN HỌC

số 83 tháng 3 năm 1993

TRONG SỐ NÀY

NHẬN ĐỊNH - BIÊN KHẢO

Aleksandr Solzhenitsyn *Lòng sùng chuộng cách tân đã*
Lê Thọ Giáo dịch *hủy hoại thế kỷ này như thế nào* 3
Nguyễn Mộng Giác *Ngày xuân đọc báo* 9
Mai Kim Ngọc *Lại về cuốn "ánh trăng", giải thưởng truyện ngắn báo văn nghệ 1991* 20
Nguyễn Khắc Xuyên *Kỷ niệm 400 năm sinh nhật Đắc Lộ* 24
Đông Nguyên *Thi sĩ Quách Tấn và thơ Đường* 35

SÁNG TÁC

Khoa Hữu *Sài Gòn sau một thập niên, thơ* 45
Buổi sáng trong sân trại giam, thơ 46
Mừng bạn tù được tha về, thơ 46
Về qua chiến trường cũ, thơ 47
Võ Đình *Chuyện cây bàng, tùy bút* 48
Duy Lam *Tôi viết văn, hồi ký* 51
Thế Uyên *Không ơn thiên sủng, truyện ngắn* 63
Cao Xuân Tứ *Vàng, thơ* 76
Triều Hoa Đại *Thơ mưa, thơ* 77
Dương Như Nguyện *Những cố quan tài của Tĩnh Tâm, truyện ngắn* 78
Vạn Giả *Một đoạn trăm năm, thơ* 84
Hoàng Chính *Phiên tòa, truyện ngắn* 85

Trần Hồng Châu *Đêm hội vườn đào lý, thơ* 99
Trần Long Hồ *Người mía lân, truyện ngắn* 101
Nguyễn Thanh Hùng *Đạp xe về nhà, thơ* 117
Thường Quán *Tưởng niệm Quách Tấn, thơ* 118
Mai Kim Ngọc *Chị em, truyện dài* 119

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN
Ghi nhận đó đây 123
Hộp thư Văn Học 127

Tranh bìa: Nguyễn Trọng Khôi

ALEKSANDR SOLZHENITSYN
LÊ THỌ GIÁO dịch

lòng sùng chuộng cách tân đã huỷ hoại thế kỷ này như thế nào

Lời tòa soạn: *Văn hào Aleksandr Solzhenitsyn được Câu lạc bộ Nghệ thuật Quốc gia (National Arts Club) trao tặng huy chương danh dự về văn chương tháng giêng vừa qua tại thành phố New York. Bà Natalya Solzhenitsyn đã nhận huy chương thay chồng, và con trai của ông, Ignat đã thay ông đọc bài diễn văn nhân dịp này. Sau đây là bản văn do hai con trai Ignat và Stephen dịch ra tiếng Anh. Bài này được đăng lại trong* The New York Times Book Review *ngày 7-2-1993.* Văn Học *xin giới thiệu cùng bạn đọc.*

Từ lâu, có một điều ai cũng cho là đúng: văn tức là người (le style est l'homme). Điều này có nghĩa là mỗi sáng tạo nghệ thuật của một nhạc sĩ tài ba, một họa sĩ nổi tiếng hay một nhà văn lừng danh được hình thành bằng một tổng hợp vô cùng độc đáo của cá tính, khả năng sáng tạo, kinh nghiệm sống cá nhân cũng như quốc gia của người nghệ sĩ. Và bởi vì một sự tổng hợp độc đáo như thế không thể nào lập lại được, cho nên nghệ thuật (ở đây tôi sẽ nói nhiều về văn chương) đã có một sắc thái thiên hình vạn trạng qua các thời đại cũng như giữa các dân tộc. Hầu như đã không có một sự giới hạn nào về sự xuất hiện của nhiều tài năng mới và sáng chói. Tuy nhiên, không có ai phủ nhận những công trình sáng tạo của những người đi trước, cho dù họ có sống cách nhau 500 năm hay 2000 năm. Không ai ngăn chúng ta tìm kiếm một cách liên tục, không bao giờ ngừng nghỉ điều gì mới lạ, tươi mát, nhưng cũng không vì thế mà gạt bỏ ra khỏi ký ức chúng ta những sáng tạo nghệ thuật đã có từ trước.

Không có một sáng tạo nghệ thuật mới nào xuất hiện (dù ý thức hay vô thức) mà không có một sự liên hệ hữu cơ với những gì đã được sáng tạo từ

trước. Nhưng lại càng đúng khi bảo rằng một đầu óc bảo thủ lành mạnh bao giờ cũng uyển chuyển, về mặt sáng tạo cũng như về cảm quan, nhạy cảm một cách đồng đều trước cái cũ và cái mới, trước những truyền thống đáng kính và xứng đáng, cũng như bén nhạy trước sự tự do khám phá, mà nếu không có sự tự do đó, tương lai sẽ không bao giờ có được. Cùng lúc, người nghệ sĩ không nên quên rằng sự tự do trong sáng tạo cũng rất nguy hiểm, bởi vì nếu người nghệ sĩ càng ít ép mình vào những giới hạn sáng tác, ông ta sẽ khó thành công về mặt nghệ thuật. Thiếu hẳn một sức mạnh có tính tổ chức và có tinh thần trách nhiệm sẽ làm hỏng cơ cấu của công trình nghệ thuật, ý nghĩa và giá trị tối hậu của một nghệ phẩm.

Mỗi thời đại và mỗi hình thái sáng tạo đều mang ơn những nghệ sĩ tài ba mà những nhọc nhằn của họ đã tạo ra những ý nghĩa mới, những nhịp điệu mới. Nhưng trong thế kỷ 20 này, sự cân bằng cần thiết giữa truyền thống và sự tìm kiếm cái mới đã bị phong trào cách tân (avant-gardism), một phong trào đã bị hiểu sai ý nghĩa, làm đảo lộn – đây là chủ trương cách tân một cách ồn ào và cách tân với bất cứ giá nào. Xuất hiện vào những năm trước Thế chiến thứ nhất, phong trào này nhằm đả phá toàn bộ hình thái nghệ thuật đã được chấp nhận. Hình thức, ngôn ngữ, yếu tính, thành phần, trong sự thôi thúc xây dựng một thứ "siêu nghệ thuật", mà họ cho rằng tự nó sẽ tạo ra một Cuộc đời mới. Có người đã đề nghị là văn chương phải được làm lại từ đầu, như thử bắt đầu từ một trang giấy trắng. (Sự thật thì ít ai trong bọn họ vượt qua khỏi giai đoạn này). Hủy hoại, vì thế đã trở thành chủ tâm của phong trào cách tân khuynh đảo này. Mục tiêu là hủy diệt toàn bộ những truyền thống văn hóa đã có từ nhiều thế kỷ, bẻ gãy và ngăn chặn tiến trình sáng tạo tự nhiên bằng một bước nhảy vọt về phía trước một cách bất ngờ. Để đạt được mục tiêu này, người ta đã tìm kiếm vô vọng những hình thái nghệ thuật mới như là một cứu cánh, trong khi đó lại hạ thấp tiêu chuẩn nghệ thuật xuống đến mức thô kệch, có lúc kèm theo một ý nghĩa quá tối ám để rồi không ai còn hiểu nổi.

Người ta có thể giải thích rằng những thôi thúc đổi mới thô bạo này chỉ là sản phẩm của tham vọng cá nhân, nếu không có những gì đã xảy ra ở nước Nga (tôi xin lỗi quý vị có mặt hôm nay khi tôi nói phần lớn về nước Nga, nhưng trong thời đại của chúng ta, không ai có thể gạt ra ngoài những kinh nghiệm khó khăn dai dẳng của nước tôi). Ở Nga, những thôi thúc và biểu dương chủ trương này đã đi trước, và báo trước một cuộc cách mạng tàn phá nhất về mặt vật chất trong thế kỷ 20. Trước khi những hành động phá bỏ xảy ra trên các đường phố Petrograd, cuộc cách mạng có tính cách xúc tác này đã xảy ra trên những trang giấy của các tạp chí văn học và nghệ thuật của nhóm người Bô-hê-miên sống trong thủ đô. Chính ở đó chúng ta đã nghe thấy lần đầu tiên những sự chê bai nhức nhối toàn bộ lối sống Nga và Âu châu, lời kêu gọi quét sạch những điều luật tôn giáo và đạo đức, kêu gọi xé nát, phá bỏ hay giẫm đạp nền văn hóa cổ truyền đang có, cùng với những lời

tự tán dương của những người cách tân tuyệt vọng, những kẻ cách tân mà chính họ đã không sáng tạo được gì đáng nói. Một số kêu gọi xóa bỏ hết những tác phẩm của Racine, Murillo và Rapheal, để cho "viên đạn đồng có thể dội lại từ các bức tường của các viện bảo tàng". Còn nền văn học cổ điển Nga, họ cho là phải được "vứt xuống biển từ thành những con tàu của hiện đại". Lịch sử văn hóa phải được làm lại từ đầu. Lời kêu gào là "tiến lên, tiến lên", trong khi những tác giả của lời kêu gào đó đã tự gán cho mình là những người nhìn về tương lai, như thử họ đang giẫm lên rồi bước hẳn qua bên kia hiện tại, và ban bố cho chúng ta một nền nghệ thuật chân chính của Tương lai vậy.

Nhưng vừa khi cách mạng bùng nổ trên đường phố, những người tự nhận là hướng về tương lai kia, những người mà mới đây, trong bản tuyên ngôn nhan đề là "Một cái tát vào mặt sự thưởng ngoạn công cộng" đã rao giảng một sự căm hận khôn nguôi đối với "ngôn ngữ đương thời", chính những người hướng về tương lai này đã đổi tên thành "Tả phái", và bây giờ tham gia cách mạng cũng từ phía cực tả. Như vậy, rõ ràng là những lời hô hào cách tân của họ không chỉ là bọt bèo trong văn giới, mà bây giờ đã thật sự hiện thân ngoài đời. Xa hơn cái tham vọng lật đổ toàn bộ nền văn hóa, họ còn nhắm mục tiêu bật rễ ngay chính cả cuộc sống. Và khi đảng Cộng sản nắm hết quyền hành trong tay (lời kêu gọi đấu tranh của họ là phá nát thế giới hiện hữu này đến tận nguồn cội để xây dựng một cuộc đời mới đẹp-nhưng-chưa-ai-biết thay vào đó, cùng lúc với một sự bạo tàn vô giới hạn), không những họ đã giúp phô trương và gây thanh thế cho những người chủ trương cách tân này như là những đồng minh trung kiên, mà còn cho họ quyền lực điều hành đời sống văn hóa.

Cho rằng những sự điên cuồng của cái giả vờ là cách tân này hay quyền lực của họ đối với văn hóa đã không kéo dài được bao lâu, nhưng những nền văn hóa trên thế giới cũng đã trải qua một cơn hôn mê. Ở Liên bang Sô viết, chúng tôi đã âu sầu ủ rũ lê lết qua một thời băng giá 70 năm, và dưới lớp băng nặng nề bao phủ đó, phải nhọc nhằn lắm mới nhận ra được nhịp tim của một số nhà thơ và nhà văn lớn. Những người này hầu như cả nước Nga không ai biết, chứ chưa nói đến thế giới, mãi cho đến gần đây mà thôi. Cùng với sự hóa cốt của chế độ chuyên chính Sô viết, kèm theo sự hóa cốt của nền văn hóa nửa vời và phì nộn của họ, để rồi trở thành hình thái đáng tởm của cái gọi là "hiện thực xã hội". Đã có một số ít hồ hởi bỏ công viết những bài phân tích bản chất và ý nghĩa của hiện tượng này. Tôi chẳng bao giờ viết về hiện thực xã hội, cho dù chỉ viết một bài, bởi vì nó hoàn toàn không nằm trong phạm vi nghệ thuật: đối tượng nghiên cứu, bút pháp của "hiện thực xã hội" là cái không bao giờ hiện hữu. Không cần phải là một chuyên gia, ai cũng biết rằng nó chỉ có tính phục vụ, một lối sáng tạo được quy kết về vấn đề như là "Bạn mong có cái gì?", hay "Viết những gì đảng ra lệnh". Làm gì có chuyện phân tích uyên bác ở đây?

Và bây giờ, sau khi đã sống qua 70 năm chết người này bên trong vỏ sắt của Cộng sản, chúng tôi đang bò ra, bán sống bán chết. Một thời đại mới đã thật sự bắt đầu, cho nước Nga và cho toàn thế giới. Nước Nga đã bị tàn phá và bị hại độc; dân tộc Nga đang trải qua một thời kỳ ê chề chưa từng có trong lịch sử, và đang trên bờ của sự hủy diệt vật chất, ngay cả sự hủy diệt sinh học. Trong điều kiện hiện tại của quốc gia, và khi những vết thương của nhiều năm qua bỗng nhiên mưng mủ làm độc, văn chương phải ngưng nghỉ cũng là một điều dương nhiên. Những tiếng nói đã phát sinh ra một nền văn học cho quốc gia cần thời gian trước khi cất tiếng trở lại một lần nữa.

Tuy nhiên, đã có một vài nhà văn xuất hiện, phấn khởi trước sự hủy bỏ chế độ kiểm duyệt và sự tự do sáng tác vô giới hạn mới có theo một nghĩa: tự cho mình một sự tự do phát biểu không còn bị cấm đoán. Điểm chính là sự diễn tả những cảm quan của mình về bối cảnh sống, nhưng thường hay bỏ quên những sai trái và những vết thương của xã hội, và thường với một con tim rỗng tuếch, bộc lộ cá tính của một tác giả mà không hề nghĩ xem là cá tính đó có gì đáng nhắc đến hay không, diễn tả cá tính mà không hề nghĩ đến trách nhiệm đối với nền đạo lý của công chúng, và nhất là đối với tâm thức của giới trẻ, và nhiều khi còn dày đặc những ngôn từ thông tục mà hàng trăm năm nay không ai nghĩ là có thể in lên giấy, nhưng bây giờ hình như đã trở thành thời trang.

Sự rối loạn tinh thần của 70 năm sống trong chế độ độc tài áp bức là một điều rất dễ hiểu. Cảm quan nghệ thuật của giới trẻ như trải qua một cơn động kinh, sỉ nhục, thù hằn, thiếu sinh khí. Họ không thể tìm thấy cho mình một sức mạnh đủ để chống cự và bác bỏ giáo điều Sô viết trong quá khứ, nhiều cây bút trẻ ngày nay đã chấp nhận một con đường dễ đi hơn của chủ thuyết tương đối bi quan. Vâng, họ bảo chủ thuyết Cộng sản là những lời dối trá, nhưng xét cho cùng chân lý tuyệt đối chẳng bao giờ có, vậy thì tìm kiếm làm gì cho mất công. Họ cũng cho việc tìm kiếm một ý nghĩa cao xa cũng chỉ là một việc không đáng làm.

Và vì thế, qua một cơn bất mãn, họ đã chối bỏ hết nền văn học cổ điển Nga "một nền văn học chưa bao giờ từ chối sự thật và khước từ thực tại", và cho đó là một mớ giấy lộn. Phỉ báng quá khứ được xem như là chìa khóa của tiến bộ. Và vì thế, lại một lần nữa, ở Nga người ta cho là thời thượng khi họ nhạo báng, chối bỏ, vứt qua thành tàu những tác phẩm lớn của văn học Nga, những tác phẩm dào dạt yêu thương và đầy lòng bác ái đối với nhân loại, nhất là đối với những người đã trải qua những cơn khổ đau. Và để cho sự chối bỏ này được dễ dàng hơn, người ta chủ trương rằng cái văn học hiện thực xã hội có tính phục vụ và vô sinh kia là một sự nối tiếp hữu cơ của nền văn học Nga chính thống và đầy sinh khí.

Như thế, liên tiếp qua nhiều ngưỡng cửa khác nhau của lịch sử, chúng ta chứng kiến sự tái xuất hiện của cùng một hiện tượng phản văn hóa, kèm theo sự chối bỏ và khinh nhờn các truyền thống đã có, và với một sự thù nghịch

bắt buộc phải xảy ra đối với những gì đã được chấp nhận một cách phổ quát: những sự phá bỏ này giống trống khua chiêng dưới ngọn cờ lòe loẹt của "chủ nghĩa tương lai", mà ngày nay người ta lại dùng tên gọi "hậu hiện đại". (Cho dù từ này có ý nghĩa gì đi chăng nữa, thì ngay sự kết từ của nó đã có một điều không ổn: một người không thể sống và suy nghĩ sau thời đại mà họ sống được).

Đối với một người hậu hiện đại, cuộc đời không có những giá trị có tính hiện thực. Họ còn dùng một cách nói để chỉ hiện tượng này, "Cuộc đời chỉ là một bản văn", như cuộc đời chỉ là thứ yếu, như bản văn của một tác giả, trong đó mối quan tâm chính vẫn là tác giả và sự liên hệ của tác giả với tác phẩm, hay nội quan của chính tác giả đó. Văn hóa, hiểu theo nghĩa này, cần phải được quay hướng về chính bên trong văn hóa (vì vậy tại sao đã có những tác phẩm đầy dẫy những hồi tưởng, đến độ nhạt nhẽo), chỉ có văn hóa không thôi là có giá trị và có thực. Cũng vì lý do này mà quan niệm về kịch tính đã được gán cho một tầm quan trọng cao – không phải là một sự nô nức của Mozart trước một vũ trụ chan hòa niềm vui, nhưng mà là một sức mạnh đánh lên những dây đàn của sự trống rỗng, nơi mà tác giả không có một trách nhiệm gì đối với bất cứ ai. Sự từ chối của bất kỳ một hay tất cả các lý tưởng đều được cho là hành động can đảm. Và cũng trong sự tự lừa mình này, phong trào hậu hiện đại cho mình là đỉnh cao của những nền văn hóa cũ, là móc xích cuối cùng trong sợi xích. (Đây cũng chỉ là một hy vọng hão huyền, bởi vì cũng đã có nói đến sự phát sinh của một "chủ thuyết khái niệm", một từ chưa được định nghĩa một cách chính xác về sự liên hệ của nó với nghệ thuật, và chắc chắn rồi cũng sẽ có những cố gắng thực hiện. Và rồi cũng có thêm cái gọi là hậu cách tân (post avant-gardism), và càng không ngạc nhiên khi thấy những phong trào "hậu hậu hiện đại", hay "hậu tương lai" xuất hiện). Chúng ta chỉ thấy thương hại cho những tìm kiếm không ngừng này, nhưng đó chỉ là lòng thương hại một kẻ bệnh hoạn. Ngay tự những tiền đề của chúng, sự tìm kiếm đó đã được dành cho một số phận thứ yếu, có khi còn tụt xuống cả bậc ba, và sẽ không có một đời sống cũng như sẽ không có một tương lai.

Nhưng chúng ta hãy chuyển hướng nhìn qua cái sự luân lưu phức tạp của tiến trình này. Dù rằng thế kỷ 20 đã là chứng nhân cho sự khổ đau chua xót của nhiều dân tộc dưới ách thống trị của chế độ Cộng sản, toàn thế giới đang sống qua một thế kỷ có nhiều ốm đau tinh thần, và từ đó sản sinh ra một thứ bệnh tật trong văn chương. Và cũng đã có một phong trào hậu hiện đại tương tự như thế xảy ra ở các quốc gia Tây phương, tuy với những lý do khác.

Ở vào lúc mà những lợi ích vật chất của nền văn minh và với mức sống ngày càng lên cao, phương Tây cũng đang trải qua một thời kỳ mà luân lý và đạo đức suy đồi. Lằn ranh đạo lý của đời sống tinh thần đã trở nên mờ nhạt, và với một số ít nghệ sĩ lạc lõng, thế giới đã trở nên vô nghĩa, và chỉ còn là sự tụ kết hỗn tạp phi lý của những mảnh vụn mà thôi.

Vâng, nền văn hóa toàn thế giới ngày nay đang khủng hoảng, một sự khủng hoảng vô cùng trầm trọng. Chiều hướng mới của nghệ thuật là tìm cách vượt qua cơn khủng hoảng này bằng con ngựa gỗ của những sách lược xảo trá, đặt căn bản trên giả định là nếu người ta phát minh ra được những phương pháp mới khéo léo hơn thì cơn khủng hoảng đó sẽ xem như là không bao giờ xảy ra. Thật là hy vọng hão! Không có một sáng tạo nào có giá trị nếu được xây dựng trên sự chối bỏ những ý nghĩa cao xa và dựa trên một cái nhìn tương đối về quan niệm và văn hóa như một tổng thể. Thật ra, còn có một hiện tượng khác lớn hơn hiện tượng có liên quan đến nghệ thuật đang lấp lánh ở bên dưới bề mặt, không phải lấp lánh với ánh sáng của nó, nhưng với một ngọn lửa đỏ rùng rợn.

Nhìn kỹ hơn, chúng ta có thể thấy đằng sau những sự thử nghiệm chối bỏ truyền thống "cổ hủ" xem ra có vẻ thơ ngây này còn có sự thù nghịch sâu đậm đối với bất cứ giá trị tinh thần nào. Sự sùng bái không ngừng nghỉ của cách tân này, (với khẳng định nghệ thuật không cần phải hay, tốt hay thuần khiết, chỉ cần mới, mới hơn, mới hơn nữa) che giấu một chủ mưu không chịu nhường bước và dai dẳng nhằm phá bĩnh, nhạo báng và bật rễ tất cả những huấn giới đạo lý. Không có Thượng đế, không có chân lý, vũ trụ hỗn mang, tất cả đều tương đối, "cuộc đời chỉ là một bản văn", một bản văn mà bất cứ một nhà văn hậu hiện đại nào cũng muốn sáng tác. Thật inh ỏi, nhưng cũng thật vô vọng.

Đã qua nhiều thập niên kỷ, văn chương thế giới, âm nhạc, hội họa và điêu khắc đã cho thấy một khuynh hướng bướng bỉnh không chịu phát triển theo chiều cao, mà chỉ theo bề ngang, không hướng đến sự tuyệt đỉnh của tài nghệ và của tinh thần nhân loại, mà lại điên cuồng đi tìm "cái mới". Để trang hoàng những nơi công cộng, chúng ta dựng tượng, làm đẹp cho sự xấu xí, nhưng cảm quan chúng ta chẳng còn ngạc nhiên nữa. Và nếu có người từ những hành tinh khác nghe được âm nhạc của chúng ta qua làn sóng điện, làm sao họ có thể biết được rằng những người sống trên quả đất chúng ta đã từng có Bach, Beethoven hay Schubert, bây giờ bị cho là cổ hủ và lạc hậu.

Nếu chúng ta, những người sáng tạo nghệ thuật, chịu ngoan ngoãn hòa mình vào sự tụt dốc thê thảm này, nếu chúng ta không còn trân quý truyền thống văn hóa vĩ đại cùng với nền tảng đạo lý đã nẩy sinh ra nền văn hóa đó, chúng ta sẽ tiếp tay vào sự sa đọa nguy hiểm nhất, dần dần thoái hóa để đưa con người xuống một hàng thứ thấp hơn, cận kề hơn với thế giới của súc vật.

Và khó tin rằng chúng ta sẽ để cho điều tai hại đó xảy ra. Ngay cả ở nước Nga, hiện đang èo ọp, chúng tôi chờ đợi và mong rằng sau một cơn hôn mê và một thời kỳ im lặng quá dài, chúng tôi sẽ nghe thấy được hơi thở tỉnh giấc của nền văn học Nga, và sẽ chứng kiến sự xuất hiện của những sức mạnh mới, tươi mát, của thế hệ anh em trẻ của chúng tôi. □

NGUYỄN MỘNG GIÁC

ngày xuân đọc báo

Sau Tết Quý Dậu, một bạn văn có thân nhân vừa về Việt Nam ăn Tết gửi biếu tôi hai tập báo Xuân ở quê nhà. Một tờ là tuần báo *Văn Nghệ Tết Quý Dậu* số 3 & 4 (1724) của hội Nhà văn Việt Nam xuất bản tại Hà Nội; tờ kia *Phụ Nữ Xuân 1993* của Thành hội Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản ở Sài Gòn. Mảnh giấy vàng kèm theo hai tờ báo có vài nhận xét riêng tư của anh về tờ *Văn Nghệ*, cùng câu hỏi: "Bạn Giác thấy báo miền Nam khác báo miền Bắc thế nào?"

Để trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi có điện thoại thảo luận với nhau. Đường dây viễn liên tốn kém không cho phép chúng tôi nói nhiều, bàn với nhau cho rốt ráo, nên cuối cùng, tôi thấy có lẽ nên viết thành bài lên *Văn Học* những suy nghĩ riêng tư và rất chủ quan của mình.

Vì sinh trưởng và lớn lên ở miền Nam, nên tôi giở tờ *Phụ Nữ* xem trước. Vừa viết câu trên, tôi thấy mình không thành thật. Có thể lý do đơn giản hơn: bìa tờ *Phụ Nữ* là hình mẫu một cô thiếu nữ 18 tuổi quá đẹp có cái tên cũng đẹp không kém: Hương Giang. Kỹ thuật in màu không thua kém bất cứ kỹ thuật ấn loát nào của các nước tiên tiến. Lật đến các trang trong, tôi càng kinh ngạc hơn nữa. Sống bằng nghề "*Graphic Design*" cho công ty ấn loát niên giám điện thoại GTE/DC, tôi nhận ra ngay loại nhu liệu (software) tờ *Phụ Nữ* đã dùng để trình bày báo: *Pagemaker*, loại nhu liệu ứng dụng hiện được xem là hàng đầu trong các loại nhu liệu cần cho việc trình bày trang của sách báo. Cũng nhờ hiểu nghề mà tôi biết được rằng tờ *Phụ Nữ* ở Sài Gòn đã sắm được một hệ thống máy vi tính đắt tiền và đầy đủ để sử dụng trọn vẹn các khả năng của hệ thống vận hành *Windows 3.1*. Kỹ thuật ấn loát của tờ *Văn Nghệ*, ngược lại, hoàn toàn lỗi thời, cũ kỹ, không khác gì với lối trình bày và in ấn của ba mươi năm về trước, dù đây là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Nhà văn Việt Nam, và được in tại nhà in của báo *Nhân Dân*, tờ báo của đảng. Các dấu nối ở góc các khung viền quanh các bài thơ, qua đôi mắt "nhà nghề" của tôi, chứng tỏ ban kỹ thuật trình bày của tờ *Văn Nghệ* vẫn còn dùng tay để cắt, dán, "mi" từng trang báo mẫu, chứ không thoải mái nhanh nhẹn dùng máy vi tính làm hết các việc như ban kỹ thuật tờ *Phụ Nữ*.

Kết luận sơ khởi: tờ *Phụ Nữ* tuy là một tờ báo địa phương của một hội đoàn thuộc tổ chức ngoại vi, thanh thế chính trị và văn chương kém xa tờ *Văn Nghệ*, nhưng theo kịp đà tiến bộ của khoa học kỹ thuật hơn, thích ứng với

biến đổi xã hội và nhu cầu độc giả hơn. Sẽ không có gì quá đáng nếu bảo về hình thức, *Phụ Nữ* là một cô gái 18 xuân xanh y như cô Hương Giang trên hình bìa, còn *Văn Nghệ* là một bà cụ rầu rĩ lạc lõng giữa cảnh rộn rã khó hiểu đang diễn ra trước mắt.

Không để cho cái áo ngoài sặc sỡ làm sai lạc óc phán đoán, tôi chăm chú đọc tờ *Văn Nghệ* trước. Đúng như người bạn văn của tôi nhận xét, tờ báo có bài của rất nhiều tên tuổi lớn và bài vở cũng được giới thiệu trình bày theo một tôn ti trật tự rõ ràng. "Thư đầu năm" của tuần báo *Văn Nghệ* có những lời tri ân quen thuộc:

"Suối đổ về sông, cây làm ấm gốc. Cộng mỗi ngày mỗi tháng làm lụng và suy nghĩ của mỗi người làm nên bức tranh lao động sáng tạo đầy hứng khởi của đất nước. Cộng mỗi thành đạt, khởi sắc của mỗi ngành, mỗi địa phương, đơn vị làm thành sức sống và niềm tin của toàn dân tộc quyết vượt qua mọi thử thách để đi tới cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Trong tình cảm đó, chúng ta nhớ đến bác Hồ kính yêu, người khai sáng con đường đi cho dân tộc, và nghĩ về đảng, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, người khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đang làm thay đổi từng ngày đất nước ta. Năm 1992, góp vào những tin vui trên khắp các lãnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại là những đóng góp không nhỏ của giới văn học nghệ thuật. Hàng loạt hoạt động sôi nổi và hào hứng diễn ra trong cả nước thu hút sự chú ý của hàng triệu con người nhằm bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng lối sống, đạo đức, hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện con người. Đó là sự kết trái của đường lối văn nghệ đúng đắn và sáng tạo của đảng ta, mở đầu từ Đề cương Văn hóa, đến năm 1993 này vừa tròn nửa thế kỷ".

Đúng là một bài diễn văn ngắn tỏ lòng tri ân các cấp lãnh đạo trong buổi chiêu đãi mừng xuân, với lời lẽ ngoại giao nhiều lời trang trọng, thậm xưng, trừu tượng, tổng quát nhưng không hàm chứa một nội dung nào quan trọng. Người nói không cần lưu tâm đến nội dung, chỉ lưu tâm đến việc làm vừa lòng quan khách. Khốn nỗi bài diễn văn ấy là thư đầu năm của hội Nhà văn Việt Nam, in trang trọng nơi trang nhất tờ báo Xuân của hội. Người trong cuộc có thể xem đó là một món quà xã giao. Người ngoài hội, hoặc như tôi người xa đất nước, đọc lá thư trên không thể không có đôi điều thắc mắc. Đã đành theo nhiều nguồn tin khác nhau, trong năm 1992 vừa qua Việt Nam đã có những dấu hiệu đáng mừng về kinh tế. Mức lạm phát hạ xuống còn 13%, đời sống dân chúng nói chung có khá lên, những cuộn băng *video* kiều bào về thăm quê mang ra ghi được cảnh phố xá tấp nập, xe cộ đông đúc, nét mặt từng người không còn xơ xác âu sầu như mấy năm trước. Nhưng ai cũng biết sở dĩ có được những tin vui ấy là do đảng Cộng sản Việt Nam bị bắt buộc phải hủy bỏ những chính sách kinh tế nhằm "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội", giải tán các cơ sở quốc doanh thua lỗ, bỏ chính sách bao cấp, thay chủ trương tập thể hóa nông nghiệp bằng chính sách

khoán, hủy lệnh ngăn sông cấm chợ độc quyền lưu thông phân phối hàng hóa, áp dụng kinh tế thị trường ngược với kinh điển Mác-Lê. Chính sức sống kỳ diệu của dân tộc Việt Nam, đức tính cần cù và thông minh của mỗi người dân Việt đã làm nên thành tích kinh tế năm vừa qua, không phải là tài lãnh đạo của đảng. Nếu cần một đối tượng để tri ân, lẽ ra phải tri ân cả dân tộc Việt Nam bất hạnh, sau một thời gian dài đói khổ, đã không đánh mất khả năng phấn đấu để sinh tồn, đã không nhiễm tinh thần thụ động vâng lời, mau chóng xăn tay áo lên sửa chữa, phục hồi lại những đổ vỡ hư hỏng do chính sách kinh tế xã hội chủ nghĩa gây ra.

Riêng sinh hoạt văn chương tư tưởng là "đất nhà" của tờ *Văn Nghệ*, phải công nhận là từ khi nhà cầm quyền nới lỏng đôi chút gọng kềm kiểm soát văn học nghệ thuật từ 1986 đến 1989, không khí trong làng văn tương đối dễ thở hơn. Đề tài sáng tác không buồn tẻ, đơn điệu như trước. Nỗi vui nỗi buồn, cả đến những mâu thuẫn yếu đuối của cá nhân được quan tâm nhiều hơn. Tác phẩm văn nghệ không thuần là những sản phẩm tuyên truyền *phải đạo*, mà đi gần với đời thường, người thường. Một số những sai lầm cũ của đảng và nhà nước bị đem ra mổ xẻ, ghi chép thành chứng tích như vụ cải cách ruộng đất, nạn cường hào mới ở nông thôn... Giống như kinh tế thị trường là viên thuốc đắng đắng Cộng sản Việt Nam phải nuốt để tự cứu nguy, "cởi trói" văn nghệ là giải pháp bất đắc dĩ của đảng. Nhờ "cởi trói", sinh hoạt văn nghệ có khởi sắc hơn, bây giờ "trói lại" mà vẫn thản nhiên viết lên giấy trắng rằng cái khởi sắc ngắn ngủi đó là "kết trái của đường lối văn hóa văn nghệ đúng đắn và sáng tạo của đảng ta, mở đầu từ "*Đề cương Văn hóa*", làm như mọi chính sách văn hóa tư tưởng đều hoàn toàn đúng đắn, nhất quán từ nửa thế kỷ trước cho đến ngày nay.

Phải, hình như bước vào mùa Xuân Quý Dậu, ban biên tập hiện nắm tờ *Văn Nghệ* muốn độc giả và các nhà văn trong hội nghĩ rằng những xáo trộn, tranh luận trong làng văn mấy năm qua chỉ là một cơn gió thoảng, không nên quan tâm, trước sau chính sách văn hóa tư tưởng vẫn nhất quán. Vẫn bấy nhiêu hình ảnh bài vở "phải đạo" lập đi lập lại suốt năm mươi năm.

Lại đua nhau xưng tụng bác: thơ Sơn Tùng vịnh bức ảnh bác ôm cháu bé, Vũ Kỳ viết hồi ký bác đón xuân Bính Tuất 1946, Triệu Hường mừng rỡ giới thiệu bài thơ chữ Hán đầu tiên ca ngợi bác, Hà Minh Đức viết mừng "*Nhật ký trong tù tròn 50 tuổi*".

Theo tôn ti bất di bất dịch, dĩ nhiên sau bác đến phiên Tố Hữu. Cái thời Tố Hữu than thân trách phận với Phùng Quán mùa Xuân hai năm trước đã qua. Năm Quý Dậu, Tố Hữu lại thổi kèn xung phong. Thơ Tố Hữu lại xuất hiện nơi trang đầu, bài *Anh cùng em*, với những lời chỉ đạo như sau:

Nếu ai đó trên đời, em ơi, còn mơ hồ thiện ác
Không bao giờ, ta đổi khác niềm tin
Không bao giờ hạnh phúc phải cầu xin
Tự do lại cúi đầu quỳ gối

Có thể đôi lần mắt ta lạc lối
Đường ta, ta cứ đi!
Nhân dân ta là sức mạnh thần kỳ
Mùa xuân mới đang hừng lên phía trước

Nhưng, hình như lần này Tố Hữu hùng hồn bắt giọng mà ban hợp xướng không tạo ra nổi một bản hợp ca hùng hồn. Cũng đầy đủ thơ của những tên tuổi lớn: Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Xuân Sanh, Lê Đạt, Tế Hanh, Hoàng Trung Thông, Giang Nam, Hoàng Cầm, Minh Huệ, Ngô Thế Oanh, Vũ Duy Thông, Nguyễn Đức Mậu, Trang Nghị, Võ Thanh An, Nguyễn Duy . . . Nhưng không có ai phụ họa lời hô xung trận của Tố Hữu: kẻ nhớ lại kỷ niệm tình yêu xa xưa, kẻ bói Kiều, kẻ yêu sóng biển, kẻ làm thơ nịnh vợ . . .

Vì sao có tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược đó?

Bài ký *Tìm đất sống* của Nguyễn Khải trên số *Văn Nghệ* tết Quý Dậu cho tôi lời giải đáp.

Trong các cây bút văn xuôi miền Bắc, tôi khâm phục hai nhà văn Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải. Khâm phục Nguyễn Minh Châu ở cái tâm, còn Nguyễn Khải, tôi phục tài viết của ông. Bất cứ thời nào, Nguyễn Khải cũng nhạy bén nhận ra được vấn đề lớn mọi người đang quan tâm, và bằng những phân tích sâu sắc có vẻ hợp lý hợp tình, ông nhiệt tình bênh vực cho thế mạnh đương thời. Lúc nào ông cũng ở thế thượng phong, đi trước các bạn văn của ông một bước nhưng viết khéo đến nỗi không bao giờ ông để lưng lạnh. Người đọc dễ bị sự thông minh của ông dẫn dụ, lúc nào cũng thấy ông có lý. Năm ngoái, lúc nền kinh tế thị trường ảnh hưởng sâu đậm lên đời sống vật chất lẫn tinh thần mọi người, ông viết truyện ngắn *Người kể chuyện thuê*, bán cho tờ *Lao Động Xuân Nhâm Thân* lấy một triệu tiền nhuận bút. Lập tức, truyện ngắn ấy gây xôn xao vì nói được nỗi băn khoăn và ưu tư của giới trí thức trước các hỗn loạn xã hội do kinh tế thị trường tạo ra.

Năm nay, bài ký *Tìm đất sống*, cũng giống như truyện ngắn *Người kể chuyện thuê*, là một kết hợp giữa nỗi chua cay trước thực tế và niềm mơ ước. Đầu tiên, qua kinh nghiệm tan vỡ của nông trường Điện Biên, ông thú nhận cái giấc mơ xây dựng một mẫu người Việt Nam mới (sống hào hiệp, vị tha, không quan tâm đến tư hữu, tiền của) đã thất bại. Ông viết:

"Chả là những năm gần đây mỗi chúng ta đều được tận mắt chứng kiến sự báo thù hết sức tàn khốc của đồng tiền. Xưa kia mình khinh nó bao nhiêu thì nay phải lụy nó bấy nhiêu. Xưa kia nó bị đuổi khỏi những chốn tôn nghiêm, sang trọng, nay thì nó là hoàng đế của một vương quốc có thể chỉ huy tất cả, ra lệnh cho tất cả. Đồng tiền tự nó chả có tội lỗi gì, chẳng qua vì có nhiều cách kiếm tiền và nhiều cách tiêu tiền nên mới có sự đồng tiền sạch và đồng tiền bẩn, đồng tiền nhân nghĩa và đồng tiền phi luân. Hiện nay cái mặt dũng dưng, tàn bạo, phi luân của nó hầu như đang lấn át tất cả . . . Tôi mong muốn người người đều có tiền để giữ được phẩm giá của mình, có được nhiều tiền để thực hiện những ước mơ một đời của họ, thật nhiều tiền hơn nữa để giúp đỡ đồng

loại sống vui hơn, hạnh phúc hơn. Khốn nỗi những nhà tư bản mới có rất nhiều tiền lại không mấy thương người . . . Còn những tổ chức kinh doanh của nhà nước có chính sách đàng hoàng đối với người lao động lại đang hồi làm ăn thua lỗ vì không cạnh tranh nổi với nền kinh tế thị trường".

Gác qua một bên những điều không đúng thực tế như "chính sách đàng hoàng đối với người lao động" của những tổ chức quốc doanh, ở đây tôi chỉ muốn bàn về chủ đề của bài ký, là tâm trạng bực dọc, bất lực, âu lo, tiếc nuối của Nguyễn Khải và một số khá đông người cầm bút ở Việt Nam trước cơn lốc thị trường. Một năm trước, Nguyễn Khải mượn nhân vật truyện *Người kể chuyện thuê* than thân:

"*Một đời tôi viết để bán cho nhà nước, nay các nhà xuất bản của nhà nước không mua thì bán cho ai?. . .*"

Hình như cái xã hội đang ồn ào biến động bên ngoài tòa báo *Văn Nghệ* không quan tâm lắm tới những tâm tình của người viết bài, từ lời hô xung trận (trận gì đây?) của Tố Hữu, những vần thơ tránh né vấn đề của Nguyễn Đình Thi cho tới lời than van của Nguyễn Khải. *Văn Nghệ* đã trở thành một tòa miếu cổ rêu phong của những ông già lạc lõng. Điều đó hiện rõ từ hình thức đến nội dung. *Văn Nghệ* không còn là nơi phản ảnh cái sức sống kỳ diệu của dân Việt, sức sống đã làm thay đổi đất nước chúng ta trong vài năm gần đây.

Tờ báo nào phản ảnh được sức sống đó, dù chỉ một phần nhỏ? Tôi không có trong tay nhiều tờ báo Xuân quốc nội để lựa chọn, so sánh. Trong tay tôi chỉ có tờ *Phụ Nữ*.

Vì là cơ quan ngôn luận của Thành hội Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, một tổ chức của nhà nước, nên tờ *Phụ Nữ* cũng có nhiều bài đúng chính sách; Trần Đình Vân tác giả *Sống như anh* kể kỷ niệm "*Một lần gặp bác*", Trần Độ viết về chị Ba Nguyễn Thị Định, bài phỏng vấn nữ bộ trưởng phụ trách công tác chăm sóc thiếu nhi Trần Thị Thanh Thanh, bài viết ca tụng hai nữ cán bộ thành hội và liên đoàn lao động thành phố, bài viết ca tụng Jane Fonda.

Ngay trang đầu, báo *Phụ Nữ* đã đề cập thẳng vào chủ đề tôi quan tâm trên tờ *Văn Nghệ*, với bài viết của Nguyễn Trương: "*Mẹ và em, thời kinh tế thị trường*".

Cũng có những hoàn cảnh đớn đau vì không theo kịp với biến chuyển xã hội. Nhà báo kể.

"*Một bà mẹ nghèo ở cùng trong chung cư lao động với tôi đã hơn một lần nước mắt lưng tròng tâm sự: Nó nghe nói xí nghiệp nó liên doanh với nước ngoài, xài toàn máy hiện đại, tất cả công nhân đều phải theo học lớp tiếng Anh sơ cấp và lớp hướng dẫn kỹ thuật mới do xí nghiệp tổ chức. Hễ thi đậu thì được làm tiếp, hễ rớt thì phải nghỉ việc. Tội nghiệp con tôi, cô ơi, nó rớt. Cả nửa năm nay đi xin việc ở đâu cũng không được*".

Sau đó cô nhà báo kể những gương tốt:

"*Một nữ đảng viên, phó giám đốc phụ trách công tác tổ chức* (tức là phụ trách tuyển dụng, theo dõi, thưởng phạt và sa thải nhân viên, quyền hành rất lớn – chú thích của N.M.G.) *của một xí nghiệp trong thành phố năm vừa qua đã chấp nhận rút khỏi cương vị của mình với lý do: xí nghiệp đang sắp xếp lại đội ngũ cán bộ để đủ sức bước vào giai đoạn phát triển mới, trình độ văn hóa của chị quá thấp để có thể đảm đương công việc của người lãnh đạo. Chị cũng chưa muốn rời khỏi vị trí của người lao động khi còn vài năm nữa mới đến tuổi nghỉ hưu. Xí nghiệp đang khuyết một chân bảo vệ, thế là người nữ đảng viên Cộng sản ấy đã xin được làm công tác bảo vệ ở chính cái nơi mà chị vừa rời khỏi cương vị phó giám đốc*".

Không biết sự thật của gương sáng trên đây được bao nhiêu phần trăm, có thể nét chính của câu chuyện có thực như vậy, nhưng muốn được như vậy, còn có nhiều động cơ, phản ứng phức tạp đằng sau, quá đủ chất liệu để nhà văn Nguyễn Khải viết một cuốn truyện dài. Nhưng nội sự việc báo *Phụ Nữ* đưa vụ này ra như một giải pháp kiểu mẫu, một trường hợp điển hình, cho thấy ban biên tập tờ báo thực tiễn hơn, thích nghi với kinh tế thị trường dễ dàng hơn ban biên tập tờ *Văn Nghệ*. Ở Sài Gòn, không có than van, và ước mơ trừu tượng. Ở Sài Gòn, người ta nhìn thẳng vào vấn đề. Kinh tế thị trường là một chọn lựa duy nhất không thể đảo ngược để Việt Nam tồn tại và phát triển, nên từng người dân bị bắt buộc phải thay đổi để thích nghi. Nguyễn Trương kể:

"*Tôi có một chị bạn gần gũi đã lâu năm, say sưa với nghề, giỏi nghề, và có thể nói đã thành đạt tột đỉnh trong nghề, thế mà đùng một cái, vì một lý do bất khả kháng chị phải chuyển hẳn sang một ngành khác, thuộc ngành kinh tế đối ngoại. Bốn mươi tuổi rồi, ai cũng ái ngại cho cái sự làm lại từ đầu của chị. Vậy mà chị đã dám đương đầu với nỗi ái ngại ấy, với khúc quanh cuộc đời ấy để lái mình sang một hướng mở khác không đến nỗi tồi tệ. Suốt một năm, vừa làm việc chị vừa chúi mũi vào các giáo trình và lớp học tiếng Anh ngoài giờ, đã gom góp tiền bạc để học vi tính. Kết quả là từ chỗ chưa có bằng A đến nay chị đã có bằng B tiếng Anh, và khi ngồi trước máy vi tính, chị đã bắt được nó phục vụ chị theo ý muốn. Đã đành là ý chí, là năng lực, và những thuận lợi khác như tài chánh gia đình không eo hẹp chẳng hạn. Nhưng, đôi lúc ngắm nhìn chị tự tin trình bày một vấn đề thuộc lãnh vực mới, tôi cứ tự hỏi: nếu không phải ở trong thời kinh tế thị trường với sức ép không khoan nhượng của yếu tố cung cầu và giá cả, sức lao động, thì liệu chị có thể thành công nhanh như vậy trong nghề mới hay không?*"

Cả hai tấm gương sáng báo *Phụ Nữ* nêu ra là gương tự biến đổi để thích nghi; và mặc dù họ ở thế mạnh, thế chủ động, biến đổi để thăng tiến hay bị đào thải, chúng ta cũng phải công nhận cách cư xử của họ hợp lý, đáng tuyên dương.

Tôi lật thêm các trang khác của tờ *Phụ Nữ* để tìm những mẩu tâm sự của tầng lớp khác, tầng lớp bất hạnh, tầng lớp không có vai vế trong chính quyền

như bà phó giám đốc và bà cán bộ kinh tế đối ngoại nọ. Chẳng hạn những người mẹ, những người chị miền Nam có chồng con đi cải tạo, sống vất vưởng kiếm ăn trên hè phố, dưới đồng lầy, ở các vùng kinh tế mới từ 30-4-75. Chẳng hạn những học sinh vì lý lịch xấu bị đẩy ra khỏi guồng máy xã hội, từ lâu sống không hộ khẩu, bữa no bữa đói qua ngày, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, số phận họ ra sao? Họ thuộc vào tầng lớp cùng đinh của xã hội, vừa không có tiền vừa không có thế, họ có điều kiện chủ động để thích nghi như hai tấm gương sáng kia không? Báo *Phụ Nữ* không đề cập tới hoàn cảnh kẻ yếu, kẻ thua trong vận hội mới, nên tôi không tìm ra lời đáp. Tôi chỉ nhặt ra được hai mẩu tâm sự của hai người miền Nam mà tôi biết, qua bài tùy bút *Chiều một mình qua phố* của Kim Hạnh.

Kim Hạnh thuật lại tâm sự của một giáo sư đại học (mà tôi đoán là Lý Chánh Trung).

"*Nghĩ lại thấy cuộc sống thay đổi nhanh quá. Hồi đó tụi mình biểu tình, đốt xe Mỹ, bất chấp tù tội, hy sinh để chống Mỹ, đuổi Mỹ. Giải phóng rồi, chuyển qua xây dựng, lớp trẻ bây giờ đã sống khác. Bây giờ phải cấp tập học tiếng Anh, trau dồi kiến thức khoa học kỹ thuật để làm việc với người nước ngoài. Học giỏi, làm việc thật giỏi mới hòng được chọn làm "mọi" cho tư bản các nước. Thì phải làm với họ, phục dịch họ, dần dần học họ mọi thứ, mới có lúc đủ khả năng đồng đẳng để đối tác với họ. Sự đời phải thế thôi. Chỉ có điều tôi thấy lo, khi nỗ lực phục dịch, làm "mọi" cho họ, các bạn trẻ có hiểu hết mục đích, ý nghĩa và có chuẩn bị lâu dài cho việc phải làm ngày mai, để đừng bị đồng tiền và thị trường lôi tuột đi, cuốn mất mình, cuốn luôn tương lai đất nước, dân tộc?*"

Phần Kim Hạnh, cô phát biểu:

"*Tôi muốn nói với ông giáo sư già, sự chi phối hung hãn của thị trường đâu chỉ dập lên đầu lớp trẻ. Đâu có thiếu những viên chức nhà nước có cỡ đang vét chuyến tàu chót giữa cơn đảo điên của kinh tế thị trường bằng cách đem hết quá trình, kinh nghiệm, thân thế ra mà đục khoét của dân, của nước, hay "cố vấn" đắc lực cho các công ty tư bản. Tuy nhiên, tôi hiểu ông. Ngày mai của đất nước ở trong tay lớp trẻ. Chính lớp trẻ sẽ quyết định chuyện Việt Nam hóa rồng hay mãi mãi là tù binh của đói nghèo lạc hậu*".

*

Tôi đã có khá đủ chứng cớ để suy diễn đôi điều.

Điều thứ nhất là nền kinh tế thị trường hiện đang phát triển tại quốc nội đã làm thay đổi toàn diện đời sống vật chất lẫn tinh thần của mọi người. Nguyễn Khải cho đó là "sự báo thù hết sức tàn khốc của đồng tiền", và "hiện nay cái mặt dửng dưng, tàn bạo, phi luân của nó hầu như đang lấn át tất cả". Nguyễn Trương gọi nó là "sức ép không khoan nhượng của cung cầu và giá cả, sức lao động". Ông giáo sư già chua chát so sánh thời hăng say biểu tình

đốt xe tư bản và thời lo học Anh văn, học máy vi tính để được làm "mọi" cho tư bản.

Điều thứ hai là lối phản ứng khác nhau trước "sự chi phối hung hãn" của kinh tế thị trường. Các cụ trên tờ *Văn Nghệ*, ngay cả Tố Hữu khi về thăm lại Huế quê hương tuy có công nhận kinh tế thị trường đã cải thiện đời sống người dân:

Quê hương thương đau, ba mươi năm đẫm máu
Tan nát Thanh Lương, xơ xác Phù Lai
Mừng quá, bây giờ cơm bớt độn mồn khoai
Nhà ngói mới, đỏ au màu chiến thắng

Nhưng phản ứng chung là buồn rầu, hối tiếc, ngơ ngác không hiểu những gì đang diễn ra trước mắt. Vì không theo kịp cuộc sống ào ạt chung quanh, các cụ bối rối. Bối rối đến nỗi nhận vơ thành quả của một chính sách kinh tế đối nghịch với kinh điển Mác-Lê làm thành quả của đảng. Hoặc như Nguyễn Khải cây bút xông pha bậc ấy mà bây giờ muốn tìm chỗ ẩn cư heo hút, và mơ ước xây dựng một thứ *kibbutz* mới ở Bảo Lộc (ông đâu biết rằng ngay các nông trường tập thể Do Thái hiện nay cũng dần dần tan rã vì không chịu nổi với luật cạnh tranh thị trường).

Các cô các bà trên tờ *Phụ Nữ*, trong vai trò làm mẹ làm vợ trực tiếp chịu đựng các ảnh hưởng khốc liệt của biến chuyển kinh tế, lại tỏ ra sáng suốt, thực tiễn hơn. Hình như hơn hẳn các cụ trên tờ *Văn Nghệ*, họ hiểu vì sao phải thay đổi. Điều đó hiện rõ trong cách vui buồn trong chữ viết, hiện rõ ở hình thức tối tân của tờ báo, hiện rõ trong nét đẹp tươi trẻ của người mẫu hình bìa.

Tôi có thể trả lời câu hỏi của bạn văn miền Tây Bắc Hoa Kỳ: vấn đề ở đây không phải là khác biệt của hai lối nhìn về kinh tế thị trường. Một bên chấp nhận đổi thay, một bên muốn cưỡng lại. Một bên nhìn về tương lai, một bên hối tiếc quá khứ.

Phần thắng sẽ thuộc về ai? Tôi không lạc quan tếu để xác quyết rằng những người hành xử như các cô các bà trên tờ *Phụ Nữ* sẽ thắng. Chuyện đời đâu có đơn giản như vậy.

Chủ nghĩa Cộng sản đã thất bại nhưng giấc mộng về một xã hội bình đẳng, công bình vẫn còn. Chủ nghĩa Tư bản chứng tỏ được khả năng ưu việt để phát triển kinh tế nhưng còn mang theo nó những bất ổn và xáo trộn xã hội khó tránh. Nói như Will Durant, bài toán đau đầu của nhân loại là phải lựa chọn hoặc tự do thịnh vượng trong bất bình đẳng, hoặc bình đẳng trong đói nghèo chậm tiến.

Những người tiếp tục mơ tưởng một xã hội bình đẳng, công bằng cứ tiếp tục nghĩ rằng chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ chỉ vì những người lãnh đạo áp dụng một phương cách thực hiện chủ thuyết sai lầm, chứ không phải chủ thuyết ấy sai lầm. Vì nhìn như thế, họ thấy những gì đang diễn ra trước mắt

là sự tái diễn của một thứ trật tự cũ. Tương lai chỉ là màn tái tục của cái quá khứ họ bỏ xương máu ra đánh đổ. Nói nôm na, họ thấy:

Con vua rồi lại làm vua
Con sãi ở chùa lại quét lá đa

Đó là chủ đề truyện ngắn *Kẻ sát nhân lương thiện* của một cây bút mới ở Việt Nam, anh Lại Văn Long. Truyện kể trường hợp một nạn nhân của kinh tế thị trường. Nạn nhân đó không thuộc phe thua trận miền Nam đã sống vất vưởng bên lề xã hội từ mười tám năm nay. Nạn nhân đó, oái oăm thay, thuộc phe thắng, một trung tá cách mạng, tức là nạn nhân của chính chế độ mình. Nếu chế độ Cộng sản ở các nước Liên Sô và Đông Âu không sụp đổ, nếu đảng và nhà nước Việt Nam không vội vàng thay đổi chính sách kinh tế để tự cứu, thì viên trung tá ấy và người con trai không hề là nạn nhân. Họ được làm chủ một tòa biệt thự, và căn cứ vào lời mô tả của tác giả, với giá thị trường nhà đất hiện nay, họ là triệu phú (tính theo Mỹ kim). Truyện ngắn ấy đã được đăng trên *Văn Học* số 79, theo ấn bản đã được tác giả nhuận sắc.

Đấy là một truyện ngắn "không được hay", về nội dung ghi lại tâm trạng bất mãn, phẫn nộ của một số người không chấp nhận những biến động do kinh tế thị trường tạo ra, nhất là sự cấu kết giữa các thế lực tư bản nước ngoài và các thành phần cán bộ tham nhũng, cơ hội. Thay vì tạm chấp nhận những phó sản đáng buồn không thể tránh trong giai đoạn chuyển tiếp từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường (như đã và đang diễn ra ở Nga, ở Ba Lan, ở Tiệp . . .), tác giả đưa ra một giải pháp cực đoan: xách súng giết hết những kẻ đang nắm thế lực mới nhờ kinh tế thị trường, giết tuyệt giết sạch một cách hả hê, một cách "lương thiện".

Một nhà văn trẻ viết còn non tay, tạo ra một sản phẩm chưa "đạt yêu cầu", điều đó bình thường. Giận quá, trái tai gai mắt quá, nổi sùng muốn "xóa bàn làm lại", cũng là tâm lý bình thường. Ở Việt Nam, trong cuộc bon chen ào ạt hỗn loạn để tìm đường sống sau một thời gian dài thu người nín thở trong guồng máy khắt khe, có lẽ cuộc tàn sát tập thể tưởng tượng ấy không làm cho ai bận tâm.

Chỉ có một chút xôn xao thoáng qua khi truyện của Lại Văn Long được hội Nhà văn trao giải nhất. Tại sao lại chọn một truyện ngắn "chưa được hay" như vậy trong số 1626 truyện dự thi để trao giải nhất?

May mắn cho tôi là tập truyện ngắn được giải *Ánh Trăng* có in kèm các lời phê của giám khảo. Ma Văn Kháng ghi nhận, "nỗi giận dữ đau đời vì thất vọng". Anh Đức, "nó thể hiện một sự đổi thay trái khoáy, do giới chức ta coi trọng đồng tiền . . ." Chu Văn, "những sự thay bực đổi ngôi, lên voi xuống chó biến diễn chỉ trong một thời gian ngắn, dẫn tới những bi kịch xót xa, những tội ác . . ."

Rõ ràng các vị giám khảo hả hê khi đọc thấy Lại Văn Long nói hộ cho mình những giận dữ, đau đớn, căm thù trước cuộc đổi đời đột ngột. Vì "giận dữ đau đời", các vị giám khảo chấp nhận hành động tàn sát tập thể là "một

sự vượt lên thân phận" (Ma Văn Kháng), là "đứng trên luật pháp, thừa hành luật pháp" (Anh Đức), và "tội nhân là nạn nhân" (Chu Văn).

Hình như cảm thông với tâm sự quý vị giám khảo, không ai thấy những lời phê trên đây có điều gì bất thường. Lại Văn Long được giải nhất, lãnh một món tiền tương đối lớn, báo chí phỏng vấn, giới thiệu thân thế, chào đón nồng nhiệt như một cây bút trẻ đầy hứa hẹn. Truyện ngắn được chọn in trong tập truyện được giải *Ánh Trăng*, sau đó lại được chọn in trong *Truyện Ngắn Chọn Lọc* với rất nhiều chỗ nhuận sắc. Những người "trong cuộc", nhất là trong cơn bão thị trường hiện nay, thường ít có cơ hội dừng lại nhận diện chính mình, đặt câu hỏi: ta là ai? ta đang làm gì? ta ở đâu?

Một người từ xa nhìn vào có thể thấy được những điều người trong cuộc chưa thấy. Nhà văn Mai Kim Ngọc đọc tập *Ánh Trăng* như một độc giả đọc một tác phẩm văn chương mà không hề biết tác giả là ai, nên ông kinh ngạc ghi nhận những điều bất thường. Là một nhà văn, ông thắc mắc không hiểu tại sao một truyện ngắn "chưa được hay" như *Kẻ sát nhân lương thiện* lại được giải nhất. Là một y sĩ, ông "hoảng sợ" trước cảnh bắn giết bừa bãi hả hê và những tuyên dương cho hành động sát nhân ấy.

Ông viết một bài phân tích phê bình dài đăng trên *Văn Học* số 79, đôi chỗ tỉ mỉ nhặt ra hết những sơ sót về kỹ thuật hành văn để minh chứng là truyện không đáng được giải, sau đó chỉ trích việc tuyên dương và biện hộ cho kẻ sát nhân.

Không hiểu những kinh ngạc, hoảng sợ của Mai Kim Ngọc có làm cho anh Lại Văn Long và các vị giám khảo giật mình kinh ngạc rồi hoảng sợ theo hay không. Chỉ người đứng bên đường mới hoảng sợ trước tốc độ nguy hiểm của những chiếc xe đang lao vun vút trên xa lộ. Không khéo các bạn văn của Mai Kim Ngọc lại cười ông lẩm cẩm khéo lo chuyện hão, hoặc lạnh nhạt nhìn ông như một người họ ngoại dám chõ vào chuyện họ nội. "Khúc ruột ngoài nghìn dặm" làm sao hiểu nỗi đau xót xa của quê hương?

Nhưng một điều bất thường khác lại xảy ra bên ngoài quê hương. Những thắc mắc, kinh ngạc, hoảng sợ của Mai Kim Ngọc làm cho vài cây bút chủ lực của tạp chí *Hợp Lưu* . . . phẫn nộ! Trên *Hợp Lưu* số 9, ban chủ biên dồn hết nội lực tấn công Mai Kim Ngọc, với bốn bài viết của Phan Tấn Hải, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thứ, Kim Thi.

Bây giờ đến lượt tôi kinh ngạc! Trên văn đàn, tranh luận với nhau vì suy nghĩ khác nhau là điều bình thường. Mai Kim Ngọc chê *Kẻ sát nhân lương thiện* dở, các anh Phan Tấn Hải, Nguyễn Tiến Văn khen hay. Không sao. Cứ tranh luận, chứng minh phán đoán của mình rồi bạn đọc sẽ làm trọng tài. Mai Kim Ngọc cho rằng *"giết người vô tội vạ là cái vô luân tối thượng"*. Nguyễn Tiến Văn cho rằng nhân vật truyện *"giết người vì ba đời nô lệ cũng như vì lý tưởng cách mạng bị phản bội"*. Phan Tấn Hải chê Mai Kim Ngọc không đủ tầm nhìn để nhận ra ý nghĩa tượng trưng của hành động sát nhân, đó là *"một vấn đề lớn hơn, đó là khả năng một cuộc nội chiến giữa những*

người cùng khổ với liên minh của bọn trưởng giả cũ và mới". Cũng tốt thôi! Một kẻ sát nhân ra tòa, bên công tố buộc tội, bên luật sư biện hộ cho bị cáo có quyền nêu ra các nguyên cớ đưa đến hành động sát nhân.

Điều tôi kinh ngạc, là cái giọng phẫn nộ, căm thù những người viết trên *Hợp Lưu* dành cho nhà văn Mai Kim Ngọc.

Tôi hỏi tôi: Từ đâu có lòng căm thù ghê gớm đó? Phải có một niềm tin ghê gớm lắm, niềm tin của một tín đồ nhiệt thành mới khiến người ta phẫn nộ giống như một tín đồ phẫn nộ trước lời lẽ báng bổ phạm thánh của kẻ ngoại đạo.

Hai cha con viên trung tá cách mạng trong truyện là nạn nhân của kinh tế thị trường. Không có chính sách kinh tế thị trường, người cha vẫn là chủ nhân của tòa biệt thự, người con với lý lịch tốt như thế, thế nào cũng tiến thân dễ dàng, chắc chắn là dễ dàng gấp trăm lần con cái sĩ quan "ngụy". Mọi sự chỉ do kinh tế thị trường. Bao nhiêu bất công, theo Lại Văn Long và các vị giám khảo, từ đó mà ra. Bọn "tư sản phong kiến" trở lại đòi nhà, hống hách, kênh kiệu, cũng từ đó mà ra. Cán bộ hủ hóa, cũng tại mày, kinh tế thị trường. Anh Nguyễn Tiến Văn nhắc đến mấy tiếng "*lý tưởng cách mạng bị phản bội*", anh Phan Tấn Hải thì "*cuộc nội chiến giữa những người cùng khổ với liên minh của bọn trưởng giả cũ và mới*".

Thú thật, tôi hoang mang, không hiểu gì cả. "*Lý tưởng cách mạng*" nào đây, phải chăng cái lý tưởng mà Tố Hữu đã theo đuổi cả đời để tới bây giờ thổi kèn xung phong mà quay ra sau lưng không thấy ai theo mình? "*Cuộc nội chiến*" nào đây? Đối tượng để hòa hợp hòa giải và giao lưu, tôi hiểu theo lời viết anh Phan Tấn Hải, là những người cùng khổ lương thiện, và kẻ thù của tập hợp dân tộc mới này là liên minh của bọn trưởng giả cũ và mới do kinh tế thị trường ở bước chuyển tiếp tạo ra. Thôi rồi, như vậy là kinh tế thị trường, giải pháp duy nhất đưa dân tộc ra khỏi đói nghèo lạc hậu, không có trong viễn đồ hành động của các anh.

Các anh muốn mở một cuộc thánh chiến mới. Ở lằn ranh bạn thù, các anh không muốn nhận những người không ưa chém giết vì bất cứ lý do gì như Mai Kim Ngọc. Tôi nghĩ những thảm kịch hoặc xáo trộn do kinh tế thị trường đem lại là điều không thể tránh, là viên thuốc đắng phải nuốt trong khi hoàn thiện hệ thống luật pháp, chấn chỉnh trật tự xã hội bằng tự do báo chí tư tưởng và thiết lập một hệ thống chính trị dân chủ. Tôi không thích những thái độ và hành động cực đoan, dù cực hữu hay cực tả. Tôi "ba phải" như thế, chắc cũng không được các anh cho đứng chung.

Đọc *Văn Nghệ*, tôi buồn. Đọc *Phụ Nữ*, tôi vui. Đọc *Hợp Lưu*, tôi lo. Rồi tôi tìm ra được một cách nghĩ kỳ diệu theo kiểu Á Q.: "*Ối, hơi đâu mà lo. Mấy tay giỏi chữ nghĩa ăn nói vung trời, nhưng khi đụng vào thực tế thì thường vẫn quờ quạng vụng về. Các ông ấy làm giỏi như họ nói, thì đã thành quan to sứng dài, hoặc giàu sang trưởng giả cả rồi*". □

MAI KIM NGỌC

lại về cuốn"ánh trăng", giải thưởng truyện ngắn báo văn nghệ 1991

Gần đây trong số *Văn Học* tháng 11 năm 92, số 79, tôi có viết một bài về cuốn *Ánh Trăng*, tập truyện được giải cuộc thi báo *Văn Nghệ* (quốc nội) năm 1991 do Nhà Xuất bản Hội Nhà văn, tuần báo *Văn Nghệ*, và Tổng Công Ty Phát Hành Sách liên kết xuất bản. Mười hai truyện trúng giải được in lại với lời phê của ban giám khảo. Có vài truyện tương đối xuất sắc hơn những truyện khác, nhưng nói chung trình độ nghệ thuật toàn tập chỉ ở thường thường bực trung.

Vấn đề chính là truyện *Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long, một truyện hỏng từ kỹ thuật, nghệ thuật, cho đến đạo lý, lại được giải nhất. *Văn Học* số 79 có đăng lại truyện ngắn này trong phần phụ lục để độc giả tiện bề thẩm định. Điều đáng tiếc là tòa soạn *Văn Học* cho in lầm một văn bản đã được sửa chữa và nhuận sắc lại rất nhiều. (*Văn Học* có cáo lỗi về sơ suất này trên số Xuân Quý Dậu). So với văn bản được giải thưởng, tất cả có trên hai trăm chữ hay dấu chấm phẩy đã bị sửa lại, bốn đoạn mới được thêm vào và một đoạn bị bỏ hẳn đi. Tuy nhiên, cả hai văn bản đều giữ nguyên nét phi đạo lý, đề cao biện pháp bạo lực và hận thù để đứng trên luật pháp mà thi hành đấu tranh giai cấp.

*

Cốt truyện thô bạo và tình trạng tâm lý bệnh hoạn của nhân vật chính tự nó không quan trọng. Với tình trạng đạo lý soi mòn như các nhà văn quốc nội thường báo động, đời sống quốc nội không thiếu gì cảnh tối tăm, và tác giả có theo chân một nhân vật tội đồ đi vào những cốt truyện tối tăm cũng là điều tất nhiên.

Nhưng người viết suy tôn nhân sinh quan bệnh hoạn của nhân vật là chuyện bất thường.

Tác giả Lại Văn Long đã suy tôn nhân sinh quan bệnh hoạn của nhân vật hung thủ mà ông gọi là *kẻ sát nhân lương thiện.*

Chuyện bất thường hơn nữa là ban giám đã khảo khen thưởng quan niệm phi đạo lý ấy bằng những lời phê rõ ràng rành mạch. Còn nữa, tác phẩm đi trót lọt qua tập thể đông đảo những nhà văn trong guồng máy văn học quốc nội để xuất hiện trong tuyển tập trúng giải *Ánh Trăng*. Sau cùng, khi nhuận sắc lại tác phẩm trước khi cho nó tái xuất hiện trong *Tập Truyện Ngắn Chọn Lọc 1991*, các vị vẫn để nguyên nét phi đạo lý ấy.

*

Tôi vẫn nghĩ sự việc không thể bỏ qua.

Tưởng thưởng một truyện dở và phi đạo lý như *Kẻ sát nhân lương thiện* bằng những vinh dự có tầm mức quốc gia – như giải nhất kỳ thi truyện ngắn báo *Văn Nghệ* – có những hậu quả tai hại cho con em độc giả trong nước. Nó cũng là một tấm gương xấu cho những người mới bước chân vào nghề viết.

Hơn nữa, với cộng đồng thế giới, mỗi kỳ thi văn chương của một quốc gia là một trắc nghiệm phát lộ những dữ kiện, không những về văn học, mà còn về những diện nhân văn khác của quốc gia ấy. Nếu người ngoại quốc tò mò về văn học Việt Nam quốc nội, tôi sẽ không ngạc nhiên là họ sẽ dịch cuốn *Ánh Trăng* như một tài liệu tham khảo.

Họ sẽ cho tài liệu này đáng tin cậy, vì tầm vóc của kỳ thi (1334 tác giả, 1636 tác phẩm, một tập thể đông đảo những nhà văn hữu trách trong guồng máy văn hóa Cộng sản Việt Nam như tuần báo *Văn Nghệ*, nhà xuất bản Hội Nhà văn, và Tổng Công Ty Xuất Bản Sách . . .) Quả thật, những cuộc trắc nghiệm của người Mỹ chẳng hạn, dù trong khuôn viên đại học cho những đề tài khoa học nhân văn, hay ngoài đời sống như trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vừa qua, cũng không đòi hỏi một số người tham dự đông đảo hơn bao nhiêu.

Và trong cái nhìn ấy, họ sẽ dễ dàng ngộ nhận là giải nhất *Kẻ sát nhân lương thiện* cùng những lời phê phán của ban giám khảo phản ánh những gì thượng hạng của đất nước, về nghệ thuật cũng như quan niệm đạo lý.

*

Nhưng là người Việt Nam, tôi đã không dừng lại ở đây, và tôi đã suy nghĩ về lý do của câu chuyện kỳ dị này. Tôi không tin nghệ thuật và đạo lý văn giới

quốc nội lại rơi vào một tình trạng thảm thương như vậy. Và tôi đã cố gắng tìm một lý giải thỏa đáng.

Trong bài trước (*Văn Học* số 79), tôi đã không tin là kỳ thi văn này phản ảnh trung thực thẩm mỹ và quan niệm đạo lý của tập thể các nhà văn dự thi. Chúng ta chỉ được đọc 12 truyện do ban giám khảo chọn cho đăng lại. Cách thẩm định bất thường của họ – như thấy qua những lời phê phán – cho ta hy vọng là trong số 1624 tác phẩm bị loại có thể có nhiều tác phẩm hoàn mỹ hơn.

Tôi đã nghĩ vấn đề là ở nơi ban giám khảo và tập thể rộng lớn các nhà văn quốc nội liên kết chịu trách nhiệm kỳ thi văn này. Nhưng tại sao họ lại tán đồng và tưởng thưởng một nhân sinh quan phi đạo lý bằng những lời phê rành mạch như vậy?

Tôi không nghĩ họ tưởng thưởng *Kẻ sát nhân lương thiện* để chống đối Cộng sản, vì truyện này biện minh cho lý thuyết Cộng sản trong dạng thức thô sơ nhất. Quả thật, truyện chủ trương rằng người ta có quyền giẫm lên pháp luật mà thực thi giai cấp đấu tranh bằng bạo lực và hận thù.

Cách lý giải độc nhất thuận lợi và nhẹ nhàng cho các nhà văn hữu trách trong kỳ thi này là họ không thật sự suy nghĩ những điều họ viết. Nói cách khác, hiện tượng quan sát qua kỳ thi này không phản ảnh trung thực bản chất thâm sâu tốt lành của con người nói chung. Và bản chất tốt lành ấy chỉ bị tạm thời che khuất, và sẽ lộ diện một khi những trở ngại nhất thời sẽ được vượt qua.

Và tôi đã điểm qua trong bài trước một số trở ngại nhất thời cho công việc của những nhà văn quốc nội, như ảnh hưởng của một nửa thế kỷ viết văn minh họa không thể chỉ một vài năm qua mà biến hẳn đi; như mực sống kinh tế quá thấp của văn giới, đã khó khăn lại càng khó khăn thêm vào lúc chuyển tiếp sang kinh tế thị trường với sự bãi bỏ bao cấp cho người viết; như sự thiếu thốn sách vở từ cộng đồng văn học thế giới; như việc tự do dân chủ thật sự chưa tới với đất nước, v.v... Vì tính cách nhất thời của những trở ngại trên, chúng nhất định sẽ không còn tồn tại trong tương lai khi mọi chuyện sẽ tốt lành hơn . . .

*

Nhưng dù cắt nghĩa thế nào đi nữa, ta không thể nào chấp nhận một kỳ thi văn học lớn như vậy lại đề cao một một trình độ nghệ thuật khiếm khuyết, và nhất là một nhân sinh quan phi đạo lý.

Tôi mong lời cảnh giác của tôi đến được với những nhà văn trách nhiệm về kỳ thi truyện ngắn báo *Văn Nghệ* 1991, tuy có thể họ không vui khi nghe lời thật. Tôi cũng không ngạc nhiên nếu họ không có phản ứng gì, vì giao lưu văn hóa vẫn một chiều, và dễ gì sách báo hải ngoại tới tay người trong nước. Vả lại tự do dân chủ chưa thật sự tới với đất nước, phát biểu trung thực những ý kiến của mình chưa dễ dàng gì trong cảnh sống quốc nội.

Tôi chỉ ngạc nhiên vì phản ứng của tạp chí *Hợp Lưu* trong số tân niên vừa qua, với cùng một lúc ba bài của Phan Tấn Hải, Nguyễn Tiến Văn, và Lê Thứ. Với những cung cách và cung bực khác nhau, ba bài viết này bênh vực *Kẻ sát nhân lương thiện* cũng như những nhà văn trong nước đã tưởng thưởng nó.

Sự nhạy ứng của *Hợp Lưu* và ba người viết này nói lên một ưu tiên bất thường, vì thật ra còn bao nhiêu chuyện khác – vừa bạo tàn vừa đáng công phẫn mà gần kề ngay với chúng ta – đã không tạo ra một phản ứng như vậy. Tôi muốn nói đến sự đày đọa của thuyền nhân trong các trại giam Hồng Kông, Thái Lan, Mã Lai Á, Phi Luật Tân . . . đến cuộc đời lỡ dở của cả trăm ngàn con em công chức hay quân nhân miền Nam cũ, suốt mười mấy năm trước, chỉ vì lý lịch cha mẹ, đã bị kỳ thị ngay dưới mái trường đến nỗi tài năng cũng như tuổi hoa niên bị mai một với thời gian . . . đến các nhà văn và trí thức hiện bị giam cầm trong nhà tù quốc nội vì tranh đấu cho tự do dân chủ.

Ngôn ngữ và cung cách của các bài viết này có nhiều chỗ phơi bày một sự nóng giận đặc biệt. Điều này không làm tôi bực mình. Trái lại tôi có cớ để hy vọng. Là một khi bình tĩnh trở lại, các vị sẽ nhìn thấy vấn đề chính và quan trọng là *mối nguy cơ của một nhân sinh quan phi đạo lý trong văn học có thể tạo ra bởi kỳ thi truyện ngắn báo Văn Nghệ 1991.*

*

Nếu có ai chưa bắt được ý chính của bài tôi viết, thì đây là dịp đả thông. Còn chuyện tình thương dành cho đồng bào quốc nội của chúng ta, trong hay ngoài văn giới, vấn đề khỏi cần tranh cãi. Ai là người không xót xa đến quê hương? Riêng tôi, ngay trong khi bình luận về trách nhiệm của ban giám khảo và tập thể các nhà văn quốc nội liên hệ đến giải truyện ngắn báo *Văn Nghệ* 1991, tôi vẫn tìm những lý giải thỏa đáng mở cửa cho niềm hy vọng là con người thâm sâu nơi họ vẫn tốt lành.

Nhưng thương yêu là một chuyện, mà khen lao phỉnh phờ lại là chuyện khác. Phỉnh phờ không tạo ra những nhà văn lớn cho đất nước. Hơn nữa, trong trường hợp kỳ thi văn báo *Văn Nghệ* 1991, phỉnh phờ còn có nguy cơ cho phép một nhân sinh quan phi đạo lý len lỏi vào văn học. □

NGUYỄN KHẮC XUYÊN

kỷ niệm 400 năm sinh nhật đắc lộ (1593-1993)

(Mến tặng giáo sư Nguyễn Khắc Kham nhơ giỗ 300 năm Đắc Lộ [1660-1960] ở Sài Gòn).

Xác tôi dời bỏ Đàng Trong và Đàng Ngoài, nhưng thực ra lòng tôi vẫn quyến luyến cả hai nơi, và tôi chắc rằng không bao giờ lòng tôi lại quên được hai xứ ấy.
— Đắc Lộ, *Hành Trình và Truyền Giáo* (1653).

Cha đàng ngoài, mẹ ở đàng trong...
... Tiếng đàng trong, tiếng đàng ngoài quấn quít,
Vào giữa mái tranh, giường chõng, cột nhà...
— Xuân Diệu (1960).

Cầu Giát giữa đường Thanh Nghệ
Đã nghe chớm giọng đàng trong...
— Hồ Dzếnh, *Cầu Giát* (1988).

Cho tới năm 1961, năm tổ chức lễ giỗ 300 năm giáo sĩ Đắc Lộ (1660-1960) ở Sài Gòn, người ta vẫn còn chưa dứt khoát ấn định năm sinh của ông. Có người đưa ra năm 1593, nhưng đa số, theo mấy nhà nghiên cứu người Pháp như L. Cadière, Maurice Durand lại lấy năm 1591, như Phạm Đình Khiêm và cả chúng tôi nữa. Với Võ Long Tê trong *Lịch Sử Văn Học Công Giáo Việt Nam* (Sài Gòn, 1965) và nhất là Đỗ Quang Chính, trong *Lịch Sử*

Chữ Quốc Ngữ (Sài Gòn, 1972) thì năm sinh của Đắc Lộ là 1593 ngày 15 tháng 3. Hẳn là Đỗ quân đã nghiên cứu mấy tài liệu viết tay ở văn khố Dòng Tên Rôma nên mới khẳng định về năm sinh một cách chắc chắn như thế. Dẫu sao, hiện nay, chúng tôi thấy vẫn tắt vấn đề như sau.

Trong cuốn *Hành Trình và Truyền Giáo* (1) của Đắc Lộ (1653), in lại năm 1854 ở Paris, nhà phát hành cho biết Đắc Lộ sanh ngày 15 tháng 3 năm 1591 và vào Dòng Tên năm 1612. Còn chính Đắc Lộ, trong *Hành Trình* thì chỉ cho biết ông bỏ quê quán là thành phố Avignon để đi Rôma hồi ông 18 tuổi, nhưng ông không cho biết ông vào Dòng năm nào.

Đỗ Quang Chính cho năm sinh của Đắc Lộ là năm 1593, và cũng nhận năm Đắc Lộ gia nhập Dòng là năm 1612. Như vậy, nếu Đắc Lộ sinh 1593 mà vào Dòng năm 1612 thì lúc đó ông mới có 19 tuổi ư? Chúng tôi phỏng đoán – có thể sai lầm – lúc đó người ta đã thêm cho ông hai tuổi nữa để thành 21 chăng? Dẫu sao có hai việc phải làm: một là tìm xem "hai thủ bút của Đắc Lộ còn lưu trữ tại văn khố Dòng Tên ở Rôma" (2); hai là tới văn khố thành phố Avignon (Pháp), quê hương Đắc Lộ, xem sổ rửa tội năm 1593 và đây là bằng chứng đích thực nhất. Điều này chúng tôi đã nhờ một người làm giúp, nhưng hình như cuốn sổ rửa tội năm đó đã thất lạc.

Dẫu sao, theo Võ Long Tê, Đỗ Quang Chính, chúng ta nhận năm 1593 là năm sinh Đắc Lộ và năm 1993 này là kỷ niệm 400 năm sinh nhật của ông.

Để đóng góp vào việc nhắc nhở sự nghiệp văn hóa, văn học của Đắc Lộ, chúng tôi xin cống hiến bạn đọc ba bài ngắn về: Tiếng Đàng Trong trong *Phép Giảng* (1651); Mấy nhạc khí cổ truyền Việt Nam trong *Từ Điển Việt Bồ La* (1651); Một số chữ tục trong cuốn từ điển ấy.

Trong bài thứ nhất chúng tôi theo, Đắc Lộ tới Đàng Trong năm 1624, học tiếng Đàng Trong với De Pina người Bồ đã rất thông thạo tiếng Việt bởi đã học từ năm 1617, đồng thời cũng học tiếng Việt với một cậu bé người Đàng Trong là Raphael. Cho nên lúc ông ra Đàng Ngoài thì ông đã rất thông thạo tiếng Đàng Trong. Khi ông cập Cửa Bạng, Thanh Hóa ngày 19 tháng 3 năm 1627, hôm đó ông đã sử dụng tiếng Đàng Trong để giảng cho người Đàng Ngoài. Nếu trong *Từ Điển*, Đắc Lộ nhiều lần ghi cả hai tiếng Đàng Trong và Đàng Ngoài, thì trong *Phép Giảng* ông như rõ rệt nói tiếng Đàng Trong hơn, việc tìm kiếm này sẽ giúp chúng ta đánh giá sự nghiệp văn hóa của mỗi người, kể cả Gaspar d'Amaral, và Antôniô Barbosa là hai tác giả học tiếng Đàng Ngoài, 15 năm sau, khi ở Đàng Trong người ta đã học tiếng Đàng Trong: Busomi tới năm 1615, rồi De Pina 1617, Borri 1618, De Rhodes và Gaspar Luis 1624.

Còn về *Từ Điển Bồ La* (1651) thì là một tài liệu rất quý không những để biết tiếng Việt Nam vào thế kỷ 17 mà còn để nhận ra hai cách phát âm của hai miền đất nước vào thế kỷ 17, lại hiểu thêm về phong tục, tôn giáo và xã hội Việt Nam. Chúng tôi sẽ nói tới một số nhạc cụ có ghi trong *Từ Điển*. Thực ra, ngoài *Vũ Trung Tùy Bút* của Phạm Đình Hổ (3) bằng chữ Hán, thì

Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa (4) có một chương nói về các nhạc khí. *Từ Điển* của Đắc Lộ cũng là một tài liệu cổ có ghi nhận các nhạc cụ cổ của ta. Tuy chỉ là những tiếng ghi trong *Từ Điển*, nhưng phải được kể như một bản văn có giá trị vì được viết không phải bằng chữ Nôm như trong *Chỉ Nam* mà bằng chữ quốc ngữ đang hay mới hình thành (1651). Trong *Âm Nhạc Cổ Truyền Việt Nam* (5), Trần Văn Khê mới kê khai *Vũ Trung Tùy Bút* và nhắc tới *Marini*, nhưng chưa nói tới *Chỉ Nam* và *Từ Điển*.

Cũng trong *Từ Điển*, chúng tôi trích ra một số chữ gọi là chữ tục. Hẳn là rất táo bạo và độc đáo, khi nhà ngữ học Đắc Lộ ghi trên giấy trắng mực đen những chữ tục trong tiếng Việt Nam, việc mà không một nhà Nho nào của chúng ta có thể làm được vì vấn đề đạo đức và luân lý. *Từ Điển Tiếng Việt*, Hà Nội, 1977, cũng không cho những chữ tục này vào. Năm 1988, khi cho phát hành *Từ Điển Tiếng Việt*, thì ban biên tập cũng viết: "*Quyển từ điển này không thu nhập... từ ngữ thô tục*" (Sđd tr. 9). Sự việc này làm cho nhiều người bỡ ngỡ và đem lời phê bình chỉ trích. Có thể vì thế mà lần tái bản *Từ Điển Tiếng Việt*, Hà Nội 1992, các tiếng tục mới được phép có chỗ trong từ điển (6). Đắc Lộ, như một nhà ngữ học, đã cho ghi một số chữ tục, trong đó có những chữ ngày nay không còn dùng, hoặc có thể vẫn còn thông dụng trong một địa phương nào đó mà thôi.

Tiếng Đàng Trong trong Phép Giảng

Để theo dõi sự hình thành chữ quốc ngữ một cách nghiêm chỉnh và xác đáng, thì người ta không thể không thấy rõ điều này: lớp giáo sĩ Dòng Tên đầu tiên đến xứ ta, họ đã tới Đàng Trong năm 1615. Hai trú sở của họ được đặt ở hai địa điểm đất nước Đàng Trong: Hội An và Qui Nhơn. Nói Hội An thì cũng phải nói tới đất Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam. Và ở những điểm này, giọng nói của dân địa phương không dứt khoát, không "sáng tỏ" như giọng nói của những người miền khác, nhất là ở Đàng Ngoài và Kẻ Chợ Đông Kinh. Nói Qui Nhơn, tức nói tới người Bình Định với giọng nói có khi còn khó nghe hơn giọng Quảng Nam nữa. Đàng Trong vào thời kỳ này về phía nam mới chỉ đi tới Phú Yên. Thế nhưng họ cũng đã tìm học hỏi. Buzomi vì tuổi đã cao nên không sao học được và vẫn phải dùng thông ngôn để giảng đạo. Borri thú nhận mới chỉ nói được sơ sơ, chứ nếu phải dẫn giải giáo lý tường tận thì còn khá lúng túng. Chỉ có De Pina là thông thạo tiếng. Ông đi tới Đàng Trong năm 1617 và sau 1621 khi Borri viết *Tường Trình*, Borri đã hết lời nghen ngợi Pina "rất tinh thông tiếng Đàng Trong và nói rất mực tự nhiên", ở chương 10 phần 2, Borri lại viết thêm: "*Còn De Pina rất tinh thông tiếng Đàng Trong.*" (7)

Năm 1624, khi De Rhodes tới, thì cũng thấy De Pina "rất thông thạo tiếng xứ này", "không cần thông ngôn vì rất thạo" (8). De Pina đã làm thày dạy De Rhodes học tiếng và còn dẫn dắt De Rhodes đi thăm bà Minh Đức Vương Thái Phi mà De Pina đã rửa tội, cùng giao thiệp với Hoàng tử Khê

con bà, bào đệ của Chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Trong lời tựa của *Từ Điển*, De Rhodes cũng công nhận và viết: "*Ngay từ đầu tôi đã học với Cha Francisco de Pina người Bồ thuộc Dòng Giêsu rất nhỏ bé của chúng tôi, là thầy dạy tiếng, người thứ nhất trong chúng tôi rất am tường tiếng này và cũng là người thứ nhất bắt đầu giảng thuyết bằng phương ngữ đó mà không dùng thông ngôn.*" (9)

Người thứ hai dạy De Rodhes học tiếng là một cậu bé người Đàng Trong. Ông viết trong *Hành Trình và Truyền Giáo*: "*Người giúp tôi đắc lực là một cậu bé người xứ này. Trong ba tuần lễ đã dạy tôi các dấu khác nhau và cách đọc hết các tiếng. Cậu không hiểu tiếng tôi mà tôi thì chưa biết tiếng cậu, thế nhưng, cậu có trí thông minh biết những điều tôi muốn nói. Và thực thế, cũng trong ba tuần lễ, cậu học các chữ của chúng tôi, học việc và học giúp lễ nữa. Tôi sửng sốt thấy trí thông minh của cậu bé và trí nhớ chắc chắn của cậu. Từ đó cậu làm thày giảng giúp các Cha. Cậu đã là dụng cụ rất tốt để tôn thờ Chúa trong giáo đoàn và cả ở nước Lào, nơi cậu hoạt động trong nhiều năm với thành quả mỹ mãn, cậu rất mến thương tôi nên đã muốn lấy tên tôi.*" *(10)*
Raphael Rhodes, tên cậu bé này, về sau lập gia đình và sống ở kinh thành Đông Kinh, làm thông ngôn cho người Hòa Lan. Ông giúp đỡ rất nhiều cho giáo đoàn thời đó và cộng tác với các giáo sĩ. Năm 1660, Tissanier viết về ông như sau: "*Trong số các ân nhân của chúng tôi thì phải kể một người Đàng Trong giàu có tên là Raphael Rhodes, ông này ngày xưa được cha Alexandre de Rhodes rửa tội ở xứ Đàng Trong ngày nay còn giữ kỷ niệm về tên người tôi tớ cao cả của Thiên Chúa.*" (11)

Ngày 20 tháng 6 năm 1666 khi Deydier ngược sông Hồng thì cũng đưa tin cho Raphael ở Kẻ Chợ. Raphael liền mượn chiếc thuyền của người Hòa Lan đi đón Deydier ở Phố Hiến (Hưng Yên). Tới Kẻ Chợ, Deydier trọ nơi nhà Raphael thuộc khu dành cho người Hòa Lan. Raphael còn cho ông mượn tiền để sắm một chiếc thuyền làm chủng viện nổi trên mặt sông.

Chúng tôi nói hơi dài về Raphael vì chủ ý nhấn mạnh tới người Đàng Trong dạy Đắc Lộ học tiếng Đàng Trong, cũng như De Pina thông thạo tiếng Đàng Trong và dạy De Rhodes học tiếng Đàng Trong. (Coi thêm: Đỗ Quang Chính, *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ*, Sài Gòn, 1972, tr. 22 về De Pina và tr. 80-81 về Raphael). Học tiếng Đàng Trong, De Rhodes viết tiếng Đàng Trong. Không phải lần đầu tiên, ông viết cuốn giáo lý, bởi vì từ năm 1620 ở Đàng Trong và hẳn phải có tay De Pina, người ta đã soạn một sách giáo lý cơ bản, có thể là bằng chữ Nôm, nhưng cũng rất có thể có một bản bằng chữ quốc ngữ. Khi De Rhodes năm 1626 bỏ Đàng Trong để về Macao để rồi năm 1627 ra Đàng Ngoài thì ông đã thông thạo tiếng Đàng Trong để giảng trực tiếp cho người Đàng Ngoài. Ông đã mở một khóa học giáo lý tám ngày và có thể dây là nội dung của Phép Giảng Tám Ngày, song ngữ La tinh - Việt, 329 trang, in tại nhà in riêng của Bộ Truyền Bá Đức Tin, Roma, 1651, cùng với *Từ Điển Việt Bồ La*.

Đọc *Phép Giảng*, người ta thấy rất nhiều tiếng thuộc tiếng Đàng Trong. Chưa nghiên cứu toàn bộ về vấn đề, chúng tôi đại khái trình bày như sau:

Ngoài chữ bêta Hi Lạp để viết chữ "v Đàng Trong" đọc như thể "vi" hoặc "z", còn có những chữ như *bvừng = vâng; dừng = dâng; mầng = mừng; đam = đen; bọc = bậc, bực; tiền = tiền; việc = việc*.

Về chữ *việc* này, chúng tôi coi lại bản đính chính chính tác giả cho in ở cuối *Phép Giảng*, trang 5, *vię*, chữa là *việc*. Như vậy không thể cho hoặc là tác giả viết sai, hoặc nhà in không đủ chữ.

Có một số chữ không viết với *ă* mà viết với *a* như *bàng* = bằng; *đáng* = đắng; *đạt* = đặt; *giạc* = giặc; *hàng* = hằng; *lám* = lắm; *lạng* = lặng; *mạc* = mặc; *mạt* = mặt; *nam* = năm; *nhám* = nhắm (nắm); *ràng* = rằng; *tát* = tắt . . . Còn *thạt* thì được viết không có *ă*; thật, *Từ Điển* lại ghi *thật*.

Có mấy chữ làm chúng ta bỡ ngỡ, thí dụ *tiền* được viết với *e*, *việc* cũng vậy. Còn *choặc* và *coắc* thay cho chuộc và quốc. Huỳnh Tịnh Của viết *quắc*.

Nhưng từ bỡ ngỡ này tới bỡ ngỡ khác, khi chúng tôi thấy viết *dên* = dân, chừng 30 lần, *chên* = chân, chừng 20 lần. *Thien địa vạn hữu chi chên Chúa*, chữ *chân* ở đây cũng viết thành *chên*. Ở chữ *hảo*, hỏng, còn ghi *hát hảo, hảo chên* trong *Từ Điển*.

Đến chữ *đất* thì thấy tới gần 70 lần viết *đất* và chừng 20 lần viết *dất*. Ở trang 267 người ta đọc *blời mới và đất mới*, rồi có *hòn đất, rốn dất*.

Phép Giảng cũng viết *nhật thực*, nhật thực. *Từ Điển* còn ghi *nhịt, mặt blời; nhịt*, ngày, *nhịt bổn*, nhật bổn.

Tới chữ *nhứt*, nhất, chúng tôi thấy tới gần 70 lần, thường đi với những cách nói: *thứ nhứt, việc nhứt, của nhứt, nhỏ nhứt, phép nhứt, khéo nhứt, thật nhứt, đứng nhứt* (đấng nhất), *nhứt là, làm thày nhứt, người nhứt, đạo sinh nhứt, nhứt sinh nhị, hiền nhứt, đều nhứt*. *Từ Điển* cũng nhất luật ghi *nhứt*.

Chữ *nhân* được viết là *nhin*, tới gần 60 lần: *nhin vì sự ấy, rứt nhin, nhin đức, nhin thể, nhin lành, nhin nghĩa* . . . Ở trang 113 khi nhà in xếp chữ sai *ninh* thì ở trang đính chính đã được sửa lại là *nhin*. *Từ Điển* cũng một mực ghi *nhin* và còn viết *Qui nhin*, chứ không phải *Qui nhơn*.

Chúng tôi cũng bắt đầu để ý tới một vài điểm khác trong vần quốc ngữ trình bày trong *Khái Luận* và được thực hiện trong *Phép Giảng*. Khi ông viết *oũ* để phát âm là *ông*, tức *oung* thì phải chăng người Đàng Trong đã đọc như thế, hoặc khi ông viết *aõ* để đọc *ong* tức *aong*, vì người ta đọc kéo lê thê như vậy. Dấu ~ (tilde) là cách viết tắt *ng* cuối trong tiếng Bồ.

Cũng vậy khi ông nói dấu mũ ngửa thường đặt trên chữ *a* thành *ă*, nếu đặt trên *e*, *a* và *o* thì chỉ đọc phớt qua, âm sau mới là âm thật, thí dụ *dẻạy dẻỗ, dẻọn, tẻoan, đóc* thì phải chăng người Đàng Trong thời đó đọc kéo dài như nũng nịu, như lải nhải: *dạy dỗ, dọn, toan, óc*.

Vì thế *Phép Giảng* viết *đóc, khđóc lãóc, mãọc, tãóc, nhãọc, cãóc* (óc, khóc lóc, mọc, tóc, nhọc, cóc).

Có người sẽ nại danh từ De Rhodes dùng, khi ông viết *Linguae Annamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio, Diễn giải vắn tắt về tiếng Annam hay tiếng Đông Kinh*. Chữ Đông Kinh ở đây chỉ Kẻ Chợ, kinh đô, nhưng kinh đô là kinh đô cho cả nước, cho nên theo chúng tôi thì phải hiểu chung cho cả Bắc lẫn Nam. Còn nếu dùng Đàng Ngoài thì không hợp. Các người ngoại quốc tới xứ ta vào đầu thế kỷ 17 này, họ đều nhận thấy sự chia rẽ hai miền nhưng kỳ thực chỉ có một nước là nước Annam và Đông Kinh là thủ đô. Khi De Rhodes năm 1627 ra Thăng Long, ông rất thích thú vì ở đây mới có triều đình cổ kính với các nghi lễ và lực lượng xứng đáng một quốc gia gần hai nghìn năm văn hiến. Ở Đàng Trong, Nguyễn Phúc Nguyên mới bắt đầu đặt cơ sở cho một quốc gia tự trị với lề thói bắt chước Kẻ Chợ Đông Kinh mà thôi.

Cũng vậy, khi De Rhodes dùng *Từ điển Annam hay Đông Kinh, Dictionarium Annammaticum seu Tunkinense*, thì cũng hiểu Đông Kinh như tên thủ đô để chỉ cả nước, như người ta bây giờ thường nói Bắc Kinh, Luân Đôn thay cho nước Tàu, nước Anh, hoặc Hà Nội thay cho Việt Nam.

Tóm lại, De Rhodes học tiếng Đàng Trong rồi viết tiếng Đàng Trong như chúng tôi dẫn chứng ở trên. Khi De Rhodes được phái tới Đàng Ngoài, thì ông đã phải về Macao đã, rồi mới từ Macao tới Đàng Ngoài để tránh sự nghi kỵ của Trịnh Tráng; người ta sợ có gián điệp của Nguyễn Phúc Nguyên len lỏi tới Đàng Ngoài. Thế nhưng, biết đâu, ban đầu De Rhodes được lòng Trịnh Tráng, nhưng về sau lại bị Trịnh Tráng ra lệnh trục xuất vì nghi ông là gián điệp Đàng Trong. Dẫu sao, ông không thể chối cãi được bởi vì giọng nói của ông hẳn là giọng Đàng Trong trăm phần trăm: người ta không thể một sớm một chiều đổi được giọng nói, nhất là đối với một người ngoại quốc học tiếng xa lạ.

Trên đây, chúng tôi nói Huỳnh Tịnh Của đã viết *quấc* thay cho *quốc*. Còn một sự sống động này nữa. Vào những năm 30-35, chúng tôi sống ở Hà Nội và thường gặp mấy giáo sĩ người Pháp rất sành sõi tiếng Việt. Một lần có một nhân vật cao cấp từ Qui Nhơn ra: vị đó đến nói chuyện với chúng tôi. Là người Pháp nhưng đã học và hoạt động ở Qui Nhơn cho nên vị này nói tiếng "Đàng Trong", giọng Bình Định. Chúng tôi rất bỡ ngỡ được nghe một người ngoại quốc nói giọng Bình Định rất sành sỏi. Ông không thể làm khác được và chúng tôi cũng không thể nói như ông được. Việc này cũng giúp chúng tôi suy nghĩ về trường hợp những người ngoại quốc học tiếng Đàng Trong và rồi viết theo tiếng Đàng Trong, như trước đây gần 400 năm những De Pina, những Borri, những De Rhodes. De Rhodes bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài, nhưng người ta đã khôn hơn, không còn đưa người học tiếng Đàng Trong ra Đàng Ngoài mà đem những người còn nguyên si từ Macao tới Đàng Ngoài để họ học tiếng Đàng Ngoài, nói tiếng Đàng Ngoài để rồi viết theo tiếng Đàng Ngoài. Đó là những tay như D'Amaral, Barbosa. Còn De Rhodes sau khi ở Macao mười năm, năm 1640 ông lại lần mò vào Đàng Trong để

giảng cho người Đàng Trong, cho tới năm 1645 khi bị Nguyễn Phúc Lan trục xuất thì về Macao, rồi lên đường qua Âu châu vừa vận động Bộ Truyền Bá Đức Tin, vừa cho ấn hành các tác phẩm, trong đó có *Phép Giảng* được viết theo tiếng Đàng Trong (12).

Nhạc khí cổ truyền Việt Nam trong Từ Điển

Alexandre De Rhodes năm 1627 tới Đàng Ngoài giữa lúc Trịnh Tráng đem vua Lê đi dánh Nguyễn Phúc Nguyên. Ông đã gặp Trịnh Tráng và dâng lễ vật. Khi Trịnh Tráng bại trận trở về thì lại tiếp đãi De Rhodes khá nồng hậu. Một hôm, ông được chúa cho vời tới thuyền rồng để dự một buổi ca hát dân tộc. Ông viết trong *Lịch Sử Đàng Ngoài*: "*Chúa phái người đưa một chiếc thuyền nhỏ sơn son thếp vàng đến đón và đưa chúng tôi tới thuyền ngài, nơi ngài muốn cho chúng tôi dự buổi ca hát. Chúng tôi trịnh trọng đi theo và thấy chúa ham thích cách tiêu khiển tao nhã này. Chúa cho chúng tôi được hân hạnh ngồi cạnh chúa và hỏi chúng tôi xem trong xứ chúng tôi, người ta dàn hát thế nào. Chúng tôi cắt nghĩa cho chúa biết qua, thế nhưng tôi rất khen (cho phải phép) ca nhạc của chúa*". (Sđd. 1651, q. 2, ch. 11. Bản Ý, 1650, bản Pháp 1651, bản La-tinh 1652, bản viết tay 1636). Nói chung, người ngoại quốc thời đó ít biết thưởng thức những ca trù, ca văn dân tộc. De Rhodes không cho biết thêm, nhưng nguyên một việc ông nói là ông đã khen vì xã giao chứ không vì xác tín thì đủ thấy ông không hiểu biết gì về ca nhạc Việt Nam. Thế nhưng trong *Từ Điển*, có ghi chép nhiều nhạc cụ cổ truyền của chúng ta.

Theo thứ tự abc, chúng ta thấy có:

1. *Chiêng*, cái *chiêng*: một thứ chuông đồng phương ở giữa có vú.

2. *Chuông*, hoặc *chuâng, đánh chuâng*. Ông không cắt nghĩa, chỉ thêm *đánh chuâng* mà thôi.

3. *Cồng, cái cồng*: một dụng cụ nhỏ để báo canh, hay để báo nhiều việc khác.

4. *Cuiển* hay *quiển, cái quiển*: một loại ống sáo. *Thổi quiển. Miệng quiển*: miệng quiển phía dưới để gió thoát ra.

5. *Đàn bầu*: đàn giống quả bầu có một dây. Định nghĩa như thế thì mới chỉ hiểu được một nửa, bởi vì quả bầu chỉ là như cái loa, còn thân đàn bằng gỗ và dài. Cũng gọi là đàn độc huyền, tức có một dây.

6. *Đàn cò* hay *đàn cò ke*: cây đàn thô sơ của người ăn mày. Như vậy là đàn nhị, hai dây, kéo chứ không nảy. Nhân tiện, chúng tôi thấy De Rhodes ghi *nảy đàn* chứ không phải gảy đàn. Ở chữ *nảy* còn thêm thí dụ *nảy dù*, nhất là *nảy mực tàu*: làm dấu trên gỗ bằng dây và mực, như thợ mộc quen làm.

7. *Đàn đáy*: ở chữ *đáy*, De Rhodes ghi ngay sau *đàn đáy, đàn bầu*. Như vậy có thể làm người ta coi hai thứ đàn cũng là một, nghĩa là cùng là thứ đàn một dây. Theo Trần Văn Khê, thì đây là thứ đàn gần như đàn nguyệt, thông dụng ở miền Bắc và cũng thường được gọi là ca trù cầm để đệm cho ca sĩ hát, các

đào nương hay ả đào (Trần Văn Khê, *Les Traditions Musicales, Việt Nam*, Bychet Chastel, Paris, 1967, tr. 91).

8. *Đàn hò*: De Rhodes không cắt nghĩa. Theo Trần Văn Khê (Sđd tr. 97) thì còn gọi là đàn gáo, đàn hồ.

9. *Đàn thiéc*: De Rhodes chỉ giải thích là thứ đàn thuôn dài (lyra oblonga). Mà thuôn dài thì có thể là đàn tỳ bà, bốn dây (13).

10. *Kèn*: Từ này trống quá, theo De Rhodes thì kèn cũng như cuiển, sáo, vì ông viết: *cuiển*, cùng nghĩa. Coi thêm *Trần Văn Khê*, Sđd, tr. 76 về kèn.

11. *Lệnh*: được giải thích là một dụng cụ bằng phẳng không có vú ở giữa, dùng để báo hiệu canh. Như vậy *lệnh* khác với chiêng ở chỗ có hay không có cái núm hay vú ở giữa.

12. *Mã la, cồng la: Mã la* thanh la lớn cầm canh, *cồng la*, thanh la nhỏ để báo hiệu giờ canh.

13. *Mõ*: dụng cụ bằng tre gõ vào để báo hiệu công cộng. *Gõ mõ, đánh mõ*, cùng nghĩa. Theo đây thì mõ làm bằng tre, nhưng thực ra cũng có mõ làm bằng gỗ.

14. *Phách, hổ phách*: đánh cho ra tiếng những nhạc cụ bằng gỗ. Hẳn thứ nhạc cụ này làm bằng gỗ hổ phách, dùng để cầm nhịp, thường gọi là cái phách. (Coi *Trần Văn Khê*, Sđd. tr. 105).

15. *Sáo, cái sáo*: một thứ nhạc khí. *Thổi sáo*: chơi sáo. Đây là thứ sáo ngang. (Coi *Trần Văn Khê*, Sđd. tr. 73-75).

16. *Sênh, đánh sênh*: De Rhodes cắt nghĩa dài dòng: "*Tiếng động phát sinh bởi những thanh gỗ, nhờ đó những người chèo thuyền theo tiếng động của những thanh gỗ, để tất cả mọi người chèo theo cùng một nhịp. Có người nói sinh.*" Thực ra De Rhodes nói nhiều về việc chèo thuyền, khi đua thuyền, theo nhịp của cái sênh. Nhưng ông không để ý tới thứ nhạc cụ dùng để cầm nhịp thường gọi là sinh tiền, vừa bằng gỗ vừa bằng đồng tiền để cầm nhịp, tương tự như cái phách.

17. *Tlống, đánh tlống, giống tlống*: Ở từ này tác giả ghi *tlống cái. Cái* ở đây hẳn có thể hiểu là trống "mẹ", như Bố Cái Đại Vương, hoặc chỉ một vật trọng yếu, như từ *cái*, De Rhodes viết: vật chính yếu trong cùng một loại: *đàng cái*, đường thuộc nhà vua, đường thiên lý; *sông cái*, sông chính, sông lớn; *cửa cái*, cửa chính. Người ta cũng hay nói: trống cái, trống con, sông cái, sông con . . .

18. *Tlống cơn*: De Rhodes cắt nghĩa là trống dài. De Rhodes không giải thích, chỉ nói là thứ trống dài. Thế cũng đúng, bởi vì trống cơm dài, hai đầu đều bịt da và khi đánh thì đeo và đánh trên hai mặt với hai tay. Theo Trần Văn Khê thì là thứ trống nhập từ Ấn Độ, cũng gọi là *phạn cổ*.

19. *Tù và*: Thực ra *Từ Điển* ghi thế này: "*Lù và* cái kèn vị đạo sĩ dùng để xin của bố thí. Có người nói: *tù và*". Ở chữ *và, lù và* lại ghi: "Chiếc tù và các nhà sư dùng để đi xin của bố thí."

20. *Xuy hiệu khí*: lên hiệu tù và, lên hiệu kèn. Ở chữ *thổi*, De Rhodes ghi: "*Xuy hiệu khí là thổi kèn, thổi tù và*." Như vậy đây không hẳn là một nhạc cụ, nhưng chúng tôi cũng cứ ghi ở đây để ghi nhớ.

Tóm lại về ca nhạc, chúng ta cũng không có nhiều, nhạc cụ cũng vậy. Chúng tôi đã tra từ như *ca, đàn, hát, múa, nảy, ngân, nhảy, thổi* nhưng kết quả rất mong manh. Ở chữ *ngân* có *hát ngân*; ở chữ *xẩm* thì chỉ giải nghĩa là mù; ở chữ truyện được ghi thêm *hát truyện* "*comaedias agere*" (14). Người dịch trong *Từ Điển* viết là "hát, diễn kịch, hài kịch". Chúng tôi nghĩ chỉ nên dịch là diễn kịch, chứ hài kịch vừa thừa vừa không đúng, bởi vì *comediae* có nghĩa chung là kịch, như trong Pháp ngữ có *La Comédie Francaise*, nghĩa là kịch, chứ không hài kịch.

Mấy tiếng tục trong Từ Điển

Nghiêm trang như kẻ tu hành, nhưng De Rhodes cũng là nhà ngữ học. Vì thế ông không sợ bẩn tay viết những từ cần phải tránh bởi không được trong sạch.

Có thể là ông len lỏi vào đám đông quần chúng thời đó sống gần ao hồ, chuôm sông, lạch ngòi, biển cả, cho nên một số từ nói lên công việc này. Ông có ghi *yả* với chữ *y*, nhưng cũng có những cách nói lóng như: *đi bến, đi cầu, đi đàng, đi đồng, đi ngoài, đi sông* (15). Còn nếu nói thanh một chút thì ở chữ *tiện*, có ghi *đại tiện*, còn ở chữ *tiểu* thì viết *tiểu tiện* và *đái* thì dĩ nhiên là cùng nghĩa.

Tới những điều khó nói hơn thì có:

Âm, vật âm mình: cơ quan sinh dục, gọi vậy cho nó thanh nhã.

Bẹn: thực ra sách viết sai là *bện*, nhưng ở trang đính chính đã được sửa lại là *bẹn*, với nghĩa "Cơ quan sinh dục của đàn bà. *Lồn, đoi, dánh* cùng một nghĩa. Những lời phải tránh và phải đề phòng những tiếng tương tự hay gần như vậy để khỏi nói những lời tục tĩu".

Bòi: "Cơ quan sinh dục của đàn ông. *Cạc*, cùng một nghĩa. Lời nói phải tránh". Ở đây không phải ông viết sai hoặc viết tránh né, nhưng hẳn là cách phát âm của người Đàng Trong lúc đó. Cũng vậy, De Rhodes thường viết nhiều tiếng với *a* chứ không với *ă*.

Cạc: Ở chữ này, ông chỉ nói là hãy xem chữ *bòi*.

Dốc: "Cơ quan sinh dục của đàn bà. *Lồn, đoi, bẹn, ke*, cùng một nghĩa; phải tránh những tiếng này." (Cavenda = phải tránh). Cũng nên để ý: vì đã in sai là *bẹm*, nên ở trang đính chính đã được sửa lại là *bẹn*.

Đánh: "Xem *lồn*". Ở đây tác giả viết với chữ *á* chứ không với *a*.

Đéo: "Giao hợp với đàn bà, tiếng tục. *Đéo mẹ thằng cha*: Hỡi thằng con của con dĩ, hỡi thằng con của đứa quê mùa xấu xa, tao sẽ làm tà dâm với mẹ mày". (Nhân tiện, chúng tôi thêm: những lời cắt nghĩa trong mục này, chúng tôi lấy bản dịch của những dịch giả *Từ Điển* do viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1991).

Đếch: "Tinh khí con người".

Đoi: Xem *bẹn*.

Đi, đi lại cùng đàn bà: "Làm sự giao hợp với xác thịt, với đàn bà. Cũng nói như vậy một cách trang nhã với chính vợ mình. *Đi lại cùng nhau*, cùng nghĩa".

Địt: "Tiếng nổ phát xuất từ bụng mà có hơi". Tức cái rắm. *Từ Điển* ghi *rau răm*, nhưng không ghi cái rắm, mà ghi *địt*. Hình như người miền Nam nói đánh địt là đánh rắm.

Đụ: Xem *đéo*.

Ke: Bộ phận sinh dục của đàn ông hay đàn bà.

Lắp đàn bà: Đi cùng đàn bà, giao cấu với đàn bà; kiểu nói bất nhã.

Lẹo: Sự giao cấu của loài chó.

Lồ, con lồ: Cơ quan sinh dục của đàn ông. *Lồ ra*, đi trần truồng.

Lỏ: làm dương vật cương lên, như khi con vật giao cấu. *Blỏ*, cùng một nghĩa. *Blỏ*, vạch cơ quan sinh dục ra, lỏ, lồ.

Lồn: Cơ quan sinh dục của đàn bà. *Dốc, đoi, bẹn*, cùng nghĩa.

Mào, đầu mào: Quy đầu, hay đầu của dương vật.

Nổ, nổ mềnh, địt: Tiếng nổ của bụng, rắm.

Nuạt: khoái lạc xác thịt. *Lấy nhau nuạt lám*, khoái lạc quá độ trong giao cấu.

Xom, dảy xom xom: nhảy. *Xom xom*, rung động thân xác trong khi giao cấu.

Để kết luận, chúng ta hãy mường tượng người Đàng Trong thời đó nói một cách rất dễ thương: *mô, tê, ni, tui, nứa*, với nghĩa: đâu, kia, nầy, tôi, vậy. *Từ Điển* thiếu chữ *răng* để đi đôi với *nứa*, thật là tiếc, bởi vì nếu đã có *mô* thì cũng phải có *tê*.

Con người ta không thanh hoàn toàn mà cũng không tục hoàn toàn, có thanh thì cũng có trọc và thanh trọc đều thuộc về con người.

Taberd (1838) trong *Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị*, không đầy đủ bằng De Rhodes về những từ này. *Từ Điển* của ông chỉ có: *cặc, đéo, địt*, nhưng *đi lại* không còn nghĩa như trong De Rhodes. Ở chữ *lồn*, ông ghi: còn có *đóc, bẹn, ke, lồ, đoi*. Không có *nhảy xom xom*.

Theurel (1837) trong *Tự Vị Annam Latinh*, ghi nhiều hơn Taberd một chút, nhưng so với De Rhodes thì cũng chưa bằng và lời chú giải cũng sơ sài: *bẹn, cặc, đéo, đọi, đách, địt, đánh địt, địt ngầm, địt vào, đụ, đụ nhau*, và *lồn* thì theo như Taberd. Có một điểm nữa là Theurel cắt nghĩa *nhảy xom xom* (ngày nay chúng ta nói *nhảy chôm chôm*) là nhảy lia lịa nói về loài nhái ếch, "*exsilire, de ranis*".

Thế mới hay, De Rhodes thuộc về lớp người cởi mở và tìm tòi. Ông tự nhiên ghi nhận, không tránh né. Taberd viết trong *Từ Điển* chính thức, nhưng Theurel thì "giả hình đạo đức", dành những chữ tục tĩu vào phần phụ của *Tự Vị Annam Latinh*, phần phụ này còn gồm những thiếu sót hoặc những chữ gốc Hán ít thông dụng. Ông gọi những từ tục tĩu đó là "những

tiếng ít thanh nhã" (*de aliquot vocibus minus urbanis*). Chính hay phụ thì liệu có ngăn cấm độc giả mở tới không? Vấn đề ngôn từ, chứ đâu phải vấn đề luân lý, đạo đức? □

Chú thích:

(1) A. de Rhodes, *Voyages et Missions*, Paris 1854. Theo bản đầu năm 1653.

(2) Trần Anh Dũng, *Sơ thảo thư mục Công giáo Việt Nam*, Paris 1992.

(3) Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Đông Nam Á, Paris, 1985, tr. 56-60.

(4) *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải, Hà Nội, 1985, tr. 177-179.

(5) Trần Văn Khê, *La Musique Vietnamienne Traditionnelle*, PUF, Paris, 1962. Về *Marini*, tr. 320, số 51; về *Phạm Đình Hổ*, tr. 320, số 52.

(6) *Từ Điển* tiếng Việt, Hoàng Lê chủ biên, Hà Nội, 1992, 1148 trang.

(7) C. Borri, *Tường trình về khu truyền giáo Đàng Trong*, Lille, 1631. Bản dịch Hồng Nhuệ, 1988. tr. 88, 123

(8) De Rhodes, *Hành trình và Truyền giáo*, Paris, 1653, phần 2 ch. 3.

(9) De Rhodes *Từ Điển Việt Bồ La*, 1651, Roma. Bản dịch Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính, Sài Gòn, 1991, tr. 3.

(10) De Rhodes, *Hành trình*, 1653, phần 2 ch. 3.

(11) J. Tissanier, *Tường thuật về hành rtình của Cha Tissanier tới nước Đàng Ngoài*, Paris, 1663, 1. 3, ch. 18.

(12) Chúng tôi mới để ý tới cách Đắc Lộ dùng hai *dấu ngã* và *dấu hỏi* để phân biệt tiếng Đàng Trong và tiếng Đàng Ngoài, một phần nào.

(13) Trần Văn Khê, Sdd. tr. 126, nói tới cây đàn *thiết sắt*, 25 dây tơ, còn *đàn cầm* chỉ có 7 dây tơ mà thôi, cả hai đều là đàn Trung Hoa. Do đó chúng ta thường nói: *đàn cầm đàn sắt* hay *sắt cầm hòa hợp*.

(14) Có lẽ thời xưa chữ "kịch" chưa thông dụng mà chỉ có "*truyện hát*" (ngày nay là kịch hát) hay *hát truyện*, chứ *kịch nói* thì chưa có, bởi vì mỗi lúc diễn đều có hát và múa. *Kịch nói* gia nhập nước ta từ thời tiếp xúc với Âu châu mà thôi.

(15) Nguyên về cách nói này cũng cho ta biết thời xưa chúng ta chưa có nhà vệ sinh như thời nay: tiện bến thì *đi bến*, có cầu thì *đi cầu* bắc trên sông, trên lạch, giữa đường hay tiện đường thì *đi đàng*, còn thường thường thì ra ngoài đồng, *đi đồng* vừa thoáng mát vì thanh khí dễ chịu như câu nói "ỉa đồng chồng quan", ra khỏi nhà thì để *đi ngoài*, còn nếu ở cạnh sông ngòi thì *đi sông*.

ĐÔNG NGUYÊN

thi sĩ quách tấn và thơ đường

Những năm cuối của thập niên 1930 và vài năm đầu của 1940, thơ mới thịnh đạt và bành trướng mạnh với những thi sĩ rất nổi tiếng như Huy Thông, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên . . . Sáng chói trên văn đàn với thơ tình lãng mạn, mới mẻ và duyên dáng, Xuân Diệu dõng dạc tuyên bố: "*Say thơ xa lạ, mê tình bạn, Khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen*" (1). Hầu hết thi nhân lúc bấy giờ đều có khuynh hướng đổi mới; chỉ riêng Quách Tấn trung thành với lối thơ xưa, và say sưa với cảnh đẹp thiên nhiên trong *Mùa Cổ Điển*. Cô đơn "*Trơ Trọi*", có lúc "*tình cũng lơ mà bạn cũng lơ*", ông vẫn một mình kết dệt những vần thơ Đường luật. Tuy theo thể thơ Đường luật, nhưng thơ ông "*vẫn có sự đổi mới trong cách dùng chữ, đặt câu, chuyển hơi, hòa điệu . . .*" (2). Nhờ thế mà "*những vần thơ luật của ông tuy có vẻ khiêm tốn nhưng không bị lu mờ*" (3) ngay trong thời kỳ vàng son nền của thơ mới.

Vài nét về Quách Tấn

Quách Tấn sinh ngày 23 tháng 11 năm 1910 tại thôn Trường Định, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định. Thuở nhỏ theo Hán học, mãi đến năm 12 tuổi mới bắt đầu học chữ Quốc ngữ, rồi sau đó theo học tiếng Pháp. Ông đã làm thơ từ những năm còn học tiểu học. Năm 1932, nhờ Tản Đà dìu dắt và được cụ Phan Sào Nam khích lệ, Quách Tấn đã bước vào làng thơ. Từ những năm 1960 ông lại viết địa phương chí và hồi ký văn học.

Thơ của Quách Tấn thường đăng trên *An Nam Tạp Chí, Phụ Nữ Tân Văn, Tiếng Dân và Tiểu Thuyết Thứ Bảy*. Tác phẩm đã xuất bản: *Một Tấm Lòng* (thơ, 1939); *Mùa Cổ Điển* (thơ, 1941); *Trăng Ma Lầu Việt* (viết phỏng theo *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ, 1944); *Đọng Bóng Chiều* (thơ, 1965); *Mộng Ngân Sơn* (thơ, 1967); *Đôi Nét Về Hàn Mặc Tử* hồi ký, 1988). Đặc biệt nhất là hai tác phẩm *Nước Non Bình Định* (địa phương chí, 1967) và *Xứ Trầm Hương* (địa phương chí, 1969). Đây là hai cuốn "công phu và xuất sắc nhất" trong số những sách địa phương chí thuộc "phong trào về nguồn" từ năm 1962 (4).

Quách Tấn đã từng làm công chức tại Huế, Qui Nhơn, Nha Trang; và Giáo sư Việt văn tại Nha Trang trước năm 1975. Ông qua đời vào ngày 21 tháng 12 năm 1992, hưởng thọ 83 tuổi.

Quách Tấn với "Mùa Cổ Điển"

Mùa Cổ Điển được xem là thi tập xuất sắc nhất và tiêu biểu cho thi tài của Quách Tấn, gồm 59 bài thơ, hầu hết thuộc thể *thất ngôn bát cú Đường luật* (sẽ nói thêm về thể thơ này trong một đoạn sau). Quách Tấn chọn thể thơ Đường luật vì thể ấy thích hợp với tâm hồn ông, chứ ông không cho rằng thể Đường luật hơn các thể thơ khác. Hơn nữa, Quách Tấn cho rằng "*Nhạc là một yếu tố rất quan trọng trong thơ, có thể nói là quan trọng nhất*," mà "*thơ Đường hơn thơ đời khác ở chỗ giàu nhạc*" (2). Ngoài ra, ông cũng đã nhìn thấy một tính chất đặc trưng và ưu việt của thơ Đường: **hàm súc**! Chính vì thế mà Bàng Bá Lân đã viết: "*Có mấy chục chữ mà gợi được bấy nhiêu tình cảm, tưởng chỉ có thơ Đường mới được súc tích như vậy. Âu đó cũng là một ưu điểm của lối thơ này*" (5).

Có lẽ tôi đã bắt đầu thích thơ của Quách Tấn khi còn ở tuổi 15. Bài thơ đầu tiên của ông mà tôi đã nhớ thuộc lòng là bài *Trơ Trọi*:

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ!
Bao nhiêu khẳng khít bấy nhiêu hờ!
Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ!
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo mây bến cũ quyện lòng tơ
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại
Con thước qua sông cứ ỡm ờ!

Hai câu 3 và 4 hay nhất trong bài này. Cái buồn trơ trọi của tác giả đã biến thành nỗi sầu khổ cùng cực: mốn khóc cho vơi sầu mà nguồn nước mắt đã cạn khô tự bao giờ; nỗi nhớ nhung đang vò xé con tim, muốn gởi nó vào thơ nhưng nghĩ lại thấy tội nghiệp cho thơ! Quách Tấn chừng mực, nhẹ nhàng và trân trọng yêu thơ; tâm hồn ông dễ mến quá! Hai câu này "kín đáo và hàm súc; tả sự nghẹn ngào và ngập ngừng đến thế là hay!" (6). Từ những năm đầu của bậc trung học, tôi đã mê thơ mới của các thi sĩ tiền chiến; đã thuộc lòng nhiều bài thơ trong *Thơ Thơ* và *Gửi Hương Cho Gió* của Xuân DIệu, *Lửa Thiêng* của Huy Cận, *Gái Quê* của Hàn Mặc Tử, *Điêu Tàn* của Chế Lan Viên, *Lỡ Bước Sang Ngang* của Nguyễn Bính . . . Vài năm sau đó tôi mới đọc và thích thơ của Quách Tấn. Những vần thơ Đường luật với lời đẹp ý sâu của ông cũng đã cho tôi nhiều rung cảm thú vị; mặc dù lúc đó tôi đang bước vào tuổi mộng mơ, mê những bài thơ mới trữ tình lãng mạn! Trong thơ ông, thỉnh thoảng có những câu nghe như thơ mới:

Cảm thương chiếc lá bay theo gió,

Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm (7).

chứ không phải chỉ có *từ, từ, đối chọi* với những "*khói sóng trên sông*", "*đêm tàn sương lạnh*", "*chén rượu cuộc cờ*", "*hoa nở trăng lên*" ... Có lẽ một phần vì thế mà Hoài Thanh đã cho rằng "Quách Tấn đã tìm được những lời thơ rung cảm chúng ta một cách thấm thía. Ông đã thoát hẳn cái lối chơi chữ, nó vẫn là môn sở trường của nhiều người trong làng thơ cũ" (8).

Bài thơ nổi tiếng nhất của Quách Tấn trong *Mùa Cổ Điển* là bài *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu*:

Từ Ô Y hạng rủ rê sang,
Bóng lẫn thâu đêm tiếng rộn ràng;
Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình hoang mang gợi tứ hoang mang.

Vốn thích thơ Đường, tôi thích bài thơ này lắm. Bàng Bá Lân cho rằng "Hai câu luận lời thật chuốt và hay, nhất là câu 6 bóng bẩy và gợi cảm hơn cả câu *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô* của Nguyễn Du, vì câu này chỉ tả cảnh; còn câu *Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng* của Quách Tấn vừa tả cảnh vừa tả tình và cảnh tình hòa hợp rất khéo đã cụ thể hóa được cái sầu trừu tượng trong chiếc lá vàng rơi" (9). Vì muốn chữ ít ý nhiều nên những điển "Ô Y Hạng", "bến Phong Kiều", "sông Xích Bích" đã được dùng trong các cặp Đề và Thực. Cách dùng điển như thế quả thật là cầu kỳ, nhưng nhờ vậy mà bài thơ đã hàm chứa được những ý tưởng và cảm xúc của thi nhân trong suốt quá trình xây dựng tác phẩm (sẽ nói rõ thêm ở đoạn kế tiếp). Không phải chỉ có Quách Tấn *tìm ý* và *dùng điển* từ thơ Đường. Xuân Diệu đã mượn "Bến Tầm Dương" trong bài *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị: *Long lanh tiếng sỏi vang vang hận, Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người*" (Nguyệt Cầm); Huy Cận đã nghĩ đến "*Yên ba giang thượng sử nhân sầu*" trong Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu khi viết câu *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà* (Tràng Giang). Chính bài thơ này của Quách Tấn đã khiến tôi thuộc lòng nguyên văn hai bài thất ngôn tứ tuyệt: *Ô Y Hạng* của Lưu Vũ Tích và *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế vào đời thịnh Đường (10). Ngoài ra, câu 4 của bài này, hai câu của Nguyễn Công Trứ: *Sông Xích Bích buông thuyền năm Nhâm Tuất; Để ông Tô riêng một thú thanh tao* và bài *Xích Bích Hoài Cổ* của Đỗ Mục (11) đã khiến tôi chú tâm tìm hiểu về cổ văn và sự nghiệp thi văn của dòng họ Tào (Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thực và Tào Duệ) trong văn học sử Trung Quốc (12). Nhờ thế mà tôi đã học hỏi và hiểu được ít nhiều cái hay của người xưa trong thuật viết văn: "*Nghị luận thì chặt chẽ mà đột ngột, tự sự thì giản lược mà linh hoạt, miêu tả thì tài hoa mà gợi tình, lời văn thì hàm súc*

và cảm động vì luôn luôn thành thật" (13). Bài thơ độc đáo *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu* của Quách Tấn đã ảnh hưởng tôi và để lại cho tôi nhiều kỷ niệm đẹp như thế!

"Đêm Thu Nghe Quạ Kêu" và bài thơ "Con Quạ"

Những bài thơ của Quách Tấn phần nhiều đều có một "lịch sử" và một "tâm sự". Có bài đã nằm trong người ông hàng chín, mười năm, rồi một khi gặp duyên lành liền phát hiện (2). Quá trình sáng tác bài thơ *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu* của Quách Tấn có nhiều điểm giống quá trình xây dựng bài thơ *Con Quạ* của Edgar Allan Poe, một thi sĩ Mỹ được sắp vào hàng thi bá của thế giới. Tiếng quạ kêu đã triền miên ám ảnh thi sĩ này cho đến khi mỗi người viết nên một bài thơ tuyệt tác; cả hai bài thơ này đều rất nổi tiếng: *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu* nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam, còn bài thơ *Con Quạ* nổi tiếng khắp thế giới. Cả hai ông Quách và Poe đều đã mất một thời gian dài để hoàn thành tác phẩm của mình: 12 năm cho Quách Tấn, 9 năm cho Edgar Allan Poe; hai con quạ trong hai bài thơ đều là hai con quạ gở, hai con vật gây tai họa: thân mẫu của Quách Tấn và vợ của Poe đều chết sau khi họ nghe quạ kêu; cả hai người đều viết lại rất chi tiết cách thức họ đã sáng tác hai bài thơ này, và cả hai bài viết đều đã trở thành một tài liệu giá trị về một "triết lý sáng tác" trong văn học. Một điểm khác biệt giữa Quách Tấn và Edgar Allan Poe là: ông Quách không thích thơ trường thiên nên bài thơ của ông chỉ có 8 câu; còn Poe thì nghĩ rằng bài thơ không được ngắn quá thì cảm xúc mới triền miên, hơi của thơ mới đủ đưa tâm hồn độc giả lên cao nên bài thơ *Con Quạ* dài 108 câu.

Đêm Thu Nghe Quạ Kêu

Quách Tấn đã để lại chi tiết cách ông sáng tác bài *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu*, trong một lá thư ông gửi cho Bàng Bá Lân. Xin tóm lược như sau:

Một buổi chiều cuối năm 1927 tại quê nhà, Quách Tấn đi hốt thuốc cho thân mẫu. Trên đường về trời đã tối và có trăng nhưng không sáng, qua bến đò An Thái rồi đi dọc theo bờ sông Côn, thình lình ông đã nghe tiếng bầy quạ kêu vừa lạnh lùng vừa rởn ốc! Từ đó tiếng quạ ám ảnh ông luôn. Cách ba tháng sau, bà thân ông mất. Đến mùa hạ năm 1939, trong một đêm khuya tại Nha Trang, tiếng quạ năm xưa chợt thức dậy rộn ràng. Quách Tấn suốt đêm ngủ không được. Tiếng quạ vang vọng bên tai ông, và gợi lên nhiều ký ức. Phần thì nhớ mẹ già xưa, phần thì thương cảnh làng cũ, bồi hồi áo não . . . Đến chiều hôm sau, đóng cửa phòng, ông một mình ngồi lập lại ý để ghi lại dòng cảm xúc. Vừa nghĩ đến chữ quạ thì liền tưởng đến ngay chữ đen, đến chữ ô. Chữ ô làm nhớ đến bài *Ô Y Hạng* của Lưu Vũ Tích. Bến đò An Thái và con sông Côn lại hiện về trong trí nhớ của ông. Bến đò An Thái biến thành bến Phong Kiều trong bài thơ *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế, và con sông Côn biến thành dòng sông Xích Bích với con thuyền của Tô Đông Pha

trôi chầm chậm dưới ánh trăng thu . . . Rồi hết điển này đến điển khác nối nhau đưa ông vào sâu trong cõi mộng . . . Tối hôm đó ông nhất định ghi lại tất cả. Vì không thích lối thơ trường thiên, ông bèn chọn những nét rung cảm mạnh nhất, lọc lại những gì nên thơ nhất, dồn vào trong 8 câu:

Từ Ô Y Hạng rỉ rê sang,
Bóng lẫn thâu đêm tiếng rộn ràng;
Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Thắc thỏm chăng ai quả ấn vàng?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình lan man gợi tứ lan man.

Ông lấy làm thích lắm. Tuy vậy ông vẫn chưa bằng lòng câu luận, nhưng sửa mãi chưa được. Một đêm ông ngồi tựa lan can, trầm ngâm ngẫm nghĩ . . . chợt một vật gì rơi vào lòng giếng tạo thành một tiếng "chũm" lạnh lùng. Ông cảm xúc sửa ngay được câu thơ:

Bồn chồn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.

Ông lại thấy câu kết chưa đúng nỗi lòng, nên một lần nữa ông đã sửa lại:

Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình hoang mang gợi tứ hoang mang.

Như thế là ổn, ông thích chí ngâm vang cả trời khuya (2).

Bài thơ Con Quạ

Edgar Allan Poe nổi danh nhất về bài thơ *Con Quạ* (The Raven) vào đầu thế kỷ 19. Trong bài *Triết Lý về Sáng Tác* (The Philosophy of Composition) của ông, Edgar Allan Poe đã kể lại cách ông xây dựng bài thơ bất hủ đó ra sao.

Trước hết ông tự nhủ: Bài thơ không nên dài quá, nếu dài quá đọc một kỳ không hết thì cảm tưởng của độc giả bị đứt đoạn, ngưng lại, mất tính cách nhất trí; mà cũng không được ngắn quá thì cảm xúc mới triền miên, hơi của thơ mới đủ để đưa tâm hồn độc giả lên cao. Và ông định rằng làm độ một trăm câu là vừa. Thực ra, bài "*Con Quạ*" dài 108 câu.

Rồi ông xét đến cảm xúc định tạo dựng đó, nên cho nó ra sao? Ông tự đáp: cảm xúc đó phải là sự thích thú. Ông theo qui tắc này: Bản chất của thơ phải là đẹp; nếu không đẹp sẽ không thành thơ, không đáng gọi là thơ. Mà theo ông cái đẹp, khi nó tới cực độ thì bao giờ cũng làm người ta nhỏ lệ! (Vì ông sinh ra ở thời kỳ văn chương lãng mạn phát triển mạnh nhất ở Âu-Mỹ), cho nên giọng thơ phải buồn. Và do đó ông muốn bài thơ ông viết phải áo não, bi thảm.

Ngoài ra, cũng theo quan niệm của ông, bài thơ phải có một điểm làm *điệu chính*, có tính cách làm nghệ thuật kích thích. Điểm đó sẽ là điệp khúc. Nhưng điệp khúc chỉ được đơn điệu về âm thanh, chứ không được đơn điệu về ý tưởng, có như vậy mới gây được cảm xúc mới. Ông cho rằng điệp khúc khéo nhất là điệp khúc nào ngắn nhất, chỉ có một tiếng.

Đã nhất định phải dùng điệp khúc thì tất nhiên bài thơ phải chia ra làm nhiều đoạn, cuối mỗi đoạn là điệp khúc. Để gây một cảm xúc mạnh và bền trong tâm hồn độc giả, tiếng được lặp lại trong mỗi điệp khúc để khép mỗi đoạn phải là một tiếng có âm vang lên và dài. Nghĩ như vậy rồi, Edgar Allan Poe xét hết thảy các âm của Anh ngữ, kết cục lựa mẫu âm O mà ông hợp với phụ âm R, thành âm OR để có đủ hai tính cách vừa vang vừa ngân. Rồi lại phải tìm một tiếng nào đằng sau có âm OR mà diễn đạt một ý buồn, và ông nghĩ đến ngay tiếng *nevermore*, nghĩa là "không bao giờ nữa".

Ông suy nghĩ: Trong một bài thơ, khó tìm được cách sắp đặt nào ổn thỏa để cho một người nói đi nói lại tiếng *nevermore* đó ở cuối mỗi điệp khúc được. Vậy phải lựa một loài vật biết nói, hoặc con két, hoặc con quạ. Tất nhiên ông lựa con quạ vì giọng con quạ buồn hơn giọng con két, hợp với bài thơ ông định viết hơn; do đó ông mới đặt tên cho đầu đề là "**Con Quạ**", và trong mỗi điệp khúc, ông cho con quạ kêu lên tiếng *nevermore*.

Và bây giờ ông mới bắt làm công việc mà đáng lẽ ông phải làm trước hết, là tìm ý chính cho bài. Ông bèn lý luận: giọng thơ phải buồn, mà trên đời còn cái buồn nào phổ biến hơn cái buồn tử biệt; bài thơ lại phải đẹp, mà cái đẹp của thiếu nữ cũng phổ biến hơn cả. Ông tưởng tượng ra một thiếu nữ lìa trần và cho người yêu của nàng ngồi khóc nàng, hỏi những câu mà con quạ sẽ đáp: *không bao giờ nữa*. Thế là mỗi đoạn trong bài phải diễn một câu hỏi của chàng và mỗi điệp khúc phải chứa lời đáp của con quạ.

Sau cùng, ông nghĩ đến phần kết, viết thêm hai đoạn nữa cho độc giả có cảm tưởng rằng con quạ đó chỉ là tiêu biểu cho sự nhớ nhung bi thảm và bất tuyệt. Như vậy toàn bài có 18 đoạn, mỗi đoạn 6 câu; trong mỗi đoạn, câu cuối là điệp khúc, ngắn nhất, có chữ *nevermore*, hoặc *nothing more* (không có cái gì nữa) hoặc *evermore* (không bao giờ nữa).

Đó là phương pháp sáng tác của Edgar Poe (14).

Vì khuôn khổ giới hạn của bài báo, nên chỉ xin trích một đoạn của bài thơ này, để chúng ta có một ý niệm về áng thơ mà Âu-Mỹ coi là kiệt tác (15).

"Prophet! said I, "thing or evil – prophet still, if bird or devil!
By that Heaven that bends above us – by that God we both adoret
Tell this soul with sorrow laden if, within the distant Aidenn,
It shall clasp a sainted maiden whom the angels name Lenore –
Clasp a rare and radiant maiden whom the angels name Lenore?"
Quoth the raven, "Nevermore".

Nguyễn Hiến Lê dịch đoạn thơ này ra văn xuôi như sau:

Tôi bảo: "Quạ gở kia, con vật gây tai họa kia, quạ gở kia, mi là chim hay quỷ? Có trời cao trên đầu chúng ta, có Thượng Đế mà mi và ta đều thờ phụng, tâm hồn ta đầy sầu muộn, mi cho ta hay ở cõi Thiên đàng muôn trùng kia, ta còn được ôm một thiếu nữ nhan sắc lạ lùng, rực rỡ mà Thiên thần đã đặt cho cái tên là Lenore nữa không?" Con quạ đáp: "Không bao giờ nữa".

Bức thư của Quách Tấn gửi cho Bàng Bá Lân, đoạn nói về cách sáng tác bài *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu*, đã trở thành một tài liệu giá trị về sáng tác trong văn học sử Việt Nam. Bài *Triết Lý Sáng Tác* của Edgar Allan Poe đã đi vào lịch sử văn học Mỹ (và cả thế giới). Quách Tấn và Edgar Allan Poe đã cho chúng ta biết giá trị của "công phu đẽo gọt" trong quá trình tạo dựng một tuyệt tác phẩm. *Triết Lý Sáng Tác* này chẳng những chỉ áp dụng cho thơ văn, mà có thể cho nhiều bộ môn văn nghệ khác nữa. Trong *Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật*, Ansel Adams, nhiếp ảnh gia đại tài của Mỹ, cũng đã dày công xây dựng tác phẩm của ông một cách có tính toán trước. Nghe đâu Adams đã mất khoảng 6 tháng trời, chụp đi chụp lại nhiều lần mới được tác phẩm *Moonrise*, Hernandez, New Mexico, 1941. Đây là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Adams. Và phải chăng những vần thơ của Nguyễn Bính:

Một chiếc xe tang màu trắng đục,
Hai con ngựa trắng xếp hàng đôi.
Đem theo một cỗ quan tài trắng,
Và những bông hoa trắng lạnh người.
Theo bước, những người khăn áo trắng
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi . . .

(Lòng Người Trinh Nữ)

cũng đã được xây dựng từ một "triết lý sáng tác" tương tự như bài thơ *Con Quạ* của Poe?

Thơ Đường và Đường thi tuyển dịch

Hầu hết thơ của Quách Tấn là thơ Đường luật, thuộc thể "thất ngôn bát cú" và "thất ngôn tứ tuyệt". Để hiểu thơ Quách Tấn, chúng ta cần phải biết những điều căn bản về *vần, đối, luật, niêm* và *bố cục* của thể thơ ấy. Vì khuôn khổ bài báo, xin chỉ bàn sơ về *bố cục* và *đối* mà thôi (16). Bài thơ Đường luật "thất ngôn bát cú" gồm 8 câu, và mỗi câu có 7 chữ, tuân theo vần luật nhất định. Hai câu đầu gọi là *Đề*, gồm có *phá đề* (câu 1) dùng để mở bài, và *thừa đề* (câu 2) dùng để nối câu phá vào đề bài. Hai câu kế (câu 3 và câu 4) gọi là *Thực*, dùng để giải thích đầu bài cho rõ ràng hơn. Câu 5 và câu 6 làm thành cặp *Luận*, dùng để bàn bạc cho rộng nghĩa đầu bài. Hai câu cuối (câu 7 và câu 8) là cặp *Kết*, dùng để tóm tắt cả bài mà khép bài thơ lại. Còn bài thơ "thất ngôn tứ tuyệt" gồm 4 câu, được ngắt lấy từ một bài thất ngôn bát cú. Với khuôn khổ *Đề, Thực, Luận, Kết*, cộng thêm tính hàm súc và mạch lạc, kết cấu của một bài thơ "thất ngôn bát cú" Đường luật giống như kết cấu của

một *đoạn văn* trong lối viết văn của Mỹ hiện nay. (Một đoạn văn được mở đầu bằng một câu chủ đề, giới thiệu ý chính của đoạn văn; những câu tiếp đưa vào nhiều chi tiết hơn để làm rõ nghĩa câu chủ đề; rồi đến câu cuối cùng khép đoạn văn lại).

Đối gồm có hai lối: *đối ý* (hai ý tưởng cân nhau), và *đối chữ*; đối chữ lại chia làm *đối thanh* (bằng đối với trắc, trắc đối với bằng) và *đối loại* (danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ). Trong bài thơ 8 câu, câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.

Chúng ta hãy nghe Quách Tấn bàn về cách *đối chữ* và *đối ý* như sau:

Đối cốt để giữ cho ý được cân, lời được hòa, khỏi mắc phải sự chênh lệch. Có nhiều khi *chữ* đối chọi không được chỉnh mà *ý* cũng như *lời* rất cân xứng nhau:

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du

Nhiều khi *lời* đối thật chỉnh mà *ý* bị lệch, như:

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Thật đối sát từng chữ. Chữ "hồn" mà dùng chữ "bóng" để đối lại thì về phần văn thật tuyệt. Song "bóng tịch dương" đối không nổi với "hồn thu thảo" vì một bên đã được nhân cách hóa, một bên vẫn còn giữ "chất thiên nhiên". Câu trên ý nghĩa nặng, câu dưới ý nghĩa nhẹ. Chữ "hồn" thêm không biết bao nhiêu ý nghĩa, gợi không biết bao nhiêu hình ảnh, còn chữ "bóng" không thêm được gì cả. Đối như thế, những người "nặng về ý" không vừa lòng. Thà chữ đối không chỉnh mà ý xứng, như hai câu trên (2).

Và ông đã tỏ ra rất tài tình về *đối*:

Muôn điệu tơ lòng run sẽ sẽ,
Nửa vời sóng nhạc giọn lăng lăng (17).

Một đặc tính nữa của thơ Đường là "*giàu nhạc*". Quách Tấn cho rằng "Thơ không có nhạc có thể ví như một ống tiêu dùng để thổi lửa, hay một ống thổi lửa dùng làm ống tiêu" (2). Trong thơ 7 tiếng, khổ nhạc gồm hai hoặc một tiếng. Vì tiếng thứ 7 ở cuối câu nên phải ngâm dài (thơ để ngâm) nên tự nó là một khổ nhạc. Nhưng trong thể "song thất lục bát", khổ nhạc của những câu 7 chữ lại thường ở tiếng thứ 3, thứ 5 và thứ 7 (tức là thơ "song thất lục bát", tuy rằng có hai câu 7 chữ, vẫn ít nhạc hơn thơ 7 chữ): "*Khi ấp mận, ôm đào gác nguyệt, Lúc cười sương cợt tuyết đền phong*" (Cung Oán Ngâm Khúc) (18).

Ngoài ra, các sách *Đường Thi Tuyển Dịch* đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chúng ta hiểu thơ Đường. Các tác giả của những bộ sách này đáng được ghi công. Tài năng của các dịch giả và nguyên tắc dịch của họ rất quan trọng, vì chúng ta hiểu thơ Đường qua bài thơ dịch. Chính Quách Tấn cũng

đã nhắc lại lời của cổ nhân: "*Dịch là diệt*", "*dịch là phản*" khi nói về "*vị thơ*". Ông cho rằng: "*Một bài thơ hoàn hảo, hễ thay đổi một chữ là thay đổi một ý, hoặc nhiều hoặc ít*" (2). Có hai lối dịch: dịch sát và dịch thoát. Dịch Đường thi, Tản Đà dịch thoát, Trần Trọng San dịch sát hơn. Như hai câu trên của Thôi Hiệu: *Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, Bạch vân thiên tải không du du* đã được Vũ Hoàng Chương dịch thoát là: *Vàng tung cánh hạc bay bay mãi, Trắng một màu mây vạn vạn đời*" nghe hay hơn nguyên tác! Cũng như hai câu thơ dịch nổi tiếng của Phan Huy Vịnh: *Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách, Chạnh hơi thu, lau lách đìu hiu* được Nguyễn Hiến Lê cho là hay hơn nguyên tác: *Tầm Dương giang đầu dạ tống khách, Phong diệp địch hoa thu sắt sắt* của Bạch Cư Dị, Phan Huy Vịnh dịch thơ Đường rất hay; do đó mà những bài thơ dịch của ông đã được trích dẫn trong nhiều sách. Hai câu thơ *Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ, Cô chu nhất hệ cố viên tâm* trong bài *Thu Hứng I* của Đỗ Phủ được Phan Huy Vịnh dịch: *Khóm trúc tuôn rơi dòng lệ cũ, Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*. Hay tuyệt! Đây là hai câu dịch mà cũng có thể gọi là hai câu thơ của thi sĩ Phan Huy Vịnh. Nhưng dịch giả đã đành phải "hy sinh" chữ *lưỡng* (hai) ở câu trên và chữ *cô* (cô đơn, cô độc) ở câu dưới. Tùng cúc *lưỡng* khai: "*hai lần* cúc nở" cho biết rằng Đỗ Phủ đã ở Quỳ Châu *hai năm*, buồn nhớ kinh đô. *Cô* chu:"con thuyền *đơn độc*" cho thấy cảnh cô đơn trơ trọi của Đỗ Phủ lúc bấy giờ. Chữ "lưỡng" và chữ "cô" rất quan trọng cho ý thơ của hai câu nguyên tác. Chi Điền Hoàng Duy Từ giữ hai câu của Phan Huy Vịnh, chỉ đổi "tuôn rơi" thành "tuôn thêm" vì ông cho rằng chữ "tuôn thêm" dịch được ý của "lưỡng khai" (19). Để tôn trọng ý của "*lưỡng khai*", học giả Trần Trọng Kim đã phải đảo ngược thứ tự của hai câu thơ này trong bài dịch của ông: *Con thuyền buộc mối tình nhà, Hai lần cúc nở, lệ sa hai hàng*" (20). Dịch được chữ "*lưỡng*" một cách rõ ràng, nhưng cụ Lệ Thần vẫn phải bỏ rơi chữ "*cô*" và chữ "*tha*". Cho hay việc dịch thơ Đường khó biết chừng nào!

Thơ Đường rất *cô đọng hàm súc, cân đối* và *giàu nhạc*. Quách Tấn đã nói lên điều đó; và ba đặc tính ưu việt này của Đường thi cũng đã được tìm thấy trong thơ Đường luật của ông. □

Chú thích:

(1) Xuân Diệu, "Tình Trai", *Thơ Thơ* (xin xem Hoài Thanh, *Thi Nhân Việt Nam*, nxb Văn Học, phần thi tuyển của Xuân Diệu, trang 112).

(2) Quách Tấn, "Thư gửi Bàng Bá Lân", *Văn Thi Sĩ Hiện Đại*, quyển II, Xây Dựng, 1963, trang 67-80.

(3) Bàng Bá Lân, *Văn Thi Sĩ Hiện Đại*, trang 54.

(4) Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, Văn Nghệ, 1986, trang 237.

(5) Bàng Bá Lân, *Văn Thi Sĩ Hiện Đại*, trang 57.

(6) Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, nxb Thăng Long, 1959, trang 721.

(7) Quách Tấn, *Mùa Cổ Điển*, trang 42 (ghi chú của Vũ Ngọc Phan).

(8) Hoài Thanh, *Thi Nhân Việt Nam*, 1942, trang 281.

(9) Bàng Bá Lân, *Văn Thi Sĩ Hiện Đại*, trang 56.

(10) Bài thơ Ô Y Hạng: "*Chu tước kiều biên dã thảo hoa, Ô Y Hạng khẩu tịch dương tà. Cựu thời Vương Tạ đình tiền yến, Phi nhập tầm thường bách tính gia*". Vương là Vương Đạo, Tạ là Tạ An, hai người rất có oai quyền đời Tấn. Khi hai họ ấy còn cường thịnh, người nhà đều mặc áo đen, cho nên người ta gọi con đường có hai họ ấy ở là Ô Y Hạng. Giáo sư Trần Trọng San dịch là: "*Chu tước bên cầu cỏ trổ hoa, Cửa Ô Y Hạng ánh dương tà. Xưa kia én đậu lầu Vương, Tạ, Nay tới dân gian lượn mái nhà*".

Bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc: "*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên, Giang phong ngư hỏa đối sầu miên. Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự, Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền*". Tản Đà dịch là: "*Trăng tà tiếng quạ kêu sương, Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ. Thuyền ai đậu bến Cô Tô, Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San*".

(11) Xích Bích Hoài Cổ: "*Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu, Tự tương ma tẩy nhận tiền triều. Đông phong bất dữ Chu lang tiện, Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều*". Trần Trọng Kim dịch là *Cảm Hoài Về Trận Xích Bích*: "*Mũi giáo gãy còn vùi dưới cát, Mài rửa đi, nhận vết tiền triều. Gió đông chẳng giúp thuận chiều, Trong đền Đồng Tước hai Kiều khóa xuân*".

(12) Vì bài phú "Tiền Xích Bích" của Tô Đông Pha có nhắc tới Tào Tháo (câu "*Minh nguyệt tinh hi, ô thước nam phi*" chẳng phải là câu thơ của Tào Mạnh Đức đó ru?) Xin đọc thêm:

– *Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê.

– *Cổ Văn Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê.

– *Đường Thi Tuyển Dịch IV, Bạch Cư Dị* của Chi Điền Hoàng Duy Từ.

(13) Nguyễn Hiến Lê, *Cổ Văn Trung Quốc*, trang VI.

(14) Nguyễn Hiến Lê, *Luyện Văn*, quyển hai, Nguyễn Hiến Lê, 1956, trang 13-17.

(15) Toàn bài (nguyên văn) thơ La Raven và lời dịch ra văn xuôi được in trong *Luyện Văn*, quyển II, Nguyễn Hiến Lê, trang 18-29.

(16) Xin đọc *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của Dương Quảng Hàm, Trung Tâm Học Liệu, 1968, trang 122-128.

(17) *Đêm Tĩnh*, Quách Tấn, *Mùa Cổ Điển*, trang 28 (ghi chú của Vũ Ngọc Phan).

(18) Nguyễn Hiến Lê, *Luyện Văn*, quyển I, Nguyễn Hiến Lê, 1956, trang 232.

(19) Hoàng Duy Từ, *Đường Thi Tuyển Dịch III*, Mr. L. Hoang, 1988, trang 75.

(20) Trần Trọng Kim, *Đường Thi*, Đại Nam, trang 248.

KHOA HỮU

sài gòn sau một thập niên

(Tặng T.)

Nơi này, những dấu chân nằm chết
đã quên người bụi bám rêu phong
ta chẳng nhớ chẳng tin gì hết
mặt ta buồn như mặt đá nhăn.

Nơi này, những chiếc lá nằm chết
quên rừng thiêng quên gió trở mùa
ta chẳng tiếc chẳng thương gì hết
hồn ta vàng như vạt nắng xưa.

Nơi này, gạch ngói cũng nằm chết
ngày khổ sai đêm tối lưu đày
ma quỷ chia mấy từng địa ngục
mấy từng chia như mộ mới xây.

Nơi này, lịch sử cũng nằm chết
cột tử hình trói chặt trăm năm
lời máu đỏ ròng ròng phán xét
mảnh da vàng thuộc đến chung thân.

Ta trở lại vuốt mắt dĩ vãng
vẫn buổi chiều xõa tóc chịu tang
một mình ta một vòng hoa viếng
hai mắt ta nến thắp hai hàng.

Nơi này, ta mất hết trí nhớ
một bước chân góc phố một đời
để còn sống trái tim phẫn nộ
thở cùng hơi thở Sài Gòn ơi . . .

KHOA HỮU

buổi sáng trong sân trại giam

Buồn tôi vuốt mặt nhăn nheo
bước đi lạ bóng, bóng theo lạ người
buồn tôi buồn ngậm trên môi
lũ chim tha nắng trốn trời về đâu
nhớ sông sông cuộn dòng sâu
nhớ mây mây duỗi cánh mau bỏ ngàn
nhớ đời mấy thuở hợp tan
nhớ nhau còn nắm một bàn tay không
buồn tôi năm tận tháng cùng
nhớ ơi, buồn đến mất hồn bước đi . . .

mừng bạn tù được tha về

Ta mừng bạn đã thay răng
bát cơm thê tử miếng ăn quê nhà
ta mừng bạn mới thay da
chín tầng địa ngục chọn qua cửa này
thuốc mời đốt mặt khói tay
môi mời trà nhạt uống thay rượu nồng
thân còn ngẫm kể như không
danh còn lỡ cuộc hưng vong vẫn còn
trước thềm cây sứ mừng bông
chó con mừng chủ sớm hôm mừng người
ta về quay bước tưởng vui
lòng nghe góc biển chân trời bể dâu . . .

KHOA HỮU

về qua chiến trường cũ

Nhớ ta thương tích không lành
nhớ em thắt cổ nhớ anh tự trầm
nhớ nhau đất gối cỏ nằm
đạn soi ánh lửa sa sầm mặt nhau
nhớ đêm thâu dưới chiến hào
quê hương đầy mắt trăng sao đầy người
tháng ngày súng đạn rong chơi
nhớ ra đã hết nửa đời còn đây
nhớ cơn binh lửa đất này
áo xanh cầm máu bàn tay cầm lòng
nhớ ơi đồng đội tử vong
khi không nước mắt đôi dòng, khi không . . .

VÕ ĐÌNH

chuyện cây bàng

tùy bút

Xe vừa rẽ vào đường hẻm, tôi đã nhận ngay ra cây bàng. Tức thì nhớ lại *Nhạt Lá Bàng* của ông Nhất Linh. Như vậy là hơn bốn mươi năm rồi tôi mới lại thấy cây bàng. Nó đứng lơ láo giữa khúc quẹo ngã ba của con hẻm nhỏ. Rễ trơ trụi, trồi lên mặt đất. Thân gầy gò, cành xác xơ. Lá úa vàng. Trời nóng đổ mồ hôi hột nhưng tôi kịp nhớ ra rằng đang ở tháng chạp dương lịch, giữa mùa đông Sài Gòn.

Chuyến bay từ Singapore về đúng giờ. Nhưng cũng mất gần hai tiếng đồng hồ mới ra khỏi hải quan. Trên đường về nhà từ phi trường Tân Sơn Nhất, tôi thấy một ngôi nhà lớn, mặt tiền căng biểu ngữ: "Người Về Từ Nghìn Trùng". Người về từ nghìn trùng thật. Tôi bàng hoàng xúc động trong niềm vui thấy lại mặt – và thấy lần đầu tiên – những người ruột thịt thân yêu. Tôi choáng váng trong nắng, gió, và bụi Sài Gòn. Nhưng cây bàng trong hẻm đã cứu lấy tôi. Nó bốc tôi ra khỏi nỗi bàng hoàng, choáng vánng đó. Nó làm tôi nhớ lại cái vị chua chua chát chát của những trái bàng còn xanh của thời thơ ấu. *Quá khứ tương lai là một, Nẻo về tiếp nối đường đi* (1).

*

Chiều chiều, tắm xong, tôi thơ thẩn trên chiếc hiên rộng có bao lơn sắt. Trên hiên có một chậu bông giấy thật lớn. Hoa tím hồng sáng lên một vùng trong không gian rộn rã, bụi bặm của một con hẻm nhỏ. Bé con khóc, trẻ em nô đùa la hét, tiếng ai nhà bên chẻ củi, xe gắn máy nổ liên hồi, pháo nổ đì

đạch, tiếng gõ, tiếng đóng, tiếng đập, chó sủa, vịt kêu, tiếng nhạc, vọng cổ, "rốc", "nhạc vàng", dân ca, tiếng rao hàng, mua hàng, bún, cháo, bánh, đồ phế thải, ve chai, xô nhựa . . . Tôi ngồi yên lặng, nghe tất cả những âm thanh hỗn độn đó. Không phải nghe. *Nghe ngóng*. Tôi nghe ngóng xem thử cái thực tại của những âm thanh ấy nó mặt mũi ra làm sao, nó "thể hiện" như thế nào. Tôi nghe ngóng xem thử thật tình tôi nghe thấy những âm thanh ấy như thế nào, tôi tiếp nhận chúng nó đến tận đâu.

Tôi ngồi yên, nghe ngóng như thế cho đến khi tôi không còn nghe được gì nữa. Chỉ còn lại một cảm giác mơ hồ. Chỉ còn cây bàng là rõ rệt, vì tôi vẫn nhìn thấy nó.

Cây bàng không lớn lắm nhưng cũng đủ cao để những tàn lá cao nhất vượt khỏi hẳn mái nhà tôn. Ngày tôi về, lá úa vàng. Người nhà nói mùa đông thì lá bàng vàng. Đã sống mấy chục năm với lá vàng mùa thu của Bắc Âu và Bắc Mỹ, tôi cần phải làm quen lại với lá vàng mùa đông Sài Gòn. Tôi chỉ thắc mắc là con hẻm nhỏ, người, xe, chó qua lại suốt ngày, làm cây bàng trơ cả gốc ra. Rễ cái, rễ con khô khốc, lổn nhổn. Những cành thấp đã bị chặt đi, nhưng ai đó đã chặt một cách vụng về, tàn bạo, để thừa quá dài gỗ chết, dấu chém nham nhở. Tôi lo ngại cho cây bàng. Người nhà bảo tôi lo bò trắng răng. Tôi cười, tự cười lấy mình. Lo gì cho cây bàng. Có lo thì lo cho những thanh thiếu niên ngồi đếm ruồi ở mấy quán cóc kia. Cho những trẻ em chơi giỡn trong rác rến bụi bặm, giẫm lên cả nước cống chảy tràn ra ngoài hẻm. Cho thím đàn bà đầu đội một thúng bánh gì đó, tiếng rao dẻo kẹo nhưng nghe sao mà thê thảm. Cho . . . Và cho . . .

Con hẻm này ngòng ngoèo mấy góc nữa mới ra tới một đại lộ danh tiếng của Sài Gòn. Ngoài kia, xe hơi, xe "cúp" (gắn máy Honda), xe đạp, xe xích lô đạp, xích lô máy chạy suốt ngày đêm. Chạy như gì? Chạy như điên. Một từ ngữ đã sáo mòn nhưng quá chính xác. Như điên. Chỉ có cây bàng là không như điên. Ngày tôi về, nó úa vàng. Một hôm, gió lớn. Mấy lá bàng rụng, bay nằm trên hiên. Tôi lượm được mấy chiếc, xếp một xấp. Những tưởng cất chơi. Lá bàng rụng, cái thì sáng như vàng ròng, có gân đỏ, cái thì đỏ như son với những đốm nâu hồng.

Hôm sau, giở xấp lá ra, tôi giật mình. Chúng đã khô rất nhanh trong xứ nhiệt đới này, nhưng những màu sắc đẹp đẽ kia đã biến đi mất. Chỉ còn lại một màu nâu nhạt, xỉn, vô vị. Tôi đem mấy chiếc lá khô ra đặt ở góc cây bông giấy. Và tự nhủ rằng chỉ mỗi bài học giản dị ấy mà đến tuổi lục tuần tôi học vẫn chưa xong. Gần 20 năm về trước, trong một truyện ngắn, tôi có kể chuyện một con chim lạ ở đâu trên núi bay về, và tôi đã khó nhọc tìm cách bắt giữ lấy nó. Nó thoát nạn. Nhưng đã để lại mấy cái lông cánh trên tuyết trắng điểm máu hồng. Và những chiếc lông đó đã mất đi những màu sắc tuyệt diễm như khi còn đính liền với hình hài con chim lạ. Cũng như những chiếc lá bàng này. Tôi đã lượm, đã cất, và chúng đã không còn như cũ. Con

chim, nó bay. Cái lá, nó rụng. Tôi không nên, không có quyền, phiền nhiễu ai cả.

*

Người nhà và tôi đi Đà Lạt bốn hôm. Lần đầu tiên, tôi được đặt chân đến vùng đất danh tiếng ấy. Hèn chi! Hèn chi mấy ông Tây và . . . Ngài Ngự ưa thích. Tôi không ngờ Đà Lạt đẹp đến thế, đẹp rất . . . Tây. Núi non, cứ tưởng đâu như ở bên đất Pháp. Phải nhìn lại mấy bụi chuối, máy khóm dâm bụt mới nhớ ra rằng mình đang còn ở quê hương nhiệt đới. Nhưng tôi chán. Những hồ, những thác, những vườn hoa này, dinh thự nọ. Tôi không mấy thích thú. Tôi chỉ mê những cây tùng cổ thụ. Những đại trượng phu đứng trên đỉnh núi. Yên lặng và hiên ngang. Và tôi yêu những nương rẫy quanh co sườn đồi. Màu đất đỏ nâu như đồng. Những luống rau xanh ngắt. Những chòi lá nhỏ xíu, có đợt khói lam vấn vương . . .

Nếu không khí trong sạch, thời tiết mát mẻ của Đà Lạt làm cho người dân Sài Gòn thích thú, thì ngược lại, tôi đã thấy mình thiếu thiếu cái nóng, cái bức của Sài Gòn! Thời điểm này, bên kia trái đất, vùng núi non tây bắc bang Maryland, đang ở vào lúc băng giá ác liệt nhất trong năm. Bên đó, tôi chưa nên về, hàn thử biểu còn chỉ độ âm là thường.

Một tối, ở Đà Lạt, đúng vào đêm Rằm tháng Chạp, tôi cùng người nhà ngồi ngắm trăng. Mặt trăng lớn, sáng vằng vặc sau những cây tùng già cao vút. Ánh trăng lấp loáng bạc trong tàn lá rậm rạp. Thì ra, tôi sực tỉnh, quả đúng như lời một vị thiền sư đời xưa: *Cổ kim nhật nguyệt. Cổ kim sơn xuyên.* Xưa nay mặt trời mặt trăng vẫn thế. Xưa nay núi non sông ngòi vẫn vậy. Con chim, nó bay. Cái lá, nó rụng. Và mặt trăng ngày xưa, đến Rằm, vẫn tròn. Cớ chi tôi phải dài dòng?

*

Chúng tôi đi Đà Lạt bốn ngày về, thấy cây bàng biến dạng. Bao nhiêu lá vàng đã trút đi sạch. Và được thay thế bởi những chiếc lá non to bằng hai, ba bàn tay, tươi nõn. Cây bàng như hồi sinh. Sum suê. Xanh rờn.

Sáng tinh mơ đã nghe tiếng động xa gần của một đô thành cựa mình vùng dậy. Đã ngửi thấy mùi khói, mùi rác, mùi xăng trong cơn gió bình minh. Tôi ra đứng ở hiên, ngắm cây bàng lớn. Và lại nhớ thêm lần nữa câu thơ thật hồn hậu, thật đẹp đẽ của một người bạn: *Tạ ơn trời đất vẫn y nguyên* (2). Tôi thầm nhủ: "Tạ ơn cây bàng trong con hẻm nhỏ." □

---

(1) Thơ Nhất Hạnh.

(2) Thơ Đỗ Quý Toàn.

DUY LAM

tôi viết văn

hồi ký

(Tiếp theo kỳ trước)

Viết xong hơn 20 trang bản thảo qua gần một tháng trời, tôi chép lại sạch sẽ và gởi bảo đảm cho bác Ba trai lúc đó đã vào Sài Gòn sống với gia đình bác Cả. Và rồi là sự chờ đợi đầy thấp thỏm thật căng thẳng, đầy những hy vọng lớn và luôn cả nỗi sợ hãi mà tôi thường gợi ra để ngừa trước sự thất vọng cũng ghê gớm không kém nếu tôi bị thất bại một lần nữa và chẳng có tài năng để trở thành một nhà văn và giấc mộng sẽ nổi tiếng như các bác các chú tôi cũng sẽ tan như sương buổi sớm.

Khoảng hơn một tuần sau đó, sự bất ngờ đã đến với tôi như một cơn lốc. Tôi nhận được một điện tín do chính bác Ba trai gửi cho tôi vỏn vẹn có mấy dòng chữ "Cháu viết hay lắm! Bác nhắc lại viết hay lắm! Cứ tiếp tục..." Việc đầu tiên tôi làm là đưa mẹ tôi xem bức điện này, và hai mẹ con không biết ai hân hoan hơn ai. Mẹ tôi cũng bị bất ngờ như tôi vì bà đã quá biết sự khe khắt và vô tư của anh trai khi đánh giá văn tài của bất cứ nhà văn mới viết nào dù đó và nhất là anh em ruột hay con cháu. Mẹ tôi cũng thừa biết được anh hạ đến chữ hay còn khó hơn là trúng số độc đắc, giỏi lắm tôi chỉ được phê "viết được" là quá kỳ vọng của bà rồi. Giờ đây bà có thể hãnh diện chính con trai bà chứ không phải ai hết sẽ có nhiều triển vọng kế tục sự nghiệp của các anh em trai về văn chương. Và chuyện tôi sẽ có tiếng tăm là điều chắc sẽ phải xảy đến. Đúng là hai mẹ con đã hứng khởi và tha hồ trò chuyện và vẽ ra những nét chính của tương lai nhà văn của tôi. Mẹ tôi cũng là người đầu tiên không kể bác Ba trai đã là độc giả của truyện đầu tay tôi viết ra còn trong dạng bản thảo. Mẹ tôi còn cười đầy hãnh diện, "Thế là không phải chỉ có chuyện mẹ hát con khen hay và con hát mẹ cũng khen là hay nhất nữa. Bây giờ chính bác trai nói đấy... Cháu viết hay lắm! Bác nhắc lại cháu viết hay lắm!"

Tuy nhiên chẳng hay mẹ tôi có báo tin gì riêng cho ba tôi về chuyện bác Ba trai khen tôi viết hay hay không, nhưng tôi không hề thấy lần nào có mặt

tôi mẹ tôi đề cập tới chuyện tôi viết văn hay với chồng. Mãi về sau này tôi mới đủ chín chắn để nghĩ ra là bà thật đã rất tế nhị tránh nói tới sự thành công trở thành nhà văn của tôi vì bà biết trước đây vào thời TLVĐ, ba tôi cũng đã viết nhiều và đưa anh vợ đọc nhưng ông chẳng được may mắn khen bao giờ và nỗi hậm hực đó cũng vẫn theo đuổi ông mãi đến thời kỳ tôi đã có chút tiếng tăm và cũng còn kéo dài mãi đến một vài năm trước khi ông mất.

Khoảng nửa tháng sau bức điện tín khen ngợi, tôi nhận được đồng loạt một gói báo gửi bảo đảm gồm hai số báo của một tờ báo văn nghệ khá lớn ở Sài Gòn ở trong đăng trọn bộ hai kỳ truyện ngắn đầu tay *Chồng con tôi*, với cái mũ "*chapeau*", hay lời giới thiệu do chính bác Ba trai viết và khá nồng nhiệt khen thằng cháu ngoại nhà văn mới viết. Tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng vài ý của lời giới thiệu này mà về sau cũng còn đăng được lại một lần nữa không thay đổi để giới thiệu cũng truyện này trong *Văn Hóa Ngày Nay* số ra mắt, "*Duy Lam mới viết mà đã già dặn như một nhà văn viết lâu năm . . . Truyện* Chồng con tôi *là một truyện hay tương tự truyện* Sợi tóc *của Thạch Lam . . .*" Thú vị hơn nữa là tôi còn nhận luôn được một bưu phiếu gồm gần hai nghìn đồng nhuận bút nữa. Đó là một số tiền khá lớn đối với một học sinh trung học còn chưa học hết năm cuối của chương trình tú tài. Tôi đã ra bưu điện lãnh tiền và đưa hết cho mẹ tôi số tiền nhuận bút này, số tiền đầu kiếm được của đời nhà văn. Có lẽ chẳng bao giờ trong cuộc đời cầm bút viết lách của tôi, tôi lại tìm được những giây phút đầy kích thích và hứng khởi đến thế, với những nỗi vui thầm cứ quẩn quanh trong trí óc vướng vất như một làn nắng ấm, chắc đã phải làm đôi mắt tôi sáng hơn, tiếng nói như reo vui, cánh mũi cay cay, và cũng khiến chân tôi đi như lướt trên mặt đất, đạp xe mà cứ như có cả một cơn gió đẩy vào lưng trợ lực.

Câu chuyện tưởng đã tạm dứt ở đấy, nhưng một bất ngờ còn lớn và quan trọng hơn nữa lại đến với tôi vào tuổi 19 năm tôi thi nhẩy và đã nhanh chóng trượt vỏ chuối kỳ 1 tú tài I không lấy gì làm buồn. Vì thật ra cuộc đời học vấn của tôi đã bao lần trong dĩ vãng đã hoặc vì những biến động của chiến tranh hay sinh kế gia đình làm gián đoạn. Bất ngờ đó tới dưới hình thức một bản văn bác Ba viết và gọi là chúc thư văn nghệ luôn thể, mà bác đã cẩn thận chép tay làm 4 bản gửi cho bác Đ.Đ.T., bà N.T.V., anh T.H. và tôi còn một bản ông lưu giữ, trong đó ông chấp nhận cho 4 nhà văn này ba nam một nữ gia nhập TLVĐ.

Tôi thiết nghĩ cũng là điều bổ ích cho các độc giả cho phép tôi dành ít dòng nêu ra một dữ kiện về những nét chính của bản văn bác Ba trai tôi đã viết, về các nhà văn mới được gia nhập TLVĐ đợt II, về các nhà văn thành viên của TLVĐ bị kẹt lại ở Bắc Việt sau 1954. Và luôn cả về những nỗ lực của tôi vào những năm 1987 đến 1990 đi tìm gặp lại các thành viên của TLVĐ còn sống và sự tranh đấu khá là khó khăn phức tạp của tôi: hầu đòi hỏi các nhà xuất bản của nhà nước Cộng sản tôn trọng tác quyền của các tác phẩm của TLVĐ được cho tái bản hàng loạt).

Mở đầu văn bản chính thức hoá việc gia nhập TLVĐ của bốn nhà văn, bác Ba trai nói đến những giọt nước mắt rưng rưng ông khóc, khi trong khói hương trầm của một đêm giao thừa ông ngồi lặng lẽ tưởng nhớ đến những người bạn văn đã mất và trong nỗi xúc động sâu xa này ông làm bốn câu thơ, mặc dầu ông tự nhận là xưa nay ông làm thơ vẫn không hay. Nội dung bài thơ ông ví TLVĐ như một vườn hoa nhiều màu sắc nhưng cũng nhấn mạnh lại phải có thêm những bông hoa mới vươn lên đóng góp thêm hương sắc cho đời.

Vì lý do đó ông chính thức công bố sự gia nhập TLVĐ của bốn nhà văn theo thứ tự Đ.Đ.T., N.T.V., T.H. và D.L. Ông cũng nêu lên như là một ước vọng xa vời là ông chắc tự biết cũng khó có thể thành sự thật là mong mỏi sẽ có dịp hỏi thêm ý kiến các nhà văn của Đoàn còn sống nhưng bị chia cắt giữa hai thế giới.

Cũng như thói quen, văn bản này bác tôi viết trên những tờ giấy khổ đánh máy không có kẻ dòng, và những dòng chữ ngay ngắn nhỏ li ti kiểu chân ruồi làm đầy trang giấy từ trên xuống dưới. Dưới cùng phía bên phải, bác tôi cẩn thận chú thích "Bản DL", đấy là đối với bản ông gửi cho tôi ở Sài Gòn. Tôi không nhớ giao thừa năm âm lịch mà ông hạ bút viết bản văn này là năm con gì, nhưng năm dương lịch ông ghi là 1952. Mãi đến năm 1958 khi ông cần công bố văn bản này trên *Văn Hóa Ngày Nay* số Tết, ông đã phải dùng đến bản của tôi vì chỉ mình tôi qua bao nhiêu giai đoạn biến động vẫn trân trọng cất kỹ tài liệu này trong người. Dù sao trong bốn nhà văn gia nhập Đoàn, tôi là người ít tuổi nhất.

Để nói thêm về Đ.Đ.T., một bạn văn của bác tôi từ thời tiền chiến, chính bác Ba trai đã nhiều lần lưu ý bà N.T.V., anh T.H. và tôi là một số nhà khảo luận khi viết về TLVĐ đã lúng túng và có phần nhầm lẫn sắp bác Đ.Đ.T. là thành viên của TLVĐ ngay từ hồi tiến chiến. Theo ông khi nhà xuất bản Đời Nay in và phát hành cuốn *Đứa Con* của Đ.Đ.T. với sự ưng thuận của ông cuốn sách này đã có in dấu con đại bàng dấu hiệu của Đoàn dưới tên tác giả Đ.Đ.T. trong TLVĐ, và nói cho đúng bác Đ.Đ.T. cũng đã được chấp nhận gia nhập Đoàn chỉ còn đợi dịp thuận lợi sẽ công bố qua một bản văn chính thức. Văn bản đó mãi đến 1958 bác Ba trao ra *Văn Hóa Ngày Nay* và khi đã tìm thêm một số cây bút mới xứng đáng mới công bố luôn một thể.

Một đặc điểm của con người bác Ba trai mà mãi sau này trưởng thành được gần ông, tôi vẫn bỡ ngỡ vừa có phần bực tức lại có phần nể sợ: Đó là cũng giống như các bác Cả, bác Tư và chú Sáu và cả mẹ tôi, trong một số lãnh vực và vấn đề liên hệ đến những ý tưởng sâu kín về đời sống riêng tư, bác Ba trai kín đáo và kín miệng dễ sợ. Bất cứ việc quan trọng nào trong đời ông đều sắp xếp từ trước, nung nấu ý định đó mà không ai hay hay biết, dù kể cả những bạn văn và đồng chí thân, và chỉ khi ông mang thực hiện dự tính của ông, mọi người mới bàng hoàng sửng sốt và chỉ khi duyệt lại từng câu nói đầy

ẩn ý của ông, những cử chỉ hành động cũ của ông, người ngoài bạn hữu và kể cả người thân mới vỡ lẽ và tìm ra được sự thật, thường là quá muộn màng.

Bà N.T.V., nhà văn nữ độc nhất trong TLVĐ, là một nhà văn đã viết nhiều trước khi được gia nhập TLVĐ, và nếu tôi nhớ không sai cũng có tác phẩm xuất bản trước khi *Văn Hóa Ngày Nay* ra đời. Bà hơn tôi một lớp tuổi và không những là một nữ sĩ mà ngay từ hồi trẻ ở Hà Nội đã hăng say và tích cực tham gia các hoạt động chống thực dân Pháp. Hai vợ chồng bà đều là những đồng chí hoạt động sát cánh với bác Ba trai nên khi ông lưu vong sang Trung Hoa hai ông bà cũng cùng đi theo và cũng đã chia sẻ với bác Ba, bác Tư và chú Bấy những ngày tháng khổ cực thiếu thốn tại xứ người. Không chỉ riêng trong lãnh vực văn chương và hoạt động chính trị bà N.T.V. mới nổi tiếng mà đời sống tình cảm của bậc nữ lưu vừa đẹp vừa có một cá tính mạnh và đam mê này, bà cũng có một phong cách sống sôi nổi và vượt khỏi các thói tục của xã hội bà sống ở trong. Điểm đáng lưu ý hơn nữa mà ít độc giả mến mộ bà biết là trong một thời kỳ nhiều năm bà đã là người mẫu đắc ý cho một danh họa bậc thầy về nghệ thuật sơn mài, bác N.G.T.

Sau năm 1954, một số thành viên của TLVĐ kẹt lại ở đất Bắc Việt Cộng sản: T.L., T.M., X.D., T.N.V. Tuy trong bản Chúc thư Văn nghệ bác Ba trai tỏ lòng thương nhớ các thành viên đã mất: H.Đ., T.L., K.H., và cũng bộc lộ một mong muốn rất mong manh là có dịp gặp mặt lại các bác các chú T.L. và X.D., T.N.V., nhưng trong những buổi trò chuyện cùng ông, tôi dù có lần tế nhị hỏi ông là ông nghĩ gì về những bản tự thú, phủ nhận tất cả các tác phẩm của chính mình của các bác T.L., X.D., ông chỉ tủm tỉm cười trả lời tôi bằng một sự im lặng còn có ý nghĩa nhiều hơn lời nói. Trong số Tết *Văn Hóa Ngày Nay* và lác đác trong nhiều số khác ông vẫn lẳng lặng điểm nhiên và nhẩn nha trích nhiều đoạn văn hay, nhiều bài thơ ông thích của các bác K.H., T.L. và luôn cả X.D., H.C. ông cũng điềm tĩnh phân tích cái hay cái đẹp của các tác phẩm nhà văn nhà thơ này thành viên hoặc thân hữu của TLVĐ, làm như tất cả những cái ồn ào xáo trộn của cuộc chiến Quốc-Cộng chẳng hề bớt đi hay thêm vào hay ảnh hưởng mảy may đến các tác phẩm đã được các nhà văn nhà thơ này sáng tác và rõ ràng cũng đều có hình thức và nội dung phản ảnh thật rõ nét các khuynh hướng trữ tình và lãng mạn của văn thơ thời tiền chiến.

Ngay khi bác còn sống, cũng như mọi người bác cũng được tin bác T.M. chết trong một cuộc hành quân càn quét của Pháp ở hậu phương. Điểm đáng lưu ý là nhờ những bài thơ châm biếm sâu cay bọn thực dân và các quan lại tay sai, bác T.M. cũng đã được cáo già họ Hồ tặng thưởng một huân chương.

Còn đối với một "vụ án văn nghệ" hay nói cho đúng sự thanh toán tàn bạo bác K.H., suốt trong thời kỳ Cộng sản cầm quyền và cho đến tận mãi ngày hôm nay các nhà lãnh đạo Đỏ và cả bộ máy tuyên truyền Cộng sản vẫn đã cố gắng che đậy, hoặc lơ đi dù ngay cả vào thời kỳ cởi trói văn nghệ sĩ mới đây,

họ đã cho tái bản ào ạt các tác phẩm TLVĐ, nhưng hễ viết đến tiểu sử bác K.H. phân tích và khen, nhưng cũng chẳng bao giờ họ dám đề cập tới trường hợp cái chết tức tưởi của nhà văn lớn này, nạn nhân của cuộc khủng bố trắng rất có hệ thống đối với tất cả nhà văn trí thức đối kháng với họ.

Hiển nhiên việc Cộng sản"xử lý" bác K.H. bằng cách giết bác và bố trí thả trôi sông tại một vùng gần nơi bác tản cư cùng với gia đình gồm bác K.H. gái và anh Tri con nuôi chính thức hai bác và con thứ của bác Ba trai, đã là tiếng chuông báo động đầu tiên bộc lộ quá rõ ràng cái dã tâm của Cộng sản là coi các nhà văn trí thức tự do chống lại họ là những kẻ thù bất cộng đới thiên, mà mãi mãi về sau vẫn được các giới trí thức nhà văn nhắc tới dẫn chứng để nhắc nhở nhau là Cộng sản không trong trường hợp nào nới tay hoặc dung tha cho những phần tử mà họ cho là cực kỳ nguy hiểm cho chế độ.

Bác K.H. một cây bút châm biếm có hạng của *Ngày Nay Phong Hóa* không những có một căn bản Tây học vững chắc mà lại rất giỏi chữ Nho và cũng có những kiến thức uyên bác về Khổng học, đã là người chủ biên của tờ báo Việt Nam, cơ quan ngôn luận tuyên truyền và đấu tranh chính trị sắc bén và lợi hại của QDĐVN, một sự kết hợp tất cả các đảng phái quốc gia thời đó và báo quán cũng đặt tại 80 Quan Thánh. Chính trên những trang báo VN, đã xuất hiện đầu tiên "cáo già" để gọi Hồ Chí Minh và dưới nét bút sắc sảo của bác N.G.T. những bức tranh vẽ "cáo già HCM" với cặp tai vểnh lớn, khuôn mặt choắt với chiếc cằm nhọn, với những chùm râu vểnh và lưa thưa, ngay từ lúc đó đã lột mặt nạ con người đạo đức giả và xảo trá của già Hồ.

Anh Tri đã có lần viết một đoạn văn thể hồi ký ngắn đăng trong tờ báo tại miền Nam tự do, trong đó anh đã trình bày khá rõ ràng những ngày cuối cùng của bố nuôi K.H., những chi tiết về vụ Việt Minh đến bắt ông, đem thủ tiêu và bỏ xác vào bao bố nhận chìm xuống sông cho mất xác. Anh cũng đã viết khá dí dỏm và cảm động về chuyện bố nuôi viết văn như thế nào cũng như tính tình vui nhộn và lối trò chuyện thật duyên dáng của ông. Bác K.H. gái, một phụ nữ nhỏ bé và mảnh khảnh với khuôn mặt nhỏ thanh tú trắng xanh, đi ra đi vào lặng lẽ trên căn gác trên của tòa báo 80 Quan Thánh, lúc nào cũng nghiêm trang có thể nói là đăm chiêu buồn bã. Bà lại rất ít nói và chẳng bao giờ tôi thấy bà cười thành tiếng và tôi chỉ biết qua anh Tri là bà cưng chiều cậu con nuôi rất mực và hầu như mục đích bà sống ở đời chỉ là để trông nom săn sóc cho chồng và con nuôi. Bà là người có thể nói là biết rất nhiều về bác K.H. và vì sức khoẻ mỏng manh, lại buồn khổ vì cái chết bi thảm của chồng đa tài và khẳng khái, sau khi tản cư vào Nam cũng đã mất ít năm sau đó và cũng là điều thật đáng tiếc vì như vậy ta chỉ đành kết luận thật đáng buồn là cũng ít nhà văn nổi tiếng thời tiền chiến lại ít người biết rõ và viết hồi ký tưởng niệm như trường hợp bác K.H.

Đối với bác T.L., một nhà thơ và viết kịch trụ cột của TLVĐ và còn cũng rất có công khai phá của dòng văn kinh dị trinh thám, người đã có lúc xúc

động trước việc Tây bắt bỏ giam cầm một số đồng chí và bạn văn của mình như H.Đ., K.H., N.G.T. (tại Vụ Bản, Hòa Bình) đã hứng lên viết bài thơ tuyệt hay *Hổ nhớ rừng* để đề cao những người tù chính trị khẳng khái kiêu hãnh "*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt*", những con hùm thiêng của núi rừng khi thất thế sa cơ. Bài thơ này qua nhiều thế hệ độc giả vẫn còn được hâm mộ vì cái giọng thơ vừa mạnh mẽ vừa bi hùng, một sự kiện khá hiếm hoi trong cái rừng thơ lãng mạn thời đó, và cũng lại bài thơ này còn được chúng tôi, những người tù chính trị sau 1975 đã tiếp tục ngâm cho nhau nghe và một lần nữa tìm thấy được tâm trạng u uất lẫn lộn kiêu hãnh và hận thù trong những dòng thơ được viết ra cho những người tù chính trị của một giai đoạn cách chúng tôi cả nhiều thập niên.

Vào năm 1954, bác T.L. đã cùng người vợ sau của ông, nữ kịch sĩ S.K. đã ở lại miền Bắc và chỉ bà vợ đầu và mấy đứa con là di tản vào sinh sống ở miền Nam tự do. Đối với tôi việc ông ở lại hay kẹt lại miền Bắc vẫn còn là một uẩn khúc mà tôi đã chịu không tìm hiểu nổi căn nguyên hoặc tìm được những tin tức xác đáng hầu giải thích hẳn được về một bề nào. Hoặc giả ông tự nguyện ở lại và trở thành một "thi sĩ bội phản" như nhiều người ở miền Nam đã nghĩ như vậy; hoặc giả ông đã quan niệm sai lầm về Cộng sản, hoặc vì một động cơ tình cảm hoàn toàn không liên hệ đến chính trị. Tôi không nghĩ là ông lầm về Cộng sản, vì đã là một thành viên của TLVĐ, một đồng chí với nhiều thành viên khác, ông đã chứng kiến cuộc tranh chấp đẫm máu giữa các lực lượng Quốc-Cộng ngay tại các phố phường Hà Nội và luôn cả một số tỉnh vùng biên giới Trung-Việt, không lẽ ông bất trí đến độ có thể lầm để tự nguyện ở lại miền Bắc?

Việc ông trở thành chủ tịch hội Kịch nói miền Bắc Cộng sản trong nhiều thập niên và vẫn rất được chế độ trọng nể có thể giải thích được một phần lớn nhưng vẫn chưa hoàn toàn thái độ uyển chuyển và hợp tác của ông với Cộng sản. Nói cho cùng ông cũng không làm khác bao nhiêu so với N.G.T., X.D., T.H. và dĩ nhiên không quá tệ như H.C. và T.H. Ngoài việc đóng kịch, dựng kịch và chuyển thể các vở kịch của quốc tế Cộng sản cũng không thấy ông sáng tác được những bài thơ hay vở kịch sâu sắc và có giá trị. Liệu con hổ oanh liệt một thời bị giam hãm trong cái chuồng tre tù túng đã có nhiều lần ân hận, hối tiếc vì nhớ lại chỗ rừng thiêng khi hùm mặc sức tung hoành trong tự do?

Riêng với trường hợp chú X.D., thời đối với những người biết ông khá rõ lối sống rất là dung tục và nói trắng ra là chẳng hào hoa phong nhã chút nào của ông trước hay sau 1954 thời cũng vẫn vậy không thay đổi mấy. Tuy nhiên có lẽ là vì kinh tế chiến tranh và sự đói nghèo của miền Bắc đã khiến nhà thơ này thực tế đến độ tầm thường và đã tận dụng tài làm thơ ca tụng chế độ để làm cần câu cơm, khá là ồn ào và lộ liễu đến độ quần chúng và giới văn nghệ sĩ đều biết rất rõ. Hễ mời ông nói về thơ và được ông đọc mấy bài thơ minh họa là phải đến có ăn no có rượu và về phải có quà tặng.

Ngay từ nhỏ, tôi thường nghe ba mẹ tôi hay nhắc tới chú X.D. với giọng chế giễu và có phần coi thường, nhất là về cái tật háu đói và ăn rất phàm của chú. Cái bánh chưng mẹ tôi gói ngày Tết to hơn hòn gạch, nếu người ăn mạnh ăn để trừ cơm giỏi là ăn được già nửa cái, ấy vậy mà chú X.D. ngồi canh bánh chưng tại trại C.G. của họ Ng.T., có lần bánh vừa chín bóc ra nóng hổi đã ăn một mạch hết hai cái. Ba mẹ tôi còn nói bóng gió tuy chú X.D. đã là một thi sĩ sáng tác những bài thơ về tình yêu say đắm và nồng nàn nhất, nhưng nếu các độc giả nhất là nữ độc giả được biết cái tật nho nhỏ khác của thi sĩ là "em" mà thi sĩ ca tụng trong thơ chẳng phải là phe nữ, phe đẹp chắc phải là sửng sốt nếu không nói là thất vọng. Ấy vậy chú trong đời thật lại cứ thích và quấn quýt quanh những bạn trai xinh đẹp và "em" đây phải hiểu hàm ý là những người thân yêu cùng phái mới đúng.

Đó là tất cả những gì tôi nhớ và biết được về các nhà văn nhà thơ khác của TLVĐ ngoài các bác các chú tôi. Quả thật là quá ít ỏi và sơ sài, nhưng dù sao hồi TLVĐ lên đến đỉnh cao về tăm tiếng và ảnh hưởng tôi mới 10 tuổi và vào lúc các biến động lớn của năm 1946 tôi cũng chỉ 13.

Điều đến nay tôi vẫn còn thắc mắc và rất tò mò muốn tìm hiểu cho rõ là chẳng hiểu vào giai đoạn cởi trói văn nghệ của đầu thập niên 80, khi các tác phẩm TLVĐ lần lượt được phép tái bản và từ chỗ còn được khen phân tích thuận lợi nhưng vẫn còn dè dặt, cho đến lúc các cây viết phê bình tỏ ra mạnh bạo hơn khen ngợi khá nồng nhiệt và rồi ca tụng mến mộ, không thua mức độ đánh giá cao nhóm này ở miền Nam tự do trước đây là bao nhiêu, thời bác T.L. lúc đó còn sống và chú X.D. đã có những cảm nghĩ xúc động và tâm trạng như thế nào? Nhất là ký ức còn nóng hổi và đau nhức của những lời phê bình thậm tệ gay gắt của chính các ông trước đây với dòng văn chương tiểu tư sản lãng mạn đồi trụy ru ngủ thanh niên vẫn còn sờ sờ ra đó. Như là những tức giận các ông đã từng đứng lên đọc những bản tự thú và phủ nhận luôn cả những tác phẩm các ông đã sáng tác và nhận tội với nhân dân, v.v... dù đó là những đứa con tinh thần đã làm các ông nổi tiếng và đưa các ông vào văn học sử.

Một người bạn văn của tôi đã đưa ra một hình ảnh ví von khá lý thú là "Cây bút của một nhà văn nhà thơ cũng tựa như thân thể một cô gái trinh bạch, một khi đã được dùng chỉ một lần chót dại lỡ lầm để viết không đúng sự thật thời cũng chẳng khác gì một lần trao thân nhầm cho phường sở khanh. Đã mất trinh một lần, những lần sau tiếp tục tới dễ dàng hơn nhiều và cứ thế cứ trượt mãi xuống dốc và bùn nhơ và đến khi thân xác đã nát rữa như hoa giữa đường, tỉnh ngộ bẽ bàng muốn hoàn lương thời quá muộn. Khi đó cầm bút để cố gắng viết một cách đứng đắn phục vụ cho cái đẹp và sự thật thời ngòi bút đã có nếp có đà kiểu ngựa quen đường cũ, nên quanh đi quẩn lại chỉ toàn viết ra toàn cái giọng văn đặt hàng minh họa vừa giả tạo ngượng ngập nếu không phải là có phần trơ trẽn sống sượng và vô duyên. Thế nên, nếu còn chút tự trọng tự sỉ, *Chữ trinh còn một chút này*, tốt hơn là nên giữ im

lặng có lẽ là hay hơn cả. Nàng Kiều đâu có muốn mô tả dài dòng về nàng đã thất thân như thế nào với Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Từ Hải . . . Kỳ và ngượng thấy mồ đi!"

Thế là nói cho đúng kể từ năm 1952, tôi bắt đầu bước chân vào con đường làm văn. Chỉ vì may mắn có người bác nổi tiếng, tôi ngay khi đang đi học những năm cuối bậc trung học đã nghiễm nhiên trở thành nhà văn được nhận vào một nhóm văn thi sĩ uy tín lẫy lừng nhất của văn chương hiện đại. Nhưng tôi vẫn tiếp tục đi học sống cuộc đời bình thường của một người vô danh, vì bác Ba trai đã không công bố bản Chúc thư văn chương này cho quần chúng biết và cũng như thường lệ không buồn giải thích lý do của sự im lặng này với tôi và tôi cũng không tìm cách dò hỏi hay giục giã ông. Mãi về sau tôi cũng chẳng lần nào hỏi thẳng ông hoặc được ông thổ lộ tại sao ông phải đợi đến tận năm 1958 khi xuất bản tờ *Văn Hóa Ngày Nay* ông mới chính thức công bố bản Chúc thư Văn nghệ trên số Tết, trong đó ông cũng công bố luôn sự gia nhập TLVĐ của 4 nhà văn N.T.V, Đ.Đ.T, T.H. và D.L., tức là khoảng 6 năm sau khi ông đặt bút ký và ghi ngày tháng trên bản Chúc thư.

Riêng đối với tôi, tôi đã trải qua 6 năm này như một thanh niên không tên tuổi, chỉ với điểm khác biệt phần nào là vì khá tự tín về tài năng còn ẩn kín của mình, vẫn tiếp tục viết qua những năm mà cuộc đời tôi nhiều biến động – quãng đời đánh dấu sự dấn thân với những bước đầu tiên vào lãnh vực hành động chính trị: một giấc mơ khác của tuổi thơ.

Tôi còn nhớ vào một buổi trưa đầu năm 1953, tôi đi học về thời được ba tôi chỉ cho thấy trên bàn hai tờ giấy gọi đang chờ. Tôi cầm lên xem: đó là một tờ giấy gọi đi làm nhân viên quan thuế, và một tờ giấy gọi động viên khóa 3 trường Thủ Đức. Thế là tôi không có dịp làm công chức một ngày đã bị động viên cùng hầu hết các thanh niên có học đang làm công chức hay giáo sư vào thời kỳ đó đã bị Pháp-Bảo Đại vơ vét dồn vào quân đội, những con vật hy sinh cho một chính quyền "nửa thuộc địa nửa phong kiến". Hầu như không xúc động tôi đặt các tờ giấy gọi xuống nói ngắn ngủi với ba tôi: "Thôi cũng được! Con sẽ đi học sĩ quan . . ."

Vào tuổi đó tôi luôn luôn chờ đợi với sự háo hức những thay đổi lớn những biến động trong cuộc đời và tôi luôn luôn nghĩ tôi phải sống nhiều mới có thêm chất liệu sống rất cần thiết cho việc viết văn. Trong gia đình chỉ có ba tôi là vui nhất. Đứa con trai đầu như vậy sẽ trở thành "ông một" và với số tiền lương khá lớn tôi không những thừa sức tự lập mà còn có thể giúp đỡ thêm cho gia đình.

Dĩ nhiên, cũng như tất cả các bà mẹ thương con khác, mẹ tôi tuy chẳng lộ ra, nhưng cũng không phải không lo ngại cho đứa con đầu lòng sắp bước chân vào một lãnh vực đầy bất trắc và nguy hiểm. Trước đây cũng mẹ tôi nằn nì chồng và cả chính tôi là tôi phải bỏ ngay việc làm Trưởng toán Tuyên truyền Xã hội của Quân đoàn Thứ I Đ và trở về gia đình đi học lại vì Đoàn của tôi bắt đầu bị du kích Cộng sản quấy rối. Đúng giai đoạn này chiến cuộc

tại Bắc Việt đang diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa Pháp và Việt Minh và khi tôi về nghỉ phép trước khi ra Huế làm việc, trận Na Sản đã sắp đến hồi kết cuộc và một số bạn bè cùng khóa của tôi đã tử trận và tên đã thấy xuất hiện trên Đài Chiến sĩ Trận vong ở BCH/BCĐ tại Hà Nội. Tôi vì được theo học khóa sĩ quan binh chủng Truyền tin nên đã học bổ túc thêm hai tháng và đã không bị tung vào trám chỗ trống cho cán bộ sĩ quan tại các BVN (TĐKQ).

Tuy nhiên, suốt qua những năm tháng đầy biến động của giai đoạn kéo dài gần 6 năm này, tôi vẫn không bỏ cái đam mê viết văn. Dù là viết một mình tại sân Rồng Đại Nội gần ngay bức tượng kỳ lân nhăn nhở như một ác mộng, tại những buổi trực đêm tại trung tâm Truyền tin, dù là trong căn phòng nhỏ của đồn Truồi ẩm ướt chật chội nhìn xuống dòng sông Truồi nước đen thẫm, hay là vào đêm khuya trên chiếc ghế bố kê ngoài hiên lặng lẽ cũng trông xuống một chiếc ao nhỏ ở Thành Nội, hay là tại một căn phòng của một biệt thự cổ kính tại Vỹ Dạ tôi vẫn cặm cụi viết.

Ấy là không kể, cũng vào giai đoạn chính trị rối ren hỗn độn này của đất nước, tôi cũng vẫn lao mình hợp tác cùng một số sĩ quan trẻ khác ở BTM/QĐ2 (trong đó có hai sĩ quan cấp úy cấp Trưởng phòng và Phó sau này lên đến tột đỉnh của chính phủ quân nhân) để hoạt động chống Pháp và tướng Hinh, như đốt xe các sĩ quan Pháp, tung truyền đơn, phổ biến báo đen và cuối cùng tổ chức cuộc biểu tình lớn để ủng hộ cho vị Thủ tướng mới từ Hoa Kỳ về, và vẫn không quên và ngừng viết cuốn truyện dài *Người Khách Lạ*. Cuốn sách này không bao giờ được xuất bản và có lẽ chỉ vì me tôi, bác Ba trai và một số nữ sinh Đồng Khánh biết. (Như nữ sĩ B.B.H. có lần nhắc tới). Bác cũng rất thích các truyện ngắn tôi trích từ tập bản thảo lên tới 400 trang với những dòng chữ viết nhỏ li ti kiểu chân ruồi này như *Vực Thẳm, Trung Thu*, và ông nhắc trong cuốn *Viết và Đọc Tiểu Thuyết* và khen đó là những truyện sâu sắc.

Tôi cũng vẫn tiếp tục viết văn vào năm thứ hai của nhiệm kỳ làm thông dịch viên tại Fort Benning Hoa Kỳ, sau khi đã chán chường không còn thấy hứng thú đi du lịch và chơi bời lăng nhăng, cũng như cặp bồ với vài cô Mỹ nho nhỏ cho biết.

Trở về nước vào năm 1957, tôi đã có dịp lại gặp bác Ba trai, và tại căn phòng nhỏ ở nhà ngang của biệt thự bác Cả, tôi lại đưa ông đọc những truyện ngắn tôi đã viết trong suốt 6 năm như một nhà văn vô danh. Cũng là một sự trùng hợp khá lý thú khi một số nhà văn đã có tiếng tăm hoặc những nhà văn của TLVĐ (II) hay TLVĐ nối dài theo giọng tự giễu nhau trong gia đình tôi, tự nhiên đến qui tụ chung quanh ông như B.N.L, N.T.V., L.B., Đ.Đ.T., T.B.S., T.H. và tôi. Bác tôi đã luôn luôn được bác tôi, những biên tập viên tương lai của nhóm *Văn Hóa Ngày Nay* đưa truyện ngắn truyện dài để ông đọc duyệt và cho ý kiến.

Hầu hết những cây viết nam nữ này đều đã có quen biết với ông, ngoại trừ anh B.N.L., nhà văn có tiếng độc nhất người Nam trong nhóm. Bác tôi có dịp đọc truyện ngắn *Ba con cáo* của anh B.N.L. và chỉ căn cứ trên một truyện này ông đã xác định ngay được tài năng và sự sâu sắc của anh và cũng chính ông nhờ người tìm anh đến gặp ông và rồi mời anh hợp tác.

Sự thú vị và hứng khởi của bác tôi càng ngày càng tăng theo số lượng các sáng tác của nhóm nhà văn tương đối nhỏ này quây quần chung quanh ông. Những đề tài chính đầy hứng thú sôi nổi tôi và anh thấy có dịp trao đổi với ông đã bắt đầu tạo nên một sự ràng buộc mơ hồ giữa những người theo cái nghiệp văn chương đó là bàn về kỹ thuật sáng tác và những nét hay mới mà ông tìm thấy trong những văn phẩm người cùng nhóm hoặc do chính chúng tôi tìm ra ở nhau. Đặc biệt tôi có lưu ý và nhớ là hầu như chẳng bao giờ ông hỏi tôi về cuộc sống trong quân ngũ hay đời sống bên Hoa Kỳ hoặc bàn với tôi về những vấn đề chính trị. Loáng thoáng đây đó tản mạn là những câu đầy hàm ý mà ông chen vào câu chuyện nhưng không đào sâu và lảng ngay sang chuyện khác nếu tôi hoặc một số người trong nhóm gặng hỏi ông. Về chuyện sống lưu vong ông chỉ nói đơn giản, "Bác đã sang Pháp chơi và ở với anh Vê gần một năm, nhưng không thấy hợp nên lại trở về Việt Nam. Mình là loại người chẳng thể sống ở đâu ngoài trên đất nước mình", hoặc, "Cái gì thối nát thì tự nó sẽ đổ" để nói bóng gió bình luận về chế độ đương thời.

Tôi cũng đã tò mò và thú vị ngắm ông viết những lối viết chân ruồi, làm đầy mấy tập bản thảo đóng bìa đen giấy trắng ngà ngà không kẻ dòng, khổ vở viết học trò. Ông cũng vẽ đi vẽ lại sơ đồ *Xóm Cầu Mới* (trừ địa điểm trại Cẩm Giàng) và vùng huyện Cẩm Giàng kế cận phố huyện và nhà ga, cái khu vực mà tôi cũng như ông thuộc nằm lòng từ cái cây đa Mâm Sôi đến cây cầu bắc sang vùng bên kia sông, và không những dành cho mỗi nhân vật vài ba trang ghi chú rất kỹ lưỡng về cả ngoại hình gia thế tính nết phục sức, lối nói làm bộ điệu của cả gần trăm nhân vật của cuốn trường thiên tiểu thuyết này, mà còn vẽ phác phong cảnh và luôn cả một số nhân vật với nét vẽ của họa sĩ Đông Sơn tức cũng chính là ông. Bác tôi cũng đồng thời biên soạn cuốn tiểu luận *Viết và Đọc Tiểu Thuyết* trong đó ông ghi lại khai triển đào sâu những luận điểm về kỹ thuật viết và đọc tiểu thuyết mà ông đã công phu sưu tầm trong suốt một cuộc đời làm văn làm báo và lăn lộn trong những đam mê chữ nghĩa và cái hay cái đẹp của văn chương nghệ thuật.

Ông đã giảng giải không chán về những việc ông đang làm, lúc nào cũng say dắm, lúc nào cũng đơn giản trực tiếp và trong sáng trong cách trình bày những ý kiến nhận xét của ông, điều tôi luôn luôn thích và trọng ở ông. Nói với ai dù đó là nhà văn đã nổi tiếng, hay một nhà văn "có mầm" trẻ tuổi, hoặc sau này ngay cả với các nhà văn hàm tiếu tí hon như T.C., K.L. mà ông đã tìm thấy ở họ những nhận xét tâm lý tế nhị dí dỏm và mới lạ, ông cũng vẫn thế, luôn luôn chí tình, luôn luôn bình đẳng và cũng luôn luôn bộc lộ qua những lời lẽ trầm trồ nồi thú vị đầy thán phục của ông trước những cái hay

của người khác. Chưa lần nào tôi thấy ông có thái độ hoặc lời nói trịch thượng hoặc kiêu kỳ của một văn hào đối với những người cùng ham mê viết lách và văn chương như ông. Tôi cũng bắt đầu hiểu cái bí quyết hay nói cho đúng cái khả năng hiếm có của ông là không những lớn trong những tác phẩm ông sáng tác mà còn lớn hơn trong cái khả năng có thể lùi lại đầy vô tư và khiêm nhường để có thể tìm ra ở người khác những cái hay cái độc đáo mà chính họ không tự nhận ra được: Đó là khả năng của một người đọc thưởng thức sành điệu sâu sắc và đầy nhiệt tình. Cũng chính vì cái khả năng tôi cho là thật đáng quý trọng đó ông mới có thể khám phá ra và tạo thành những tên tuổi lẫy lừng của văn chương hiện đại như K.H., T.L., Th.L., Ng.H., T.M., và X.D. Tôi có cảm tưởng chắc không xa sự thật lắm là đôi khi ông thú vị và trầm trồ trước những cái hay của người khác còn sâu đậm hơn cả chính những người này. Ông đã nhìn thấy những nhà văn viết hay nằm sâu ở trong ở giữa những dòng chữ của các nhà văn khác và chỉ khi ông tế nhị khéo léo đãi lọc tìm thấy chúng đưa chúng ra ánh sáng trước sự kinh ngạc và thán phục của mọi người, thời mọi người mới ý thức được tất cả cái mới mẻ độc đáo của những nét hay đẹp nằm sờ sờ ra đấy mà chẳng mấy ai để ý. Có thể nói chính những nhận xét thật tinh tế và bất ngờ, bất ngờ ở sự đơn giản của chúng đã đóng góp rất nhiều vào sự hình thành các tài năng.

Trong cuộc đời làm văn của tôi, có đôi lần tôi thấy một số nhà văn có thể viết hay hơn sâu sắc hơn ông dưới một số khía cạnh nào đó, nhưng tôi chưa thấy ai có được dù một phần cái khả năng khám phá ra những tài năng mới đến mức độ cao và đứng đắn như ông. Không những học ở bác tôi cách viết văn cho hay tôi cũng phần nào học được ở ông một cái còn quí hơn nữa là thấy được cái hay của người khác hay là tìm ra những người có tài. Cũng áp dụng đúng những nguyên tắc tương tự, mãi về sau tôi cũng đến lượt tìm ra và "ném" một số nhà văn trẻ khác cùng thời và đôi khi cùng lớp tuổi khác như D.N.M., T.D.T., B.B.H. và chính luôn cả em trai mình là Du. tôi cũng đã tiếp tục làm đúng như ông đã làm và quả thật cũng đã tìm được nhiều thú vị và những phần thưởng tinh thần khó quên trong việc chú tâm tìm tòi và phát giác những tài năng mới. Tôi nghĩ cái niềm sung sướng tự hài lòng có phần âm thầm kín đáo này mà tôi được hưởng cũng đã giúp tôi hiểu thêm về con người bác tôi. Mỗi khi đọc một tác phẩm của những nhà văn lớn quốc tế hoặc là bất cứ nhà văn nào trong nước có tiếng hay chưa mà tôi cảm thấy xúc động hoặc thầm cảm phục, điều đầu tiên tôi tự hỏi mình một cách vô tư thành thật và cũng nghiêm khắc nhất là liệu cái hay của tác giả tôi đang đọc giả thử nếu tôi cố gắng hết sức cũng sẽ viết tương tự tôi sẽ hy vọng đạt được bao nhiêu phần trăm? Có viết hay bằng được ngang ngửa hay kém hơn hoặc cũng tự biết đó chỉ là một ảo vọng ngoài tầm tay vượt khỏi sức và tài mình. Tôi đã mãi mãi mang áp dụng bài học được nơi bác tôi, và cho đến tận hôm nay tôi nghĩ chưa bao giờ phải ân hận và tiếc là thiếu chân tình và vô tư trong việc đưa ra ánh sáng những nhà văn trẻ "có mầm".

Đến một lúc, đột nhiên bác Ba công bố với những người thân và bạn hữu là sẽ cho ra đời tập san *Văn Hóa Ngày Nay*. Tôi nghĩ có thể không xa sự thật lắm là có thể sự quây quần chung quanh ông của một số nhà văn "có mầm", có tài, đã là một yếu tố kích thích thúc đẩy ông đến chỗ quyết định lại làm báo và lại lao mình vào nỗi đam mê đã bắt đầu kể từ thời ông mới ở Pháp về với mảnh bằng cử nhân khoa học và khi đi dạy học tư ông đã có dịp kết thân với những người trí thức Tây học cũng đều ham thích làm mới văn chương báo chí và xã hội, những người sau này nổi tiếng dưới những biệt hiệu như K.H., H.Đ., T.L., T.L., T.M.

Ông cũng áp dụng đúng cái phong cách làm việc và những nguyên tắc phân công phân nhiệm đã đưa TLVĐ và tổ hợp PH-NN-ĐN đến những đỉnh cao về kỹ thuật tổ chức và làm báo văn chương-xã hội-phong tục-trào phúng mà sau này những người làm văn làm báo qui tụ trong những tổ hợp tương tự tuy đã dành được những thành công tương đương nhưng cũng khó vượt qua được. Điều khá lý thú phần nào khó hiểu nhưng có thực là mãi đến khi có buổi họp mặt đầu tiên Ban Biên tập *Văn Hóa Ngày Nay*, tôi thực sự mới có cơ hội gặp mặt đầy đủ tất cả những cây bút nam nữ mà ông đã mất khá nhiều công chọn lựa và mời hợp tác. Trước đó, chúng tôi chỉ biết nhau qua những lời khen và nhận xét thuần túy về những bài văn chúng tôi viết và đưa ông xem, còn trên thực tế chẳng có một sự giao du đi lại thân hoặc sơ như thường thấy giữa những người cùng chia sẻ lòng đam mê viết văn làm báo.

Điều đáng lưu ý khác nữa là hầu như tất cả chúng tôi đã mến nhau trọng nhau qua sự trung gian của bác Ba tôi: cảm tình với nhau thông cảm khá cao qua văn mà chưa biết người.

Trong mối giao tiếp giữa hai bác cháu tôi có cảm tưởng ông luôn luôn chọn cái đất đứng để chuyện trò và hòa hợp với nhau là văn chương và sáng tác. Gặp ông, tôi cũng như mọi người qua những gợi ý nỗ lực đưa đẩy câu chuyện của ông đã chỉ sôi nổi với những đề tài muôn thuở của người cùng nghề là chỉ nói về kỹ thuật sáng tác, dựng nhân vật, cách đưa dẫn câu chuyện thế nào (có cốt truyện ẩn kín mà truyện hình như không có hay cần cốt truyện) để những nhân vật chính phụ lần lần hiện ra trong tất cả cái vẻ người của chúng, tự nhiên như sự diễn biến của chính đời sống vậy. Tôi nhớ chẳng mấy khi ông hỏi chuyện ai về đời sống riêng tư của mỗi người, hoặc về những khó khăn trở ngại thành công trong nghề nghiệp, hoặc về bất cứ vấn đề mật thiết liên hệ đến những sắc thái khác của đời sống như tình yêu, thù hận, ấm ức vì dồn ép áp chế tâm lý. Ông hình như cố gắng giữ một khoảng cách giữa ông và những người ông gặp giao du thân hay sơ. Tôi nghĩ ông nhìn thấy rõ và hiểu mọi người hơn mọi người tưởng ông biết về họ, nhưng do sự kiềm chế nào đó và lòng tôn trọng người khác trong cái bản tính rất tế nhị rất Á đông, ông đã tránh không để mình bị lôi cuốn quá xa vào tất cả những khúc mắc hệ lụy riêng tư của bất cứ ai. Đó cũng là một nét tâm tính chung của anh em dòng họ Ng.T. nữa. □

THẾ UYÊN

không ơn thiên sủng

truyện ngắn

Tôi bắt đầu quen biết với Quang vào tháng thứ năm hay sáu chi đó của cuộc đời cải tạo tại trại Trảng Lớn, Tây Ninh. Vào thời kỳ đó đám cải tạo bọn tôi đã thiếu chất xanh một cách trầm trọng. Mỗi bữa mỗi người chỉ còn được phát có một chén ăn cơm nước luộc bí hoặc su su, và nạn phù thủng đã bắt đầu xuất hiện trong trại. Mỗi sáng đều có những sĩ quan cải tạo được bạn dìu lên trạm xá – chỉ đến tình trạng đi không được, mới được trạm xá phát cho những viên vitamin hiếm hoi cứu mạng. Ban chỉ huy trại, năm đó hoàn toàn là quân đội chính quy miền Bắc nắm giữ, đã khuyến cáo các cải tạo tự mình trồng lấy rau xanh, không nên trông cậy ở khẩu phần chính thức mỗi ngày co lại vì phải bù quá nhiều tiền cho việc mua củi.

Bạn bè tôi túa ra chiếm những khoảng trống có thể trồng rau trong hàng rào kẽm gai của trại. Tôi và Văn, một bạn thân vóc dáng nhỏ thó nhưng đẹp trai và thảo vát khỏi chê, thì cứ lè phè như thường lệ. Không tham gia vào công cuộc giành đất khai hoang. Nguồn chất tươi của hai đứa tôi trông cậy vào tài lanh lẹn của Văn. Mỗi khi được gọi đi lao động trên trung đoàn, dù là tháo vỉ sắt sân bay hay dọn những căn nhà đã cháy trong cuộc chiến cuối cùng của năm 75, chỉ thoáng một cái là Văn đã nhìn ra chỗ nào cần phải *cải thiện* rồi. Tôi đứng ra làm bình phong cho Văn biến đi đâu chừng nửa giờ, là đủ khi trở về Văn đã kiếm ở đâu đó ít cọng khoai lang, rau rền hay đôi khi cả trùm bao nữa. Và có lần Văn dám chui kẽm gai vào khu khác, bới trộm được ba bốn củ khoai lang còn nhỏ xíu.

Tối hôm đó tôi sang lán của Văn để cùng rửa khoai. Nói là cùng cho oai chứ tôi thì ngồi coi, tán chuyện gẫu. Văn vốn là một chuyên viên kinh tế tốt nghiệp Âu châu, có những ngón tay tài hoa khéo léo, dâu cho tôi đụng đến. E tôi làm gẫy khoai, sẽ bớt chất ngọt chất tươi đi. Đến tối Văn cho khoai vào lon gô, nhóm lửa nấu thật chăm chút như nấu món yến sào trong cung vua chúa. Và khi khoai chín, hai đứa trịnh trọng mang lon gô ra một khoảng xi-

măng sạch sẽ sát hàng rào kẽm gai, và dưới ánh trăng tỏ đêm đó, hai đứa chia nhau từng củ nóng bỏng, vừa nhai vừa húp nước luộc khoai cho thêm phần sinh tố.

Trong đời lính chiến của tôi, chẳng an nhàn gì cho lắm và đã từng có lúc khát quá múc nước sông đỏ ngầu uống mà thấy ngọt dễ sợ. Và đói thì cũng có lúc đói mờ mắt. Nhưng chưa bao giờ biết thế nào là một cơ thể thiếu chất xanh cho đến khi làm thân cải tạo. Người cứ như khô đi, hốc hác, khó chịu làm sao. Nhưng vẫn ở mức độ cũng còn chịu đựng được nếu chứng bệnh phù không tới. Và dĩ nhiên là tôi bị trước Văn. May mắn gặp một người bạn tốt cho mấy viên B1 nên chưa đến nỗi đi lết bết. Làm sao tránh nổi cảnh đó khi chất xanh đã hiếm hoi, gạo thổi cơm lại là thứ gạo để quá lâu trong kho đã mốc meo.

Tôi quyết định rủ Văn đi một dường khai hoang trồng lấy rau. Mới đầu Văn còn không chịu. Nhưng với thời gian, những phiên lao động ngoài trại mỗi ngày một ít đi, tài tháo vát của Văn không còn đất dụng võ. Nhưng anh chỉ quyết định theo tôi trồng lấy rau khi một buổi tối, hai đứa thèm chất xanh quá rồi, đang ngồi bàn tán sát một luống rau muống của bạn bè, Văn bỗng dưng bảo tôi làm bình phong để hắn chĩa rau. Tôi ngần ngại một chút rồi cũng nghe theo. Văn chĩa được một lon gô rau muống để hai đứa chia nhau ăn trưa ngày hôm sau. Nhưng đến đó là giới hạn chót bởi vì cải tạo cũng có luật bất thành văn của cải tạo: chĩa tài sản chung của trại thì được, chĩa của anh em thì tối kỵ.

Sáng hôm sau hai đứa ra khu đất trống của trại bây giờ đã biến thành cả trăm luống rau đủ loại. Không còn tới một thước đất cho hai đứa cắm dùi. Sau cùng tôi với Văn đành cuốc ven con lộ cho bằng ra thành một luống nhỏ. Làm hai ngày mới xong vì đá, sỏi, rác rưởi đủ loại lổn nhổn. Khi luống đã thành, cọng rau muống già xin đã đủ, đã cắm xuống xong xuôi thì hai đứa mới ngẩn ngơ trước một sự kiện hiển nhiên. Đất xấu như thế, nước thì không nhiều, nếu không có phân bón thì giấc mơ được ăn rau khoai của bọn tôi còn lâu mới tới. Tôi quyết định múc phân người từ cầu tiêu công cộng ngay đó, Văn phản đối kịch liệt. Nhưng nhu cầu thực tế sau cùng vẫn thắng: Văn bằng lòng cho tôi tưới phân người với điều kiện là chỉ tưới vào lúc không có mặt đương sự.

Từ đó mỗi buổi trưa nắng chói chang là tôi hành nghề làm vườn một mình. Trại lúc đó thường vắng, không ai tranh giành những gầu nước quý giá ở đáy cái giếng gần đó. Tôi dùng một cái gầu thẳng làm bằng một cây sắt cắm xuyên qua chiếc mũ nhựa lót trong các mũ sắt, thọc thẳng vào cầu tiêu gần đó. Rồi khệ nệ đưa gầu đầy phân tươi rói ấy ra tận luống rau ven lộ, đổ ụp xuống. Phải đi đi lại lại như vậy khoảng ba, bốn lần mới xong mục bón ruộng. Sau đó là múc nước tưới lên cho sạch sẽ, đúng như yêu cầu của Văn.

Giải quyết xong vấn đề rau tươi rồi, mỗi chiều tôi lại càng thảnh thơi hơn. Trong chốn tù đầy này, mỗi người có một cách để giữ thăng bằng cho tâm

hồn. Văn chọn cách là tin theo bất cứ một tin đồn cà chớn nào cho biết rằng lũ sĩ quan bọn tôi sắp được tha về. Khi thì mười ngày nữa, khi thì chính xác là mồng ba tháng sau. Tôi hay trách Văn là tại sao lại đi tin những tin tức tầm phào như vậy. Mới đầu thì hắn nín thinh, nhưng rồi tới một tối hắn la lại tôi: "Tại sao ông lúc nào cũng thích lôi người ta vào cõi thực như vậy. Ông cứ để cho tôi tối đi ngủ mơ rằng tuần sau, tháng tới được về. Có thể tôi mới dễ ngủ và sống được chứ!" Lần này đến lượt tôi nín thinh vì Văn có cái lý của hắn, cái lý của nhiều đồng đội khác nữa: khi lâm hoàn cảnh khốn cùng, ta cứ việc mơ mọi giấc mơ không tưởng để quên thực tế trước mắt. Chính những người theo trường phái mơ màng này nhiều năm về sau đã tin chắc là Mỹ sẽ mang trực thăng đến tận trại "bốc" thẳng cải tạo đến Hoa Kỳ. Hay là khi đã được tha về sống đói rách vất vả với vợ con thì tin ở giấc mơ cứ việc điền đơn đi Úc là có xe bus đêm khuya ghé tận cửa nhà đưa thẳng ra bãi Sau của Vũng Tàu, bước thẳng lên đoàn tàu há mồm đang đợi sẵn.

Tôi không thể nào hoang tưởng như thế được. Tôi biết đảng Cộng sản Việt Nam còn nhốt bọn tôi nhiều năm tháng nữa. Tôi tìm cách tái lập quân bình nội tâm bằng cách khác. Tôi vẫn giữ trong người từ lúc còn rất trẻ cái thú thích cảnh thiên nhiên và các vẻ đẹp dưới bất cứ hình thức nào. Ban ngày tôi lang thang đi thăm từng nơi có hoa trong trại, hoa bìm bìm tím phủ đầy mái lán của một đội bạn gần vườn rau, hoa tóc tiên hồng ven vỉa hè của lán khác, và đã có lúc tình cờ nhìn thấy hoa cỏ nở trên vũng nước nằm trong hàng rào kẽm gai, tôi đã ngồi xuống ngắm nghía và mơ mộng cả giờ.

Nhưng thích thú nhất là vào những buổi chiều không mưa, tôi cùng vài bạn leo lên bồn chứa nước, ngồi ngắm những đám khói đốt đồng ở vùng biên giới tít mù phía xa. Ngồi lơ lửng trên cao như thế, nhìn mặt nhau biết cả, khỏi có lo ăng-ten, thiếu gì lúc bọn tôi bàn tán ước mơ chạy như bay trên những đồng cỏ xa ấy, phóng qua biên giới, đi về bất cứ đâu, miễn là ra khỏi Việt Nam. Những chỗ ưa thích nhất của tôi vẫn là một gốc cây cưa cụt không xa cầu tiêu công cộng nằm chính giữa vườn rau rộng của trại. Tôi ngồi đó, trịnh trọng nhồi thuốc rê vào ống điếu, châm lên rồi vừa hút khói khét lẹt vừa thưởng thức cảnh núi Bà Đen gần kề.

Cảnh núi chẳng chiều nào giống chiều nào là một niềm an ủi lớn cho tôi. Núi có đó, vẻ đẹp của núi có đó, có từ nhiều triệu năm trước khi có tôi ra đời và còn tồn tại nhiều triệu năm nữa sau khi hình hài tôi đã trở về với cỏ với đất này. Một buổi chiều tôi đang mơ màng như thế bỗng dưng tôi để ý đến một cải tạo viên đang lúi húi làm vườn ngay luống đất kế cận. Anh trắng trẻo đẹp trai. Nhưng điều làm tôi chú ý là anh cắm những cọng rau muống già xuống theo một đường thẳng hoàn mỹ. Khoảng cách giữa mỗi cọng, giữa mỗi hàng thật chính xác như hình kỷ hà kẻ trên mặt giấy. Nhưng sự kiện quan trọng hơn nữa làm tôi chú ý là khuôn mặt bình thản, yên tĩnh của anh. Từ lâu lắm rồi tôi không được nhìn thấy một vẻ mặt bình tâm như thế sau hàng rào kẽm gai dầy đặc này. Anh đã có trong anh một cái gì để soi sáng bình an lên

nét mặt như vậy? Tôi liền làm quen, biết anh tên là Quang, sống ở một khu không xa tôi lắm. Anh bảo anh đã biết tôi từ lâu vì anh thường theo dõi những buổi nói chuyện trong đêm giữa tôi và Tùng, một người bạn nằm gần anh. Tôi chỉ quen Tùng kể từ khi nhập trại và tình thần tăng rất nhanh vì Tùng có hai ưu điểm: lúc nào cũng kiếm ra cà phê để pha và là người Quảng Nam, quê mẹ của tôi, một vùng quê mà suốt đời chưa bao giờ tôi có dịp đặt chân tới. Có thể vì những ngụm cà phê pha cơm cháy, có thể vì nghe người khác kể chuyện quê hương và cuộc đời cũng là một điều thú vị, tôi thường gợi cho Tùng kể lể cuộc đời khiêm tốn của đương sự từ lúc nhỏ tới hiện nay. Có lần tôi yêu cầu Tùng kể cho nghe tất cả những món quà của miền Quảng Nam xa lạ ấy, ăn ở đâu, vào những lúc nào thì ngon nhất.

Quang bảo những lúc ấy anh thường nằm yên nghe kể với nhiều thích thú. Nghe kỹ như thế về cuộc đời một kẻ khác, cũng là một thứ phiêu lưu. Tôi khám phá ra rất nhanh Quang là một con người tốt, một thứ người có thể kết bạn một lần cho suốt cả cuộc đời. Chỉ có điều hai đứa khác nhau nhiều điểm quá. Quang không bao giờ hút thuốc, không bao giờ uống rượu và cũng không thèm cà phê tối ngày như tôi. Anh là con một mục sư đã từng phục vụ gần cả cuộc đời nơi miền Cao Bắc Lạng và rồi tại cao nguyên miền Nam. Anh cắt nghĩa thái độ điềm tĩnh, về mặt bình an của anh đại khái như sau: Đời cải tạo này chẳng qua là một thử thách Chúa đã an bài cho anh phải trải qua. Vậy cứ vâng ý Chúa mà sống . . .

Anh có một niềm tin lạ lùng như thế ở Chúa của anh. Và dĩ nhiên anh rán cư xử như lời Chúa dậy, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người và chia sẻ cái gì anh có với bạn bè – nhất là cho tôi. Anh mang theo tương đối được nhiều tiền nên gửi cán bộ mua chính thức và mua lén được nhiều thực phẩm bên ngoài hơn. Và có lần tôi ghé sang anh, ngoài hai cục đường thẻ anh còn đưa tôi một bịch ni lông nhỏ thuốc lào. Anh bảo anh gửi mua thuốc lào cốt để cho tôi mà thôi. Quang là người như thế đó, nhưng hai đứa không thế nào thật thân nhau được bởi vì anh quá nghiêm túc, trong khi tôi thích nói về hoa lá cỏ cây và đàn bà. Bởi thế tôi biết nói gì hơn là im lặng nghe khi anh cắt nghĩa trước đây anh được học bổng đi Mỹ lấy bằng B.A. là do Chúa định. Khi trở về bị động viên thì anh bảo Chúa thử thách. Ngồi gần anh lắm lúc tôi có cảm tưởng anh buông thả hoàn toàn mọi sự, cả thân xác lẫn cuộc đời vào một dòng sông định mệnh bí hiểm nào đó.

Tôi hiểu sự bình an của anh phát xuất từ một căn bản như thế đó. Tôi hiểu, nhưng tôi không sao bắt chước được. Sinh vào một gia đình nghèo, đông anh em, tôi phải phấn đấu để được học, từng bước từng lớp từng năm. Cái gì tôi đã có trong trần gian này, đều do sự cố gắng của tôi mà có. *Thân lập thân* như người xưa nói, tôi chưa bao giờ nương tựa, buông thả mình vào bất cứ ai, thần linh nào. Ngay bây giờ cũng vậy, sự an tĩnh của tôi trong những hàng rào kẽm gai dầy đặc này, cũng là do tôi tự thực hiện lấy cho mình.

Đến cuối năm đó tôi có tên trong danh sách những người chuyển trại đợt mới. Lần này cán bộ không có giấu giếm, với các cải tạo thì sự kiện đó có nghĩa lần chuyển trại này không đi vào nơi hắc ám như đi đảo Phú Quốc hay ngồi toa bít bùng chuyển ra miền Bắc vừa xa lắc vừa đầy hận thù. Các toán bếp được phép thức khuya để nấu cơm nắm sẵn cho cả ngày mai. Đến 9 giờ đêm điện vẫn cứ tắt, toán bếp được phép thắp đuốc để làm việc cho xong. Dân làm bếp mà được thức có nghĩa là cả trại được phép thức theo luôn. Từng nhóm nhỏ bạn thân từ trước hay mới thân từ lúc đi cải tạo tụ họp nhau để giã từ. Những người được ở lại trại xuất những của cải trần gian quý báu của mình ra, nghĩa là cà phê, thuốc lá, đường và kẹo để tổ chức tiệc tiễn hành. Không một ai trong cả các trại hơn một ngàn sĩ quan này có thể biết được trong cuộc đời này còn có hy vọng gì gặp lại nhau nữa hay là không.

Tôi được một nhóm bạn trong có một bác sĩ mời dự tiệc tiễn hành tổ chức trên một nấp lô cốt đã sập nghiêng. Tôi thân với anh bác sĩ vì anh là người đầu tiên, chưa có lệnh của trại, đã tự ý gieo trồng một cây cà chua trong cái lon. Khi cây còn đang tăng trưởng, tôi hay thường ghé lại ngắm nghía với anh. Dĩ nhiên khi cây cho ba trái đầu tiên, anh đã trịnh trọng tặng tôi một trái và thích thú nhìn tôi nhe răng cắn ngập ăn luôn cái vèo – trái cà chua trong chậu kiểng này bé bằng một phần ba trái trứng thôi. Bác sĩ thì ở đâu cũng được vì nể và do đó anh đãi tôi và những bạn sắp lên đường những ngụm cà phê thứ thật. Câu chuyện lan man đến khuya, tôi chỉ dủ thì giờ về lán thu xếp túi đeo lưng và những đồ tế nhuyễn của riêng tây đa số là *lon gỏ ca cóng*, là đã đến giờ lên sân tiểu đoàn. Giờ tập họp là 3 giờ sáng, bởi thế tôi không có dịp nào để phóng qua khu Quang giã từ người bạn theo đạo Tin Lành, kẻ phó mặc cuộc đời mình trong tay Chúa này.

Trong đêm gần về sáng ấy, trưởng trại, một thượng úy của quân đội miền Bắc, đã nói thẳng với bọn tôi là chuyến đi sẽ đưa chúng tôi đến một nơi lao động được, và có lao động rồi thì mới có hy vọng về với vợ con. Tôi biết viên sĩ quan này nói thật nên chẳng ngạc nhiên chẳng buồn khi nhìn thấy chiếc xe đầu đoàn quẹo nơi ngã ba ngoài thành phố, đi thẳng lên phía bắc. Một người bạn đứng cạnh tôi đã chiến đấu ở vùng này, hiểu địa thế, nên đã nói ngay: "Chúng ta đi Katum là cái chắc! Trong chiến khu D!"

Một chuyến đi vất vả, xóc tối đa, nhưng bọn tôi hài lòng vì càng rời xa vùng có dân cư, kỷ luật càng nới lỏng. Bọn tôi tha hồ đứng lên ngồi xuống, leo cả lên thành xe ngắm cảnh mà không bị hai vệ binh cầm AK đi cùng quát mắng. Khi xe dừng ở một cái trảng giữa rừng, tôi đã cố tình đứng vào cuối hàng để bị khám đồ gần chót. Tôi có giấu trong hành trang một con dao làm bằng đai thùng, phải khám sau để còn rút kinh nghiệm tìm cách giấu. Sở hữu một con dao, dù là dao tự chế, là một tội. Nhưng tôi tìm cách giữ vì dao cần vô cùng cho sinh hoạt của tôi đã đành mà còn hữu ích trong việc giao tế với bạn bè. Tôi đã nhận thấy các vệ binh kiểm tra đồ không một ai lật chiếc poncho lót lên nên tôi đã nhẹ nhàng giấu dao xuống dưới, lẫn vào đám cỏ dầy – tôi

không biết rằng nội quy ở cái trại giữa rừng lại không cấm cải tạo có dao. Còn hai người nữa mới đến lượt thì đã nghe thấy rừng hú lên báo hiệu cơn mưa to đang tới. Anh vệ binh cũng sợ mưa như ai nên bảo tôi: "Cho anh xếp đồ vào trại luôn. Mưa rồi!" Tôi vui mừng vì giữ được con dao, nhưng trả giá là chưa vào đến cổng trại, đã bị mưa ướt nhẹp.

Trong cổng trại đầy người ấy bỗng có kẻ reo lên mừng rỡ bắt tay tôi. Đó là Hà, một học trò cũ, đi lính sau, cấp bậc thiếu úy nên đã được đưa đến trại Katum ngay từ những ngày đầu thành lập. Hắn la lên thúc giục: "Thầy phóng vô ngay đi không tụi nó giành hết chỗ trống. Xứ này không nằm đất được đâu. Bùn không à!" Tôi phóng vô ngay, nghĩa là bì bõm tối đa trong bùn để tới lán đã được chỉ định. Tôi quăng túi đeo lưng và hành trang xuống đất ướt giữ chỗ, phóng ngay ra ngoài mưa về phía lán của các thiếu úy trẻ đang cho chõng. Dưới làn mưa ào ạt với tiếng hú của cây rừng, tôi nhìn thấy một chiếc chõng làm bằng tre và sậy nằm tít phía xa. Tôi phóng tới cùng với một người nữa. Hai người một chõng, chưa bao giờ tôi xuất toàn lực như lúc này để rán chạy cho nhanh. Đến gần đích, tôi nhào người về phía trước rán đập tay vào thành chõng, hô lên: "Tôi xí nhất!" Đám thiếu úy trẻ đứng dưới mái hiên vỗ tay hoan nghênh kẻ về nhất. Tôi quay lại ngó anh bạn cùng chạy mặt mũi đang buồn hiu đầy nước mưa như tôi, nói nhẹ nhàng: "Tôi rất tiếc nghe!" trước khi đội cái chõng lên đầu mang về lán.

Tôi ngủ thật ngon đêm đó. Sáng hôm sau mới đi lòng vòng quanh lán một chút, đã khám phá ra cái trại này đúng là trại thô sơ trong rừng. Tất cả nhà cửa đều mái lợp tranh, vách cũng bằng tranh. Nhìn đâu cũng thấy không trảng tranh thì cây rừng. Không còn một ngọn núi nào cho tôi ngắm mỗi buổi chiều nữa. Tôi thoáng nản lòng, vào lục túi đeo lưng kiếm phần cơm sấy cuối cùng. Ở Trảng Lớn, đói đến mấy tôi cũng cương quyết không dụng tới phần cơm do người vợ trẻ tôi thương yêu vô cùng đã gửi lên qua bưu điện, cố để dành cho trường hợp khẩn cấp. Và bây giờ đây, giữa rừng hoang xa lạ dầy mưa lầy lội này, tinh thần xuống thấp . . . Tôi mang lon gô ra khu bếp, kiếm được một chỗ chen vô thì mới khám phá ra mình không có củi để đun nước sôi. Tôi đang ngẩn ngơ nhìn lon gô trơ trụi chưa biết tính sao thì người ngồi bên cạnh đã chia đôi mớ củi đang cháy sẵn trong bếp anh, cho vào bếp tôi. Tôi chưa kịp nói cám ơn thì đã nhận ra đó là Quang. Tôi mừng rỡ vô cùng. Tôi đâu ngờ anh cũng chuyển trại tới nơi này như tôi.

Ở đâu cũng vậy lúc nào cũng thế tôi không bỏ được cái tính hay nói đùa chọc ghẹo bạn bè. "Này bạn, Chúa đã an bài bạn đến đây đó hả?" Quang nở nụ cười hiền quen thuộc trước vẻ vui mừng thành thực của tôi. Anh chỉ nói: "Chúa cho tôi cả những người bạn, những người đồng hành trong cuộc đời này . . ." Sau khi chỉ lán của mình cho tôi biết, anh đi trước, không quên ấn vào tay tôi một mẩu cá khô nướng còn nóng hổi. Khi nước đã sôi, tôi cho vào cơm sấy, mang tất cả ra nhà chòi trước lán ngồi. Dân cũ của trại này, toàn là thiếu úy, đã đủ lãng mạn để cùng nhau bỏ công làm vài nhà chòi để thương

ngay bên ngoài. Những ngênh phong các toàn bằng tre sậy và cỏ tranh. Tôi leo lên ghế còn nguyên vỏ cây, chậm rãi ăn bát cơm sấy điểm với cá khô nướng. Tôi hạnh phúc và ý thức rằng thử hạnh phúc được ăn cơm trắng nóng no bụng như thế này chắc sẽ khó còn trở lại trong cõi rừng già này.

Và quả thực mọi sự diễn ra đúng như vậy. Mỗi sáng các cải tạo chỉ được phát một tô cháo đặc với muối cục, trưa một chén cơm đầy, tối một chén nữa. Thức ăn chỉ gồm rau muống rau lang luộc và cá khô. Không khá gì hơn trại Trảng Lớn, nhưng nguy hiểm hơn ở điểm ở trại cũ thỉnh thoảng bọn tôi mới phải lao động nặng, trong khi ở đây phải làm nghề vô rừng chặt tre đốn gỗ. Lao động nặng như thế mà khẩu phần chỉ là 1.100 calorie một ngày – con số này do chính bộ đội phụ trách y tế trại công bố công khai. Hậu quả là cải tạo viên mới tới suy sụp rất nhanh, nhất là tôi, vốn thể chất chưa bao giờ khỏe mạnh lại tuổi cũng đã cao.

Miếng ăn, nói cho đúng hơn, là cơm, trở thành quan trọng số một, là vấn đề sống còn cho tất cả. Trại để các cải tạo tự quản, lãnh gạo về thì tự mình nấu lấy và chia lấy với nhau. Khỏi nói ban bếp chia cơm công bằng tối đa. Cứ mỗi mâm bốn người là một chậu nhôm nhỏ cơm. Khi chia cơm, có ban đại diện từng đội kiểm soát đàng hoàng. Khi bưng chậu cơm về đến bàn ăn, lại có màn phân chia nữa. Một người lấy muỗng ấn cơm xuống cho chắc trước khi lấy dao hay một thanh tre sắt cắt làm bốn phần. Sau khi bốn người cùng mâm đồng ý là chia như vậy tạm được, lúc đó mới tới màn chót. Một người quay mặt ra phía sau, một người lấy đũa chọc đại vào một phần cơm quay về phía người đó làm chuẩn, những người khác theo vòng quay đồng hồ mà lấy tiếp. Nhiều mâm có những anh bạn khó tính, đòi hỏi quay số kỹ hơn, bốn lần chỉ bốn lần hô.

Cơ thể suy nhược dần đến độ một lần tôi nhận đi lấy tre. Chặt xong số tre quy định, vào thời kỳ mới nhập trại thì tôi dư sức vác lên vai mang về trại. Bây giờ đói quá, tôi phải chia làm hai bó. Cứ vác một bó đi một quãng để đó, quay lại vác bó thứ hai. Quang trẻ và khỏe hơn tôi nhưng không phải là không chới với. Bởi thế một tối hai đứa gặp nhau bàn tính – ở trại này được một điểm đền bù là vệ binh mặc kệ bọn tôi lang thang, bởi vì có ngon trốn trại thì cơ may băng rừng già của cả hai nước Việt, Mên hay Lào, thành công tới Thái Lan rất là thấp.

Hai đứa nghiêm chỉnh thảo luận trao đổi cháy cho nhau. Mỗi khối mỗi bữa nấu một chảo cơm, nhưng chỉ chia cơm đồng đều. Không chia cháy được vì sẽ bể vụn ra hết. Cải tạo hợp nhau quy định là mỗi đội được ăn cháy một lần. Như vậy phần cháy đem chia đến tay mọi người sẽ to hơn, "chất lượng" hơn. Nhưng số đội thì đông nên cả tuần mới đến phiên được ăn cháy một lần. Tôi với Quang thỏa hiệp là ai đến phiên được ăn thêm cháy, sẽ bẻ đôi chia cho người kia. Như vậy lượng tuy ít đi nhưng được ăn nhiều lần hơn.

Thỏa hiệp này được thực hiện liền và được giữ cho đến ngày cải tạo được thân nhân lên thăm nuôi. Thật không gì thú vị bằng mồ hôi mồ kê nhễ nhại

lết về đến trại, sau khi nộp cây nộp tre mây lá cho ban mộc, vào lán thấy trên đầu giường đã có một miếng cháy để sẵn. Tôi cầm lên thật cẩn thận – dĩ nhiên vài hột cơm vãi ra trên gối được nhặt cho vô miệng liền – ra đầu thềm ngồi cắn từng miếng, thưởng thức từng chút vị bùi của cháy. Thật nhiều năm về sau này ra hải ngoại, lang thang liên lục địa, ăn dư các món ăn khác nhau, tôi vẫn tự hỏi không biết có món nào cung cấp số lượng "ngon" nhiều hơn những miếng cháy đó không.

Thành thật mà nói những miếng cháy tôi chạy sang để lên đầu giường Quang thường nhỏ hơn miếng Quang chuyển sang cho tôi. Lâu lâu một lần, miếng cháy chia cho tôi to đến độ tôi biết Quang đã không ăn chút nào, nhường cho tôi cả. Chỉ vì tôi già hơn, đuối sức hơn anh nhiều.

Sức lực xuống, tinh thần tôi xuống theo. Tôi vẫn gắng gượng mỗi sáng tập thể dục, đi rừng thấy hoa vẫn ngồi ngắm, nhưng tinh thần xuống vẫn cứ là xuống. Trong khi Quang vẫn giữ được vẻ bình an cố hữu. Da dẻ anh vẫn mịn màng, râu ria lúc nào cũng cạo nhẵn, quần áo chỉnh tề. Tôi không cần phải hỏi, vì có hỏi chắc anh vẫn trả lời là nhờ có Chúa . . . Còn tôi, kẻ vô thần, chẳng có Jesus, Phật, Allah hay thánh thần đông tây kim cổ nào phù trợ nên lại bắt đầu bị phù.

Cả ngàn sĩ quan cải tạo có ai khá hơn ai bao nhiêu. Tôi biết là còn có người mang theo nhiều viên vitamine quý giá, nhưng tôi không quen biết, làm sao xin. Sau cùng tôi đành chấp nhận sử dụng tới vật cuối cùng có giá trị thương mại nơi rừng già này, là cái bật lửa Zippo. Cái bật lửa đã cũ này, với chùm chìa khóa không còn mở được bất cứ cái gì nữa, là hai vật lúc nào tôi cũng mang theo trên người. Tôi dành trao cái bật lửa cho Hà, nhờ hắn bán hay đổi cho bộ đội, lấy đường. Dĩ nhiên trước khi trao, tôi bật nó lần chót châm vào điếu thuốc rê, nhìn đốm lửa vàng lóe lên trong làn khói thuốc mà như tưởng thấy khuôn mặt của người vợ yêu kiều không biết bao giờ mới được gặp. Hà mang về cho tôi được 30 cục dường thẻ. Hắn bảo bộ đội chê bật lửa đã trầy sát nhiều nên không chịu đưa hơn. Tôi tặng Hà hai cục, còn lại chia đều mỗi ngày hai cục để chữa phù. Tôi không đụng chạm tới muối, cá khô nữa. Sáng một nửa tán dường ăn với tô cháo đặc, trưa một nửa tán nữa cho bát cơm duy nhất, chiều cũng vậy. Còn một nửa tán thứ tư, tôi dùng cho ca nước trùm bao nóng hổi sau khi đi rừng trở về. Lúc uống ly trùm bao đường này thường là giây phút thú vị lớn trong ngày. Tôi ngồi trên chõng tre sậy, nhấm nháp từng ngụm nóng bỏng, ngắm trăng tranh dập đềnh dưới gió, dưới mưa, ngoài khung cửa. Và vào một buổi chiều như thế tôi đã đi đến quyết định tìm cách đặt tâm hồn và thân xác, cả cuộc đời mình vào Chúa của Quang. Tôi cần nơi nương tựa, tôi không còn đủ sức đi tiếp hiên ngang bằng tự sức mình như xưa nữa.

Quang lắng nghe quyết định của tôi rồi đề nghị, kể từ nay sẽ giảng đạo cho tôi nghe. Hai đứa thỏa thuận là mỗi tối gặp nhau ở hội trường. Lúc đó đang vẫn còn là mùa mưa. Hội trường làm nhô một phần ra trảng tranh, hai

đứa chọn khúc cây làm ghế ở gần chót. Nơi đó, ban đêm, hoàn toàn vắng người. Đom đóm rừng nhiều không biết bao nhiêu ngàn con, lập lòe trong trảng tranh chạy dài tới bìa rừng phía xa. Trong khung cảnh đó, mỗi tối Quang nhỏ nhẹ kể Thánh Kinh cho tôi nghe. Tôi thả tâm hồn tôi trôi nổi trong dòng cổ sự của miền Trung Đông cách đây hai ngàn năm. Tôi nghe những truyện, những điển tích ly kỳ ấy, không hề phê bình, chỉ thỉnh thoảng hỏi thêm một vài chi tiết, ý nghĩa.

Tôi vẫn sáng sáng dậy đúng tiếng kẻng, phóng ra ngoài sân tập thể dục một mình. Tôi vẫn lết bết vào rừng với con dao chặt cây làm bằng một thanh vỉ sắt lót sân bay, rán hoàn tất chỉ tiêu trại trao về cây cột, về sà ngang, về cỏ tranh lợp mái, về mây rừng dùng để cột tất cả mọi sự thay đinh – nơi chốn này kim khí là một thứ vật chất khó kiếm ra nhất. Tối đến tôi vẫn đến ngồi cuối hội trường đợi Quang, và lại lắng nghe giọng đều đều của anh nói về Kinh Thánh, trong khi đàn đom đóm rừng vẫn lập lòe trong trảng tranh. Có đêm trời quang mây tạnh, bầu trời có sao, nhưng tôi thấy sao cũng lẫn vào đốm sáng của đom đóm. Tôi như ngồi trong một phi thuyền vũ trụ bay lãng đãng trong không gian vô cùng.

Đến đêm thứ mười, khi Quang đang nói tôi bỗng cảm thấy như có ai đang rình mò. Tôi nghiêng đầu thật khẽ kiểm soát phía sau thì thấy một ăng-ten đang ngồi thu lu dưới đất sau một hàng ghế phía sau. Tôi hích nhẹ Quang rồi yêu cầu anh nói to hơn kẻo tôi nghe không rõ. Quang hiểu ngay, nói tiếp và rõ ràng một đoạn trong Kinh Thánh. Bọn tôi, cần phải cho ăng-ten biết rõ bao nhiêu đêm nay hai đứa tôi ra đây chỉ cốt nói chuyện đạo, không hề nói tới chuyện trốn trại hay chống đối lại đảng và nhà nước.

Nhưng đã bị bao vây nghi ngờ như thế thì phải ngưng thôi. Sáng hôm sau là ngày chủ nhật, được nghỉ, tôi sang kiếm Quang sau bữa ăn trưa. Hai đứa ngồi cạnh nhau trên thềm hiên đất, dưới mái tranh ngắm sân đất bắt đầu khô nước vài khoảng dưới nắng. Tôi cho Quang biết tôi chẳng thấy một niềm tin nào hết đến với tôi. Quang im lặng một chút rồi nhỏ nhẹ: "Tại anh nghe tất cả những điều tôi kể với cái tai của một người nghe chuyện văn học và thần thoại . . ." Tôi bảo tôi biết làm sao hơn. Tôi không thể vẫn là tôi, còn là tôi, như thế. Tôi hỏi ngược lại Quang là xưa kia làm sao anh có được Niềm Tin. Anh ngẫm nghĩ rồi mới trả lời: "Niềm tin tự đến với tôi, như một ơn thiên sủng."

Tôi thở dài trở về khu mình, đi chậm rãi men theo những khoảng đất đã khô. Ơn thiên sủng? Tôi không biết nó là cái gì, nhưng chắc chắn là không ai ban cho tôi cái ơn này, dù là tôi đã mở rộng tâm hồn thể xác tôi mà cầu xin trong mười đêm liền vừa qua. Bao nhiêu ngàn con đom đóm có thể chứng nhận cho sự thành tâm của tôi. Nhưng thôi, Chúa Ki-tô đã không đến với tôi, tôi sẽ đi tiếp con đường đời còn lại một mình, bằng sức mình, như xưa. Nếu không may bị cây đè chết, đau ốm mà chết, thân xác này ra gốc rừng kia làm mồi cho đàn mối, cũng đành, cũng là xong.

Chế độ ngưng ăn muối đã thành công. Mặt tôi đã bớt xưng rồi trở lại bình thường, sức khỏe tôi dần dần khá hơn. Hai mươi tám tán đường thẻ, cái bật lửa Zippo tôi đã mua bằng tiền tôi ấy, đã cứu tôi qua cơn ngặt nghèo. Hai tuần sau ban chỉ huy trại tập họp toàn thể cải tạo trên hội trường, cho biết chế độ thăm nuôi sắp bắt đầu. Liên trại, vùng Katum thời đó do quân đội chính quy ngoài Bắc quản lý nên cách xử sự khá tử tế, không khắt khe tệ hại như công an về sau này. Họ trao cho mọi khối cải tạo tự bình bầu lấy những đợt thăm nuôi, căn cứ trên tiêu chuẩn giỏi lao động hay là không. Quang, lao động giỏi, được bầu vào đợt thăm nuôi thứ nhất nơi khối anh. Còn tôi, quả thực tôi ngạc nhiên khi được đồng đội bầu vào đợt thứ bảy – tôi cứ tưởng lết bết như tôi thì phải vào đợt hai mươi về sau.

Vào ngày của đợt thăm nuôi thứ nhất, tôi ngồi ngắm đồ thăm nuôi của anh bạn cùng lán mang từ trại tiếp tân vào. Nhìn thực phẩm bầy đầy một chõng là đủ mê rồi, dù chẳng phải là của mình. Dĩ nhiên anh bạn chủ chõng tháo một bịch đường ra, cho đám bạn đang ngồi ngó chung quanh mỗi người một cục. Đây là thứ đường cục hình hạt đậu dầy cộp và vàng tươi, thơm nức mùi mía mới ép. Dĩ nhiên là anh không quên bấu cho mỗi người một nhúm thuốc lào trong một bịch to như một giấc mơ của những người ghiền thuốc như tôi. Hơn nữa, anh còn bằng lòng cho tôi khẩu phần cơm bữa chiều. Với quà đầy đủ, tối nay anh nấu mì và nhiều thứ nữa đãi những bạn cùng mâm và các bạn thân của anh.

Tôi gặm nhấm chưa hết nửa tán đường thì Hà qua bảo Quang đã từ trại tiếp tân trở về. Tôi sang. Quang đang lúi húi xếp đặt lại số quà cáp mới nhận được. Thấy tôi, anh cười chỉ xuống cuối chõng. Anh đã chia sẵn cho tôi mỗi thứ một chút, trong đó có nửa ký đường thẻ – thứ thực phẩm sống còn của cải tạo viên nơi rừng núi khắp hai miền Nam Bắc. Đêm hôm đó một nhóm bạn chưa được thăm nuôi tổ chức nấu chè. Mỗi người góp hai tán đường và một chén cơm. Chè cơm nguội được nấu trong một thùng đạn đại liên do một tay đầu bếp được anh em tín nhiệm, mang ra thơm lừng để trên chiếc bàn tre sậy trong phòng ăn. Một ngọn đèn dầu làm bằng hũ tương chao được thắp lên soi sáng. Tôi ăn ngon vô cùng tô chè cơm nguội này, và khi hít một hơi thuốc lào sau đó, thấy cuộc đời là hạnh phúc. Các bạn tôi cũng vậy, cười, nói đùa, hát nho nhỏ cho nhau nghe tới khuya.

Rồi tôi cũng đến lượt được thăm nuôi. Được ăn no hơn, đủ thuốc lào thuốc rê hút, cuộc sống dễ chịu hẳn lên. Sau này, khi bị chuyển đến trại do công an quản lý, đầy khắt khe dữ dằn kiềm chế ngày đêm, tôi vẫn nhớ tiếc thời kỳ Katum này. Và dĩ nhiên tôi không thể quên mười đêm ngồi giữa đàn đom đóm và ngàn sao với Quang. Tôi đã đi tìm Niềm Tin, tôi muốn... nhưng làm sao được, không có một ơn thiên sủng nào dành cho tôi hết. Tôi đi tiếp con đường của mình bằng sức mình, với vợ và với các con. Không còn gì khác nữa.

Nếp sống của tôi bắt đầu đổi khác. Tôi có một nhóm bạn mới để mỗi tối quây quần quanh ngọn đèn dầu, uống cà phê nói đủ thứ chuyện của cuộc đời. Thỉnh thoảng tôi vẫn sang khu anh, ngồi nhìn anh ngồi chẻ tre làm lạt. Vợ anh đã mang lên cho anh một con dao thật bén, và do khéo tay, anh được trao luôn việc ra tre mây cho cả khối. Lối nói chuyện của anh vẫn như xưa mà thôi, nhẹ nhàng với những sinh hoạt hằng ngày. Không bao giờ anh nhắc tới chuyện đạo với tôi nữa. Có lần anh đưa cho tôi mượn một số *Reader's Digest* cũ. Tôi nằm dài ra chõng của anh, mở ra mà hối tiếc sao xưa kia không chịu khó học thêm Anh văn. Tôi coi hình và mơ màng rất lâu trước hình quảng cáo của một hãng hàng không Mỹ. Cô tiếp viên với nụ cười xinh đẹp đang bưng một khay đồ ăn đưa cho khách. Lúc đó nếu có ai bảo tôi rằng khung cảnh đẹp như mơ, đẹp quá tầm của bất cứ giấc mơ nào của cải tạo ấy, sẽ có tôi ở bên trong sau này, nhiều lần, chắc tôi sẽ khó mà tin.

*

Vài tháng sau tôi bị chuyển về một trại do công an quản lý gần Sài Gòn hơn. Lần này, không có Quang. Rồi tôi được tha về Sài Gòn. Một năm rồi hai năm đi qua vẫn chưa thấy Quang đâu. Mãi đến năm thứ năm hay sáu gì đó mới thấy anh xuất hiện nơi mái hiên nhà tôi. Anh vẫn vậy, bất biến. Một lần nữa tôi lại chọc bạn bè, hỏi anh có phải Chúa thử thách sáu năm thấy đã dư nên cho về chăng. Lần này anh trả lời với giọng đùa cợt kiểu tôi. Anh bảo nhóm Tin Lành của anh ở Katum ngày nào có năm người thì hai đã trốn trại hai được tha về. Còn có một mình anh thôi. Vợ anh liền đi mượn thân nhân hai cây vàng, kiếm chỗ đưa, chuộc được anh về. Tôi ngừng hỏi thêm bởi vì biết chắc có hỏi thì anh sẽ trả lời đại khái rằng chính Chúa đã hướng dẫn cho vợ anh làm như thế.

Nhà anh ở tầng trên cùng của cư xá Thanh Đa, tít mù phía bắc thành phố. Khoảng cách xa hay gần, trong cuộc đời thực, không phải đi bằng km hay mile mà bằng phương tiện con người di chuyển. Nếu tôi tới nhà anh bằng xe hơi hay xe gắn máy, thì nhà anh gần lắm. Nhưng tôi chỉ có một chiếc xe đạp cũ, vừa đi vừa tuột xích, yên xộc xệch, nay thủng mai lỗ rò, thì anh ở quá xa tôi. Một vài chuyến viếng thăm sau đó làm tôi hiểu nếp sống của anh. Gia đình anh, do thân nhân trong nước và ngoài nước đều vững, không bị áp lực của nồi gạo như bên phía tôi. Bởi thế anh chỉ đi dạy Anh văn và dành đa số thì giờ cho việc tụ họp các tín đồ Tin Lành để cùng hành đạo, nay nhà này mai nhà khác – hồi đó Cộng sản Việt Nam chưa chịu trả các nhà thờ Tin Lành lại cho các tín đồ. Tôi có lần bảo anh không làm mục sư luôn đi, bởi vì hơn ai hết, anh sẽ là một mục sư tốt. Anh chỉ cười, vẫn nụ cười bình an ấy.

Gia cảnh bên tôi trở thành quẫn bách vài năm sau đó. Vì đã nộp hồ sơ đi Mỹ đoàn tụ gia đình, tôi đã từ chức giáo sư môn Văn ở một trường ngoại biên. Vợ tôi không kiếm ra việc làm mới. Ba đứa con trai lớn phải xông ra đi làm công nhân hết công trường xây cất này đến xí nghiệp quốc doanh khác.

Ở trên trại, trong sách vở kinh điển, người Cộng sản hay nhấn mạnh: Phong kiến bóc lột nhân dân một thì tư bản bóc lột trăm lần nhiều hơn. Bây giờ tôi chua chát học thêm một bài học mới: Nơi nào có đảng Cộng sản thì đảng sẽ bóc lột nhân dân ngàn lần nhiều hơn và tinh vi hơn. Ba đứa con trai làm công nhân như thế mà tiền lương chúng mang về không đủ đong gạo ăn no. Bởi thế có những buổi sáng vợ tôi ngậm ngùi cho biết nàng không còn tiền đong gạo thổi cơm chiều cho mấy đứa con, chứ đừng nói gì tới việc cơm ăn sáng mai và trưa mai tại công trường cho chúng nữa.

Vợ tôi không có ai để vay. Cô bác chú dì của nàng, thậm chí cả em ruột đều còn sống ở cùng một thành phố, nhưng không ai chịu cho vay gạo nữa. Tôi bèn lấy cái bị cói, đạp chiếc xe tàng ra đi. Nếu tôi đói, tôi chịu được, khỏi cần nhờ vả ai. Nhưng các con tôi đói, vợ tôi đói thì lại khác. Làm một người đàn ông, làm một con trống, dù thất thế cùng đường đến đâu chăng nữa, cũng phải rán lên thôi. Tự ái cá nhân phải bỏ ra ngoài. Rồi đến một thời kỳ những bạn ở gần đã nhờ vả cả rồi, tôi nhớ đến Quang. Tôi đạp xe dưới trời nắng chói chang sang cư xá Thanh Đa, khát không dám uống vì số tiền trong túi phải để dành đề phòng vá xe. Và khi bước chân vào phòng khách nhà Quang thì hai tay tôi dính bê bết dầu đen bẩn vì phải lắp lại xích quá nhiều lần. Mồ hôi dĩ nhiên đầy mặt và lưng áo.

Quang vẫn như ngày nào trên cõi núi rừng. Nghĩa là anh săn sóc tôi chu đáo. Vặn quạt thêm cho mát, đưa khăn cho tôi lau tay, mời tôi uống nước ngọt, ăn trái cây. Tôi tiếp nhận những săn sóc ấy với thái độ biết ơn và khiêm tốn. Ba năm cải tạo không dài gì nhưng đã dạy cho tôi một bài học lớn. Tôi trở thành khiêm cung hơn với cuộc đời, bớt gồ ghề đi trong giao tế hàng ngày. Tôi biết sống hơn, thương người hơn đã đành và cũng biết để cho người thương mình – điều mà trước kia tôi vì kiêu ngạo ít khi chịu chấp nhận. Vợ anh phụ bán hàng ngoài chợ cho bà cô chưa về. Hai đứa con gái thay mẹ nấu ăn, bầy bàn trải khăn với ly tách đầy đủ. Và khi tất cả đã ngồi vào bàn, anh chắp tay cầu nguyện và cám ơn Chúa "đã cho hằng ngày dùng đủ". Nghi lễ này tôi quá quen thuộc nhưng mỗi lần nghe giọng anh chân thành thốt lên những lời kinh ấy, tôi vẫn thấy phảng phất một yên tĩnh đâu đây.

Sau bữa cơm tôi cáo từ ra về. Anh yêu cầu tôi đợi một chút để vào phòng lấy ra một bao thư trao cho tôi. Anh không đưa một cách bình thường, mà đặt thư vào hai bàn tay mở ngửa, đưa lên cho tôi, đầy trịnh trọng. Tôi cầm lấy cám ơn, như đã từng cám ơn khi anh kiếm cho tôi những cọng rau muống già làm giống cho luống rau cần cối ven lộ ở Trảng Lớn, như đã cám ơn những tán đường những miếng cháy anh đã chia cho tôi ở Katum. Khi đã qua cầu, ngừng chân nghỉ quán nước ven đường, tôi mới mở bao thư ra coi. Anh đã đưa một số tiền mười lần lớn hơn lòng mong chờ của tôi. Trong lần gặp sau, tôi hỏi anh sao có thể chia cho tôi nhiều như vậy, anh đã cho biết anh thuộc một giáo hội có lệ là mỗi gia đình giáo dân, dù giàu hay nghèo, dù kiếm được nhiều hay là ít, đều mỗi tháng cất riêng ra mười phần trăm lợi tức, coi

như tiền đã cúng dường cho Chúa. Người gia chủ chỉ còn là người quản lý số tiền ấy thôi để giúp những người lâm cảnh ốm đau, ngặt nghèo bất kể thuộc tôn giáo nào trên thế gian.

Tôi nhớ cho đến ngày được cùng gia đình bước chân lên máy bay đi Bangkok, tôi còn phải tới cầu cứu anh hai hay ba lần nữa. Anh chẳng bao giờ biết khi nào thì tôi tới chơi thân hữu, khi nào thì cần tiền. Bởi thế những thư, những gói tiền bọc giấy học trò hay giấy báo ấy, khi thì nhiều khi thì ít. Nhưng bao giờ anh cũng đùng cả hai tay đâng lên tặng tôi. Có thể anh được gia đình giáo dục, có thể tôn giáo anh đã rèn luyện cho anh có được một cử chỉ như vậy. Nhưng dù cho nguyên nhân nào thì anh cũng vẫn dịu dàng dạy cho tôi một bài học mà tôi áp dụng mãi về sau này. Phải biết chia sẻ cái gì mình có, dù ít, cho kẻ khốn cùng hơn đã đành, mà còn phải biết cách cho nữa. Một người đi cầu xin, nhờ vả, tự thâm tâm họ đã đau buồn lắm rồi . . .

*

Gia đình tôi sống với niềm vui tươi ở Hoa Kỳ. Cả nhà quyết định để năm năm đầu ưu tiên cho việc học, đi làm chỉ là thứ yếu. Dù có lợi tức khiêm tốn, cả nhà chưa bao giờ từ chối một thư cầu cứu nào từ quê nhà bên kia biển. Có nhiều cho nhiều có ít cho ít và mỗi năm gần Tết cố gắng gửi tiền lì xì, dù lắm khi chỉ là 10 dollars cho mỗi gia đình. Từ vợ chồng tôi lẫn các con đều hiểu rằng ít khi cuộc đời dành cho mình cái thú vị là người được đáp ơn những người trước kia đã giúp mình. Bởi thế, cách trả ơn người trả ơn đời hay nhất là đi giúp những người khác đang lâm cảnh khốn cùng. Dĩ nhiên vừa tới Mỹ tôi đã viết thư cho Quang, và từ đó cứ mỗi năm mỗi viết. Mãi đến năm thứ hai tôi mới nhận được thư trả lời của Quang cho biết gia đình anh vẫn bình thường, vẫn tôi tớ cho Chúa, nhưng cũng đã nạp đơn xin đoàn tụ với người anh đã là mục sư tại Hoa Kỳ từ nhiều năm. Tôi viết thư trả lời, khuyên anh nên chi tiền những chỗ cần thiết – như chị đã đi chi ngày xưa để anh được tha về. Tôi nghĩ anh nên đi sang Hoa Kỳ sớm cho chị được nghỉ ngơi, các cháu có tương lai tốt nghiệp đại học. Và anh, anh nên thụ phong mục sư ở Mỹ. Rồi sau đó nếu anh muốn trở về Việt Nam phục vụ, anh có cả một hội thánh lớn mạnh yểm trợ để phục vụ dân nghèo khốn khổ ở Việt Nam.

Anh không trả lời thư ấy của tôi. Nhưng không phải vì thế mỗi năm khi vào mùa đông, các con tôi treo đèn ngoài mặt tiền, trên cây trong vườn cho mùa Giáng sinh, tôi không viết cho anh những lời chúc mừng thành thật nhất. Rồi với thời gian qua nữa, chuông điện thoại reo và tôi nghe thấy tiếng nói vui vẻ của anh phát xuất từ miền nam Cali. Anh cho biết anh đã tới Hoa Kỳ, đã thụ phong mục sư và dĩ nhiên đang phục vụ cho Chúa.

*

Rồi như những truyện, những tuồng cổ Đông phương bao giờ cũng có hậu, như những phim Mỹ thường tận cùng bằng một *happy ending*, một ngày mùa hè năm vừa rồi tôi nhận được điện thoại của anh báo anh sẽ tới thăm

gia đình tôi vào một buổi chiều. Anh lên miền Bắc họp các mục sư của hội thánh, bởi thế tạt qua thăm tôi.

Anh không đủ thời giờ ở lại ăn một bữa cơm để tôi được nghe lại một lần nữa giọng anh nho nhỏ cám ơn Chúa "đã cho hằng ngày dùng đủ" như những ngày đã xa trong quá khứ. Khi tiễn anh ra xe đậu ven bờ cỏ, đứng cạnh luống hoa tôi trồng đang mãn khai trong khí hè ấm áp, anh bỗng dưng hỏi tôi đến tuổi này rồi, tóc đã bạc, tôi có nghĩ đến chuyện trở lại đạo, với Chúa không. Và y hệt như ngày xưa cũ, tôi lại nói đùa chọc anh: "Tôi nghĩ là không cần thiết. Một con người ngoài đạo, nhưng sống theo đúng mười điều răn của Chúa, thì lên đến cổng Thiên đường, đâu có sợ bị đuổi xuống chỉ vì thiếu *ID card* của một hội thánh dưới cõi trần gian . . ." □

CAO XUÂN TỬ

vàng

người về rắc phấn vàng hoa cải
vỡ từng vệt ấm rợn căng da
soãi dài cơn sốt trên lá dại
còn khói ngùi bay rưng ráng sa

người về cấy nhụy vàng hoa cúc
gió mùa xay nhựa nhuyễn vàng tơ
nhịp phách gõ tràn gân dây nhức
ngón khựng đàn chùng loạn âm ba

người về xới cỏ vàng hiên vắng
bướm đậu dốc tường loáng thoáng hoa
mờ trong hoen nắng nhầu hương phấn
bước mình bước một xa bước xa

sợi nhỏ se hoài thưa máng tóc
chậu vàng men rượu ngấm vàng mưa
giữa thềm gãi gió chao gai ốc
quệt ngang trời mấy ngấn vàng xơ

TRIỀU HOA ĐẠI

thơ mưa

1. Chung mưa

Ngày đó ngồi đếm mưa rơi
ra đi em chẳng để lời, cho nhau
vườn nhà thoang thoảng hương cau
ngỡ năm tháng rụng trên màu tóc ai

2. Chân mưa

Đêm mưa, lộng gió lưng đồi
lá bay lại tưởng chân người tình xa
về vui nốt chuyện ngày qua
em ơi! tình hỡi! chỉ là xót đau

3. Tâm mưa

Nằm nghe mưa động hiên nhà
vui thầm, ai đó tình xa tìm về
và rồi mai sáng chim kia
líu lo lời ngọt, chẳng lìa phụ nhau
trôi đâu, mải miết dưới cầu
tìm nhau bèo giạt về đâu phương nào

4. Hiên mưa

Hôm qua đi dưới hiên mưa
lao xao tình cũ như vừa gọi nhau
chân xa, nay đã nơi đâu
để buồn vương mãi nhạt màu áo phai

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

những cỗ quan tài của tĩnh tâm

truyện ngắn

Đau đớn thay phận đàn bà . . .
— Nguyễn Du

Người đàn bà đẹp đầu tiên tôi gặp trong đời là bà ngoại tôi. Khi tôi có trí khôn thì bà ngoại tôi đã ngoài sáu mươi tuổi. Ở tuổi đó, người bà vẫn thẳng, tóc dài gần chấm đất, tuy đã muối tiêu nhưng vẫn còn óng ả, lướt thướt. Bà có chiếc mũi dọc dừa, gò má cao, cặp môi mỏng và cong, rất hiếm thấy trên những khuôn mặt phụ nữ thuần túy Việt Nam.

Bà ngoại tôi pháp danh là Tĩnh Tâm, cái tên đầy chất Huế. Xứ Huế đã đặt cho đàn bà những cái tên đẹp lạ lùng: Tĩnh Tâm, Dạ Khê, Tiểu Bích, Tú Thiềm, Phiến Tuyết, vân vân.

Mọi người chung quanh cho rằng bà ngoại tôi là một người đàn bà khó tính, khắc nghiệt, và lạnh lẽo. Bà có một chứng bệnh không bác sĩ nào chữa được. Đó là bệnh nóng cổ. Cổ bà nóng và rát, làm bà bứt rứt, khó chịu, ăn ngủ không được, người đâm bẳn gắt. Bà ngoại tôi rất chiều con cháu, nhưng hay la mắng, rầy rà gia nhân. Mẹ tôi là con độc nhất của bà. Gả mẹ tôi cho ba tôi là người Bắc, bà ngoại tôi luôn luôn mang nỗi buồn phải xa đứa con một.

Tôi chưa hề thấy bà ngoại tôi khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Bà ngoại thích coi cải lương, say mê. Nhiều khi xúc động khóc sụt sùi. Con người tình cảm ấy không thể nào khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Khi bà la mắng người làm, giọng

bà như độc thoại, buồn như một điệp khúc than thở, không hề có tính cách day nghiến của một người chủ thiếu lòng nhân. Lúc về già, người độc nhất mà bà cần nhằn là ông ngoại tôi. Nhiều khi không duyên cớ. Ông ngoại tôi người nhỏ bé, tính vui vẻ, hồn nhiên. Bà con gọi đùa là lão ngoan đồng như trong truyện kiếm hiệp. Khi bà ngoại tôi càu nhàu, ông ngoại tôi chỉ phớt tỉnh, ngồi đọc báo.

Mẹ tôi kể cho tôi nghe cuộc đời bà ngoại. Bà chỉ có một người chị gái. Hai chị em con quan xứ Huế, gia đình phong cách trưởng giả. Người chị gái, bà Ấm, lấy chồng đông con nên vất vả. Bà ngoại tôi lấy ông ngoại tôi là con quan, được đủ miếng ăn thì lại phải chịu những đau đớn khác.

Ngoài cảnh làm dâu trong chế độ gia đình phong kiến, bà ngoại tôi là một người mẹ xấu số. Đẻ ba con trai đều chết cả ba. Mẹ tôi thì èo uột, hay đau ốm. Bà ngoại phải đem cho chùa, đổi tên, cho thần thánh khỏi bắt đi. Vì không có con trai, bà phải cưới vợ hầu cho ông ngoại rất nhiều lần. Mẹ tôi kể có lần bà phải nằm giường sát phòng hợp cẩn của ông ngoại và người hầu trẻ. Ông ngoại tôi là một thứ "ông phán" phong nhã, hào hoa, có không biết bao nhiêu vợ hầu, vợ lẽ. Không có con trai, bà ngoại tôi phải nuôi con nuôi, hoặc con trai của những người vợ hầu. Những người con trai này lớn lên (trừ người con út) đều phụ công nuôi dưỡng của bà ngoại tôi, bỏ ông bà ngoại tôi mà đi.

Thuở nhỏ tôi không hiểu được lòng u uất của người vợ lớn là bà ngoại tôi, cũng như nỗi cô đơn của bà. Ở tuổi thơ ấu, tôi không hiểu được căn bệnh nóng cổ của bà. Mẹ tôi bảo bà tưởng tượng ra bệnh. Tôi thì cho rằng bà nóng cổ vì hay hút thuốc Cẩm Lệ.

Tôi lớn lên trong lòng thương và tình quyến luyến của bà ngoại. Có lẽ tôi đã lây tính đa sầu, đa cảm, hay khóc thương phận người của bà. Tuy trí óc non nớt, tôi cũng biết bà ngoại là người hay phiền muộn. Bà thích tôi ngồi coi cải lương với bà, một điều mà bố tôi cấm đoán. Tôi tự cho mình là người bạn nhỏ của bà. Tôi tự nguyện lớn lên sẽ làm cô giáo, mua nhà ở Huế cho bà ngoại ở.

Tôi nhớ mãi có lần tôi bắt gặp bà ngoại tôi nhỏ lệ, không phải vì tuồng cải lương hay vì giận ông ngoại. Nước mắt bà thấm ướt mái tóc dài. Tay bà run rẩy. Bà kể cho tôi nghe về một hình ảnh mà lâu lâu bà vẫn thấy trong một giấc mộng đã ám ảnh bà cả đời. Bà dặn dò tôi đừng kể cho ai nghe, kể cả mẹ tôi.

Trong giấc mộng ấy, bà ngoại tôi, người đàn bà đẹp xứ Huế mang tên Tĩnh Tâm, ngồi một mình bên một bờ sông tĩnh lặng. Có thể là dòng Hương Giang, có thể là con sông Bến Ngự, hoặc có thể là khúc sông chảy qua làng Cồn. Trên dòng sông, có những cỗ quan tài trôi từ từ, lặng lẽ.

Người đàn bà ngồi đợi để vớt những cỗ quan tài.

Giấc mộng chỉ đến đó thôi rồi bà ngoại tôi tỉnh dậy.

Bàn tay nhỏ bé của đứa cháu gái là tôi lau nước mắt cho bà ngoại tuổi ngoài sáu mươi. Tôi không thấy sợ, chỉ thương bà ngoại tôi nằm thấy ác mộng. Cơn ác mộng lặng lẽ và im lìm, không tiếng động.

Càng lớn, tôi càng nhớ mãi về giấc mộng của bà ngoại tôi. Có lần tôi hỏi, "Ngoại có biết trong quan tài có gì không?" Bà lắc đầu, không nói. Cái lắc đầu của bà có nghĩa gì tôi không rõ. Bà không biết trong quan tài có gì, xác của người thân, xác của người lạ? Hay là bà lắc đầu vì không muốn trả lời câu tôi hỏi.

Tôi vẫn thắc mắc mãi tại sao bà ngoại tôi nằm mộng thấy quan tài? Tại sao bà mang nhiều phiền muộn? Bà tương đối là được sung sướng vật chất và đời sống được bảo đảm. Trong khi cả nước khổ cực theo chiến tranh, theo nạn đói năm Ất Dậu, theo cuộc kháng chiến chống Pháp và những ngổn ngang của lịch sử thì bà ngoại tôi vẫn may mắn làm người thiếu phụ quý phái đất thần kinh.

Năm mười lăm tuổi, tôi đủ thông minh để phỏng đoán là những cỗ quan tài trong giấc mộng tượng trưng cho những cái chết của ba người con trai bà. Không có con trai là thảm kịch của cuộc đời bà ngoại tôi. Có thể những cỗ quan tài ấy tượng trưng cho nỗi đau khổ của bà khi phải chứng kiến những cái chết của những đứa con trai nhỏ vì bệnh sài kinh. Chúng là sự hủy diệt sức sống và lẽ an vui của đời bà. Không có con trai, bà sớm mất tư thế trong gia đình. Nghe chuyện, tôi cảm thấy bất mãn cái vô lý, vô nhân của một xã hội chuyên chế đã gây nên sự đau buồn cho bà ngoại. Đồng thời, giấc mộng của bà làm tôi suy nghĩ đến cuộc đời của những phụ nữ Việt Nam khác trong dòng họ tôi.

Trái với bà ngoại, bà nội tôi không có một cái tên quý phái. Bà nội tôi là con một ông cụ đồ hay chữ. Bà thấp lùn, mặt tròn trịa, phúc hậu, tính tình đơn giản, nhu mì, không bao giờ bẳn gắt. Lấy ông nội tôi là người chủ ruộng, bà nội tôi phải làm việc vất vả, quán xuyến việc đồng áng, nhà cửa. Rồi hai ông bà bỏ hết của cải, ruộng vườn di cư vào miền Nam. Lúc mới vào Sài Gòn, bà tôi phải đi gánh nước thuê, hằng ngày phải dậy từ 3 giờ sáng đi bán xôi rong để nuôi gia đình cho đến khi bố tôi được bổ đi dạy. Bà là một cuốn từ điển sống về ca dao tục ngữ và truyện cổ dân gian. Bố tôi bảo bà nội tôi lùn xủn vì suốt đời phải gồng gánh, bưng xách. Những gồng gánh, bưng xách đã hủy diệt sức lớn trong xương cốt của bà từ thuở còn là thiếu nữ.

Càng về già, bà nội tôi càng say sưa kể lể những chuyện quá khứ ở miền Bắc. Bà là nạn nhân tục tảo hôn. Bà bị gả cho một cậu bé trai lên bảy. Buồn tủi, bà trốn về nhà cha mẹ. Rồi sau, bà lấy ông nội tôi là con nhà địa chủ. Bà phải làm dâu, cũng phải để ông nội tôi lấy vợ bé, và phải tảo tần sương gió. Sinh đẻ cả hơn mười lần, chỉ nuôi được năm. Trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp, người con gái đầu lòng của bà, cô cả chị bố tôi, bị tử nạn năm hai mươi tuổi. Cô cả là người phụ nữ học thức, làm nghề y tá, nói tiếng Pháp thạo.

Ngày còn là học sinh ở Việt Nam, tôi vẫn suy nghĩ mãi, không hiểu tại sao trong cuộc đời bà nội tôi cũng có những cái tang đau khổ, những biến cố đánh nặng vào đầu óc, vậy mà bà nội tôi không mộng thấy quan tài. Hay là bà nội tôi cũng có nằm mộng đấy, mà không kể lể, khóc thương?

Chiếc quan tài ám ảnh tuổi thơ của tôi cùng với hình ảnh những người đàn bà khác trong họ. Tôi có người cô họ, tên Oanh, năm hai mươi hai tuổi thì chồng chết trận. Cô than khóc, vật vã, gào thét, vất vưởng, mất lạc thần cả mấy năm sau đó. Trong họ hay bảo cô: cô khật khùng vì đau khổ. Tôi có người dì họ, tên Thanh, chồng chết đã lâu. Bà ngồi bán nón ở chợ Đông Ba để nuôi con. Đứa con trai của bà chết trận. Quan tài của con chở về, bà cũng khóc lóc, vật vã, khật khùng như cô Oanh. Chứng kiến nỗi đau khổ của họ, tôi vẫn tự hỏi không biết rồi họ có nằm mộng thấy những cỗ quan tài trôi lềnh bềnh trên sông như bà ngoại tôi?

Cũng năm mười lăm tuổi, tôi đọc cuốn *Phái Thứ Hai* (Deuxième Sexe) của nhà văn Pháp Simone de Beauvoir, tình nhân của triết gia Jean Paul Sartre. Trí óc tôi chưa đủ phát triển để hấp thụ hết cái thuyết "tranh đấu cho nữ giới" trong tác phẩm của Beauvoir. Nhưng tôi đã đủ lớn khôn để nhận thức rằng trong tác phẩm của nhà văn nữ này, không có cái ám ảnh đau thương của những cỗ quan tài như trong giấc mộng của bà ngoại, không có những gồng gánh, bưng xách đến lùn cả người như trong đời bà nội tôi, cũng không có những cỗ quan tài bọc cờ và những cơn vật vã, khật khùng của cô Oanh và dì Thanh. Những phụ nữ Âu Mỹ tranh đấu để được quyền. Còn những phụ nữ trong gia đình tôi phấn đấu để sống còn, và sống là sống cho người chứ không phải cho mình. Tôi tự hỏi tại sao cũng trên mặt đất này mà những mẫu người đàn bà được Simone de Beauvoir phân tích là tác phẩm của trí tuệ và ý thức, còn những người đàn bà thân yêu trong đời tôi là tác phẩm của nước mắt chảy ngược vào lòng?

Tháng tư năm bảy lăm, bố tôi mang vợ con, cha mẹ và anh em vào phi trường Tân Sơn Nhất để đợi máy bay sang Mỹ. Dĩ nhiên là ông bà ngoại tôi ở lại Sài Gòn chứ không thể theo con gái và gia đình con rể. Cuộc ly biệt quá ngắn ngủi, vội vã. Để tránh xúc động, ông ngoại tôi lánh mặt con gái, con rể, và các cháu. Mẹ tôi cũng tránh vương vấn chia tay với ông bà ngoại, và tôi cũng thế. Tôi nhớ mẹ tôi gọi bà ngoại vào trao tay hòm chìa khóa thay thế lời từ biệt.

Bố tôi dùng xe hơi chở gia đình vào phi trường trước. Không hiểu vì sao, tôi tình nguyện lái Honda PC theo sau. Tôi nhớ mãi hình ảnh bà ngoại tôi đứng ngơ ngác bên cửa sổ sân nhà, không dám hỏi chuyện để tránh xúc động khi những người thân của bà đang tíu tít sửa soạn cho cuộc hành trình vô định. Bà đội nón lá như lúc đi chợ, tóc muối tiêu búi đằng sau, đôi mắt buồn như khóc.

Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà ngoại tôi.

Bây giờ tôi đã lớn, tôi không làm cô giáo. Tôi không ở Huế và bà ngoại tôi đã chết. Một buổi chiều mùa hạ năm bảy chín, tôi theo một người bạn trai Mỹ làm nghề phó nhòm, muốn chụp ảnh tôi để "lăng xê" tôi làm người mẫu. Tôi gọi điện thoại về nhà, thì bên kia đầu dây mẹ tôi tức tưởi: "Con ơi, bà ngoại chết rồi!" Tự nhiên trong bụng tôi đau nhói như có mũi dao đâm. Tôi không khóc nhưng lần đầu tiên trong đời, tôi có cái cảm giác gọi là "đau như đứt ruột".

Bà ngoại tôi chết trong đau đớn vì bạo bệnh mà không đủ thuốc men. Bà mất đi không một lần thấy lại đứa con gái thân yêu, con rể, và các cháu ngoại, nhất là đứa cháu đã chia sẻ những giọt nước mắt với bà.

Cái chết của bà ngoại làm tôi thấm thía thêm ý nghĩa "sinh ly tử biệt". Lần cuối cùng nhìn mặt bà ngoại buổi chiều tháng tư năm bảy lăm, khi bà tần ngần đứng bên cửa sổ nhìn con cháu ra đi là ý nghĩa nỗi khổ "sinh ly". Và tin bà chết ở bên kia bờ biển đại dương là ý nghĩa niềm đau "tử biệt". Tôi tự an ủi nghĩ rằng tôi không phải là người độc nhất thấm thía cái đau sinh ly tử biệt. Mà đó là cái đau chung của cả một dân tộc kém may mắn trên bản đồ thế giới. Nô lệ và chiến tranh. Trong phần tư thế kỷ mà hai lần di tản cả triệu con người, vượt đường trường, vượt biển đại dương để tìm đất sống còn.

Tôi vẫn tự hỏi trong thời gian chúng tôi ở Mỹ, và bà ngoại sống thiếu thốn ở Việt Nam, không biết bà có nằm mộng thấy những cố quan tài trôi sông, và bà có thấy những gì bên trong những cố quan tài đó? Điều đó bà chưa hề hé môi chia sẻ với tôi. Hay với bất cứ ai, kể cả chồng con.

Năm một chín chín mươi, tôi có một hồi rảnh rỗi trong nghề nghiệp để có thời giờ đọc lại văn chương Việt Nam. Lần đầu tiên, tôi ngồi đọc hết mấy ngàn câu truyện Kiều, để ngẫm nghĩ về nước mắt, định mệnh, và sự phấn đấu của cô Kiều, về thân phận đàn bà mà Nguyễn Du thương xót như thương xót chính thân phận tài hoa kẻ sĩ, và nỗi cô đơn tột độ của người thức giả:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Cũng năm đó, vô tình tôi được đọc tập truyến ngắn của một nhà văn nữ, bạn bố mẹ tôi, bà Bùi Bích Hà. Theo tôi biết, bà cũng từng sinh sống ở Huế. Tôi ít có thì giờ đọc hay theo dõi văn chương Việt Nam ở cộng đồng di tản nên không thể so sánh bà với các nhà văn Việt Nam khác. Có điều một truyện ngắn của bà Bùi Bích Hà làm tôi nhớ giấc mộng của bà ngoại. Tôi không biết là truyện có thật hay không? Bà Bùi Bích Hà kể lại truyện một người đàn bà Việt Nam đi vớt xác con trên đường đi vượt biển. Truyện làm tôi bàng hoàng, nhắc tôi nhớ hình ảnh người đàn bà chịu đựng, ngồi một mình chờ những cố quan tài lềnh bềnh trên sông. Những cố quan tài của Tĩnh Tâm.

Tôi đi tìm một cuốn sách tâm lý giải mộng của Tây phương. Trong cuốn sách đó, tác giả bảo nằm mộng thấy quan tài là cảm giác bất an của người bị đe dọa bởi thiên tai, đại họa, sự trừng phạt vô cớ của định mệnh, hoàn cảnh, ở ngoài khả năng và quyền hạn của con người, không đo lường trước được.

Cuối năm đó, có lần tôi ra đứng bên bờ Đại tây dương, ngắm tượng Nữ Thần Tự Do khi thành phố Nữu Ước lên đèn. Gió lành lạnh. Hình ảnh người phụ nữ cầm chiếc đuốc soi bờ đại dương sừng sững một mình tự nhiên làm tôi nhỏ nước mắt.

Tôi không biết mình nhỏ nước mắt vì ai, cho ai. Tôi đâu dám bắt chước con người tài tử Nguyễn Du khóc người ba trăm năm trước để hỏi người ba trăm năm sau. Có lẽ tôi khóc vì tôi nhớ lại cuộc di cư ngày nào. Tôi nhớ đến khuôn mặt đẹp và ánh mắt sầu muộn của bà ngoại tôi. Giấc mơ hồn nhiên của tuổi thơ, sẽ làm cô giáo nuôi bà ngoại ở Huế, tôi đã bỏ mất. Bà không còn chỉ là bà ngoại, mà là hình ảnh Tĩnh Tâm, người phụ nữ sinh trước tôi hai thế hệ. Hình ảnh bà mang tôi về tuổi thơ xứ mẹ. Hình như tôi khóc vì trong lòng tôi cũng mang hình ảnh những cỗ quan tài như trong giấc mộng của Tĩnh Tâm. Vì tôi mang nặng một nơi chốn đã đi vào tiềm thức tôi, một nơi chốn mà thân phận đàn bà là tiếng kêu rên xiết trong những tập tục và thành kiến văn hóa bóp kẹp con người, nơi chốn của một chiến tranh tức tưởi, và những hỗn loạn lịch sử vời vợi thương đau, đã gây nên sự phá sản, không phải chỉ vật chất, kinh tế, mà e còn lan sang địa hạt tinh thần.

Tôi tự hỏi có người phụ nữ Việt Nam nào nhạy cảm, là nạn nhân của xã hội chiến tranh đó, mà không mang trong lòng những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm? Tôi may mắn sinh ra trong một thời đại không phải gồng gánh, bưng xách như bà nội tôi, không phải cưới vợ hầu cho chồng như bà ngoại tôi, không phải là nạn nhân của tục tảo hôn, không phải tủi sầu vì không có con trai. Tôi may mắn không phải đi vớt xác con, đi nhận xác chồng, xác con trai như những người bất hạnh nơi quê hương đầy đau khổ.

Tôi tin vào thuyết tiềm thức tập thể của nhà tâm lý học Carl Jung. Cho nên tôi đứng đó, đối diện Nữ Thần Tự Do, bên bờ biển Đại tây dương, là một người đàn bà di dân đến từ nước Việt Nam nhỏ bé, trước ngưỡng cửa thế kỷ hai mươi mốt, nhớ đến hương hồn của bà ngoại và nghe tiếng kêu khóc của những người đàn bà Việt Nam xấu số. Tôi đến Mỹ khi còn là đứa bé gái hăm hở trước cuộc đời. Cuộc di cư đã cho tôi lối thoát và cơ hội để áp dụng sự phân tích của Simone de Beauvoir vào đời sống của chính mình. Nhưng tôi vẫn nhỏ nước mắt, hướng về Tây phương và quay lại Đông phương, thường tự hỏi mỗi nơi sẽ đem lại những gì cho tính nhạy cảm và cái tiềm thức văn hóa trong tôi. Nước mắt tôi vẫn nhỏ, cho dù bề ngoài tôi cứng rắn, vì tôi đã nghe, đã chứng, đã xót xa trong lòng về những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm. □

VẠN GIẢ

một đoạn trăm năm

tuyệt mù em
dòng lệ khơi
xót xa anh
với lượng đời bao dung
đường chim bay
đã tận cùng
lời hạnh ngộ
chực vỡ bùng tương lai
vùng tóc rối
dậy tàn phai
từ chia biệt
tình buộc ngoài đời nhau
gọi khẽ người
giọng thầm đau
vết thương cũ
loang lổ màu thời gian
niềm hạnh phúc
ngỡ hoang đàng
giấc ngủ muộn
thoáng gian nan nhục hình
nguyện cho em
giấc bình minh
đêm cúi mặt
vẫn hẹn tình trăm năm

HOÀNG CHÍNH

phiên tòa

truyện ngắn

Thật là vớ vẩn mấy cha nội này. Mấy cha làm như thể mấy cha là cháu đích tôn của ông Khổng Tử vậy. Không đúng. Tụi nó đang bôi lọ đức Khổng Tử vì ba cái điều "Thần bất tử bất trung" ngài dạy đệ tử. Mấy cha ngu thấy mẹ; mấy cha không biết áp dụng một số điều đức Khổng Tử dạy học trò vào thực tế trong nước. Chẳng hạn ngài nói "Trung thần bất sự nhị quân" thì có khác quái gì cái sự "trung với đảng, hiếu với dân" vân vân và vân vân... mà mấy cha nội vẫn lải nhải tối ngày trong lớp học? Tụi bay ngu thấy mẹ, cỡ tao phải được gửi đi học tại trường đảng Nguyễn Ái Quốc mới phải. Tội nghiệp đất nước này đang mất dần những tài năng. Vậy mà mấy cha làm như thể mấy cha là cháu đích tôn của bác không bằng. Mà có bao giờ thấy bác ngồi làm chánh án phiên tòa nhân dân nào đâu. Cả đến mấy ông Các Mác, Lê Nin cũng chẳng bao giờ ngồi chủ tọa phiên tòa nào cả. Chỉ có mấy cha nội bầy ra tòa nọ, tòa kia; thật cứ như bọn phong kiến dã man hay bọn tư bản giẫy chết vậy.

Đã bao nhiêu năm hắn thuyết phục tổ trưởng và lớp trưởng cho hắn đi học chính trị tại trường đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, nơi những mầm non ưu tú của giai cấp công nhân (gồm con cháu các đảng viên cao cấp mà ông cố nội hoặc ít nhất ông cố cố cố nội vài ngàn năm trước đã từng thuộc về giai cấp công nhân) đang theo học để trở thành những lý thuyết gia lỗi lạc của

chủ nghĩa xã hội, nhưng đề nghị của hắn cứ bị lờ đi một cách vô tội vạ. Anh Quốc à, mỗi người trong xã hội có một vai trò riêng thích hợp với khả năng của mình. Anh là học sinh đại học của đại học Y Dược, thì anh sẽ thành bác sĩ. Bác đã nói rằng "Lương y như từ mẫu". Anh sẽ phục vụ tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong vai trò của người lương y. Điều đó hợp với vai trò của anh. Đúng không? Thiệt tình đồng chí không chịu hiểu tôi. Nếu tôi tốt nghiệp trường đảng, tôi sẽ phục vụ tổ quốc và nhân dân một triệu lần hữu hiệu hơn là nếu tôi chỉ là lương y. (Hắn bị nhiễm cách nói của thời đại: "Chế độ ta dân chủ gấp triệu lần . . .") Hơn nữa, ngay từ trong cái tên của tôi cũng có một cái gì tiền định. Đồng chí không thấy tôi trùng tên với bác sao? Cười, hừ, lại cười. Đồng chí thiếu nghiêm túc. Thôi mà anh Quốc à, đảng và nhà nước ghi nhận thiện chí của anh, nhưng mà . . .

Mỗi lần hắn đề xuất (chữ này, tất cả học sinh đại học tiên tiến đều dùng, ngay cả đến mấy ông thày cũ cũng tập xài cho quen. Hắn thì lại ghét những từ mới lạ, nhiều khi tréo cẳng ngỗng. Có lẽ hắn lạc hậu thật) ý kiến lên "trên", "trên" chỉ giải thích cho hắn chừng đó. Thật là chán chường. Mẹ kiếp, tại sao tụi nó lại thiển cận đến như vậy được nhỉ! Cứ cái đà này thì chẳng bao lâu đất nước sẽ chỉ còn lại cái vỏ rỗng. Một đống vỏ thì đúng hơn. Một đống vỏ trứng của mẹ Âu Cơ, mà những đứa con nở ra đã trở thành bầy quái vật. Nhưng mà qua biết tỏng hết mấy em à. Qua đi guốc trong bụng mấy em hết ráo. Qua biết mấy em ghét qua vì cái lý lịch. (May phước mà lúc mấy em vô tiếp quản thì qua đã là sinh viên năm thứ năm, bằng không tư cách nào qua có thể lọt vào được trường Y khoa để ra làm "lương y như từ mẫu" được nhỉ). Qua biết mấy em "đì" qua vì ông già của qua là giáo sư Y khoa Đại học Sài Gòn (cái trường này khác xa cái trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh của mấy em đấy nhé, đừng có nhận ẩu). Mấy em "đì" ông già qua rồi "đì" lây qua qua; mấy em tính tru di tam tộc nhà qua chứ gì? Qua cóc cần. Qua chỉ lo cho đất nước này, nhân dân này, thế hệ này . . .

– Báo cáo các anh chị . . .

Tiếng loa phóng thanh đánh thức hắn về với thực tại. Thật ra hắn cũng hơi giật mình vì tiếng loa phóng thanh chưa điều chỉnh, nghe cứ như muốn đóng đinh vào màng nhĩ. Tại sao mấy cha nội này đi tới đâu là phải đem theo cái loa phóng thanh tới đó không biết. Nhân dân đâu có điếc. Hắn thầm nghĩ. Báo cáo các anh chị, buổi sinh hoạt của chúng ta sẽ bắt đầu trong vòng năm phút. Yêu cầu các anh chị trở về chỗ ngồi, chuẩn vị cho buổi sinh hoạt quan trọng này. Mấy vi âm bị trục trặc, chợt hú lên một âm sắc cao chói như tiếng còi xe cứu hỏa (Tầm bậy! Ví von gì trật lất. Bây giờ làm quái gì còn xăng cho xe cứu hỏa chạy để đi chữa cháy, mà đòi nghe tiếng còi hú). Hắn làu bàu chửi bới cái micro làm hắn không thể tập trung tư tưởng được trước giây phút nghiêm trọng của đời hắn. Hắn dựa người ra sau ghế, hít một hơi dài để nén bớt những nhịp đập xôn xao của trái tim đang hoang mang trong lồng ngực. Ghế giảng đường này còn tốt quá. Cũng may, bọn tư bản lạc hậu khi xây

giảng đường đã cho thiết kế hệ thống ghế ngồi đầy tiện nghi và vững chắc: có muốn tháo gỡ đem về nhà ngồi cũng trầy da tróc vẩy. (Tiện nghi là gì? Đó là cái bẫy bọn tư bản đặt ra, để đầu độc nhân dân ta, để chúng ta quen với tiện nghi, để chúng ta trở nên sợ khó, sợ khổ. Ở kìa sao các anh chị không vỗ tay? Các anh chị tưởng rằng khi thiết kế các cơ sở cho trường lớp chúng ta, bọn chúng thực tâm muốn giúp đỡ chúng ta sao? Các anh chị lầm to. Hãy thử đếm số bóng đèn trên trần cái giảng đường này. Chúng ta đâu cần tới chừng đó bóng đèn để thắp sáng lớp học. Hãy tưởng tượng hình ảnh bác, ngày xưa, trong hang Pắc Bó . . . Những bóng đèn này biết có đủ sáng để những con lừa lạc hậu kia thấy được những giọt nước mắt rưng rưng ở trong mắt mình không đây?) Chú ý, chú ý. Yêu cầu các anh chị trở về chỗ ngồi. Ngày xưa – mà đã xưa gì cho cam – sinh viên muốn ngồi đâu thì ngồi trong giảng đường. Bọn phàm phu tục tử như hắn và lũ bạn thì cứ lựa chỗ nào có bóng dáng thướt tha thục nữ, hoặc nếu lỡ cận thị nặng thì cứ đánh hơi nơi nào thơm mùi nước hoa Channel số năm, thì xà tới mà ngồi bên cạnh. Chẳng ai thắc mắc làm gì cho mệt xác. Bây giờ, mấy cha nội bày đặt bắt sinh viên ngồi chỗ nhất định trong giảng đường, theo từng tổ, từng nhóm (để những anh chị tiên tiến có thể dìu dắt, nâng đỡ những anh chị em còn lề mề, chao đảo . . .) Ngày xưa, giảng đường ấm cúng, trang nghiêm như một ngôi giáo đường nho nhỏ. Ngày xưa, giảng đường dịu dàng thân ái vì có nàng (cô sinh viên Y khoa nho nhỏ e ngại trước cuộc đời như con chim co ro trong mưa bão cuộc đời. Mỗi khi nghĩ tới nàng, hắn bắt buộc phải dùng tới những hình ảnh "mềm" và chẳng có một chút chiến đấu tính nào như vậy). Bây giờ, trường lớp đã đổi thay tận gốc rễ, và cô nhỏ đã bỏ hắn. Chữ "bỏ" nghe văn chương, lãng mạn không chịu được! Thực ra, nàng không bỏ hắn, nàng chỉ "né" hắn thôi, né từ khi trường đại học Y khoa Sài Gòn đổi thành trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, và ba hắn: ông giáo sư Cơ thể học già, được mời đi dự một phiên họp và biến mất khỏi bục giảng của giảng đường. Kể từ khi người ta bắt đầu "chỉ định cư trú" ngay cả trong lớp học. Hắn mất toi cái thú ngồi bên cạnh những bông hoa gai góc (dĩ nhiên: học gần hết năm thứ năm của cái trường tàn phá nhan sắc này, thì mượt mà đến đâu rồi cũng phải mọc gai ra, như hắn vẫn nói), chẳng những thế, hắn còn mất luôn cái cơ hội ngồi bên những thằng bạn trời đánh, lúc nào cũng lợi dụng tình hình khó khăn của "trên" mà xì xào, dè bỉu móc ngoéo chế độ ta. Báo cáo các anh chị. Lớp trưởng lại phát ngôn một cách rất trịnh trọng. Mái tóc cắt cao như mái tóc tên lính mới ở quân trường thuở trước, hai con sâu róm rậm rạp lông lá uốn éo chuyển mình trên đôi mắt tí hí hấp háy sau mỗi câu nói. (Với đôi mắt lươn của đồng chí, nếu như xưởng phim truyện trung ương có thực hiện một cuốn phim có vai tên lý trưởng gian ác, đồng chí sẽ là người thích hợp cho vai trò ấy. Thằng cha vậy mà dại, không biết tìm cơ hội tiến thân! Thời buổi này, chiếc áo blouse trắng với cái ống nghe thì có làm nên cơm cháo gì cơ chứ. Bọn hắn đã chẳng từng đặt lời Việt cho bản nhạc El Condor Pasa của

bọn tư sản phương Tây, với những lời như "I'd rather be a sparrow than a snail. Yes, I could, Yes, I would; I surely would . . ." thành "Thà tôi làm anh công nhân còn hơn bác sĩ, sướng hơn nhiều, khoái hơn nhiều, sướng hơn rất nhiều . . ." là gì. Thằng cha ham cái danh lớp trưởng hơn vai trò minh tinh màn bạc chắc. Rõ chán!) Chiếc áo màu xanh da trời lợt, cái quần màu xám, ống rộng thùng thình, dài tới mắt cá, để hở đôi dép lốp thời thượng . . . tất cả làm gã có vẻ tiên tiến không chịu được. Lớp trưởng có đôi mắt lãnh tụ. Hắn đã có lần chia sẻ với thằng bạn trời đánh nhận xét này; đôi mắt và cặp lông mày của đồng chí lớp trưởng làm đồng chí ấy có cái nét giống ông Sáu Lê Nin, (ông Sáu Lê Nin là cái ông đã sản sinh ra chủ nghĩa cứu tinh của nhân loại. Tên của ông là Vladimir, chữ lót là Ilyich gì gì đó hắn không nhớ chính xác cho lắm, và họ ông là Lê Nin. Khi viết tắt, trở thành V.I. Lê Nin, thành ra bọn hắn gọi tắt là Sáu Lê Nin cho tiện việc sổ sách. Hơn nữa, gọi là ông Sáu nghe gần gũi và thân thiết biết chừng nào) và đồng chí Brezhnev, Tổng bí thư Trung ương đảng của nhà nước Liên Xô vĩ đại. Mỗi lần nhìn mắt lớp trưởng, hắn lại bực mình vì hai con sâu róm mập mạp ấy. Phải chi hắn có thể bắt hai con sâu róm mắc dịch ấy, quăng cho gà ăn cho bõ ghét. Hắn hay có những ý nghĩ bệnh hoạn như thế, khi phải nghe hoặc nhìn thấy những điều chướng tai, gai mắt. Tụi bạn nghi hắn bị "mát dây". Hắn cũng hơi nghi nghi là hắn bị chứng gàn. Ừ thì "gàn" chút xíu đã sao. Trên đời này ai mà chẳng có lúc gàn, việc khỉ gì phải lo lắng cho mệt. "Gàn" đâu có được xếp loại trong những chứng bệnh tâm thần của bảng phân loại về các bệnh rối loạn thần kinh của tổ chức y tế quốc tế đâu mà sợ . . . (nhưng mà coi chừng, gần chục năm nay, mất liên lạc với thế giới bên ngoài, biết đâu chứng "gàn" đã được xếp vào bảng phân loại các chứng bệnh về tâm thần, mà nền y tế siêu việt của ta hoàn toàn không biết đến. Mỗi lần nghĩ thế, hắn lại hơi lo lo. Nhưng rồi cơm áo làm hắn quên mất tiêu. Tiếng reo eo óc của cái bao tử trống trơn có âm vọng sâu hơn tiếng cảnh cáo của tổ chức y tế quốc tế nhiều). Yêu cầu các anh chị giữ trật tự. Đã đến giờ sinh hoạt. Chú ý. Chú ý. Để mở đầu, yêu cầu các đồng chí và các anh chị đứng lên hát quốc ca. Hắn uể oải đứng dậy theo mọi người. Sự chờ đợi dường như đã hút đi dần của hắn tất cả sinh lực cần thiết cho một ngày bon chen, vất vả. Giọng nói sang sảng của lớp trưởng bắt nhịp cho bài quốc ca mới. Khổ quá, sao quốc ca nước mình mà nghe xa lạ quá thế này. Cơ khổ; cơ khổ! Hắn ngước nhìn những cái đầu đen của đám bạn cùng lớp ở những hàng ghế phía trước. Giảng đường được thiết kế như một cái rạp hát trung bình. Ở cuối lớp, có thể nhìn thấy hết những người ngồi phía trước. Hắn nhìn thẳng phía trước, nơi cái hình người già nua béo tốt, phương phi, mỡ màng lồng trong khung kiếng. Chỗ ấy, ngày xưa (nào đã xưa gì lắm cho cam) là hình của Hippocrates; cái ông thày thuốc đầu tiên trong lịch sử y học phương Tây, cái nhà ông Hy Lạp ở tuốt phía bên bờ Địa Trung Hải xa lắc xa lơ, (việc gì phải treo hình ông ta ở đây phải không các đồng chí và các bạn? Chúng ta tự hào, vì chúng ta có . . .) Khổ cho hắn vì cái đầu óc

hay suy nghĩ lông bông. Hắn bị một chứng bệnh mà tự hắn chẩn đoán lấy là "Bệnh liên tưởng". (Mấy cha biết không? Tôi bị cái bệnh tạm gọi là "hội chứng pháo dây". Hồi còn nhỏ, mỗi lần tết đến mấy cha đi lượm pháo tết, chắc là còn nhớ pháo dây chứ gì. Sợi pháo dây dài, đốt ở một đầu, ngọn lửa sẽ ngoằn ngoèo cháy theo sợi dây cho tới hết. Cái bệnh của tôi y chang như vậy. Nghĩa là một khi bị "đốt" bởi một ý tưởng nào, là tôi cứ bị ám ảnh bởi ý tưởng ấy cho tới khi bị đánh thức bởi một ý tưởng khác. Chẳng hạn như thấy con nhỏ N. – tạm giấu tên nó nghe mấy cha, không khéo mấy cha làm um lên, nó dám giải phẫu cắt bỏ một trái thận của tôi à – trong phòng mổ, mặc vỏn vẹn có một cái áo blouse – không có gì ở bên trong hết ráo – đường nét, núi đồi, sông rạch vân vân, cứ làm hai con mắt tôi xốn xang như bị đau mắt cấp tính, thế là tôi cóc có cầm con dao mổ được đúng cách nữa, và đầu óc cứ bần thần mụ mẫm như thằng cha bệnh nhân tai biến mạch máu não sắp sửa mê man bất tỉnh, đến nỗi hôm ấy chút xíu nữa cắt đứt cha nó cái dây thần kinh của thằng cha bệnh nhân vô tội vạ. Cho tới khi con nhỏ y tá gây mê tới đứng bên cạnh con nhỏ N., tôi mới được cứu rỗi, nhưng rồi lại bị đôi mắt long lanh của con nhỏ y tá thôi miên. Bố khỉ! Không hiểu sao mình biết rõ như ban ngày rằng dưới cái vỏ căng phồng, mơn mởn gọi mời ấy cũng chỉ là da, mỡ dưới da, những sợi cơ tròn, cơ vân, những mạch máu li ti chạy ngoằn ngoèo, những phiến mỡ dưới da trắng ơn ởn, những tuyến bài tiết mồ hôi uốn khúc quanh co, sâu hơn chút nữa là xương sườn, xương sống, xương chậu, xương hông, xương mu . . . vậy mà mỗi lần nhìn thấy khối vật chất dễ thương ấy, lòng vẫn mềm rũ xuống như bánh tráng nhúng nước. Thây kệ, cũng chẳng có gì phải phàn nàn. Mai mốt biết đâu tổ chức y tế quốc tế lại không lấy tên tôi đặt cho "hội chứng pháo dây" nhỉ, và lúc ấy mấy cha tha hồ mà học Syndrome de Quốc Văn Trần – Hội chứng Trần Văn Quốc phải không nào?) Gì thế? Hát xong rồi đấy ư? Hắn bần thần ngồi xuống theo lũ bạn. Tiếng lớp trưởng (hắn thích gọi là "trưởng lớp" hơn, vì "lớp trưởng" nghe có vẻ bá quyền Trung quốc quá; chúng ta đang có chiến tranh ở biên giới phía Bắc mà, nhưng cả lớp không ai chịu nghe hắn) lại sang sảng trong loa phóng thanh. Mời các đồng chí trong chi đoàn nha khoa, các đồng chí lớp phó, đồng chí bí thư, các tổ trưởng, tổ phó . . . lên ngồi hàng ghế đầu. Hắn ngước nhìn trên phía bục giảng. Bây giờ hắn mới thấy dẫy ghế xếp thành hàng ngang trước tấm bảng đen. Thì ra đó là hàng ghế dành cho chức sắc trong lớp. Đó là hàng ghế của bồi thẩm đoàn. Mẹ ơi, hàng ghế làm hắn sực nhớ là hôm nay hắn phải ra tòa; một phiên tòa nhân dân bổ túi. Tiếng đẩy ghế ken két trên nền xi măng, tiếng chân bước lê loạt xoạt, tiếng sách vở rơi lộp độp làm hắn tỉnh hẳn. Hắn ôn lại thật vội những điều hắn dự tính sẽ nói để tự biện hộ trong phiên xử. (Thật tình mấy cha nội chỉ giỏi làm lớn chuyện. Đời sống vốn giản đơn – như mấy cha thường nói – rằng thì là "làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta . . . dê". Cái điều tôi làm bữa hôm đó, cùng lắm cũng chỉ

như vết chích của một con muỗi trên lớp da mặt sần sùi, cùi lở của cái bản mặt con người mới xã hội chủ nghĩa của mấy cha thôi. Bố khỉ!)

Chờ các đồng chí chức sắc an tọa đâu vào đó xong, lớp trưởng hắng giọng, lấy vẻ trịnh trọng cố hữu:

– Các đồng chí và các anh chị lưu ý. Hôm nay . . .

Khổ quá, lại những bài bản cũ rích nữa rồi! Hắn than thầm, như con thú gầm gừ trong cuống họng. Bọn nhân viên bảo trì đáng phải cho đi công tác tư tưởng lại, vì cái tội lấy điểm cho mau được kết nạp vô đoàn, vô đảng bằng cách điều chỉnh âm thanh quá lớn. Dù có là con người mới thì cái màng nhĩ cũng chịu được âm thanh ở một mức độ nào đó thôi chứ. Mở lớn quá, màng nhĩ nào mà không rách. Thiệt tình! Như các đồng chí và các anh chị đã biết sự cố xảy ra tại bệnh viện Nhi Đồng tuần trước. Theo chỉ thị của "trên", hôm nay, chúng ta tập trung ở đây để xây dựng với anh Trần văn Quốc, sinh viên Y khoa năm thứ năm trường đại học y dược thành phố . . . Hắn lơ đãng nghếch mặt lên nhìn lớp trưởng, cùi chỏ chống trên thành ghế ngồi, bàn tay mân mê chiếc cằm trụi lủi như cằm một cô gái . . . già. Hắn cố gắng tập trung tư tưởng để nghe xem cái gã chức sắc đang đứng trên bục giảng của giảng đường nói những gì về hắn. Không khí lớp học lắng xuống, đặc lại, như sữa sắp đóng thành yaourt. Ai đó, từ một xó xỉnh nào của giảng đường cố nén những tiếng ho nghẹn tắt, vì sợ phá vỡ mất vẻ trang nghiêm của phiên tòa. Sự việc như sau. Tối hôm thứ tư, ngày mười hai tháng tám, anh Trần văn Quốc được phân công đi trực phòng cấp cứu bệnh viện Nhi Đồng . . . Cha nội này phân biệt bạn với thù rõ ràng quá sức. Thằng chả đâu có gọi mình là đồng chí; thằng chả đâu có coi mình là đồng chí của thằng chả. Bọn này thế mà hay. Đế quốc Mỹ là kẻ thù của chúng ta, nhưng nhân dân Mỹ tiến bộ thì là bạn. Những câu nói của lớp trưởng được bốn chiếc loa phóng đại lên, cuồn cuộn đổ vào hai lỗ tai hắn, như những dòng cuồng lưu, cuốn phăng đi hết những ý nghĩ vụn vặt trong đầu hắn . . . Anh Quốc đã trèo lên thành nhà vệ sinh, và dòm qua phía bên kia nhà tắm các chị . . . Da mặt hắn chợt dày lên như da một con tê giác. Hàng ngàn con kiến bò rần rật trên hai vành tai hắn. Tim hắn đập dồn dập như tiếng trống múa lân, lúc con lân sắp sửa chồm lên giựt món tiền thưởng treo phất phơ ở đầu sợi dây. Lúc đó, có ba chị: một chị là nữ y tá, hai chị kia là học sinh y khoa; cả ba chị đang tắm. Tiếng cười vỡ òa ra như nước vỡ bờ, ắt cả tiếng loa phóng thanh. Những chiếc vỏ cứng trên mặt mọi người nứt ra, biến mất. Ai nấy hả hê, thoải mái cười giòn ầm ĩ. Tiếng mấy thằng bạn trời đánh của hắn oang oang thuyết minh, thêm mắm, thêm muối vào những chi tiết lặt vặt làm hắn muốn độn thổ. Chỉ có một mình lớp trưởng là vẫn trang nghiêm. Hắn cố tìm một nét thiếu nghiêm túc trên mặt gã, nhưng không thấy. Bố khỉ! Cha nội nói tầm bậy rồi. Lúc đó có tới bốn chị lận. Ba chị đang tắm, còn một chị đang sắp sửa thay đồ. Hắn muốn lên tiếng cải chính liền, lại thôi. Cải chính thì làm cho tội hắn nặng thêm chứ ích lợi gì. Nhìn trộm ba người đàn bà đang tắm dĩ nhiên phải nhẹ

tội hơn nhìn tới bốn người. Nhưng hắn đâm ra thắc mắc, tại sao chị thứ tư lại không khiếu nại với "trên". Hay là "nàng" không coi đó là tội? Hắn cố hình dung nét mặt người con gái hắn bắt gặp đang thay quần áo tối hôm ấy. Lúc đó, nàng đang khuỳnh hai cánh tay ra sau gài áo ngực. Nhìn đàn bà con gái gài áo ngực thấy mà tội. Hắn thầm nghĩ. Cái nhà anh nào bày đặt ra coóc xê, coóc xiếc chỉ làm khổ các bà các cô chứ có lợi ích gì. Tay khuỳnh ra sau mà cài như vậy, dám có ngày trật khớp bả vai lắm chứ chẳng chơi! Mái tóc dài của nàng phủ xuống phía trước, thành ra hắn không thể nhìn rõ mặt nàng, nhưng thân hình của nàng, nhìn từ phía sau thì cũng không đến nỗi nào. Có một con bồ có thân hình như vậy giữa thời buổi gạo châu củi quế này, đã là quý lắm rồi. Các chị phát giác có người lạ nhìn mình tắm, đã báo cáo với đồng chí trưởng ban bảo vệ bệnh viện Nhi Đồng. Thiệt tình! Hắn hừ lên một tiếng vì bực mình. Cha nội lại nói tầm bậy nữa. Mấy chị đâu có hiền quá như vậy. Lúc đó, cả bốn người đàn bà cùng ré lên như bị ma nhát; đến nỗi thằng cha gác dan bệnh viện phải chạy đại vào xem có ma quỷ gì không. Thằng cha khi không mà lời; lại chẳng phải ra tòa ra tiếc như mình. Bây giờ, anh Trần Văn Quốc sẽ lên trình bày với tập thể tình huống nào đã đưa đẩy đến sự cố nói trên; anh Trần Văn Quốc sẽ đọc bản tự khai và tự kiểm trước tập thể. Sau đó tập thể chúng ta sẽ đóng góp, xây dựng cho anh Trần Văn Quốc. Mời anh Trần Văn Quốc. Thằng cha cứ lập đi lập lại tên mình, như thể sợ thiên hạ sẽ quên đi mất. Mọi người quay rào rào về phía hắn. Hắn bần thần buông bàn tay đang gãi cằm xuống thành ghế. Hàng trăm cặp mắt đen chiếu về phía hắn, như những con mắt ma quái trong phim thần thoại. Hắn khẽ quay đầu qua bên phải, rồi bên trái, như thể cố cựa quậy cái mặt thật của hắn dưới lớp nạ đất sét đang khô dần, đang dính cứng dần vào da mặt hắn. Hai bên hắn, những cái đầu chồm ra phía trước, những con mắt ném về hắn hàng trăm ngàn cái nhìn với vô vàn ý nghĩa. Những bộ mặt, những hàm răng trắng ởn ném vào hắn những mảnh cười sắc cạnh. Hắn cảm thấy như thể hắn là một tội nhân thời trung cổ đang bị ném đá. Mời anh Trần Văn Quốc. Lớp trưởng nhắc lại lời yêu cầu. Hắn từ từ đứng dậy. Hai đầu gối rung rung, giữ không muốn nổi cái hình hài bốn mươi lăm ký của hắn. Tay trái hắn cầm chắc tập giấy vở màu vàng úa, tay phải hắn lần lần lưng hàng ghế phía trước. Hắn men theo lối đi hẹp giữa hai hàng ghế, đi dần xuống phía bục giảng. Tiếng xì xào của lũ bạn cùng lớp lọt được vào tai hắn, tiếng được, tiếng không; nghe như vọng lại từ một cõi nào xa thẳm. Hắn, như người mộng du.

Lần đầu tiên đứng trên bục giảng đường, hắn thấy mình nhỏ bé quá đỗi. Hàng trăm con mắt từ ba phía của giảng đường xoáy vào hắn. Hắn nhìn lướt thật nhanh một vòng giảng đường. Chỗ đứng này, ngày xưa ba hắn đã từng đứng không biết bao lâu, dẫn dắt không biết bao nhiêu thế hệ thày thuốc. Cái thời đó đã qua. Chúng ta sẽ là người thày thuốc nhân dân; chúng ta phục vụ nhân dân, là những người làm chủ đất nước, những người đang đưa đất nước đi theo hướng tiến của lịch sử. Có một thời hắn cũng mơ ước được đứng

chỗ ba hắn thường đứng. Kẻ nào vào học Y khoa, mà chẳng có một lần mơ trở thành giảng viên, giảng sư rồi giáo sư đại học nhỉ. Bây giờ, hắn đứng đúng ngay cái chỗ ngày xưa ba hắn vẫn đứng, nhưng với một vai trò khác. Hắn run run đặt xấp giấy có bài tự phê của hắn lên trên phiến gỗ vuông vắn dùng làm kệ giảng. Lớp trưởng ân cần sửa lại cái micro cho vừa tầm miệng của hắn, rồi mới thong thả trở xuống, ngồi ở một chỗ trên hàng ghế đầu. Hắn hít một hơi dài, ém khối không khí ấy xuống thật sâu trong lồng ngực. Phương pháp lấy bình tĩnh cổ điển hắn thường áp dụng mỗi khi cần tập trung tư tưởng để làm một việc gì hệ trọng. Nín thở chừng nửa phút, hắn thở phào ra khoan khoái và cảm thấy hoàn toàn thoải mái, tự tin. Đám nhân loại trong giảng đường nhìn hắn, chờ đợi. Hắn liếc nhìn lên trần nhà. Phải công nhận bọn tư bản phá của không tiếc tay. Cứ đếm số bóng đèn trên trần này thì đủ thấy. Những bài học chính trị, nghe riết rồi thấy cũng đúng. Hắn nhìn một lượt những khuôn mặt ngồi hàng ghế đầu; hàng ghế của bồi thẩm đoàn. Toàn những bộ mặt quen thuộc, nhưng cũng làm hắn thoáng chút lo âu. Chừng này cái miệng mà xúm lại kết tội thì hắn trắng án thế nào được. Mấy em tính chơi trò cả vú lấp miệng em chứ gì. Còn lâu qua mới sợ, mấy em à. Gã nhìn quanh, tìm kiếm một vài khuôn mặt quan trọng của phiên tòa, nhưng không thấy. Gã thắc mắc . . .

Tiếng ai đó vọng từ hàng ghế đầu, nhắc hắn bắt đầu. Hắn gõ gõ vào cái micro, như chuyên viên thử máy. Có cái gì đó chặn lấy cuống họng hắn. Hắn cố nuốt ực một cái cho trôi cục nghẹn, mặc dù miệng hắn khô đắng.

– Thưa các . . . đồng chí và các bạn . . .

Tiếng nói của hắn, được khuyếch đại qua máy vi âm, vỗ vào bốn bức tường, dội lại tai hắn, nghe vang vọng, trang nghiêm, và xa lạ như tiếng nói của một người nào đó hắn chưa hề gặp mặt. Tôi xin trình bày lại những tình huống, đã đưa đến sự cố đáng tiếc vừa qua. Hắn lật trang đầu tiên của xấp giấy. số là chiều ngày thứ tư, mười hai tháng tám, tôi được phân công đi trực cấp cứu tại bệnh viện Nhi Đồng. Hắn liếc nhìn xuống dưới. Hàng trăm con mắt vẫn hướng về hắn, như những con mắt tín đồ hướng về vị giáo chủ kính yêu. Mấy cha "người" quá sức trong cái thói xấu thích nghe kể những chuyện làm người ta đỏ mặt. Tôi có một cái khuyết điểm lớn cần phải sửa, đó là . . . Hắn ngập ngừng, nhìn xéo xuống phía lớp trưởng, bắt gặp nét hí hửng trên mặt gã. Hừ, những người ti hí mắt lươn, trai thì trộm cướp gái buôn chồng người. Hắn hiểu ra được cái ngụ ý giấu đằng sau nét hí hửng trên mặt gã. Ừ, cứ khai ra đi, anh Quốc à. Hãy thành khẩn nhìn nhận những lỗi lầm, rồi tổ chức sẽ giúp anh sửa đổi. Tổ chức và tập thể không bao giờ sai lầm. Ở một giai đoạn nào đó, lượng sẽ biến thành phẩm. Đấy là một trong những điểm ngoại lệ đặc biệt của duy vật biện chứng. Nhằm quá mấy cha ơi. Lượng tăng sẽ biến thành phẩm thế quái nào được. Mười con bò ngu như . . . bò, thì cũng vẫn chỉ là mười con bò, chứ làm sao biến thành con sư tử được. Nhiều người có vẻ nóng ruột vì chờ đợi. Hắn nhìn xuống khoảng giữa giảng đường. Thiên

hạ, đa số ngồi ngả người ra sau ghế, như đến xem diễn kịch. Hắn đâm ra bực mình. Mình đúng là một thằng hề bất đắc dĩ. Diễn tuồng xong rồi, không biết số phận sẽ ra sao đây. Bọn nó dám đuổi mình ra khỏi trường, và trả về cho địa phương quản lý công tác lắm chứ chẳng chơi. Thưa các đồng chí và các bạn, khuyết điểm của tôi là . . . Hắn lập lại câu thú tội, và theo dõi nét chờ đợi vật vã trên mặt đám khán giả . . . Tôi có khuyết điểm là ăn mắm thái. Có tiếng cười lẻ loi vỡ ra đâu đó trong giảng đường. Hôm ấy, cỡ lẽ tôi bị bọn quân phiệt Thái đầu độc, nên bị đau bụng dữ dội, chừng hai tiếng đồng hồ, sau khi ăn mắm thái với bún. Theo như sự chẩn đoán ban đầu của tôi thì tôi bị viêm ruột cấp tính, từ của đế quốc gọi là gas-tơ-rô-ăng-tê-rít-tơ. Thêm vài tiếng cười nữa vỡ ra, làm bầu không khí căng thẳng của phiên tòa chùng xuống. Hắn cũng cảm thấy dễ chịu hơn vài phút trước đây. Hít thêm một hơi dài, rồi thở ra khoan khoái, hắn tiếp. Là sinh viên y dược, ai cũng biết rằng cái chứng đau bụng quặn dữ dội, và, phải chạy đi tìm nhà vệ sinh liên tục. Thành ra tối hôm ấy, tôi phải dùng nhà vệ sinh nhiều lần. Mấy lần đầu thì rất may là không xảy ra sự gì đáng tiếc. Phiên trực hôm ấy cũng khá bận rộn. Tôi đã phải . . . Hắn lật lật trang giấy . . . cấp cứu hồi sinh gốn trường hợp suyễn cấp tính, hai trường hợp động kinh, sáu trường hợp ngộ độc phải rửa ruột, ba trường hợp tai nạn giao thông phải khâu vết thương hoặc bó bột. Hôm ấy phòng trực cấp cứu lại thiếu thuốc tê. Thuốc mới về có trong tủ, nhưng vì chưa kiểm kê nên không được dùng. Thành ra tôi đã rất mệt mỏi đêm hôm đó; lại thêm chứng đau bụng quặn . . .

Lại thêm những tiếng cười liều lĩnh. Thường, chỉ khi nào lớp trưởng nói chuyện tiếu lâm, sinh viên mới được cười; Cười đúng lúc, cười đúng tình huống, chứ đừng có "gì cũng cười" là có ngày vỡ nợ. Có lẽ, sau khi thấy những tiếng cười thăm dò không bị kêu án, sinh viên bắt đầu bớt căng thẳng, bắt đầu cười giỡn, và trở về với bản chất nghịch ngợm cố hữu. Giọng hắn đều đều như tụng kinh.

– Sau khi khâu xong vết thương cho một em bé bị xe đụng, chuyển bệnh nhân xuống phòng săn sóc đặc biệt để theo dõi, tôi đau bụng quá, phải chạy ngay xuống nhà vệ sinh. Đoạn này chắc các đồng chí và các bạn cũng hình dung ra được; tôi khỏi cần kể chi tiết . . .

Tiếng cười lại òa ra, tở mở, khoái trá, làm hắn ngưng ngang bài tự thú. Hắn nhìn xuống cuối giảng đường. Đây rồi. Bây giờ hắn mới thấy đám bạn trời đánh. Những khuôn mặt thân quen suốt năm năm trời học chung một mái trường. Cái lũ bạn đã chẩn đoán là hắn bị bệnh gàn, và lúc nào cũng nơm nớp lo sợ giùm cái tính gàn của hắn.

Mặc cho mọi người cười, hắn vẫn nghiêm trang như ông cố đạo đang giảng trong nhà thờ. Lúc đó khoảng một giờ khuya. Khi vừa làm công tác vệ sinh xong, tôi nghe tiếng cười rúc rích bên phía nhà tắm của các chị. Bắp thịt mặt hắn giật giật làm câu nói hắn trở nên khó khăn. Tôi nghe tiếng con gái nói chuyện và xối nước ào ào. Thú thật, tôi không dám duy tâm, nhưng tôi

cứ nghĩ rằng đó là ma. Có kẻ nào đó trong đám khán giả sinh viên ho toáng lên như bị sặc. Không dám ngửng đầu lên, hắn tiếp tục đọc bằng giọng đều đều, ru ngủ. Bởi vì những chuyện kể về ma quỷ ở các bệnh viện không phải là hiếm. Ở bệnh viện Nhi Đồng, không thiếu gì những em bé gái đã chết ở lứa tuổi mười bốn, mười lăm. Mà những tiếng cười giòn đêm hôm đó nghe có vẻ ma quái làm sao đó, nên tôi đâm ra thắc mắc. Thú thật, lúc đầu tôi cũng thấy rờn rợn ở sống lưng, bởi vì lúc một hai giờ sáng thì có ai giỡ chứng mà đi tắm đâu. Đứng nói chuyện một lúc, hắn cảm thấy đầu gối mình vững hơn. Hơi thở hắn trở nên đều hòa, và cái đám khán giả sinh viên phía trước mặt, dường như cũng trở nên dễ mến hơn. Trừ cái bọn chức sắc ngồi ở hàng ghế bồi thẩm đoàn, chỉ cách chỗ hắn đứng chừng hai bước chân kia, thì vẫn mang những tấm mặt nạ như da cá sấu ở rừng U Minh, mà sẵn sàng kêu án hắn thật nặng nề. Giọng nói hắn, khuyếch đại qua máy vi âm, nghe lâu, cũng thấy quen thuộc dần với hắn. Ban đầu, tôi tính bỏ về phòng trực, nhưng không hiểu sao có một động cơ gì đó lôi tôi lại. Tôi bèn kê hai thùng rác bằng nhôm chồng lên nhau và trèo lên, bám vào mép tường, nhòm qua phía bên kia. Thú thật, tôi chỉ muốn biết ma khác người ta ở chỗ nào, bởi vì chưa bao giờ tôi thấy ma, dù, đã thấy người chết rất nhiều. Nhưng không may cho tôi, đó không phải là ma, mà là bốn . . . à không, ba chị đang tắm . . .

Mọi người cười ồ lên, khoái trá. Cái vỏ nghiêm trang chỉ còn bao quanh được đám chức sắc ngồi hàng ghế đầu, và hắn. Hắn lật sang trang kế, tiếp. Các chị hoảng hốt la ầm lên. Khi biết không phải là ma, tôi vội vã chạy trở về phòng sinh viên trực.

Tiếng cười rầm ran trong giảng đường, át cả tiếng hắn, làm hắn phải ngưng lại. Mấy cha cóc có biết sự thực. Đúng ra, khi vừa nghe tiếng mấy con nhỏ đó la, thằng cha bảo vệ hay gác dan gì đó, không biết đã phục kích ngoài cửa từ lúc nào mà xuất hiện thật nhanh, ào vào nhà tắm. Cả bốn con nhỏ đang cố co người lại cho thật nhỏ, hai tay che che, úm úm, xoay lưng về phía qua, mà la chói lói, chợt thấy có thằng đực rựa lù lù xuất hiện trước mặt, cả bọn hoảng hốt quay về phía qua mà la tiếp. Thành ra qua cũng thấy được chút ít, nhưng mà đã thấm thía gì so với thằng cha gác dan. Vậy mà nó còn bày đặt làm chứng với chi đoàn nữa chớ. Đúng là thói đời.

Tôi bị vấp té trên đường trở về phòng trực, bị bầm đầu gối và cùi chỏ, phải xức dầu gió dân tộc mấy ngày mới hết. Hắn nhìn xuống đám khán giả, bắt gặp vài con mắt ái ngại. Thực ra, khi trông thấy thằng cha gác dan, qua hoảng quá, mất thăng bằng. Thêm vào đó, mấy cái thùng rác bằng nhôm quá yếu, nên đã xẹp lép xuống vội vàng làm qua ngã lăn quay ra trong nhà cầu. Cú té nhớ đời, còn làm qua đau tới bây giờ. Lúc đó, thật tình qua không biết đau gì hết ráo. Bởi vì cái hình ảnh ba con nhỏ, không có mặc gì hết trơn, trắng nuốt và ướt nhễ nhại; cùng với một con nhỏ mặc vỏn vẹn có mỗi cái áo ngực, đập vào mắt qua, hiệu quả hơn bất cứ một loại thuốc giảm đau nào.

Chờ cho cái ồn ào trong giảng đường lắng xuống như những con sóng mệt mỏi rút ra khỏi xong, hắn đọc hàng cuối cùng trong bài tự thú ngắn ngủi:

– Thú thực, tôi chỉ mới nhìn thấy tóc của mấy cô . . .

Trong cơn bão lốc của trận cười giông tố, hắn can đảm nhìn xuống hàng ghế đầu, nơi bồi thẩm đoàn ngồi. Hắn thấy những khuôn mặt căng cứng, như mặt đất trên miệng núi lửa trước cơn địa chấn, chừng như sắp vỡ vụn ra vì bị dồn nén bởi lớp nham thạch phía dưới. Những đôi vai rung rung vất vả, như bị trói, bị kềm. Hắn liếc nhìn sang lớp trưởng. Nét nghiêm trang vẫn còn trên mặt gã; nguyên vẹn, cứng ngắc. Chờ cho tiếng cười lắng xuống, hắn kết luận:

– Xin hết.

Bọn sinh viên vỗ tay rào rào. Hắn lừng khừng xếp xấp giấy có bài tự thú cho thẳng thắn, và loay hoay, không biết nên đứng yên tại chỗ hay trở về chỗ ngồi. Lớp trưởng đứng dậy, bước nhanh về phía hắn. Hắn khẽ tránh qua một bên, nhường chỗ cho gã.

Giọng gã vẫn hùng hồn, sang sảng, và vang động:

– Các đồng chí và các anh chị vừa nghe xong phần tự phê của anh Trần văn Quốc, sinh viên y khoa năm thứ năm. Rõ khổ, sao lại cứ phải nhấc đi nhấc lại mãi cái tên cúng cơm của hắn thế không biết. Đọc cả tên họ, rồi còn lớp nữa chứ. Ai trong lớp này mà chẳng biết hắn là Trần Văn Quốc, người tìm ra hội chứng pháo đây cơ chứ. Bây giờ yêu cầu anh Trần Văn Quốc ngồi ở chiếc ghế kia – Gã chỉ chiếc ghế giáo sư thường ngồi, ở phía sau bục giảng, ra dấu cho hắn lại ngồi – Các đồng chí và các anh chị khác sẽ góp ý xây dựng cho anh Trần Văn Quốc. Hắn lủi thủi tiến đến chỗ chiếc ghế, nơi lớp trưởng đã chỉ định. Trước khi ngồi xuống, hắn đưa tay phủi hờ lớp bụi phấn đóng trên mặt ghế. Đây đích thị là chỗ ngồi của bị can. Ngồi ở đây, thiên hạ muốn nhìn hắn, sẽ không phải nghển cổ ra phía sau cho tốn sức lao động. Mấy cô nữ sinh viên sẽ tha hồ dùng phẫu thuật của trí tưởng tượng mà cắt, xén, khâu, vá, lóc, nong các phần của tấm thân bốn mươi lăm ký của hắn mà không phải áy náy, ngại ngùng. Mời các đồng chí trong ban lãnh đạo lên góp ý. Lớp trưởng nói xong, quét một cái nhìn sắc như dao xuống hàng ghế đầu. Một bóng con gái lui cui đứng dậy, tiến lên phía bục giảng. Đồng chí tổ phó tổ học tập của hắn. Tại sao thế nhỉ? Hắn thầm nghĩ. Chiếc áo không làm nên thầy tu. Dù cho mặc áo bà ba, đeo khăn rằn và đi dép râu thì con nhỏ này cũng chẳng cách nào xóa đi được cái hình ảnh thành thị của cô sinh viên y khoa chịu chơi ngày nào. Hắn còn nhớ như in cái hình ảnh con nhỏ sinh viên năm thứ ba một lần tình cờ trực chung với hắn, làm biếng đi xuống nhà tắm, thay đồ, nên đã chỉ yêu cầu hắn nhắm mắt lại cho cô nàng thay bộ đồ dạo phố, mà mặc chiếc áo blouse có ba ngôi sao đỏ thêu ở mép túi áo. Hồi đó, hắn hiền như cục bột, đầu óc không một gợn mây đen, hắn đã nhắm mắt thật kỹ, làm như nếu lỡ thấy, thì sẽ phải xuống địa ngục ngay lập tức, đâu phải như bây giờ . . . Thưa các đồng chí và các anh chị. Giọng nàng ấm và trong trẻo. Chẳng những hắn không ghét nàng mà đôi khi còn thông cảm cho nàng nữa.

Dù gì ông già của nàng – hình như ngày xưa có nợ máu với nhân dân? – đang ở đâu đó tuốt trên Hoàng Liên Sơn, nên cô nàng phải cố gắng phấn đấu, để mong cho . . . bố nàng mau được về. Hắn cố thông cảm cho cô gái cùng lớp; mặc dù đôi khi nàng làm nhiều chuyện quá đáng. Đứng trên bục giảng, nàng quay lưng về phía hắn, nên hắn chỉ thấy được có phía đằng sau của người con gái. Nàng giống hệt chị ủy viên trong một cái chi hội phụ nữ nào đó, có thể tìm bắt ở bất cứ nơi nào trên đất nước này. Ơi cái đất nước đang mất dần đi những tài năng. Nếu hồi đó lớp trưởng chịu nghe lời hắn; cử hắn đi học ở trường đảng Nguyễn Ái Quốc, thì giờ này hắn đâu có ngồi đây cho thiên hạ đấu tố. Chẳng những anh Trần văn Quốc đã mù quáng nghe theo tiếng gọi của sự sa đọa có tính chất tư sản Tây phương, mà anh Trần văn Quốc còn xúc phạm đến những người phụ nữ đảm đang của xã hội ta, những người mẹ, những người chị suốt đời hy sinh cho lý tưởng giai cấp. Mẹ ơi. Hắn nhớ rõ ràng những chuyện bốn con nhỏ kia nói trong nhà tắm. Nhớ lại thì cũng hơi kỳ, vì dù gì hắn cũng là đấng nam nhi mà đi nghe lén thì xấu hổ quá. Nhưng quả thực hắn không nghe lén. Mấy cô gái nói lớn quá, đù không thích nghe cũng phải nghe. Mấy nàng nói giỡn và móc ngoéo nhau khi đem kích thước người này so với người kia. Trời ơi, bà làm cách nào mà nó lớn được như thế? Tui hả, hỏi ông xã tui á. Nhưng mà tui cũng có bồ như bà vậy, tại sao của tui nhỏ xíu thấy ghét. Thì bà cứ kêu thằng bồ của bà . . . Tiếng cười trong nhà tắm, đến giờ này còn rộn rã trong đầu hắn. Vậy mà con nhỏ tổ phó này cứ oang oang ca ngợi những người mẹ, những người chị tiên tiến. Thiệt tình! Khi không, hắn đâm ra chán đời. Hắn muốn buông xuôi hết và đứng lên nhận hết mọi lỗi lầm cho xong. Nhưng đôi chân hắn nặng nề như đeo đá, kéo trì hắn xuống ghế. Hắn đành ngồi chịu trận. Cô sinh viên tổ phó nói xong trở về chỗ ngồi, tới một gã khác lên tiếp lời. Hắn dửng dưng gõ nhịp ngón tay trên thành ghế. Chiếc ghế dựa này chắc là mắc tiền dữ lắm, vì làm bằng gỗ tốt và được chạm trổ khéo léo. Chiếc ghế này ngày xưa mỗi khi có lễ lạc, như lễ tốt nghiệp chẳng hạn, thường dành cho giáo sư khoa trưởng. Vậy mà bây giờ, hắn lại được ngồi ở đó. Đời, hắn nghĩ, nhiều khi có những chuyện nực cười. Tôi muốn anh Trần văn Quốc mô tả rõ hơn lúc anh nhận thức được rằng đó không phải là ma, mà là ba chị cả học sinh lẫn nữ y tá. Đồng thời yêu cầu anh Trần Văn Quốc cho biết rõ thái độ của anh đối với những lỗi lầm anh vừa mới suy nghĩ. Cả lớp, sau khi nghe ý kiến của gã sinh viên nọ, đang chăm chú nhìn hắn, chờ đợi câu trả lời. Mấy cha thực nhiều chuyện. Thực tình, qua cũng không biết trong bốn con nhỏ đó, đứa nào là y tá, đứa nào là sinh viên. Không thể nào căn cứ vào kích thước mà đoán được. Vẫn biết trông mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon đấy, nhưng trong trường hợp này, không thể kết luận rằng con nhỏ màu mỡ nhất đám là y tá được. Với cái nghề thức khuya dậy sớm này, thì dù cho là y tá hay sinh viên thực tập, thì cuối cùng cũng tóp lại giống nhau hết. Qua chỉ băn khoăn về một vết mụn ruồi trên ngực phía bên phải của một con nhỏ trong đám. Cái mụn ruồi khá

lớn, trên bờ ngực, mụn ruồi như thế lại nằm ngay ở một vị trí chiến lược, thì không sớm thì muộn cũng thành ung thư sắc tố da. Nếu không tìm ra được con nhỏ có cái mụn ruồi tai ác đó, để cảnh giác cô nàng về nguy cơ ung thư, qua sẽ ăn không ngon, ngủ không yên suốt phần đời còn lại của qua. Chỉ có thế thôi. Mải suy nghĩ lăng nhăng, hắn không thấy lớp trưởng đang ra dấu cho hắn lên bục giảng. Hắn uể oải đứng dậy. Mọi người chăm chú nhìn hắn. Hắn liếm môi, nuốt chút nước miếng tưởng tượng trong cái miệng khô đắng.

– Thưa các đồng chí và các bạn. Thực tình tôi cũng không biết phải nói sao. Hắn ngập ngừng. Đúng ra . . . Tôi rất là oan uổng khi phải làm bản tự kiểm, bởi vì . . . tôi đã thấy gì đâu, ngoài tóc của mấy cô. Ánh đèn trong nhà tắm nữ sinh viên không đủ sáng, tôi lại cận thị nặng, mắt kính lâu lắm chưa có tiền thay, thành ra chỉ thấy lờ mờ. Hắn lên giọng, như thể sắp nói ra điều gì vô cùng quan trọng. Đồng chí bảo vệ thấy rõ hơn tôi, lẽ ra đồng chí ấy cũng phải làm bản tự khai . . . Giọng hắn trầm xuống, đầy vẻ thiểu não. Nhưng mà thôi, tôi thành thật nhận lỗi là đã có hành vi xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự của trường ta. Tôi xin nhận lỗi, và cố gắng khắc phục, sửa đổi . . . Hắn lại lên giọng. Nói thế không có nghĩa là tôi đã thấy hết cả. Thực ra, tôi mới chỉ thấy tóc của mấy cô . . .

Cả lớp vỡ ra cười. Những tiếng cười hả hê, no đủ. Hắn nhìn một vòng, quanh giảng đường. Tất cả đều cười, ngay cả những cô gái nổi tiếng nghiêm trang từ trước đến giờ. Những phiến má đỏ nhừ, những đôi môi mở rộng, khoe hàm răng trắng bóng, những đôi vai rung rinh. Cơn bão cười lan đến cả hàng ghế đầu, nơi các sinh viên có chức vụ cao ngồi. Tất cả những mặt nạ nghiêm trang cố hữu chợt vỡ nát, và tan biến đi trong cơn lốc âm thanh cuồng nhiệt. Cả đến lớp trưởng cũng cười. Nhưng nụ cười của gã vuông vắn, chững chạc, pha lẫn một chút bao dung. Nhìn mặt gã, hắn đoán biết được bản án sẽ dành cho mình. Học gần hết năm thứ năm; nếu bị đuổi, chắc về địa phương xin làm y công phòng khám khu vực chứ biết làm gì khác. Nhưng biết đâu ra khỏi trường y khoa, hắn sẽ có cơ hội được đề cử đi học tại trường đảng. Mà thôi. Mắc mớ gì phải bận tâm cho tốn sức lao động. Qua, chỉ tội nghiệp cho con nhỏ có cái mụn ruồi ở góc trên bờ ngực phải. Nếu ung thư mà không điều trị cho sớm, sẽ phải giải phẫu cắt phăng mất một bên chứ chẳng chơi. Qua thương những người đàn bà bị ung thư vú. Thời buổi này, cắt mất một bên rồi, làm sao đủ sữa cho con bú. Sữa hộp thì chỉ dành cho công nhân viên nhà nước và cán bộ.

Chờ cho tiếng cười lắng xuống, lớp trưởng tiến lên bục giảng. Hắn đứng nép qua một bên, nhường chỗ cho gã. Dấu vết nụ cười còn đọng trên khóe môi, gã nói:

– Thưa các đồng chí và các anh chị. Vừa rồi, chúng ta đã nghe phần tự kiểm của anh Trần Văn Quốc. Đồng thời nghe thêm ý kiến của hai đồng chí tổ trưởng và tổ phó học tập. Chính sách của đảng và nhà nước bao giờ cũng khoan dung. Đó chính là điểm khác biệt cơ bản giữa bọn tư bản bóc lột và

chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã kinh qua những . . . Hắn thở phào khoan khoái khi nghe lớp trưởng nói đến đó. Vậy là yên tâm. Chúng ta ăn ở có nghĩa, có tình, hơn hẳn bọn tư bản chứ. Tội nghiệp con nhỏ có cái mụn ruồi; sớm muộn gì rồi cũng thành ung thư. Phải như mình biết mặt con nhỏ, thì mình cũng rán tìm con nhỏ cho ra để mách giùm. Khốn nỗi, lúc ấy mắt mình lo nhìn cái mụn ruồi và khu vực chung quanh cái mụn ruồi, thành ra không còn đầu óc đâu để ý xem khuôn mặt con nhỏ tròn, méo ra sao. Chẳng những thế, mấy con nhỏ còn la như cháy nhà, nhất là con nhỏ đang mặc đồ. Con nhỏ ấy có cái bụng thon như bụng những cô giáo dạy thể dục thẩm mỹ. Ở dưới cái bụng thon ấy . . . Thù cái bọn quản trị bệnh viện – đã gỡ bớt bóng đèn để tiết kiệm điện – quá. Còn cái thằng cha gác dan mắc dịch đó nữa. Nếu nó không làm chửng với bọn chức sắc thì mình đâu có phải ra tòa. Cái thằng coi lù khù thế mà trúng mánh. Chắc chắn là nó thấy hết trọi. Mình đứng ở trên cao nhìn xuống, cứ lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm; còn nó, nó đứng đúng với tầm nhìn, lại không bị cận thị. Thật tình! Tóm lại, chúng ta tạo cơ hội cho anh Trần văn Quốc sửa mình, và phấn đấu để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Anh Trần Văn Quốc cần sự nâng đỡ, góp ý của tất cả chúng ta. Mong các đồng chí và các anh chị giúp đỡ anh Trần Văn Quốc. Hắn chợt thấy nhức đầu. Mấy cha bày đặt màu mè. Tôi dư biết cha nào mà không muốn bắc thang trèo lên tường nhà tắm nữ sinh viên để tham quan, dù rằng ngày nào cũng khám bệnh nhân nữ ở mấy trại Phụ khoa, Sản khoa vân vân . . . Bởi vì y tá hoặc sinh viên thì dĩ nhiên là khác hẳn bệnh nhân, phải không nào. Hắn lầm lũi đi về chỗ ngồi. Tiếng lớp trưởng vẫn lải nhải đuổi theo hắn, cho tới khi hắn ngồi xuống chỗ ngồi cố định của hắn. Đầu óc lùng bùng. Hắn thấy mệt mỏi như thể đã thức trực bệnh viện mấy đêm liền. Những ý tưởng trong đầu óc hắn loãng tan dần, chỉ còn lại nỗi băn khoăn về người con gái có cái mụn ruồi ở ngực bên phải. Tội nghiệp, nếu như cái mụn ruồi đó mà là ung thư, thì tội cho con nhỏ đó quá. Nhưng dù sao phải công nhận con nhỏ có bộ ngực đẹp nhất trong bọn. Thiệt tình! □

TRẦN HỒNG CHÂU

đêm hội vườn đào lý

người nữ sinh viên mắt sáng như sao
từng ngước nhìn lên bục giảng
hồn gắn liền với lời bậc trưởng thượng
hôm nay đây cũng nghiêng nghiêng
bóng sắp về chiều!

người nam sinh viên
lãnh tụ trên phố phường Sài Gòn
hơi cay bùng cháy khẩu hiệu
hôm nay đây cũng trung lão rồi
muối tiêu
màu thời gian
đi trên những sợi tóc dòng đời!

cuộc sống thực tàn nhẫn
rừng già cây vật lộn
đấu trường xin giã biệt César!
những nụ cười sao mà héo hắt
những gánh lo róc từng mảng thịt
những nếp nhăn cầy sâu vầng trán tư tưởng

ta mơ một đêm hội vườn đào lý
chỉ một đêm thôi
hãy quên đi nợ áo cơm
quên đi!
nhu yếu phẩm và nỗi buồn tiền sử
ý thức hệ loang máu đỏ
và đỉnh u mê (chẳng hề quên được)
quên đi nữa bên này Thái bình dương!
thẻ tín dụng sắc như dao chém
nhà thuê, tiền ngất trời
bảo hiểm, tiền vô thủy vô chung

đêm hội đào lý viên
đem không ngủ
đèn chăng lối ngõ
cỏ cây sao mát rượi
những nụ cười từng héo hắt
sẽ ngất ngây
đọc thơ tình cho tới sáng
những vầng trán ưu tư
sẽ vô cùng thanh thản
nói chuyện với Husserl
với Trang tử
Nam hoa kinh

tất cả sẽ ung dung
hào sảng
đưa về hư không
từng ly rượu mạch lớn
từng nắm cỏ vong ưu
tất cả sẽ chỉ còn là hồng thắm và mướt xanh!

như xưa đường Cường Để
mái trường bẻ cong
Văn khoa trong lòng tuổi ngọc
cây nhân sinh
mùa trái ngọt . . .

hãy cho chúng tôi ngồi ghé
một chỗ nhỏ
trong phi thuyền thời gian
thượng nguồn!
thượng nguồn!

xin nước đừng chảy xuôi!

TRẦN LONG HỒ

người múa lân

truyện ngắn

Nguyễn An là người sinh trưởng tại làng Tân Giai, huyện Châu Thành, thuộc tỉnh Vĩnh Long. Anh là con trai duy nhất trong một gia đình trung lưu, sinh sống bằng nghề nông. Ông sơ anh vốn là một vị quan nhỏ, nhưng chán cảnh quan trường mà từ chức về ở ẩn. Đến đời ông cố anh còn chút vốn liếng chữ nghĩa, làm nghề dạy học trong làng để độ thân. Tới ông nội anh thì chữ nghĩa thui chột dần, phải đổi sang nghề nông mà sống. Bà nội anh xuất thân trong gia đình quê mùa, dốt chữ. Do đó đến đời ông Hai Sang, cha anh, ông phải theo đuổi nghề nông. Ông chỉ học được vài ba lớp ở trường làng rồi cưới vợ làm ăn. Mẹ anh cũng là người không biết chữ. Tuy vậy, hoài bảo phục hồi lại vốn trí thức của dòng họ anh không vì thế mà phai nhòa, trái lại nó vẫn luôn luôn được nung nấu trong lòng cha anh.

Ông Hai Sang cho anh theo hết bậc tiểu học ở trường làng rồi chuyển lên tỉnh tiếp tục học trình và anh lấy được bằng thành chung. Đến mức đó, An cũng làm gia đình anh vẻ vang với bà con và hàng xóm lắm rồi, nhưng cha anh không chịu dừng lại ở đó.

Một hôm ông Hai Sang cho người gọi anh về nhà. Năm đó anh nhớ, anh vừa đúng mười chín tuổi.

Buổi sáng, không khí ở quê thật trong lành. Mùi cỏ cây và hoa dại ngoài đồng thơm thoang thoảng lan tận vào trong nhà. Sương xuống nhiều làm

không khí trở nên ẩm và mát. Hơi lạnh ban mai hòa hợp với mùi cây cỏ tạo thành một hương thơm đặc biệt mà bất cứ ai hít vào cũng cảm thấy thật dễ chịu.

Ông Hai Sang dậy thật sớm như mọi ngày. Ông ra sau kéo mấy thân trúc xuống. Nước mưa đong đầy trong những thân tre là nguồn nước để pha trà. Ông quan niệm nước mưa pha trà mới ngon mà phải là thứ nước trong các thân cây tre mới được. Ông không bằng lòng thứ nước mưa đã tiếp xúc với mái nhà. Nước từ đó bị ám mùi bụi bặm hay mùi đất khô của ngói.

Nhà ông có ba gian nhưng ông không lấy nước mưa để pha trà. Gian chính lợp ngói nhưng ông chỉ hứng nước mưa để uống. Còn nước từ mái lá có mùi nồng và vị chát, chỉ để nấu ăn chớ không dùng cho bất cứ việc nào khác.

Tận sau nhà ông có con lạch nhỏ, dẫn nước phù sa đục ngầu vào ruộng vườn cho người dân trong làng. Ông chỉ dùng nước này để tắm rửa và giặt giũ, không thể uống được thì nói chi đến chuyện pha trà. Người dân ở đây dùng phèn chua để lắng cặn rồi uống nước trong phía trên, nhưng ông không dùng như vậy.

Nói về trà, ông Hai Sang còn giữ được bộ bình trà màu gan gà truyền từ đời ông sơ. Thời tổ tiên ông còn làm quan. Ông thường tự hào với mọi người về dòng họ ông. Nhưng ông không còn gì để khoe với hàng xóm ngoại trừ bộ bình trà này. Nó là chứng tích vinh hiển cuối cùng cho gia tộc ông.

Sau khi nấu nước, pha trà ông Hai Sang cho người đánh thức An dậy. Ông muốn dặn dò anh một lần nữa về tâm nguyện phục hưng lại thời hiển vinh của dòng họ. Đó là tâm nguyện của đời ông và ông chỉ có một đứa con trai duy nhất để gởi gấm. Ông còn nhớ rất rõ khi cha ông sắp từ trần chỉ giao lại cho ông một điều duy nhất là dạy bảo con cháu phải học hành cho giỏi, đỗ đạt cao và làm nên đại sự và rạng danh gia tộc. Ông nhớ kỹ điều đó và truyền đạt hoài bảo này cho An.

Ông bảo anh ngồi đối diện trên bộ ván gõ, dặn dò:

– Hôm nay là ngày con lên Sài Gòn đi học, cha muốn nhắn nhủ mấy lời tâm huyết và mong con phải thực hiện cho được. Gia tộc ta xuất thân là quan lại trong triều, đã mấy đời vẻ vang, được nhiều người biết tới. Con phải cố gắng học hành, đỗ đạt cao và làm rạng danh dòng họ.

An đã nghe điều này biết bao lần rồi nhưng anh vẫn kính cẩn nói:

– Con xin nghe lời cha dạy.

Ông Hai Sang nghiêm giọng:

– Cha đã bán hết mấy chục mẫu ruộng để lấy tiền cho con ăn học. Bây giờ huê lợi nhà mình chỉ trông vào cây trái trong vườn và hai mẫu ruộng hương hỏa. Con phải nhớ, cha mẹ hi sinh hết tất cả và chỉ trông cậy vào con. Ông nói chậm lại và cao giọng lên để nhấn mạnh mấy chữ rạng danh dòng họ. An ngồi yên lắng tai nghe.

Ông Hai Sang nói tiếp:

– Nhớ nghe con, phải cho người đời biết đến và thán phục gia tộc mình.

An cung kính gật đầu. Những chữ rạng danh dòng họ và hiển vinh gia tộc từ miệng ông Hai Sang vang lên và ngân nga mãi bên tai anh.

Ông Hai Sang nhìn thẳng vào mặt anh. Ánh mắt ông sáng ngời, đầy tin tưởng. An gục gặc đầu, lẩm bẩm:

– Rạng danh dòng họ, hiển vinh gia tộc.

Ông Hai Sang gật gù, khoan khoái nói:

– Đúng đó con, phải làm cho người đời biết tiếng gia đình mình. An mơ màng như bị thôi miên, lập lại mấy câu đó trong cơn đồng thiếp:

– Hiển vinh gia tộc, hiển vinh gia tộc, người đời thán phục, người đời thán phục.

Ông Sang mở lớn mắt, say sưa với những ý nghĩ trong đầu, miệng mấp máy:

– Lưu danh thiên cổ, lưu danh thiên cổ.

An ngẩng cao đầu, há miệng thật lớn như tập nuốt từng chữ mà cha anh vừa nhả ra.

Bên ngoài sương bao trùm trắng mờ mọi vật. Mấy con chim hót líu lo đâu đó trong vườn. Không khí mát lạnh và tiếng chim hót như hoà điệu với âm thanh ê a của hai cha con ông Sang đang lên đồng trong cơn say hiển vinh gia tộc. Trong căn nhà cũ, rộng mênh mông hai người ngồi gật gù trên bộ ván, mắt trợn lên, miệng lép nhép mấy khẩu hiệu như những kẻ bị tế thần.

*

An đến nhà bác Vinh thì trời đã tối mịt. Anh ngồi đò cả đêm rồi bó gối trong xe ngựa cả ngày. Qua hôm sau phải ngồi tàu từ sáng tới tối, anh cảm thấy lưng muốn gãy từng khúc và tay chân tê cứng. Đến bến tàu lại ngồi xe kéo vô Chợ Lớn. Trong tay anh chỉ có bức thư của ông Sang, có ghi địa chỉ và tấm hình cũ của bác Vinh.

Bây giờ anh đứng tần ngần trước dãy nhà lụp sụp, tối tăm. Số nhà không thấy đâu cả. Đường phố tối om khiến anh phải dò dẫm mới nhận ra căn nhà bác Vinh với mấy con số mờ nhạt.

Anh gõ cửa và kiên nhẫn chờ đợi. Thật lâu sau có tiếng chân đi lẹp kẹp bên trong. Tiếng chân đi thật chậm rãi rồi cánh cửa được mở hé ra. Một ông già nhỏ thó, búi tóc ló đầu ra, rụt rè nhìn anh khẽ hỏi:

– Xin lỗi ông tìm ai?

An biết ông già này là bác Vinh rồi. Ông Sang đã mô tả cho anh biết về bộ tướng ông bác họ này. Người nhỏ thó, mặt thon dài, tóc bạc, mắt ti hí . . . Anh chỉ cần nhìn qua khuôn mặt cũng biết đúng là người mình muốn tìm. Anh vội hỏi:

– Bác Vinh phải không?

Ông già ngơ ngác nhìn anh một hồi lâu rồi chợt nhớ bức thư của người em họ đã gởi tuần trước. Ông gật đầu nói:

– Ờ, đúng rồi, ông là . . .

An mỉm cười nói:

– Cháu là An đây. Ba cháu có viết thư cho bác rồi mà.

Ông già gật đầu mấy cái, kéo cánh cửa rộng ra. Đến bây giờ ông mới mở miệng cười. Nụ cười kéo căng da mặt và cái miệng móm của ông ra. Ông Vinh vui vẻ nói:

– Dữ hôn, cháu lớn bộn vậy sao. Năm xưa bác có xuống nhà thăm ba cháu, lúc đó cháu còn đi lững chững.

An khệ nệ xách túi quần áo vào. Ông Vinh gỡ cây đèn dầu trên vách xuống rồi chăm chú nhìn An. Một lúc sau gật gù:

– Giống thiệt. Độ rày ba cháu có khỏe không?

An vui vẻ trả lời:

– Ba cháu vẫn mạnh khỏe.

Ông già đi lần ra sau bếp, kéo giọng nhừa nhựa như muốn giải thích chuyện ông bắt An chờ đợi quá lâu:

– Trời tối quá, bác không nhìn rõ được mặt cháu. Ngồi xuống đó đi, để bác hâm cơm cho cháu.

Ông già treo cái đèn lên vách, lụm cụm khơi mở than hồng bị vùi dưới lớp tro trong lò.

An bỏ túi xách quần áo xuống sàn, đảo mắt nhìn quanh. Nhà bếp vuông vắn, mỗi cạnh chừng hai thước. Một bên đặt cái bàn với hai chiếc ghế. Một bên là bếp lò, bề ngang độ hai gang tay, bề dày khoảng một thước.

Ánh đèn dầu chiếu bóng ông Vinh lao chao trên vách. Người ông gầy gò nhỏ thó nhưng cái bóng ông lại to lớn vạm vỡ và gẫy gập vào chân tường.

Trong nhà thật vắng lặng. Màu tường vàng ố và cái bóng đen lảo đảo của bác Vinh làm không gian thêm u ám. An đứng xoay trở thân mình cho đỡ mỏi. Ông Vinh vẫn cặm cụi khơi lửa trong lò, miệng nói:

– Cháu cởi giày vớ ra cho khỏe. Ờ, trong khi chờ bác hâm cơm cháu vô phòng, đi tắm rồi thay quần áo trước đã.

Ông già dẫn An đi qua phòng ngủ phía bên trái. Ông đi khật khưỡng nhưng không chậm như An tưởng, chứng tỏ sức khỏe ông còn dồi dào lắm.

An đi sau, nhìn bộ tướng gầy gò của ông đi trong hành lang, giữa hai bức tường tối om. Anh cảm thấy một điều gì buồn man mác chợt đến khiến anh ngập ngừng không muốn bước tới.

Ông Vinh đi trước hỏi vọng lại:

– Cháu thấy đường không?

An bật cười:

– Bác thấy đường thì cháu không gặp trở ngại gì.

Ông Vinh cười khan:

– Chưa chắc đâu cháu.

Hai người đi thêm vài bước nữa rồi ông Vinh dừng lại trước một căn phòng. An nhìn cảnh tối tăm trong ngôi nhà, cảm thấy tội nghiệp ông:

– Bác sống có một mình ở đây sao?

Ông Vinh gật đầu nói:

– Ở, bác sống như vậy nhiều năm rồi.

– Vậy bác làm gì để sống?

– Ủa, ba cháu không nói cho cháu biết sao, bác giữ ngựa cho quan tổng đốc. Để ngày mai bác dẫn cháu ra ngoài đó xem dinh ông ấy, lớn lắm cháu ơi.

An không màng đến câu nói của ông Vinh về dinh thự của quan tổng đốc. Anh không nghe và không cần hỏi cũng biết nhà ở của quan phải lớn lắm. Vấn đề mà anh quan tâm ở chỗ khác nhưng anh chưa tiện hỏi bác. Anh hỏi sang chuyện khác:

– Bác làm việc cho quan tổng đốc nhiều năm lắm phải không?

Ông Vinh nhướng mắt nhìn An, ánh mắt ông có vẻ kiêu hãnh về điều ông sắp nói ra:

– Ở, cũng mười bảy năm rồi. Hồi xưa bác trông coi tiểu thư Linh, nhưng khi cô ấy lên ba, quan tổng đốc tìm một bà giúp việc lo liệu chuyện đó và quan giao việc giữ ngựa cho bác.

An chẳng để ý về niềm hãnh diện của ông bác già nua. Điều mà ông tự hào đối với anh chẳng có nghĩa lý gì cả. Anh lại hỏi:

– Quan tổng đốc có nhiều con không bác?

Ông Vinh lắc đầu:

– Không, quan chỉ có một mình tiểu thư Linh thôi. An gật gù nghĩ ngợi. Trong óc anh chợt nảy ra ý muốn gặp tiểu thư Linh, con quan tổng đốc, anh bèn gợi chuyện:

– Cô ấy bao nhiêu tuổi rồi bác?

– Tiểu thư vừa được mười bảy. Lúc vừa sanh ra cô thì quan bà bị bệnh hậu sản mà chết. Từ đó quan chỉ có mấy người thiếp chớ không cưới vợ nữa.

An trầm ngâm suy nghĩ. Thấy An không nói gì nữa ông Vinh giơ cao ngọn đèn để soi rõ đường đi.

Ông Vinh mở rộng cánh cửa cho An bước vào. Bên trong phòng tối om nên ông Vinh phải đưa ngọn đèn qua lại phía trước mặt.

An bước vào trong, để túi xách xuống sàn gạch. Căn phòng vuông vức, mỗi cạnh độ chừng hai thước. Bên phải có cái giường nhỏ vừa đủ một người nằm. Bên trái có kê cái bàn con và một chiếc ghế. Ở vách trước, giữa giường và bàn có một cửa sổ nhỏ đóng kín. Căn phòng hẹp và đồ đạc cũng nhỏ nhắn, đơn giản.

Ông Vinh máng cây đèn lên vách, phía trên bàn. Ông chỉ cái cửa sổ, dặn dò:

– Cháu mở cửa sổ này, căn phòng sẽ khoảng khoát và có nhiều ánh sáng.

An gật đầu:

– Dạ, bác cứ để cháu lo liệu.

Ông Vinh nhướng đôi mắt tèm nhem nhìn quanh phòng một lượt rồi quay lại ngó An:

– Ở, cháu cứ tự nhiên. Bác xuống bếp hâm cơm. Đi tắm cho khỏe.

An gật đầu, mở túi xách lấy quần áo ra. Ông Vinh bước ra cửa, chợt quay đầu lại dặn dò:

– Nhà tắm ở phía sau bếp.

An mỉm cười về thái độ của ông Vinh. Anh chợt nhớ lại câu chuyện của ông vừa kể bèn gợi ý:

– Này bác Vinh.

– Gì đó cháu?

– Ngày mai bác dẫn cháu đến dinh tổng đốc phải không?

Ông Vinh vỗ trán ngẩn người ra:

– Bác có hứa với cháu rồi à?

An nhìn ông già đang đứng lừng khừng bên ngưỡng cửa. Anh không ngờ ông Vinh mau quên như vậy. Anh mỉm cười gật đầu.

Ông Vinh cứ sững người ra. An nghĩ ông cảm thấy áy náy vì tính mau quên của mình.

Hai người nhìn nhau một vài giây. Ông Vinh gật đầu vui vẻ nói:

– Đâu có sao, bác dẫn cháu vào coi dinh quan tổng đốc được mà.

Ông gục gặc đầu chậm chạp bước đi. Cái dáng nhỏ và lừng khừng của ông khuất dần vô bóng tối trong hành lang.

*

Dinh quan tổng đốc lớn đến độ An không thể tưởng được. Anh cứ nghĩ nó lớn hơn căn nhà của cha mẹ anh đôi ba lần là cùng. Nào ngờ từ ngoài đường nhựa anh đã choáng ngợp về bề thế của toà dinh thự đồ sộ sau bức tường chạy dài cả một quãng đường. Rồi từ cổng, nơi ông Vinh xin phép người lính gác, cho tới chuồng ngựa phía sau, anh và ông Vinh phải vượt một khoảng dường lót gạch đá xanh.

Ông Vinh vừa đi vừa tủm tỉm cười. Ông không nói gì nhưng sự khoan khoái của ông như để trả lời thái độ xem thường của An trong đêm hôm qua, khi ông tỏ vẻ kiêu hãnh về dinh thự của quan tổng đốc.

An không nói gì. Tòa dinh thự đồ sộ và cảnh trí lộng lẫy trước mặt làm anh miên man suy nghĩ. Ông Vinh nhìn anh, gục gặc đầu, nhưng ông không biết chuyện anh dự tưởng không phải là điều mà ông Vinh đang nghĩ ngợi.

An liếc nhìn ông Vinh và lặng lẽ bước theo. Con đường lót đá xanh dẫn tới tòa dinh thự và uốn thành một vòng cung quanh bồn cỏ xanh viền hoa sặc sỡ. Nhưng ông Vinh không theo đường đó, ông rẽ vào lối đi nhỏ bên hông tòa nhà. Hai người đi một hồi nữa mới đến dãy nhà ngói phía sau dinh tổng đốc. Dãy nhà này chia làm nhiều căn. An đếm có khoảng mười ngăn. Đây là chuồng ngựa, nhà bếp, và chỗ ở cho người làm.

Ông Vinh mở cửa căn đầu tiên. Bên trong nhà thật rộng, chia thành hai dãy, mỗi dãy phân nhiều ngăn dùng làm nơi nhốt ngựa. Chính giữa có một lối đi chạy dài đến mút dãy nhà.

An đếm được tất cả có bốn con ngựa, mỗi bên hai, và vài ngăn còn trống. Anh nhìn xuống cuối hành lang, thấy có khung cửa lớn có hai cánh, một đóng một mở. Bên kia có lẽ là nhà bếp.

Trong khi An bỡ ngỡ nhìn chung quanh thì ông Vinh đến lui cui vuốt ve mấy con ngựa. Ông làm việc chăm chỉ và thận trọng từng động tác. An cảm thấy thất vọng. Anh cứ tưởng ông sẽ cho anh đi xem những chỗ quan trọng trong dinh quan tổng đốc. Nào ngờ ông chỉ dẫn anh vào chuồng ngựa.

An lững thững theo lối cũ trở ra ngoài. Ông Vinh nói với theo:

– Cháu đừng đi xa nghe chưa, lính gác chưa biết mặt cháu, coi chừng họ làm khó dễ.

An gật đầu đáp:

– Bác dừng lo, cháu chỉ đứng ngoài cửa thôi.

An vừa nói vừa đi xuyên qua cửa ra ngoài sân gạch phía trước dãy nhà. Khoảng sân lót đá này chạy dài sau lưng dinh tổng đốc và bọc hai bên hông, nối ra phía sân trước. Những viên gạch nhỏ hình chữ nhật được xếp đều đặn thành từng hàng song song với vách tường trông thật đẹp mắt. An có cảm giác toàn sân gạch như mặt biển và từng viên gạch là những đợt sóng nhấp nhô.

Ánh mắt An đi đến cuối sân gạch, theo bức tường vôi vàng đi dần lên mái ngói nâu đỏ. Nắng ban mai vừa vặn nhuộm vàng mái ngói và chiếu xiên xuống hàng bông sứ trắng bên cạnh bức tường rào bên phải. Nền trời xanh biếc. An thấy những đám mây xám lơ lửng trên cao. Trên đỉnh mái nhà mấy cánh chim đen vừa lướt qua, vạch một nét vẽ chớp nhoáng trên nền trời.

Đột nhiên bên khung cửa sổ trên lầu cao, nơi bức tường đối diện với An, một khuôn mặt con gái vừa nhô ra. Cô gái có khuôn mặt thon dài, nước da thật trắng, và mái tóc đen tuyền chạy dài qua bờ vai. Cô mặc áo trắng nên người cô nổi bật trên nền đen phía sau lưng.

Cô gái đang nhìn về phía An. Xa quá, An không nhìn rõ được nét mặt cô, nhưng anh biết cô đẹp lắm. Đồng thời anh cũng biết cô nhận ra anh là một người lạ xuất hiện trong khuôn viên nhà cô.

An nhìn sững về phía cô gái. Anh liên tưởng đến tiểu thư Linh mà bác Vinh nhắc đến hôm qua. Tim anh chợt đập dồn dập và anh cảm thấy một luồng hơi ấm áp từ trong người chạy thẳng lên mặt.

Hai người, đột nhiên, nhìn nhau thật lâu. Khoảng cách khá xa, đủ để cả hai không nhìn rõ được nét mặt và cũng đủ để tự trong lòng mỗi người không ái ngại về chuyện phải đối diện nhau.

Một thoáng trôi qua, An cảm thấy lâu lắm và anh cũng cảm thấy không nên đứng nhìn một người con gái đẹp như vậy. Nếu quả thật cô là tiểu thư Linh thì anh có thể bị quan tổng đốc quở phạt. Nhưng suy nghĩ thế nào đi

nữa An cũng không thể rời mắt đi chỗ khác được, anh phải chứng tỏ cho cô gái biết rằng anh là ai và anh muốn gì. Nếu cô là tiểu thư Linh, điều đó, anh nghĩ, càng tốt hơn.

An suy nghĩ vừa dứt thì cô gái chợt nở nụ cười thật tươi và vẫy tay chào anh. Ánh nắng vừa chiếu ngang khung cửa và nụ cười cô, vì thế, cũng rạng rỡ vô cùng. Chiếc áo trắng của cô đang rung nhẹ vì một cơn gió thoảng qua, cùng lúc với nụ cười trong nắng sớm. Trông cô rực rỡ quá.

Cô gái giữ nụ cười tươi và tay vẫy như thế về phía An trong một khoảng thời gian, anh nghĩ là lâu lắm. Tim anh đập mạnh và tay anh run đến nỗi không kềm được.

An định giơ tay vẫy lại thì có tiếng chân bước nhẹ sau lưng. Anh không quay lại nhưng cũng biết người đang đi tới là ông Vinh. Anh không thể lầm tiếng chân chậm chạp và nặng nề của ông với bất cứ ai.

Ông Vinh bước tới ngang bên An và anh biết được, người mà tiểu thư Linh đang cười tươi và vẫy tay rối rít là ai rồi. An liếc mắt thấy ông Vinh cũng đang vẫy tay chào lại cô.

An đứng sững sờ trong chốc lát, anh cảm thấy vừa bực bội vừa tức tối. Trong lòng anh pha lẫn tâm trạng vừa buồn chán vừa hụt hẫng như anh vừa đánh mất một thứ gì rất yêu quí trong đời mình.

Cô gái bên khung cửa, trên lầu cao, thôi vẫy tay, nhưng cô vẫn giữ nét mặt thật hớn hở và chỉ tay về phía sân trước.

Ông Vinh gật đầu. Ông cười tủm tỉm, nói nhỏ:

– Tiểu thư Linh đó, cháu thấy thế nào.

An không thể hiểu được tâm trạng anh. Một điều gì uất hận vừa dậy lên và chận ngang lồng ngực làm anh nghẹn lời. Anh không biết tại sao anh lại có cảm giác ấy. Một lúc sau anh mới mở miệng đáp:

– Tiểu thư đẹp quá.

Ông Vinh gục gặc đầu, khoan khoái nói:

– Tiểu thư rất thương bác.

An cố dằn cảm xúc, hỏi sang chuyện khác:

– Tiểu thư vừa ra dấu cho bác chuyện gì vậy?

Ông Vinh từ tốn đáp:

– Tiểu thư kêu bác ra sân trước nói chuyện chơi.

An còn phân vân định hỏi điều gì thì ông Vinh đã kéo tay anh:

– Đi cháu, chúng ta đến trễ sẽ bị tiểu thư giận.

Hai người đi vòng theo sân gạch ra phía trước tòa nhà. An vừa đi vừa gợi chuyện hỏi:

– Bác nói quan tổng đốc thích múa lân lắm phải không?

Ông Vinh gật đầu:

– Không chỉ thích thôi đâu, quan say mê múa lân lắm, cả tiểu thư cũng vậy. Hằng năm quan tổng đốc cho tổ chức giải múa lân hai kỳ. Một lần nhằm ngày giỗ của cụ thân sinh của quan và một ngày vào dịp Tết Nguyên Đán.

– Giải múa lân được quan tổ chức tại đâu vậy bác?

Ông Vinh chỉ ra sân trước:

– Ngoài đó. Cách đây hai tuần một giải múa lân vừa được tổ chức xong, kỳ tới sẽ vào ngày giỗ ông cụ thân sinh của quan lớn, chắc phải sáu tháng nữa.

Hai người vừa nói chuyện vừa đi tới sân trước. Ông Vinh chỉ ra khoảng sân rộng mênh mông phía ngoài bồn cỏ trước cửa tòa nhà. An thấy trên sân có trồng hai cây cột tròn thẳng tắp lên trời như hai cột cờ. Hai cột này cách nhau chừng hai sải tay. Anh không biết hai cột này để làm gì. Anh chưa kịp hỏi thì ông Vinh vội giải thích:

– Quan tổng đốc cho trồng hai cột đó để các đội lân tranh tài. Trong ngày tranh giải quan cho cột một sợi dây bắt qua đầu cột, chính giữa dây treo tiền thưởng. Hai đội dự thi phải mang đầu lân leo lên cột đó rồi tranh nhau lấy tiền thưởng.

An thấy hai cột cây tròn và bóng lưỡng, anh biết chúng rất trơn. Leo một mình chưa chắc đã xong huống chi phải mang đầu lân. Khoảng cách hai cột lại gần nhau, người bên này có thể rướn qua đá được người bên kia. Anh quan sát cảnh trước mặt cũng biết chuyện thắng giải rất khó khăn.

Ông Vinh nghiêng đầu nhìn An, hỏi nhỏ:

– Cháu nhắm có làm nổi hay không?

An cười, giọng quả quyết:

– Nếu cháu muốn thì đương nhiên sẽ làm được.

– Nhưng ba cháu có một mình cháu nối dõi tông đường. Bác không muốn ba cháu trách bác đã không ngăn cản cháu.

An nghiêm trang nói:

– Cháu lớn rồi, mọi chuyện cháu làm đều có suy nghĩ và cháu chịu trách nhiệm về việc làm của mình.

Ông Vinh lắc đầu, giọng tha thiết:

– Ba cháu chỉ muốn cháu đi học để đỗ đạt và thành người hữu dụng.

An bật cười:

– Nếu chọn con đường dễ dàng như mọi người thì không thể thành công lớn lao được.

Ông Vinh thở dài:

– Cháu cứ suy nghĩ cho kỹ. Nếu cháu đã nhất quyết thì bác sẽ hết lòng giúp đỡ.

An gật đầu:

– Cám ơn bác.

Hai người nói chuyện tới đây thì có tiếng kêu lớn từ phía dinh tổng đốc:

– Bác Vinh ơi!

Cả hai quay lại thấy tiểu thư Linh đang đứng trên bậc thềm cao, trước cửa chính, vẫy tay rối rít. Bây giờ An thấy rõ tiểu thư hơn. Cô còn rất trẻ, chỉ độ mười bảy. Dáng cô thật nhỏ nhắn. Cô đứng trên bậc thềm cao, mặc

nguyên bộ quần áo trắng. Gió thổi vạt áo và mái tóc đen tuyền của cô bay tung qua một bên. Khoảng cách khá xa nên An không nhìn rõ được mặt cô.

Ông Vinh hấp tấp đi về phía tiểu thư Linh. Còn cách cô chừng mười thước ông đã chắp tay cái chào, dáng điệu ông thật cung kính. Tiểu thư Linh bước xuống thềm, tiến lại gần ông Vinh. Cô lắc đầu qua lại, dáng điệu nũng nịu thật dễ thương. Cô đặt tay lên vai ông, hỏi nhỏ:

– Bác đang làm gì vậy?

– Tôi đang cho ngựa ăn thì tiểu thư gọi ra đây.

Ông vừa nói vừa nhét vào tay cô một vật gì nho nhỏ. Tiểu thư cười khúc khích:

– Cám ơn bác. Nè, người đó là ai vậy?

Ông Vinh đáp:

– Cháu của tôi. Nó vừa ở tỉnh lên ở chung với tôi để đi học.

Tiểu thư Linh liếc mắt về phía An, miệng cười thật tươi:

– Cháu của bác nhưng sao không giống bác.

Ông Vinh cười:

– Tôi già xấu xí lắm còn nó trẻ lại đẹp trai, làm sao nó giống tôi được.

Tiểu thư lại cười:

– Bác khéo nói lắm. Anh ấy đẹp trai à? Tôi thấy không phải như vậy đâu.

Ông Vinh nhỏ nhẹ nói:

– Tại tiểu thư đứng xa quá nên không thấy rõ nó. Để tôi gọi nó đến gần.

Tiểu thư Linh dẫy nẫy nói:

– Đừng bác, làm vậy coi kỳ lắm.

Ông Vinh từ tốn nói:

– Tiểu thư có lệnh như vậy, tôi không dám cãi đâu. Tuy ở xa nhưng nó cũng biết tiểu thư đẹp lắm.

Tiểu thư nghiêng đầu qua chỗ khác, mắc cỡ đến đỏ mặt, cô nói chống chế:

– Bác chỉ làm bộ thôi.

Ông Vinh tủm tỉm cười:

– Tôi săn sóc tiểu thư từ nhỏ, tôi phải biết tiểu thư hơn người khác chớ.

Vừa lúc đó có tiếng gọi bên trong vọng ra:

– Tiểu thư ơi, quan lớn gọi.

Tiểu thư Linh vỗ vai ông Vinh mấy cái, thật thân mật. Cô kê miệng gần tai ông nói nhỏ điều gì rồi quay lưng chạy nhanh vào trong.

Ông Vinh đi lại phía An, khẽ nói:

– Chúng ta về làm việc đi cháu.

Hai người thong thả trở về phía chuồng ngựa. An nín thinh suốt thời gian trong ngày hôm đó. Anh phụ ông Vinh săn sóc mấy con ngựa của quan tổng đốc. Ông Vinh cũng yên lặng làm việc.

*

Sau ngày An theo ông Vinh đến dinh quan tổng đốc và gặp tiểu thư Linh, anh không trở lại lần nào nữa. Anh nhờ ông Vinh hỏi thăm những người quen trong Chợ Lớn để tìm thầy học võ và múa lân. Ông Vinh cật lực giúp anh như lời ông đã hứa. Số tiền ông Sang cho anh vì thế mà hao hụt dần.

Sáu tháng trôi qua thật nhanh và nỗ lực của An trông thấy rõ ràng. Công khó luyện tập ngày đêm của anh đã chứng thật bằng kết quả thật cụ thể. Người An đã thay đổi hẳn. Anh trở thành một người lực lưỡng, bắp thịt nổi cuồn cuộn trên thân thể, đường quyền của anh đi thật vững chắc và mạnh bạo. Anh tạo được uy tín trong trường huấn luyện và được sự tin cậy của thầy võ và cả thầy dạy múa lân. Những kỳ hội hè lớn An đều được thầy cử đi biểu diễn. Sau đó An thắng nhiều cuộc tranh tài được tổ chức qui mô trong vùng Sài Gòn và Chợ Lớn.

Kỳ tranh tài lớn nhất về múa lân thời bấy giờ vẫn là giải thi tại dinh quan tổng đốc. An không dự thi trong kỳ tranh tài giữa năm đó. Anh khéo léo từ chối và nhường cho một đàn anh trong trường đi tranh giải.

An theo ông Vinh đứng trong hàng ngũ những người làm của quan tổng đốc để quan sát thật kỹ cuộc thi đua.

Kỳ tranh tài lần này cũng như mọi năm được tổ chức ba ngày. Trên khán đài chính, An thấy quan tổng đốc và tiểu thư Linh ngồi trên ghế danh dự, hai bên có rất nhiều quan chức lớn tham dự.

Nhiều đội tự thua cuộc vì không thể vừa mang đầu lân vừa leo lên cột cây. Nó trơn quá nên các đội chưa leo lên được nửa chiều cao của cột đã bị tuột xuống. Chỉ có hai đội leo lến tận cùng và được vào chung kết cuộc thi lấy giải thưởng. Trong đó có đội của phe An.

Vào ngày chung kết cuộc thi cả hai đội đều thất bại. Trong khi tranh tài hai bên vừa mang đầu lân, vừa leo lên cột cây lại vừa cố đả thương nhau. Đội bên kia bị thương và thiệt mạng khi rơi từ đỉnh cột xuống đất. Còn đội bên An bị thương rất nặng. Người đàn anh của An bị gẫy xương cánh tay, xương đòn gánh và cả ba xương sườn bên phải. Hắn phải vĩnh viễn bỏ nghề.

Quan tổng đốc rất bực bội về chuyện đó và quan xem như một điều không may cho gia đình. Sau đó ông cho tăng tiền thưởng lên gấp đôi và khuyến khích các đội lân cố gắng trong kỳ Tết Nguyên Đán.

Trong khi quan tổng đốc buồn bực thì An cảm thấy vui và hi vọng rất nhiều vào kỳ tranh tài sắp tới. Trong thời gian chờ đợi kỳ thi vào dịp Tết, An ráo riết luyện tập và đi biểu diễn ở nhiều nơi. Không bao lâu An đã nổi tiếng khắp vùng Sài Gòn và Chợ Lớn. Các đội lân khác nghe tiếng An tới đâu họ đều lánh mặt đi chỗ khác.

Chính quan tổng đốc cũng nghe tiếng An và ngỏ ý với ông Vinh để mời An tham dự vào kỳ tranh tài sắp tới. Đương nhiên An nhận lời và sốt sắng ghi tên vào kỳ thi này.

Trong thời gian chờ đợi thỉnh thoảng An theo ông Vinh vào dinh quan tổng đốc. Nhưng anh chỉ ở quanh quẩn trong chuồng ngựa để phụ giúp ông

Vinh. Anh thường kiếm cớ ra ngoài, ngó lên khung cửa sổ trên lầu cao nhưng không mấy khi anh thấy được tiểu thư Linh.

Rồi kỳ thi múa lân vào dịp Tết Nguyên Đán cũng tới trong sự chờ đợi của mọi người. Quan tổng đốc cho tổ chức thật qui mô. Cờ xí treo rợp trời chung quanh dinh, khán đài được dựng thật lớn và cao hơn mấy lần trước.

Vào ngày tranh tài, quan tổng đốc và tiểu thư lên ngồi trên ghế danh dự trên khán đài. Quan mặc đúng lễ phục triều nghi và tiểu thư diện thật đẹp. Cô mặc quần áo trắng rực rỡ và đeo nữ trang sáng chói.

Trống điểm từng hồi báo hiệu cuộc thi bắt đầu. Từng đội được nêu tên ra tranh tài. Chặng thi đầu tiên đã đánh rớt rất nhiều đội. Họ không leo nổi tới đỉnh cột cây hay leo ì ạch quá lâu và trễ giờ qui định.

Cuối cùng chỉ có hai đội được tuyển chọn vào chung kết, trong đó có đội của An và anh là người chủ lực giữ đầu lân để tranh tài. Ngày cuối cùng là ngày quyết định thắng bại của hai dội và ban tổ chức sẽ chọn được người chiếm giải trong năm.

Từ tờ mờ sáng quan tổng đốc đã cho người chuẩn bị quảng trường. Những người được mời cũng tề tựu đông đủ. Trên sân rộng, hai cột cây tròn cao ngất đã được lau chùi cẩn thận. Dưới ánh sáng ban mai, tuy chưa có nắng, người ta cũng thấy được hai thân cột bóng ngời ngời. Trên hai đỉnh cột có một sợi dây thừng treo căng ngang. Giữa sợi dây có cột tiền thưởng trong tấm nhiễu đỏ. Từ mỗi thân cây, nếu leo lên tới đỉnh người ta có thể vươn tay lấy được tiền thưởng, nhưng điều đó không dễ dàng. Phía bên kia cũng có người quyết tâm giành lấy. Không ai chịu nhường đối thủ và hai bên sẽ đấu trí mạng để lấy phần thưởng về mình. Tất cả người đi xem đều biết số phận của kẻ bại trận như thế nào. Cái giá cuối cùng phải trả là cái chết, nhẹ hơn thì bị trọng thương. Người ta còn nhớ, không phải chỉ có một mà đã nhiều năm cả hai bên đều bại trận và bỏ mạng dưới chân cột. Tiền thưởng được phân chia cho gia đình hai bên để làm lễ an táng cho kẻ tranh tài và hậu sự cho cha mẹ hay vợ con.

Trên khán đài mọi người đã hiện diện đầy đủ. Quan tổng đốc và các chức sắc được mời ngồi ở hàng ghế danh dự. Tiểu thư Linh, hôm nay, trông càng đẹp và rực rỡ hơn mấy ngày trước. Trên bàn trải vải đỏ, trước mặt quan lớn và cô, có để một cái khay, bên trên để nhiều xấp lụa, vàng và một bó hoa dành cho người chiến thắng.

Trống điểm từng hồi rồi càng lúc càng thúc dồn dập. Tiếng trống bên ngoài và nhịp tim đập của mọi người như hòa làm một. Ai nấy đều nôn nao chờ cuộc so tài. Người ta ngó quanh quất cố tìm hai đấu thủ. Trong số đó có tiểu thư Linh. Cô nghiêng đầu qua lại cố tìm kẻ dự thi. Nếu có người để ý sẽ thấy cô rán tìm một người thôi. Trong lòng cô hồi hộp lắm. Cô muốn người đó phải thắng thật hiển hách, thắng thật vinh quang, và an toàn sinh mạng. Nhưng người ta chỉ thấy rừng người chen chúc mà không thấy đấu thủ ở đâu cả.

Trống ngừng điểm. Một người đàn ông lực lưỡng, ở trần trùng trục, đầu quấn khăn vàng. Hai tay hắn cầm hai thẻ bài bằng cây sơn đỏ, viết chữ vàng. Hắn đi chầm chậm ra trước khán đài, cúi đầu chào quan tổng đốc và quan khách rồi quay mặt về phía quảng trường. Hắn giơ hai thẻ bài lên cao, dõng dạc tuyên bố bắt đầu cuộc thi. Giọng hắn vang rền cả quảng trường. Hắn cho biết thể lệ cuộc đấu và giới thiệu tên họ và thành tích hai bên.

Mọi người nín thở lắng nghe nhưng mắt họ cứ dáo dác chờ xem hai đấu thủ.

Một hồi trống thứ hai thúc giục thật dồn dập. Từ hai bên khán dài, hai người mang đầu lân chầm chậm tiến ra. Một người choàng áo xanh và một người khoác áo vàng. Cả hai đều đội đầu lân nên không ai nhận được mặt. Hai đầu lân thật lớn, phía trên trán nổi từng cục u với lông tua sặc sỡ. Phía dưới chân mày dài phủ qua bên thái dương, hai mắt óc nhồi dang trợn trừng thật dữ tợn. Mặt lân được vẽ đầy màu sắc chói lọi, râu ria dài phất phới, lục lạc kêu leng keng theo mỗi bước chân của đấu thủ.

Người ta chỉ thấy hai đầu lân nhe nanh múa vuốt. Nhưng họ biết được đấu thủ nhờ hai lá cờ phất phới bay do hai ông địa cầm đi trước. Bên An giữ cờ vàng còn đối thủ kia giữ cờ xanh. Tay ông địa cầm cờ giơ thẳng lên cao còn tay kia phe phẩy cái quạt mo. Bụng ông phình to ra phía trước nên dáng đi thật rềnh rang. Hai ông đeo mặt nạ sơn đỏ, điểm sơn trắng, miệng cười toe toét.

Hai ông địa và đầu lân tiến ra trước khán đài, cúi mọp chào quan tổng đốc, tiểu thư, và quan khách. Trong khi đó trống vẫn giục liên hồi. Người đàn ông đứng trên khán đài hô một tiếng thật lớn báo hiệu cuộc thi chính thức bắt đầu rồi lui dần vào trong.

Trên khoảng sân rộng trên quảng trường và trước khán đài chỉ còn hai đầu lân và ông địa. Hai bên bắt đầu múa quay cuồng theo nhịp trống. Người xem đồng loạt vỗ tay rung động cả quảng trường.

Hai đầu lân múa theo điệu trống, khi cao khi thấp, lúc qua lúc lại. Có khi cúi mọp sát đất, có lúc rướn thẳng lên cao. Hai ông địa chạy vòng quanh hai đầu lân, lúc luồn ra trước, lúc trốn ra sau. Thỉnh thoảng hai ông bị đầu lân ngoạm một cái lại lăn ra đất. Người ta được dịp cười rần lên.

Tiếng trống thúc gần lại và kéo dài ra. Đột nhiên hai đầu lân đứng sựng lại, lắc lư từng chập làm những cái lục lạc kêu leng keng liên tục. Tức khắc hai ông địa cắm lá cờ xuống hai lỗ khoét trên sân. Cả hai run rẩy có vẻ sợ hãi rồi loạng choạng bước lui và té lăn xuống đất.

Hai đầu lân vừa lắc lư vừa trợn mắt nhìn nhau. Tiếng trống vẫn chậm và kéo lê trong khi hai ông địa lết từ từ vào bên trong.

Tiếng trống đột nhiên ngưng bặt và hai đầu lân đứng không nhúc nhích. Mọi người cũng nín thở theo và cả quảng trường, đông mấy trăm người cũng đột ngột im bặt.

Một vài phút trôi qua rồi tiếng trống lại vang lên dồn dập từng hồi. Hai đầu lân đồng loạt xuống tấn và hai đấu thủ lòn tay ra ngoài quấn đuôi lân ra sau và cột vòng thật chặt qua thắt lưng. Hai người, từ trước đến giờ, giữ phía sau đuôi lân cũng thối lui vào trong. Những động tác của hai bên diễn ra thật nhanh và đồng loạt, rồi tức khắc cả hai đầu lân chạy nhanh đến hai cây cột.

Hai đấu thủ vừa giữ chặt đầu lân vừa tréo hai chân quanh cột cây và từ từ leo lên. Cột cây trơn lắm nên cả hai tiến lên thật chậm. Hai đầu lân lại nặng nề nên mỗi người phải kềm nó thật chặt trong tay còn tay kia bám vào cột cây.

Hai bên leo từ từ lên gần nửa cột cây. Đột nhiên đầu lân xanh bám tay và đạp một chân vào cột, rướn thân người ra ngoài trông giống như con sâu bám vào thân cây và thân hình lắc lư trên không trung. Thình lình hắn bung chân kia ra đá vào bên hông đầu lân vàng. Mọi người trên quảng trường đồng loạt la lên và An bị đá trúng vào một bên sườn. Anh kêu "hự" một tiếng và bị tuột xuống gần tới chân cột.

Vài người trong đám đông và cả tiểu thư Linh đang ngồi trên khán đài cũng kêu lên hoảng hốt.

Ngoài đấu trường, đầu lân vàng gục đầu có vẻ bị đau lắm còn đầu lân xanh đã leo vượt lên cao. Ngay bước đầu sự chênh lệch hai bên đã rõ ràng và mọi người đều thấy phần thắng nghiêng về phía đầu lân xanh.

Cuộc thi tiếp diễn trong sự gắng sức hết mức của hai bên. An cố sức leo dần lên nhưng cơn đau bên sườn làm anh không thể tiến nhanh được. An phải cố gắng để tiếp tục cuộc đấu. Qua khoảng năm phút sự cố gắng của anh đã có kết quả và khoảng cách hai người thu ngắn lại dần. Đột nhiên đầu lân xanh dùng cách thức như trước rướn người ra khỏi cột và phóng chân đá về phía An. Mọi người kêu rú lên thất thanh và nghĩ rằng An sẽ bị trúng đòn và tuột xuống chân cột. Nhưng ngoài dự đoán của khán giả, An xoay người quanh cây cột để tránh đòn của đối phương, trong khi đó thân mình anh vẫn tiếp tục tiến lên phía trên.

Đầu lân xanh tiếp tục phóng chân đá. Nhưng An đã phòng bị nên lần nào anh cũng tránh khỏi. Chỉ qua bốn lần tấn công của đầu lân xanh cả quảng trường đã thấy rõ sự đổi ngược tình thế. An đã vượt lên trên đầu lân xanh hơn nửa thân người và đầu lân vàng của anh đã tiến sát tới đỉnh cột.

Những người ủng hộ anh có cả tiểu thư Linh đồng loạt vỗ tay hoan hô. Trong khi đầu lân xanh cố ngoi lên trên thì An đã móc một chân vào đỉnh cột còn chân kia chõi vào thân cột rồi cả thân người anh đưa ngang ra giữa không trung. Một tay anh giữ đầu lân còn tay kia với tới gói tiền thưởng bọc trong nhiễu đỏ.

Tay An sắp chạm tới gói tiền thì đầu lân xanh đã phóng chân từ dưới đá lên sau ót anh. Người ta đứng dưới quảng trường thấy cảnh nguy hiểm như vậy chỉ biết hoảng hốt kêu la. Nhưng An kịp thời cong lưng lại và gót chân của đối phương đá trợt qua tóc, chạm vào phía sau đầu lân của anh. Chiếc

đầu lân nặng nề của An lắc lư như sắp rớt. An vừa tránh được thế đầu thì bàn chân của đối thủ đã vòng trở lại và lần này nó nhằm ngay mặt An mà đá tới.

Khán giả bên dưới chỉ còn một cách là nín thở theo dõi. Không ai dám mở miệng kêu la nữa.

Trên cao An nghiêng người qua một bên tránh thoát được thế đá đồng thời cánh tay anh vươn ra chộp lấy gói tiền thưởng. Nhưng đầu lân xanh đâu để yên cho An, hắn vòng chân dá bồi qua một bên mặt của anh. An vội cong người lên trên và lòn ngay gói tiền vào miệng rồi cắn chặt lại. Bây giờ anh rảnh tay để chống lại đối thủ. Hai bên tiếp tục lừa thế tấn công nhau. Đầu lân xanh dùng một chân và một tay bám vào cột, tay kia giữ đầu lân và tấn công địch thủ bằng chân. Còn An bám vào cột bằng hai chân xoạc xa nhau, một móc, một chõi vào cột. Anh giữ đầu lân với một tay còn tay kia chống đỡ đối phương. Như thế hai bên, kẻ dùng chân người dùng tay chiến đấu với nhau. Mới thoạt nhìn ai cũng thấy đầu lân xanh giữ thế tấn công còn An chỉ chống đỡ. Nhưng nhìn kỹ lại và khéo nhận xét người ta sẽ thấy An giữ được sức trong thế thủ còn đầu lân xanh tuy công mà phí sức quá nhiều.

Hai người quần thảo một hồi thì đầu lân xanh đã mệt nhoài. Hắn thở hồng hộc và đầu lân lắc lư như sắp rớt. Thế đá của hắn chậm đi và yếu dần trong khi đòn tay của An vẫn nhanh nhẹn và mạnh mẽ.

Đấu qua lại với nhau thêm vài phút nữa An lừa lúc chân đối thủ vừa đưa ngang anh chụp lấy cổ chân hắn và vặn tréo thật mạnh đồng thời kéo hắn về phía mình. Anh càng cố sức kéo thì đối thủ càng rán ghị lại. Hai bên dằng co một hồi lâu. Đầu lân xanh yếu sức dần và bàn tay bám vào cột bị tuột từ từ ra.

Mọi người bên dưới quảng trường đều thấy rõ điều đó. Họ nín thở theo dõi chứ không la lối như lúc đầu. Rồi giây phút kết liễu đã đến. An nghiến răng kéo địch thủ về phía anh và đầu lân xanh chịu không nổi nữa. Bàn tay hắn vuột ra ngoài nhưng bàn chân còn móc được vào thân cột. Hắn không rớt xuống vì An còn kéo chân bên này của hắn.

Cả quảng trường đông hàng mấy trăm người nhưng im phăng phắc. Hàng trăm cặp mắt nhìn sững lên cảnh tượng nguy hiểm trên cao. Ai cũng thấy thật rõ ràng, chỉ cần An thả tay ra thì đối phương sẽ rơi ngay xuống đất.

An biết mình đã thắng rồi và tính mạng đối phương đang nằm trong tay anh. Nếu anh nắm hắn lâu thì chính sức nặng của hắn sẽ lôi anh rớt xuống đất. Lúc đó cả hai đều có thể mất mạng. Nhưng An không thả đối phương ra, anh muốn giữ hắn và bảo toàn tính mạng cho hắn. An muốn điều gì? Tất cả mọi người đều nghĩ rằng anh vì lòng nhân đạo, muốn cứu tính mạng của đối thủ.

An biết trên khán đài, quan tổng đốc và tiểu thư Linh đang chăm chú nhìn. Do đó anh càng phải cố gắng cứu địch thủ của mình. Chuyện anh mong muốn đâu chỉ ở mức thắng giải trong kỳ tranh đua này.

An đang suy nghĩ thì địch thủ cố lột đầu lân ra và ném về phía anh. Mọi người chung quanh cảm thấy bất bình và la ó vang động cả quảng trường. Tình thế thật nguy hiểm, An còn cố giữ chân đối thủ thì cả hai có thể đều bị rơi xuống đất. Trong một khoảnh khắc An biết những gì anh làm đã đủ rồi. An vội buông chân đối thủ ra và uốn người bám vào cột.

Đầu lân xanh không chạm vật gì, rớt ngay xuống quảng trường, lăn lông lốc tới hàng rào ngăn khán giả. Lục lạc, lông tua văng tung tóe trên nền đất. Cùng lúc đó thân người kẻ giữ đầu lân cũng rơi thẳng xuống. Tiếng kêu đau đớn của hắn bị chìm mất trong sự la hét kinh hãi của mọi người.

Một số người chạy ra lo việc cấp cứu. Nhưng vết thương của nạn nhân quá nặng nên họ phải khiêng hắn đi ngay.

An thong thả tuột dần xuống. Mọi người mau chóng quên kẻ bại trận và hò la hoan hô người chiến thắng. An đứng sững giữa quảng trường. Anh giơ cao đầu lân lên để dân chúng trông thấy mặt kẻ thắng trận. Dưới chân An, máu đỏ của địch thủ chảy lan ra một khoảng đất. Màu máu đỏ sậm nổi bật trên nền đất xám. Dưới ánh nắng trưa, màu đỏ ánh ngời lên như tô điểm thêm cho công trận của An.

Người ta hò reo không dứt và quan tổng đốc cùng quan khách cũng đứng lên vỗ tay nhiệt liệt.

An quay mặt lại phía khán đài. Anh đứng thẳng người, giữ đầu lân trên cao, mắt nhìn thẳng về phía trước.

Người điều khiển buổi tranh tài đi ra trước khán đài dõng dạc tuyên bố tên người thắng và bưng một cái khay bạc đưa ngang ngực. Trên khay có nhiều xấp lụa và nhiều nén vàng. Quan tổng đốc đi xuống lấy một cái huy chương vàng đeo vào cổ An và trao cả cái khay cho An.

An cúi người kính cẩn chào. Anh lại có dịp chứng tỏ sức lực của kẻ thắng giải bằng cách lòn một tay nắm đầu lân giơ ra ngoài và tay kia đón lấy cái khay.

Quan tổng đốc thân mật vỗ vai An tán thưởng thành tích. Ông nhìn An có vẻ ngạc nhiên. Ông không ngờ người thắng giải còn quá trẻ và khôi ngô như vậy. An hãnh diện đón nhận sự tưởng thưởng đồng thời anh liếc mắt nhìn ra sau lưng quan. Anh thấy tiểu thư Linh đang sung sướng nhìn anh. Ánh mắt cô long lanh thán phục lại vừa chứa chan cảm tình.

An không dám nhìn tiểu thư Linh lâu, anh sợ quan tổng đốc biết được nỗi lòng anh.

Trong khi đó dân chúng vỗ tay vang động cả quảng trường. An giơ đầu lân và khay bạc lên cao. Lòng anh ngập tràn xúc động và hân hoan. Anh tin tưởng vào khả năng của mình và những bước thắng lợi sắp tới. □

(Còn một kỳ)

NGUYỄN THANH HÙNG

đạp xe về nhà . . .

Xe điện chạy trên đầu – sắt thép nép vào nhau
Tiếng động dài – mê mải – đuổi theo hàng xe chạy
Đến rồi đi – theo nhau – qua phố
Hàng quán đèn đường như mắt mở em đi
Mỗi ngày – bước vào bước ra – vội vã
Có nhìn thấy nhau không
Cầu thang sắt đưa mình lên cao – rồi xuống
Đi ngang nhau – xe điện qua cầu
Giờ mới nghe
Lời chim hót – như chuông – gọi về

Tiếng động – đưa mình đi xa
Rơi vào bao la – như kim vào biển
Tìm nhau – sao chẳng thấy
Chiều nào – giờ nào – mẹ cũng vẫy gọi
Có nhớ không
Hay em cứ đi – để tôi gọi – tiếng gọi dài

Theo vòng bánh xe – hơi thở tròn – vào ra
Luân chuyển – đưa tôi về nhà

THƯỜNG QUÁN

tưởng niệm quách tấn

Cuối đồng bãi, truông hói, xóm làng quang vắng khi tôi quay về
không còn người đó nữa
Cổng ngõ liếp phên thưa chỗ đứng của một nụ cười
Một khối mây trắng đục, một tảng nắng đầu cửa
Vẫn ngọn gió tai quái cuối mùa chực thổi tắt đi.

Buổi chiều không âm thanh buổi chiều tuyệt không âm thanh
Vạn bóng giấy rời lại bay lên từ tán trong lửa lạnh
Cồn cát dưới chân núi tro lấy bấy
Rực lên lần cuối cùng chiều một vốc nước lòng tay.

Một vốc nước cho trăng rửa mặt
Lở đêm quên đồng bãi, truông hói, và những cụm rừng than
Ngọn gió đã đốn phạt tới tận gốc, những lớp bụi phủ.

Những chiếc cáng khiêng ra, những cuốn sách cũ
Những buổi chiều xếp dọc một buổi chiều
Lửa cháy trên núi xa Mai mở mắt trong cũi.

MAI KIM NGỌC

chị em

truyện dài

CHƯƠNG NĂM

HÀNH LÝ CŨ

12.

Có tiếng lao xao ngoài cửa. Cánh cửa mở tung và một người thanh niên xăm xăm bước vào. Hoàng vội vàng vuốt lại vạt áo trước phẳng phiu và ngồi lại chỉnh tề. Người thanh nhiên sừng sững bước tới bên bàn ăn. Hoàng và Tâm nhìn Lương. Không giấu nổi khó chịu, anh giới thiệu:

"Đây là Thoại, con trai đầu của anh."

Và quay lại hai chị em, anh nói:

"Đây là cô Hoàng và cô Tâm, bạn Ba. Con chào hai cô đi."

Hoàng thoáng nghĩ hai bố con không có nét gì giống nhau. Thoại gật đầu chào hai người lấy lệ rồi quay sang Lương:

"Xin lỗi, con không biết Bố có khách. Nhưng con không ở lâu. Nguyên là chú Hùng địa ốc nghĩ là có mối bán nhà . . . Bu sai con đến nhắc Bố là liên lạc ngay với chú ấy . . ."

"Mẹ con đã gọi điện thoại cho Ba về chuyện ấy."

"Vậy cũng tốt. Chắc Bu sợ bố quên."

Hoàng bảo:

"Cháu ngồi xuống ăn miếng bánh ngọt nhé."

Thoại đáp gọn lỏn:

"Cảm ơn cô, nhưng cô khỏi phải mời. Tôi là người nhà mà."

Rồi nhìn bàn ăn, Thoại nói tiếp:

"Bố đãi khách sang nhỉ. Chỗ đồ ăn thừa này, Bu và các em con ăn được mấy bữa."

Anh mắng con:

"Thoại à, đừng giở trò nữa con. Con không còn chọc giận được Ba nữa đâu, Ba chịu thua rồi. Nhưng tối thiểu con cũng nên cư xử ra người trước mặt khách."

Làm như không để ý đến lời Lương, nó thản nhiên hỏi tới:

"Bao giờ Bố nói chuyện với chú Hùng?"

"Sớm mai chú ấy sẽ đem giấy tờ đến."

"Vậy gặp chú Hùng xong, Bố gọi điện thoại cho con hay. Bu con nóng lòng bán cái nhà này đi lắm."

Nói xong nó quay gót ra về. Nhưng tới cửa, nó đứng khựng như vừa nghĩ ra chuện gì. Rồi nó quay trở lại. Soi mói nhìn Hoàng và Tâm, nó nói với Lương:

"À còn một chuyện nữa con quên. Bu con dặn Bố là có bán được nhà thì chia cho vợ con chứ đừng đem đi bao gái . . ."

Anh túm lấy ngực con day mạnh:

"Mày không được hỗn . . ."

Thoại giằng ra khỏi tay bố. Mất đà, anh chúi xuống bàn ăn, trà và bánh đổ chan hòa ra bàn. Đôi mắt lạnh như thép, nó nhìn anh nằm soài trên bàn rồi thản nhiên quay gót bỏ đi.

"Thoại!" Anh gọi giật con lại nhưng nó đã ra tới cửa. Anh cầm bình trà ném theo. Anh ném hụt và bình trà đập vào khung cửa vỡ tan.

*

Thoại đi rồi, ba người sững sờ, với bát đĩa ngổn ngang trên bàn và mảnh bình trà vỡ vương vãi dưới đất. Một phút dài trôi qua. Sau cùng anh quay sang Hoàng:

"Thằng con vô phúc của anh. Tất cả cái hỗn láo ấy là mẹ nó dậy."

Hoàng nhìn anh ái ngại. Anh quay đi tránh mắt cô. Tâm đổi đề tài:

"Anh sắp bán nhà?"

"Bà ấy giục bán để chia tiền. Cái nhà này là tài sản chung cuối cùng. Anh cũng muốn bán cho chóng xong đi."

"Bán nhà rồi anh ở đâu?" Tâm buột miệng hỏi.

"Anh cũng chưa biết, đến đấy rồi sẽ hay."

Họ lại ngồi yên lặng một phút nữa. Sau cùng Tâm nói:

"Thôi chúng em về nhé. Nhưng để em thu dọn cho anh cái đã . . ."

Nó đứng dậy xuống bếp lấy chổi quét những mảnh sứ vỡ trên thảm trong khi Hoàng thu dọn bàn ăn. Lương làm bộ thản nhiên:

"Các cô cứ để đấy, lát nữa anh lo."

"Anh ngồi nghỉ đi, tụi em làm một chút là xong."

Lát sau, gian phòng lại ngăn nắp như cũ. Hoàng tay cầm ví, khẽ bảo Lương:

"Bữa khác chúng em sẽ trở lại thăm anh."

Anh nhìn cô cầu khẩn, ánh mắt anh trong một giây như nhắc cô dự định của cô lúc nãy khi cô sai Tâm về lấy cho cô bộ đồ ngủ và túi đồ trang điểm để cô ở lại đêm với anh. Nhưng rồi anh cúi đầu, khẽ nói như người cam phận:

"Hai em về nhé. Anh xin lỗi hai em mọi chuyện . . ."

Theo Tâm ra xe, cô chua xót nghĩ về cuộc tái ngộ bấy lâu cô vẫn mơ hồ mong đợi. Sao mà cái gì liên hệ đến Lương cũng đen tối quá.

13.

Ở nhà Lương ra, Tâm dẫn cô vào rạp xi-nê, xem phim Pháp La Gloire de Mon Père. Tâm chọn đúng, cái khôi hài nhẹ nhàng và trong sáng của Marcel Pagnol đem lại chút tươi mát cho tâm thần căng thẳng của cô. Cha con vợ chồng bè bạn trong phim cư xử với nhau dễ thương quá. Cái eo sèo thực tế hằng ngày vẫn có đó, nhưng mà nó không tổn thương được cái đẹp của đời sống con người . . .

Nhưng ra khỏi xi-nê, cô lại nghĩ đến khuôn mặt thằng Thoại. Đây là đứa con hoang của người ở gái tên Huệ, đứa con vì nó mà nhân duyên của cô với Lương không thành. Vì nó mà Lương đã hy sinh hạnh phúc của anh, của cô, để sống một cuộc đời không tình yêu với người đàn bà anh khinh ghét. Sự hy sinh của anh uổng phí quá.

Cô rán phân tích gương mặt của người thanh niên chai sạn để thấy nó không giống Lương. Nhưng rồi cô đổi ý. Không, nó chính là con của Lương. Vừng trán gồ ấy, cái quai hàm bạnh ấy . . . Nó chỉ thiếu cái ánh sáng thông minh trong đôi mắt và cái nhân hậu trong nụ cười. Cả con mắt lẫn nụ cười của nó đều đểu giả và nhẫn tâm. Nhưng rồi cô nhớ lại nét mặt của anh khi ném bình trà vào con, và cô buồn bã ghi nhận là nó rất giống Lương khi anh nóng giận.

Thấy cô tư lự, Tâm bắt chuyện nhiều lần, nhưng cô chỉ ậm ự cho qua. Lúc xe về gần đến nhà, Tâm lại gắng kể chuyện khôi hài. Cô không cười, chỉ vỗ nhẹ tay em đang đặt trên cần số:

"Em yên tâm, chị không sao đâu . . ."

*

Tối đến, cơm nước xong, nó rủ cô ra xa-lông uống trà. Hai chị em nói những chuyện chung chung, nhưng Tâm sẽ vào đề, và câu chuyện sẽ không còn vô thưởng vô phạt nữa. Sau cùng, Tâm nói:

"Chị ạ, em lầm . . ."

"Cô lầm gì?"

Ngần ngại, nó nói:

"Em lầm khi đưa chị lại thăm anh Lương . . . Em quý anh ấy lắm, và em thương chị vô cùng . . . Em không bao giờ quên được hồi xưa khi anh chị yêu nhau . . . Nhưng mà có những chuyện mất rồi thì không thể cứu vớt lại được."

Nó khẽ hôn lên tóc cô như an ủi. Cô chậm rãi nói:

"Đừng thương hại chị. Nhưng em nói đúng. Chuyện chị với anh Lương kể như thật hết rồi."

Nó ngạc nhiên với sự đồng ý dễ dàng của cô. Lát sau nó hỏi:

"Còn anh Lương thì sao?"

"Chị vẫn thương anh ấy nhiều lắm . . . Nhưng mà hoàn cảnh này thì thương cũng không đủ . . . Mà có thương đi nữa cũng không làm gì hơn cho anh ấy được."

Tâm nói:

"Chị nói đúng. Em nghĩ dù đã ly dị, anh Lương vẫn thuộc vào thế giới của gia đình cũ . . . Trong thế giới ấy, vợ chồng tàn tệ với nhau, bố con nhẫn tâm với nhau . . . Với gia đình cũ của anh ấy, vấn đề chính bây giờ là làm sao chia tiền bán căn nhà cuối cùng của hai người."

Tâm lại nói:

"Xem chừng thằng Thoại vẫn lui tới để gây gổ với bố nó. Em không ngạc nhiên nếu vợ cũ anh ấy vẫn thường xuyên tới mè nheo . . . Quãng đời cũ của anh ấy sao mà nhiều hành lý cồng kềnh thế. Không, không được đâu, không có chỗ cho chị trong cái cảnh lam lũ ấy . . ."

Cô vừa nói vừa nhìn trần nhà:

"Tâm . . ."

"Chị nói đi."

"Chị muốn ở chơi với em vài tuần, gặp các cháu và chồng em, cho chị em dì cháu biết nhau trước khi chị về miền đông với ba mẹ . . . Nhưng chị ở đây mà không gặp Lương nữa thì tận tình quá. Chị đi ngay thì hơn. Nếu em không giận chị, cho chị ngày mai qua bên ấy với ba mẹ . . ."

Tâm nói:

"Không, em không buồn đâu. Em hiểu, chị à. Khoảng cuối hè, em sẽ mang các cháu qua bên ấy chơi thăm chị và ba mẹ . . . Chỉ không biết Hoài có chịu đi không. Anh ấy cũng có vấn đề của anh ấy . . ."

Rồi Tâm xuống giọng như nói một mình:

"Mỗi người khổ mỗi cách."

Cô thoáng nghe thấy lời em than thở về chồng con, nhưng cô còn quá bận tâm với cảnh huống éo le của chính mình. Cô dặn Tâm:

"Chị đi rồi, em thỉnh thoảng hỏi thăm anh ấy giùm chị . . . Có chuyện gì giúp được anh ấy thì làm giùm chị nghe em."

"Chị yên tâm, em hứa . . ."

Rồi Tâm xuống giọng như nói một mình:

"Dù sao chị cũng hạnh phúc. Ít người được yêu như chị . . ."

Cô không trả lời, nghĩ Tâm nói cho có nói, như một lời an ủi. Lát sau quay sang em, cô sửng sốt thấy mắt nó đỏ hoe. □

(Còn tiếp)

ghi nhận đó đây

Nhà văn Thảo Trường đến Hoa Kỳ

Sau mười bảy năm cải tạo, nhà văn Thảo Trường đã được trả tự do và vừa đến Hoa Kỳ đoàn tụ gia đình trong chương trình H.O. vào trung tuần tháng 2 vừa qua. Gia đình Thảo Trường di tản qua Hoa Kỳ từ 1975, và từ đó đến nay vẫn định cư tại Huntington Beach, một thành phố vùng Nam tiểu bang California. Vừa đặt chân đến Hoa Kỳ hôm trước, hôm sau 13-2-1993 gia đình Thảo Trường đã tổ chức một cuộc họp mặt để nhà văn có dịp gặp lại tất cả thân nhân, bạn tù cải tạo và các bạn văn nghệ xa gần. Tuy trải qua mười bảy năm tù đày, có lúc bệnh nặng tưởng đã bỏ xác trong trại cải tạo miền Bắc, nhưng lúc đoàn tụ gia đình, nhà văn Thảo Trường vẫn mạnh khỏe, tráng kiện. Ông vui vẻ pha trò rằng muốn chết không phải dễ, bằng chứng là tù đày gian khổ đằng đẵng như thế, bệnh tật như thế, cuối cùng ông vẫn tới được đây, hôm nay.

Nhà văn Thảo Trường cũng cho biết trước khi rời Việt Nam, ông có đi thăm các bạn văn còn ở lại, như Doãn Quốc Sỹ, Phan Nhật Nam. Doãn Quốc Sỹ có làm đơn xin di định cư tại Hoa Kỳ, vì có một người con trai hiện đang sống tại tiểu bang Texas. Nhưng phái đoàn thuộc sở di trú Hoa Kỳ vừa cho Doãn Quốc Sỹ biết là ông không thuộc diện cựu nhân viên và sĩ quan VNCH bị tù cải tạo được rời Việt Nam trong chương trình H.O., theo thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và chính quyền Hà Nội. Nếu đó là lý do chính nhà văn Doãn

Quốc Sỹ không được phái đoàn Hoa Kỳ phỏng vấn, thì thật là một trở trêu kỳ dị. Tuy không bị đưa đi cải tạo như một viên chức hay sĩ quan chế độ cũ, nhưng Doãn Quốc Sỹ bị bắt và đi tù cải tạo năm năm vì các tác phẩm chống cộng của ông. Được sống với gia đình chưa bao lâu, ngày 22-3-1984 ông lại bị bắt lần thứ hai, ngồi tù bốn năm mới được ra tòa để lãnh cái án chín năm. Bấy nhiêu chưa đủ để vào thành phần H.O. hay sao?

Phần Phan Nhật Nam, nhà văn Thảo Trường cho biết Phan Nhật Nam cũng bị rắc rối trong việc ra đi.

Nhà văn Lương Giang Phạm Trọng Nhân qua đời

Cuối năm 1992 nhà thơ Quách Tấn qua đời tại Nha Trang, đầu năm 1993 một nhà văn nhà thơ lão thành khác, cụ Lương Giang Phạm Trọng Nhân cũng qua đời tại Paris. Sau một thời gian dài đau yếu, nhiều lần phải vào bệnh viện giải phẫu, nhà văn Lương Giang đã từ trần hôm 17-1-1993.

Là một viên chức cao cấp thuộc ngành ngoại giao, phục vụ dưới nhiều chính thể miền Nam, đi nhiều biết rộng, Lương Giang Phạm Trọng Nhân đã đem vào bài viết của ông những kinh nghiệm sâu sắc về chính trị, nhân sinh, với một văn phong trộn lẫn sự thâm trầm và óc hài hước. Nghề nghiệp đa đoan phức tạp, luôn luôn bận rộn vì công vụ, nhưng hễ có chút thì giờ là Phạm Trọng Nhân viết văn, viết báo, làm thơ, dịch thuật, trước 1975 bài viết của ông thường đăng trên tạp chí *Bách Khoa*.

Sau 1975, ông phải đi tù cải tạo nhiều năm, được phóng thích rồi mới được đi Pháp đoàn tụ gia đình. Ở Pháp, ông sinh hoạt thường xuyên với Hội Văn bút, và cùng với nhà thơ Thanh Thủy phụ trách Trang Văn học Nghệ thuật Cảo Thơm của báo *Ngày Nay* (xuất bản tại thành phố Houston, Texas, Hoa Kỳ).

Một Chút Hạnh Phúc Nhỏ, tác phẩm đầu tay của Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thị Ngọc Lan không phải là một cây bút xa lạ của bạn đọc *Văn Học*. Thời gian từ 1986 đến 1988, truyện ngắn của cô thường xuyên xuất hiện trên *Văn Học* và một số tạp chí văn chương khác như *Văn, Làng Văn, Tân Văn*. Truyện Nguyễn Thị Ngọc Lan cũng được tuyển chọn trong tuyển tập truyện ngắn 18 nhà văn nữ hải ngoại *Trăng Đất Khách*, và được phát thanh trong chương trình Vietnamese Short Stories của đài BBC Luân Đôn.

Bẵng đi một thời gian bận việc gia đình, Nguyễn Thị Ngọc Lan vắng bóng trong sinh hoạt văn chương. Mãi đến nay, cô mới xuất hiện trở lại, với tập truyện ngắn đầu tay *Một Chút Hạnh Phúc Nhỏ*. Tập truyện in đẹp với hình bìa của hoạ sĩ Hồ Thành Đức, gồm mười bốn truyện ngắn, trong đó bốn truyện *Một chút hạnh phúc nhỏ, Ngày xót xa đưa, Bước chân chim, Được mùa yêu* đã đăng trên *Văn Học*.

Văn Học trân trọng giới thiệu *Một Chút Hạnh Phúc Nhỏ* cùng quí bạn đọc. Sách đã bày bán ở các hiệu sách, địa chỉ liên lạc cho bạn đọc ở xa: Nguyễn Hương Thy, 14871 Jackson #2, Midway City, CA 92655.

Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên

Cũng vào dịp đầu năm mới, nhà xuất bản Xuân Thu cho phát hành *Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Uyên* gồm mười một truyện ngắn tác giả tự chọn trong văn nghiệp của mình. Các truyện ngắn trong tuyển tập hầu hết đều rất quen thuộc với người đọc ở lứa tuổi đã trưởng thành tại Việt Nam trước 1975, nhưng với lớp độc giả trẻ, chắc chắn nhiều truyện đặc sắc của Thế Uyên vẫn còn xa lạ, và có thể đây là lần đầu họ đọc các truyện này. Các truyện tác giả chọn là: *Mưa trong sương, Từ vùng đồi cỏ, Vùng đất lá, Nỗi chết không rời, Giới hạn, Bản tình ca thứ hai, Bắt đầu, Sơ khai, Bản tình ca thứ ba, Trong ngoài dây kẽm gai, Căn nhà của mẹ.*

Việc Thế Uyên tự chọn và xuất bản tuyển truyện nhắc nhở cho chúng ta một điều: là cho đến nay, các nhà xuất bản quên mất là bạn đọc lớp trẻ ở hải ngoại (và có thể cả ở trong nước) không có điều kiện tìm hiểu thấu đáo hai mươi năm văn học miền Nam. Sách nghiên cứu về giai đoạn văn học này, tới nay, chỉ mới có công trình của nhà văn Võ Phiến. Sách trong nước một phần không nhỏ đã bị thiêu hủy trong các chiến dịch gọi là "truy quét tàn dư văn hóa Mỹ ngụy". Ngay các tác giả, nhiều người không giữ được toàn bộ tác phẩm của mình. Cho nên nếu có nhà xuất bản nào chịu in một loạt tuyển truyện tiêu biểu cho từng tác giả như *Tuyển Tập Truyện Ngắn Thế Uyên*, thì đó là một đóng góp vô cùng quí giá cho công trình bảo vệ văn hóa. *Văn Học* nêu vấn đề này lên, hy vọng sẽ có những tiếng vọng đáp ứng.

Văn Học lắm chuyện

Hy vọng đặt vấn đề xuất bản các tuyển truyện lần này, *Văn Học* không bị chê là "lắm chuyện".

Phải rồi, trước đây, những vấn đề *Văn Học* nêu ra thường gây các cuộc tranh luận sôi nổi.

Chẳng hạn khi trong nước xuất hiện hàng loạt các tác phẩm gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, ký, phóng sự, thơ, kịch, phim ảnh có nội dung không giống với những sản phẩm phải đạo trước đó, *Văn Học* nêu lên câu hỏi: Có hay không một nền văn chương phản kháng ở trong nước? Câu hỏi tạo ra một cuộc tranh luận hào hứng, quá hào hứng là khác. Rồi trước tình trạng trì trệ trong sinh hoạt văn chương, *Văn Học* đề nghị xét lại xem có phải một trong những nguyên nhân của tình trạng trì trệ này là tâm trạng tự cô lập trong những *ghetto* phe nhóm hay không? Lại tranh luận dài dài.

Cuối năm 1992 vừa qua, chưng nào tật nấy, *Văn Học* lại nêu vấn đề. Nhà văn Mai Kim Ngọc, một hôm đẹp trời muốn thoát ra ngoài cái *ghetto* hải ngoại, quyết định tìm hiểu cho đến ngọn ngành sinh hoạt văn chương quốc nội. Ông thích thú tìm được nhiều tác phẩm hay, nhiều gương can đảm, nhưng đồng thời cũng thấy có nhiều cái dở, cái bất thường. Thấy thiên hạ đua nhau suy tôn văn chương quốc nội, ông nổi hứng tinh nghịch thử chê

một truyện dở xem sao. Ông cứ nghĩ công việc ấy an toàn. Chê một truyện hay thì khó, còn chê một truyện dở, dù truyện được giải thưởng này nọ, dễ ẹt. Có trong tay tập truyện ngắn *Ánh Trăng*, ông đọc hết, rồi cặm cụi phân tích phê phán truyện ngắn *Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long, người được giải nhất cuộc thi truyện ngắn của báo *Văn Nghệ*.

Đây là lần đầu tiên có bài phê bình bất lợi cho một tác phẩm trong nước. *Văn Học* số 79 vừa phát hành, liền nổi lên những lời phẫn nộ, làm nhà văn Mai Kim Ngọc ngơ ngác. Cái gì vậy? Làm như Mai Kim Ngọc dám động tới những bậc vĩ nhân từng làm cho dân tộc hãnh diện như Nguyễn Huệ. Nhưng khi Nguyễn Huệ bị đem ra bêu riếu, có ai phẫn nộ đâu! Kết luận tạm thời: Có lẽ chúng ta đang sống trong một tình trạng "lên đồng". Mong rằng cái kết ẩu tả đó không tạo một cuộc cãi cọ nữa!

Đầu năm Con Gà, làng báo Nam California đột nhiên lại nổi sóng vì một bài đăng trên *Văn Học* tận hồi tháng 8 năm 1992. Lại *Văn Học*! Trên *Văn Học* số 76, Nguyễn Mộng Giác có viết một bài nhan đề là "*Bệnh hoang tưởng*" phân tích tâm lý những người cầm bút bị ảo tưởng về sức mạnh chữ nghĩa mình viết ra. Có lẽ *Văn Học* chỉ được những người mê văn chương tìm đọc, nên bài báo không gặp phản ứng gì. Đặc san Tết Quý Dậu của Hội Y sĩ Nam California đem đăng lại bài đó, thế là sóng gió nổi! Mới biết chữ nghĩa nhà văn trên tạp chí văn chương không có giá bằng cũng số chữ nghĩa ấy nhưng đăng trong đặc san y sĩ. Hỏi ông chủ bút tạp chí *Văn Học* về hiện tượng này, ông chỉ cười, bảo, "Tốt thôi! Càng tốt hơn nữa nếu có vài bản 'xét rằng' phổ biến rộng rãi, vì theo kinh nghiệm, không có cách nào quảng cáo hữu hiệu hơn. Tự mình quảng cáo cũng kỳ, cả làng báo Nam Cali quảng cáo giúp không lấy tiền, quá tốt!"

Văn Học xin long trọng minh xác: Những lời phát biểu trên đây là ý kiến của cá nhân nhà văn Nguyễn Mộng Giác, không phải là quan điểm của tạp chí *Văn Học*. Nhưng nếu có sự lầm lẫn ngộ nhận nào khiến những người chưa hề biết tạp chí *Văn Học* vội vã tìm mua tìm đọc *Văn Học*, thì chúng tôi vẫn hết sức sung sướng. Lời thật thà này không hề có ngụ ý.

Trở lại chuyện nhà

Ghi nhận cuối cùng: *Văn Học* gặp nhiều xui xẻo ngay từ đầu năm Con Gà.

Văn Học Tân Niên số 82 ra ngày 1-2-1993 nhưng báo in chưa xong thì nhà in bị lụt, máy móc hư hỏng, báo ra trễ tới nửa tháng. Lấy báo về vào dịp cuối tuần, máy đóng tem in ngày 19-2-93, khuân ra bưu điện nhằm lúc bưu điện đóng cửa sớm, chờ đầu tuần mang trở lại lại bị từ chối vì ngày in trên nhãn tem không còn thích hợp. Không biết nói năng sao với quí bạn đọc và văn hữu lâu nay ân cần lo lắng cho tờ báo, *Văn Học* chỉ còn biết gửi theo đây một lời xin lỗi. □

hộp thư văn học

Anh Giang Kim Trường (Los Angeles, California): Mừng anh có việc trở lại và Văn Học không mất đi một độc giả đầy nhiệt tình như anh. Chúng tôi vẫn nhớ lời đề nghị của anh về các số báo Văn Học cũ, và một ngày đẹp trời nào đó, biết đâu sẽ thực hiện được. Thân.

Anh Nguyễn Tiến (San Jose, California): Đĩa nhạc nghe "đã" lắm. Còn sinh hoạt kịch nghệ thì sao? Nghe LTH nhắc nhiều về những ngày xưa cũ ở Đà Lạt của anh. Sinh hoạt kịch ở ngoài này èo uột quá, phải chi anh và các bạn ở hải ngoại dựng lại được cái sinh khí kịch như ngày xưa cho chúng tôi thưởng thức thì hay biết mấy. Thân.

Chị Lê Tường Thụy (Canada): Cảm ơn nhã ý của chị. Có thêm một cây bút dịch thuật và biên khảo như chị nữa thì Văn Học chắc chắn phải thêm phần khởi sắc. Dịch thuật đã có. Truyện của Collier sẽ đăng kỳ sau. Đang chờ bài biên khảo đây. Thân.

Chị Quỳnh Giao (Tustin, California): Chị và Văn Học bây giờ trở thành hàng xóm láng giềng rồi đấy. Bà con xa không bằng láng giềng gần. An cư xong rồi đừng quên cho vài bài "thơm lừng" như bài trên số Xuân vừa rồi. Thân.

ĐÍNH CHÍNH

Văn Học số Xuân Quý Dậu 80-81, trong bài *Đi tìm một lối thoát* của Trương Vũ, tòa soạn đã đánh sót một câu trong đoạn sau đây (trang 12):

". . . Giả sử vào năm 76, tôi chạy xuống thuyền không kịp, tôi phải ở lại trên quê hương. Tôi rụt rè đến chào họ . . ."

Xin đọc là:

". . . Giả sử vào năm 76, tôi chạy xuống thuyền không kịp, tôi phải ở lại trên quê hương. Rồi bây giờ, hoặc năm, mười năm sau, một số bạn bè về thăm lại quê nhà. Tôi rụt rè đến chào họ . . ."

Tòa soạn thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả Trương Vũ.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Đĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: **(714) 893-1915**

Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.
Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.
Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.
Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.
Bệnh cao áp huyết (cao máu).
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.
Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐìNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

ANTIÊM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA
Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH — $6.00
  Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ — $6.00
  Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC — $6.00
  Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG — $15.00
  Hermann Hesse
  Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI — $6.00
  Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ — Tập 1:$18.00
  Trường thiên tiểu thuyết (4tập) — Tập 2:$20.00
  Nguyễn Mộng Giác — Tập 3:$20.00
  Tập 4:$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM — $15.00
  Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE — $8.00
  *Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
  Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG — $8.00
  Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI — $11.00
  Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỞ BÊN BỒI — $10.00
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
  Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự Truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chăng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn đô trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chăng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

Giá $3.50 MK